

Tỉnh: Vĩnh Long

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HẰNG NĂM

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất năm 2026				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Phường Long Châu	830	664	531	424	339
2	Phường Phước Hậu	830	664	531	424	339
3	Phường Tân Hạnh	830	664	531	424	339
4	Phường Thanh Đức	830	664	531	424	339
5	Phường Tân Ngãi	830	664	531	424	339
6	Phường Bình Minh	830	664	531	424	339
7	Phường Cái Vồn	830	664	531	424	339
8	Phường Đông Thành	830	664	531	424	339
9	Phường An Hội	830	664	531	424	339
10	Phường Phú Khương	830	664	531	424	339
11	Phường Bến Tre	830	664	531	424	339
12	Phường Sơn Đông	830	664	531	424	339
13	Phường Phú Tân	830	664	531	424	339
14	Xã Cái Nhum	690	552	441	352	281
15	Xã Tân Long Hội	570	456	364	291	232
16	Xã Nhơn Phú	570	456	364	291	232
17	Xã Bình Phước	570	456	364	291	232
18	Xã An Bình	570	456	364	291	232
19	Xã Long Hồ	690	552	441	352	281
20	Xã Phú Quới	570	456	364	291	232
21	Xã Quới Thiện	570	456	364	291	232
22	Xã Trung Thành	690	552	441	352	281
23	Xã Trung Ngãi	570	456	364	291	232
24	Xã Quới An	570	456	364	291	232
25	Xã Trung Hiệp	570	456	364	291	232
26	Xã Hiếu Phụng	570	456	364	291	232
27	Xã Hiếu Thành	570	456	364	291	232
28	Xã Lục Sĩ Thành	570	456	364	291	232
29	Xã Trà Ôn	690	552	441	352	281
30	Xã Trà Côn	570	456	364	291	232
31	Xã Vĩnh Xuân	570	456	364	291	232

32	Xã Hòa Bình	570	456	364	291	232
33	Xã Hòa Hiệp	570	456	364	291	232
34	Xã Tam Bình	690	552	441	352	281
35	Xã Ngãi Tứ	570	456	364	291	232
36	Xã Song Phú	570	456	364	291	232
37	Xã Cái Ngang	570	456	364	291	232
38	Xã Tân Quới	690	552	441	352	281
39	Xã Tân Lược	570	456	364	291	232
40	Xã Mỹ Thuận	570	456	364	291	232
41	Xã Phú Túc	690	552	441	352	281
42	Xã Giao Long	570	456	364	291	232
43	Xã Tiên Thủy	690	552	441	352	281
44	Xã Tân Phú	570	456	364	291	232
45	Xã Phú Phụng	570	456	364	291	232
46	Xã Chợ Lách	690	552	441	352	281
47	Xã Vĩnh Thành	570	456	364	291	232
48	Xã Hưng Khánh Trung	570	456	364	291	232
49	Xã Phước Mỹ Trung	690	552	441	352	281
50	Xã Tân Thành Bình	570	456	364	291	232
51	Xã Nhuận Phú Tân	570	456	364	291	232
52	Xã Đồng Khởi	570	456	364	291	232
53	Xã Mỏ Cày	690	552	441	352	281
54	Xã Thành Thới	570	456	364	291	232
55	Xã An Định	570	456	364	291	232
56	Xã Hương Mỹ	570	456	364	291	232
57	Xã Đại Điền	570	456	364	291	232
58	Xã Quới Điền	570	456	364	291	232
59	Xã Thạnh Phú	690	552	441	352	281
60	Xã An Qui	570	456	364	291	232
61	Xã Thạnh Hải	570	456	364	291	232
62	Xã Thạnh Phong	570	456	364	291	232
63	Xã Tân Thủy	690	552	441	352	281
64	Xã Bảo Thạnh	570	456	364	291	232
65	Xã Ba Tri	690	552	441	352	281
66	Xã Tân Xuân	570	456	364	291	232
67	Xã Mỹ Chánh Hòa	570	456	364	291	232
68	Xã An Ngãi Trung	570	456	364	291	232
69	Xã An Hiệp	570	456	364	291	232
70	Xã Hưng Nhượng	570	456	364	291	232

71	Xã Giồng Trôm	690	552	441	352	281
72	Xã Tân Hào	570	456	364	291	232
73	Xã Phước Long	570	456	364	291	232
74	Xã Lương Phú	570	456	364	291	232
75	Xã Châu Hòa	570	456	364	291	232
76	Xã Lương Hòa	570	456	364	291	232
77	Xã Thới Thuận	570	456	364	291	232
78	Xã Thạnh Phước	570	456	364	291	232
79	Xã Bình Đại	690	552	441	352	281
80	Xã Thạnh Trị	570	456	364	291	232
81	Xã Lộc Thuận	570	456	364	291	232
82	Xã Châu Hưng	570	456	364	291	232
83	Xã Phú Thuận	570	456	364	291	232
84	Phường Trà Vinh	650	540	450	380	250
85	Phường Hòa Thuận	650	540	450	380	250
86	Phường Nguyệt Hóa	650	540	450	380	250
87	Phường Long Đức	650	540	450	380	250
88	Phường Duyên Hải	600	490	400	330	200
89	Phường Trường Long Hòa	600	490	400	330	200
90	Xã Càng Long	500	390	300	230	150
91	Xã Châu Thành	500	390	300	230	150
92	Xã Cầu Kè	500	390	300	230	150
93	Xã Tiểu Cần	500	390	300	230	150
94	Xã Cầu Ngang	500	390	300	230	150
95	Xã Trà Cú	500	390	300	230	150
96	Xã Mỹ Long		300	230	170	120
97	Xã Đại An	390	300	230	170	120
98	Xã Nhị Long	370	280	210	150	100
99	Xã Bình Phú	370	280	210	150	100
100	Xã An Trường	370	280	210	150	100
101	Xã Tam Ngãi	370	280	210	150	100
102	Xã An Phú Tân	370	280	210	150	100
103	xã Phong Thạnh	370	280	210	150	100
104	Xã Tân An		280	210	150	100
105	Xã Tập Sơn	370	280	210	150	100
106	Xã Song Lộc	370	280	210	150	100
107	Xã Tập Ngãi	370	280	210	150	100
108	Xã Tân Hòa	370	280	210	150	100
109	Xã Hùng Hòa	370	280	210	150	100
110	Xã Long Hòa			195	135	85
111	Xã Hòa Minh			195	135	85
112	Xã Nhị Trường		215	175	100	80

113	Xã Long Hiệp		215	175	100	80
114	Xã Hưng Mỹ	360	270	200	140	90
115	Xã Vĩnh Kim	360	270	200	140	90
116	Xã Hiệp Mỹ	360	270	200	140	90
117	Xã Long Hữu	360	270	200	140	90
118	Xã Lưu Nghiệp Anh		270	200	140	90
119	Xã Hàm Giang	360	270	200	140	90
120	Xã Đôn Châu		270	200	140	90
121	Xã Ngũ Lạc		270	200	140	90
122	Xã Long Thành	355	265	195	135	85
123	Xã Đông Hải	355	265	195	135	85
124	Xã Long Vĩnh	355	265	195	135	85

Tỉnh: Vĩnh Long

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất 2026				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Phường Long Châu	970	776	620	496	396
2	Phường Phước Hậu	970	776	620	496	396
3	Phường Tân Hạnh	970	776	620	496	396
4	Phường Thanh Đức	970	776	620	496	396
5	Phường Tân Ngãi	970	776	620	496	396
6	Phường Bình Minh	970	776	620	496	396
7	Phường Cái Vồn	970	776	620	496	396
8	Phường Đông Thành	970	776	620	496	396
9	Phường An Hội	970	776	620	496	396
10	Phường Phú Khương	970	776	620	496	396
11	Phường Bến Tre	970	776	620	496	396
12	Phường Sơn Đông	970	776	620	496	396
13	Phường Phú Tân	970	776	620	496	396
14	Xã Cái Nhum	810	648	518	414	331
15	Xã Tân Long Hội	670	536	428	342	273
16	Xã Nhơn Phú	670	536	428	342	273
17	Xã Bình Phước	670	536	428	342	273
18	Xã An Bình	670	536	428	342	273
19	Xã Long Hồ	810	648	518	414	331
20	Xã Phú Quới	670	536	428	342	273
21	Xã Quới Thiện	670	536	428	342	273
22	Xã Trung Thành	810	648	518	414	331
23	Xã Trung Ngãi	670	536	428	342	273
24	Xã Quới An	670	536	428	342	273
25	Xã Trung Hiệp	670	536	428	342	273
26	Xã Hiếu Phụng	670	536	428	342	273
27	Xã Hiếu Thành	670	536	428	342	273
28	Xã Lục Sĩ Thành	670	536	428	342	273
29	Xã Trà Ôn	810	648	518	414	331
30	Xã Trà Côn	670	536	428	342	273
31	Xã Vĩnh Xuân	670	536	428	342	273

32	Xã Hòa Bình	670	536	428	342	273
33	Xã Hòa Hiệp	670	536	428	342	273
34	Xã Tam Bình	810	648	518	414	331
35	Xã Ngãi Tứ	670	536	428	342	273
36	Xã Song Phú	670	536	428	342	273
37	Xã Cái Ngang	670	536	428	342	273
38	Xã Tân Quới	810	648	518	414	331
39	Xã Tân Lược	670	536	428	342	273
40	Xã Mỹ Thuận	670	536	428	342	273
41	Xã Phú Túc	810	648	518	414	331
42	Xã Giao Long	670	536	428	342	273
43	Xã Tiên Thủy	810	648	518	414	331
44	Xã Tân Phú	670	536	428	342	273
45	Xã Phú Phụng	670	536	428	342	273
46	Xã Chợ Lách	810	648	518	414	331
47	Xã Vĩnh Thành	670	536	428	342	273
48	Xã Hưng Khánh Trung	670	536	428	342	273
49	Xã Phước Mỹ Trung	810	648	518	414	331
50	Xã Tân Thành Bình	670	536	428	342	273
51	Xã Nhuận Phú Tân	670	536	428	342	273
52	Xã Đồng Khởi	670	536	428	342	273
53	Xã Mỏ Cày	810	648	518	414	331
54	Xã Thành Thới	670	536	428	342	273
55	Xã An Định	670	536	428	342	273
56	Xã Hương Mỹ	670	536	428	342	273
57	Xã Đại Điền	670	536	428	342	273
58	Xã Quới Điền	670	536	428	342	273
59	Xã Thạnh Phú	810	648	518	414	331
60	Xã An Qui	670	536	428	342	273
61	Xã Thạnh Hải	670	536	428	342	273
62	Xã Thạnh Phong	670	536	428	342	273
63	Xã Tân Thủy	810	648	518	414	331
64	Xã Bảo Thạnh	670	536	428	342	273
65	Xã Ba Tri	810	648	518	414	331
66	Xã Tân Xuân	670	536	428	342	273
67	Xã Mỹ Chánh Hòa	670	536	428	342	273
68	Xã An Ngãi Trung	670	536	428	342	273
69	Xã An Hiệp	670	536	428	342	273
70	Xã Hưng Nhượng	670	536	428	342	273

71	Xã Giồng Trôm	810	648	518	414	331
72	Xã Tân Hào	670	536	428	342	273
73	Xã Phước Long	670	536	428	342	273
74	Xã Lương Phú	670	536	428	342	273
75	Xã Châu Hòa	670	536	428	342	273
76	Xã Lương Hòa	670	536	428	342	273
77	Xã Thới Thuận	670	536	428	342	273
78	Xã Thạnh Phước	670	536	428	342	273
79	Xã Bình Đại	810	648	518	414	331
80	Xã Thạnh Trị	670	536	428	342	273
81	Xã Lộc Thuận	670	536	428	342	273
82	Xã Châu Hưng	670	536	428	342	273
83	Xã Phú Thuận	670	536	428	342	273
84	Phường Trà Vinh	735	610	510	460	325
85	Phường Hòa Thuận	735	610	510	460	325
86	Phường Nguyệt Hóa	735	610	510	460	325
87	Phường Long Đức	735	610	510	460	325
88	Phường Duyên Hải	710	580	475	390	254
89	Phường Trường Long Hòa	710	580	475	390	254
90	Xã Càng Long	560	440	335	250	170
91	Xã Châu Thành	560	440	335	250	170
92	Xã Cầu Kè	560	440	335	250	170
93	Xã Tiểu Cần	560	440	335	250	170
94	Xã Cầu Ngang	560	440	335	250	170
95	Xã Trà Cú	560	440	335	250	170
96	Xã Mỹ Long		360	270	210	150
97	Xã Đại An	440	360	270	210	150
98	Xã Nhị Long	420	340	250	190	130
99	Xã Bình Phú	420	340	250	190	130
100	Xã An Trường	420	340	250	190	130
101	Xã Tam Ngãi	420	340	250	190	130
102	Xã An Phú Tân	420	340	250	190	130
103	xã Phong Thạnh	420	340	250	190	130
104	Xã Tân An		340	250	190	130
105	Xã Tập Sơn	420	340	250	190	130
106	Xã Song Lộc	420	340	250	190	130
107	Xã Tập Ngãi	420	340	250	190	130
108	Xã Tân Hòa	420	340	250	190	130
109	Xã Hùng Hòa	420	340	250	190	130
110	Xã Long Hòa			235	175	115
111	Xã Hòa Minh			235	175	115
112	Xã Nhị Trường		255	215	140	110
113	Xã Long Hiệp		255	215	140	110

114	Xã Hưng Mỹ	400	310	240	180	120
115	Xã Vinh Kim	400	310	240	180	120
116	Xã Hiệp Mỹ	400	310	240	180	120
117	Xã Long Hữu	400	310	240	180	120
118	Xã Lưu Nghiệp Anh		310	240	180	120
119	Xã Hàm Giang	400	310	240	180	120
120	Xã Đôn Châu		310	240	180	120
121	Xã Ngũ Lạc		310	240	180	120
122	Xã Long Thành	395	305	235	175	115
123	Xã Đông Hải	395	305	235	175	115
124	Xã Long Vĩnh	395	305	235	175	115

Tỉnh: Vĩnh Long

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ ĐẤT LÀM MUỐI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
ĐVT: 1.000 đồng/m2

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất năm 2026				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Xã Tân Thủy	180	144	115	92	73
2	Xã Bảo Thanh	180	144	115	92	73
3	Xã Thới Thuận	180	144	115	92	73
4	Xã Thanh Phước	180	144	115	92	73
5	Phường Duyên Hải	98	83			
6	Xã Đông Hải	98	83			

Tỉnh: Vĩnh Long

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
ĐVT: 1.000 đồng/m2

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất 2026				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Xã Thanh Hải	54	43	34	27	21
2	Xã Tân Thủy	54	43	34	27	21
3	Xã Thới Thuận	54	43	34	27	21
4	Phường Duyên Hải	72	59			
5	Phường Trường Long Hòa	72	59			
6	Xã Long Thành	72	59			
7	Xã Đông Hải	72	59			
8	Xã Long Vĩnh	72	59			

Tỉnh: Vĩnh Long

PHỤ LỤC VII: BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

(TỈNH VĨNH LONG CŨ)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Giá đất bảng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
		Từ	Đến			
I	Phường Long Châu					
1	Đường 1 tháng 5	giáp đường Phan Bội Châu	ngã 3 Hoàng Thái Hiếu	21,000	33,600	12,600
2	Đường Hùng Vương	ngã tư đường Chi Lăng	đường Hoàng Thái Hiếu	14,000	22,400	8,400
3	Đường Hùng Vương	đường Hoàng Thái Hiếu	giáp đường 2 tháng 9	11,000	17,600	6,600
4	Đường 3 tháng 2	giáp đường Mé sông Chợ	đường Hưng Đạo Vương	20,000	32,000	12,000
5	Đường 3 tháng 2	đường Hưng Đạo Vương	Cầu Lộ	14,000	22,400	8,400
6	Đường Bạch Đằng	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Hùng Vương	18,000	28,800	10,800
7	Đường Nguyễn Huỳnh Đức	giáp đường 3 tháng 2	giáp đường Hoàng Thái Hiếu	14,000	22,400	8,400
8	Đường Mé sông Chợ	khu vực chợ cá	giáp bến Tàu	12,000	19,200	7,200
9	Đường Nguyễn Trãi	giáp đường Nguyễn Công Trứ	giáp đường Chi Lăng	13,000	20,800	7,800
10	Đường Phan Bội Châu	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Tô Thị Huỳnh	14,000	22,400	8,400
11	Đường Tô Thị Huỳnh	giáp Phan Bội Châu	cầu Cái Cá	14,000	22,400	8,400
12	Đường Đoàn Thị Điểm	giáp đường Nguyễn Văn Nhã	giáp đường Hoàng Thái Hiếu	14,000	22,400	8,400
13	Đường Nguyễn Văn Nhã	ngã tư đường Chi Lăng	giáp đường Hưng Đạo Vương	14,000	22,400	8,400
14	Đường Chi Lăng	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Nguyễn Văn Nhã	14,000	22,400	8,400

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Giá đất bảng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
		Từ	Đến			
15	Đường 30 tháng 4	ngã 3 Hoàng Thái Hiếu	Cầu Lầu	18,000	28,800	10,800
16	Đường Hoàng Thái Hiếu	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Lê Văn Tám	14,000	22,400	8,400
17	Đường Lê Văn Tám	giáp đường Tô Thị Huỳnh	giáp đường Hoàng Thái Hiếu	13,000	20,800	7,800
18	Đường Trần Văn Ôn	cầu Lộ xuống quẹo trái	giáp đường Nguyễn Thị Út	8,000	12,000	4,000
19	Đường Trần Văn Ôn	giáp đường 3 tháng 2	giáp hông trường Nguyễn Du	5,000	7,500	2,500
20	Đường Trung Nữ Vương	giáp đường Tô Thị Huỳnh	cầu Phạm Thái Bường	20,000	115,000	95,000
21	Đường Nguyễn Văn Trỗi	giáp đường 30 tháng 4	giáp đường Hùng Vương	11,000	17,600	6,600
22	Đường Nguyễn Việt Hồng	giáp đường 30 tháng 4	giáp đường Lý Thường Kiệt	9,500	15,200	5,700
23	Đường Lý Thường Kiệt	giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	giáp đường 2 tháng 9	12,000	19,200	7,200
24	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	đường 30 tháng 4	giáp đường Võ Thị Sáu	16,000	25,600	9,600
25	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	đường Võ Thị Sáu	đường Nguyễn Du	11,000	17,600	6,600
26	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	hèm 159 lớn		6,000	9,000	3,000
27	Đường Hưng Đạo Vương	giáp đường Tô Thị Huỳnh	cầu Hưng Đạo Vương	17,000	27,200	10,200
28	Đường 2 tháng 9	cầu Thiêng Đức	cầu Mậu Thân	17,000	27,200	10,200
29	Đường Nguyễn Công Trứ	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Nguyễn Trãi	14,000	22,400	8,400
30	Đường Lê Lai	giáp đường Tô Thị Huỳnh	giáp đường Hoàng Thái Hiếu	17,000	27,200	10,200
31	Đường Nguyễn Đình Chiểu	giáp đường Hưng Đạo Vương	giáp đường 19 tháng 8	12,000	19,200	7,200
32	Đường Võ Thị Sáu	giáp đường 3 tháng 2	giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	12,000	19,200	7,200

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Giá đất bảng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
		Từ	Đến			
33	Đường Nguyễn Thái Học	giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	giáp đường 2 tháng 9	11,000	17,600	6,600
34	Đường Nguyễn Thị Út	giáp đường Hưng Đạo Vương	giáp đường Trần Văn Ôn	9,000	14,400	5,400
35	Đường Nguyễn Du	giáp đường Nguyễn Văn Bé	giáp đường 2 tháng 9	5,000	7,500	2,500
36	Đường Nguyễn Văn Bé	giáp đường 19 tháng 8	cầu Kinh Cụt	6,000	9,000	3,000
37	Đường 19 tháng 8 (trộn đường)	giáp đường Hoàng Thái Hiếu	giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	10,000	16,000	6,000
38	Khu nhà ở Tân Thành	Phần còn lại không giáp Đường 30/4		7,500	11,300	3,800
39	Khu nhà ở Tân Thành Ngọc - Thanh Bình	Phần còn lại không giáp đường Hưng Đạo Vương và đường Hoàng Thái Hiếu		7,500	11,300	3,800
40	Đường bờ kè	cầu Lộ	cầu Cái Cá	5,000	7,500	2,500
41	Đất ở tại đô thị còn lại của phường 1			1,800	1,800	-
42	Đường Lê Thái Tổ	dốc cầu Lộ	bùng binh	13,000	20,800	7,800
43	Đường Nguyễn Huệ	bùng binh	cầu Tân Hữu	13,000	20,800	7,800
44	Đường Lưu Văn Liệt	Cầu Cái Cá	giáp đường Lê Thái Tổ	10,000	16,000	6,000
45	Đường Xóm Chài	giáp đường bờ kè sông Cỏ Chiên	bùng binh	3,600	5,400	1,800
46	Đường Xóm Chài	các hẻm của đường xóm chài		1,600	2,200	600
47	Đường Lê Thị Hồng Gấm	giáp đường Lê Thái Tổ	giáp Ngã 3 đường Hoàng Hoa Thám và đường Ngô Quyền	4,500	6,800	2,300
48	Đường Ngô Quyền	giáp đường Lê Thái Tổ	giáp đường Lê Thị Hồng Gấm	4,500	6,800	2,300
49	Đường Hoàng Hoa Thám	giáp đường Nguyễn Huệ	giáp tuyến đường Bờ kè (Văn phòng Khóm 5)	3,600	24,000	20,400
50	Đường Hoàng Hoa Thám	giáp đường Lê Thị Hồng Gấm	hết tuyến đường Bờ kè (Văn phòng Khóm 5)	3,600	5,400	1,800

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Giá đất bảng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
		Từ	Đến			
51	Đường Lý Tự Trọng	giáp đường Lê Thái Tổ	giáp đường Lưu Văn Liệt	4,500	6,800	2,300
52	Hẻm 71 (cư xá công chức)	Mặt tiền		6,500	9,800	3,300
53	Hẻm 71 (cư xá công chức)	Mặt hậu (giáp Trường Kỹ Thuật 4)		4,500	6,800	2,300
54	Đường Phạm Hùng	bùng binh	Cầu Bình Lữ	13,000	20,800	7,800
55	Đường vào khu tái định cư Sân vận động			5,000	7,500	2,500
56	Đường vào Trường Nguyễn Trường Tộ	giáp đường Ranh Phường 2 - Phường 9 (đoạn 19m)	giáp đường Nguyễn Huệ	5,000	7,500	2,500
57	Đường Võ Văn Kiệt (đường lớn)	giáp đường Nguyễn Huệ	giáp ranh phường 9	8,000	12,000	4,000
58	Đường bờ kè sông Cổ Chiên	cầu Cái Cá	giáp ranh phường 9	5,000	7,500	2,500
59	Khu nhà ở tập thể Sở Giáo Dục			3,000	4,200	1,200
60	Đường Hoàng Hoa Thám (mới)	đoạn ngã ba bờ kè Hoàng Hoa Thám giáp Văn Phòng	đường vào khu tái định cư sân vận động	3,000	4,200	1,200
61	Đường Ranh Phường 2 - Phường 9 (đoạn 12m)	hết đoạn 12m	giáp Phường 8	4,500	6,800	2,300
62	Đường Ranh Phường 2 - Phường 9 (đoạn 19m)	giáp đoạn 12m	hết trường Nguyễn Trường Tộ (19m)	5,000	7,500	2,500
63	Đường Ranh Phường 2 - Phường 9 (đoạn 15m)	từ giáp trường Nguyễn Trường Tộ (19m)	giáp đoạn 12m	5,000	7,500	2,500
64	Đường Ranh Phường 2 - Phường 9 (đoạn 12m)	giáp đoạn 15m	giáp đoạn 6m	4,500	6,800	2,300
65	Đường Ranh Phường 2 - Phường 9 (đoạn 6m)	giáp đoạn 12m	giáp đường Phạm Hùng (đoạn 6m)	4,000	6,000	2,000
66	Đường nhựa Tổ 6, Tổ 15, Khóm 5, Phường 2			3,000	4,200	1,200
67	Đường Phạm Hùng	cầu Bình Lữ	cầu Cái Cam	10,000	14,000	4,000
68	Đường Phan Văn Đáng	giáp đường Phạm Hùng	Cầu Ngã Cại	6,000	9,000	3,000

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Giá đất bảng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
		Từ	Đến			
69	Đường Phan Văn Đáng	cầu Ngã Cại	giáp ranh xã Tân Hạnh	4,000	6,000	2,000
70	Đường Võ Văn Kiệt (đường lớn)	giáp ranh phường 2	Ngã ba 2 nhánh rẽ	7,000	10,500	3,500
71	Đường Võ Văn Kiệt (2 nhánh rẽ)	Ngã ba 2 nhánh rẽ	giáp đường Phan Văn Đáng	5,000	7,500	2,500
72	Đường nội bộ khu hành chính tỉnh			4,000	6,000	2,000
73	Đường D8	giáp đường Võ Văn Kiệt	giáp đường Phan Văn Đáng	3,000	39,700	36,700
74	Bờ kè Sông Cổ Chiên	Khu vực Phường 9		3,000	4,200	1,200
75	Đường dân sinh 97-100	giáp Đường D8	giáp ranh Phường 8	1,500	2,100	600
76	Khu nhà ở Phường 9	Kể cả đường vào khu tập thể Lương Thực và khu 717		3,000	4,200	1,200
77	Khu chợ Phường 9	Khu vực Chợ		3,500	5,300	1,800
78	Khu dân cư Bộ đội			2,500	3,500	1,000
79	Khu nhà ở Tỉnh Ủy			3,000	4,200	1,200
80	Khu vượt lũ P9	Kể cả đường dẫn		2,800	3,900	1,100
81	Khu dân cư Tái định cư Khóm 3			4,500	6,800	2,300
82	Đường nối từ đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt - Phường 9	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	6,000	9,000	3,000
83	Đường nhựa (dẫn vào Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Long)	từ đường Phạm Hùng	đến Bờ Kè	3,000	4,200	1,200
84	Đường nhựa dẫn vào cầu Cồn Chim	từ đường Phạm Hùng	đến cầu Cồn Chim	3,000	4,200	1,200
85	Đường nhựa Tổ 17-9	từ đường Võ Văn Kiệt	hết đường nhựa	2,000	2,800	800
86	Đất ở tại đô thị còn lại phạm vi phường				-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Giá đất bảng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
		Từ	Đến			
87	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	Cầu Cái Cam	Cầu Cái Côn	4,200	6,300	2,100
88	Đường tránh Quốc Lộ 1 (1A cũ)	Cầu Tân Quới Đông	ranh huyện Long Hồ	3,000	4,200	1,200
89	Hương lộ Trường An (ĐH.11)	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	vào phía trong 150m	1,600	2,100	500
90	Hương lộ Trường An (ĐH.11)	151m	Cổng số 2	1,300	1,700	400
91	Hương lộ Trường An (ĐH.11)	Cổng số 2	Cầu Giáo Canh	1,000	1,300	300
92	Đường Bờ kè sông Cổ Chiên	giáp đường nhựa khóm Tân Vĩnh	Cầu Vàm Chảy	1,600	2,100	500
93	Đường dẫn vào khu vượt lũ Trường An (ĐH.14)	giáp Hương lộ Trường An (ĐH.11)	Trạm y tế phường	1,300	1,700	400
94	Khu vượt lũ Trường An (GĐ1)			1,600	2,100	500
95	Khu vượt lũ Trường An (GĐ2)			1,600	2,100	500
96	Khu nhà ở Công ty Cô Phân Địa ốc Vĩnh Long			1,300	1,700	400
97	Đường khóm Tân Quới Đông	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	Cầu Ông Chín Lùn	1,200	1,600	400
98	Đường khóm Tân Quới Đông	Cầu Ông Chín Lùn	giáp Cầu Xây	900	1,200	300
99	Đường khóm Tân Quới Đông	Trạm y tế phường	giáp Cầu Xây	900	1,200	300
100	Đường khóm Tân Quới Tây	Cầu Xây	giáp Hương lộ Trường An (ĐH.11)	750	1,000	250
101	Các tuyến đường nhựa trên địa bàn phường (mặt đường từ 3m)			700	900	200
102	Khu tái định cư Cao Tốc			5,500	8,300	2,800
103	Đường dẫn vào Khu vượt lũ (gđ2)	giáp Hương lộ Trường An	đến Khu vượt lũ (gđ2)	800	1,000	200

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Giá đất bảng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
		Từ	Đến			
104	Đất ở tại đô thị còn lại (không tiếp giáp đường nhựa, mặt đường từ 3m)			600	800	200

Tỉnh: Vĩnh Long

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng

(TỈNH VĨNH LONG CŨ)

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường
		Từ
I	Xã Cái Nhum	
1	Đường Hùng Vương	Cầu số 8
2	Đường 3/2	Cầu số 9
3	Đường 3/2	giáp đường Nguyễn Trãi
4	Đường Nguyễn Huệ	Đốc cầu số 9 (cấp sông Cái Nhum) - sông Mang Thít
5	Đường Phạm Hùng	Vòng xoay đốc cầu số 9
6	Đường Phạm Hùng	giáp đường Quảng Trọng Hoàng
7	Trung tâm chợ	giáp đường Phạm Hùng (chợ Bún) - sau chùa Ông
8	Đường Lê Minh Nhật	Đường Phạm Hùng
9	Đường Quảng Trọng Hoàng	giáp đường Nguyễn Huệ
10	Đường Nguyễn Trãi	Đường Quảng Trọng Hoàng
11	Đường Tỉnh 903 nối dài	Đường tỉnh 907
12	Đường Lê Lợi	giáp đường Phạm Hùng
13	Đường Trần Hưng Đạo	mé sông Cái Nhum
14	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 3/2
15	Đường An Dương Vương	Đường 3/2
16	Đường Nguyễn Lương Khuê	Đường 3/2
17	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường 3/2
18	Đường hẻm Quang Mỹ	Khu vực chợ
19	Đường hẻm nhà thuốc Đông Y cũ	Khu vực chợ
20	Đường nội thị	Đường Quảng Trọng Hoàng
21	Đường nội thị	giáp đường 3/2 (cây xăng)
22	Đường nội ô (Khóm 1 - Thị trấn Cái Nhum)	Giáp đường Nguyễn Trãi
23	ĐH.32B (Đường 30 tháng 4)	Đường Hùng Vương
24	Đường trường mầm non Thị trấn Cái Nhum	Trường mầm non
25	Các đường trong Tái định cư Khóm 2	

26	Đường tỉnh 907 đoạn qua thị trấn Cái Nhum	Mé Sông Măng Thít
27	Đường từ cầu Rạch Đồi đến đập Cây Gáo	Cầu Rạch Đồi
28	Khu Nhà ở Khóm 1, thị trấn Cái Nhum	Đường 3/2
29	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Huệ
30	Đường tỉnh 903	ranh Xã Bình Phước
31	Đường ĐH.31B (Đường 26/3)	giáp ranh xã Bình Phước
32	Đường Chín Sãi - An Phước	ĐH.32B
33	Đường từ Hai Châu - cầu Tân Lập - ĐT 903	ĐH.32B
34	Đường Cái Sao - Chánh Thuận	Cầu số 8
35	Các đường còn lại của Khóm 1, Khóm 2, Khóm 4	
36	Đất ở tại đô thị còn lại thuộc Khóm 1, Khóm 2, Khóm 4	
37	Đất ở tại đô thị còn lại thuộc Khóm 3, Khóm 5, Khóm 6	
38	Đường tỉnh 902	Đoạn qua xã Cái Nhum
39	Đường tỉnh 903 nối dài	giáp ranh Thị trấn Cái Nhum
40	ĐH.33B (Đường Địa môn - sông Lư)	giáp ĐT 903 nối dài
41	ĐH.34B (Đường huyện từ ĐT 902 - Cầu Tràm)	Đường tỉnh 902
42	Đường Phước Thủy xã An Phước	ĐT 903 nối dài
43	Cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ (giai đoạn 2) xã An Phước, huyện Mang Thít	
44	Đường từ Chín Sãi - (ĐT 907) - ĐH.33B (Địa Môn sông Lư)	giáp Khóm 5, thị trấn Cái Nhum
45	Đường xã	Đường tỉnh 902 (cầu Mười Đốc)
46	Đường xã	Đường tỉnh 902
47	Khu vực chợ xã An Phước	
48	ĐH.33 (Đường HL 8 - Chánh An)	giáp Đường tỉnh 902
49	ĐH.33 (Đường HL 8 - Chánh An)	cầu Rạch Rừng
50	Đê bao sông Măng Thít	ĐT 902
51	Đường Vòng đai	ĐH.33
52	Đường bờ sao	ĐH.33

53	Đường huyện 33 - sông Măng	ĐH.33
54	Đường huyện còn lại	
55	Đường xã còn lại	
56	Đất ở tại nông thôn còn lại	
57	Tuyến đường trục chính đô thị	ĐH32B
58	Tuyến Đường D7	Trục chính đô thị
59	Đường từ Trạm Y tế - Giồng Dài	Đoạn từ giáp đường huyện 32B
60	Kè Khóm 2 (Đê bao Sông Măng)	Đoạn từ giáp cầu số 9
II	Xã Tân Long Hội	
1	Quốc lộ 53	giáp ranh xã Long Hồ
2	Đường tỉnh 903	giáp ranh xã Bình Phước
3	ĐH.36 (Đường số 3 – Tân Long)	Đường tỉnh 903
4	Khu vực chợ xã Tân Long	
5	Đường nhựa	Cầu Chùa
6	Đường nhựa	Cầu Bảy Trường
7	Đường nhựa	Cổng Phó Mùi
8	Đường xã (UBND xã đi đập Tâm Vinh)	Đường huyện 36
9	Đường xã (bờ Ông Cả)	Quốc lộ 53
10	Đường từ nhà văn hóa Tân Long - ĐT 903	Nhà văn hóa Tân Long
11	Đường xã (Trường tiểu học Tân Long B - giáp đường tỉnh 903)	ĐH.36 (Trường tiểu học Tân Long B)
12	Đường xã (ĐT 903 - cầu Đồng Bé 2)	ĐT 903 (số 4)
13	ĐH.35 (Đường số 8-TAHội-TLHội-giáp QL53	giáp Đường tỉnh 903
14	ĐH.32 (Số 6 - Cầu Ba Cò)	ĐT 903 (Cầu số 6)
15	Đường xã (đường vào Thánh Tịnh Ngọc Sơn Quang)	ĐH.35
16	Đường xã (cầu Ngọc Sơn Quang nhỏ - cầu Tân Quy)	cầu Ngọc Sơn Quang nhỏ
17	Đường xã (An Hội 1 - An Hội 2)	ĐH.35 (cầu Ngọc Sơn Quang)
18	Đường xã (cầu Ngọc Sơn Quang nhỏ - Đập Ông 3A)	cầu Ngọc Sơn Quang nhỏ
19	Đường từ số 4, đến cầu Ba Cò (xã Tân An Hội)	Đường tỉnh 903
20	Đường từ đường huyện 35 đến cầu Bà Nhiên	Đường huyện 35
21	Đường liên ấp Sáu Thê đến Cầu Đồng Bé (ĐH - Cầu Đồng Bé)	Đường huyện 35
22	Đường liên ấp Bờ Liệt Sỹ đến Công hồ Ông Tổng, Xã Tân Long Hội huyện Mang Thít	Quốc Lộ 53
23	Đường từ Đường huyện 35 đến Quốc lộ 53, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít	Quốc Lộ 53

24	Đường huyện còn lại	
25	Đường xã còn lại	
26	Đất ở tại nông thôn còn lại	
III	Xã Nhơn Phú	
1	Đường tỉnh 902 (qua xã Mỹ An)	giáp ranh huyện Long Hồ
2	Đường tỉnh 909	ĐT 902
3	Đường xã Hòa Long - An Hương 2	ĐT 902 (cầu Ông Diệm)
4	Khu vực chợ xã Mỹ An	
5	Đường tỉnh 902	Đoạn qua xã Mỹ Phước
6	ĐH.31B (Đường 26/3)	Đường tỉnh 902
7	ĐH.33B (Đường Địa môn - sông Lưu)	giáp ĐH.31B (đường 26/3)
8	ĐH.34 (Đường tỉnh 902 - kinh Thầy Cai)	giáp Đường tỉnh 902
9	Đường thủy sản, xã Mỹ Phước	ĐT 902
10	Đường lộ hàng thôn, xã Mỹ Phước	ĐH.31B (Đường 26/3)
11	Đường xã	Đường tỉnh 902
12	ĐH.31B (Đường 26/3)	giáp ranh xã Bình Phước
13	ĐH.32B (Đường 30/4)	cầu Cái Mới
14	ĐH.31B, ĐH.32B (Đường 26/3, 30/4)	Cầu Cái Mới
15	Khu vực chợ xã Nhơn Phú	
16	Đường huyện còn lại	
17	Đường xã còn lại	
18	Đất ở tại nông thôn còn lại	
19	Đường liên ấp Phú Thuận A - Phú Thuận B - ấp Phú Thạnh A (từ trụ sở ấpPhú Thạnh A (ĐH 31B đến lộ Thủy sản, xã Mỹ Phước).	Trụ sở ấpPhú Thạnh A (ĐH 31B)
20	Tuyến đường liên ấp Phú Quới - Phú Thạnh A	ĐH.31B (Đường 26/3)
21	Tuyến đường liên ấp Phú Thạnh	ĐH.31B (Đường 26/3)
22	- Tuyến đường liên ấp từ Đường tỉnh 902 đến cống Tư Mau, xã Mỹ An, huyện Mang Thít (cũ).	ĐT 902
IV	Xã Bình Phước	
1	ĐH.30	Đường tỉnh 909
2	Đường xã (từ Trường tiểu học Long Mỹ - giáp ranh xã Mỹ An)	ĐH.30
3	Đường xã (Long Phước - Mỹ An)	ĐH.30 (cầu Cái Chuôi)
4	Đường xã (Long Khánh - Hòa Tịnh)	ĐH.30 (cầu Rạch Chanh)
5	Đường xã (Long Hòa 1 - Hòa Tịnh)	Đường Trường tiểu học Long Mỹ - Thanh Hương
6	Đường xã (Long Hòa 2 - Mỹ An)	ĐH.30 (cầu Cái Nứa)
7	Đường xã (ĐH.30 - giáp xã Mỹ An - xã Hòa Tịnh)	ĐH.30
8	Khu vực Chợ xã Long Mỹ	

9	Đường tỉnh 909	từ cầu Hòa Tịnh (giáp huyện Long Hồ)
10	Đường tỉnh 909	từ Đập rạch Chùa
11	Đường huyện 37	giáp Đường tỉnh 909 - cầu UBND xã
12	Đường xã (UBND xã Hòa Tịnh - ĐT 907)	ĐH.37
13	Đường ấp Bình Tịnh B – Thiềng Long 1	Cầu Thiềng Long
14	Đường liên ấp Bình Hòa 2 - Thiềng Long 1	Giáp đường liên ấp Vườn Cò - Bình Hòa 2
15	Đường liên ấp Bình Tịnh B - Thiềng Long 1	cầu Trạm Y tế
16	Đường liên ấp Bình Tịnh A - Long Khánh	cầu Ngọn Ông Lễ
17	Đường liên ấp Bình Tịnh A - Long Hòa 1	giáp đường liên ấp Bình Tịnh A - Long Khánh
18	Quốc lộ 53	ranh xã Long An
19	Đường tỉnh 903	Ranh huyện Long Hồ
20	ĐH.31B (Đường 26/3)	Đường tỉnh 903
21	ĐH.31 (Đường số 2 - Bình Phước)	Đường tỉnh 903
22	Đường Cái Sao – Chánh Thuận, xã Bình Phước	Giáp ranh thị trấn Cái Nhum
23	Đường xã (UBND xã Bình Phước - cầu Hai Khinh)	UBND xã Bình Phước
24	Đường xã (Phước Thới B - Phước Thới C)	ĐH.31B (cầu Dừa, đường 26/3)
25	Đường Cái Sao - Chánh Thuận xã Bình Phước	Giáp ranh thị trấn Long Hồ
26	Đường liên ấp Phước Thới A	Đường tỉnh 903
27	Đường huyện còn lại	
28	Đường xã còn lại	
29	Đất ở tại nông thôn còn lại	
V	Xã An Bình	
1	Quốc lộ 57	phà Đình Khao
2	Đường huyện 21	giáp quốc lộ 57
3	Đường huyện 28	giáp ranh xã An Bình
4	Đường Phú An 1- Hòa Ninh	cầu Năm Bạch
5	Đường Xẻo Cát - Tân Tạo	cầu Xẻo Cát
6	Đường Hòa Ninh - Đồng Phú	giáp DH 28
7	Khu vực chợ xã Hòa Ninh	
8	Quốc lộ 57	phà Đình Khao
9	Đường huyện 21	Đoạn qua xã Bình Hòa Phước
10	Đường huyện 21B nối dài	UBND xã Bình Hòa Phước
11	Đường huyện 21B	giáp quốc lộ 57

12	Đường huyện 21B	ngã ba Lò Rèn
13	Đường làng Mai vàng ấp Phước Định 2	Quốc lộ 57
14	Đường nhựa ấp Phú An 1, Phú An 2	cầu Cái Muối
15	Đường nhựa ấp Bình Hòa 1	chợ Cái Muối
16	Đê bao 4 xã Cù lao xã Bình Hòa Phước	giáp xã Đồng Phú
17	Khu vực chợ xã Bình Hòa Phước	
18	Đường huyện 21	giáp ranh xã Bình Hòa Phước
19	Đường huyện 21 nối dài	cầu Đồng Phú
20	Đường huyện 21 nối dài	giáp ĐH 21
21	Đê bao 4 xã Cù lao xã Đồng Phú	giáp xã An Bình
22	Đường Hòa Ninh - Đồng Phú	giáp Đê bao 4 xã cù lao xã Đồng Phú
23	Khu vực chợ xã Đồng Phú	
24	Đường huyện 28	bến đò An Bình
25	Đường huyện 28B	Trường Mẫu giáo An Thành
26	Đường xã	cầu ngang xã An Bình
27	Đê bao 4 xã Cù lao xã An Bình	giáp Đường xã (đi bên phà An Hòa - Trường An)
28	Đường Bình Lương, An Thành, An Thuận	giáp ĐH 28
29	Khu vực chợ xã An Bình	
30	Đường huyện còn lại	
31	Đường xã còn lại	
32	Đất ở tại nông thôn còn lại	
33	Đường từ Cầu Ủy Ban xã An Bình - Giáp Hòa Ninh	cầu xã, Xã đội xã An Bình
34	Đường từ Ủy Ban xã Đồng Phú đến giáp đường Vành Đai	trụ sở Công an xã An Bình
35	Đường từ Cầu Đồng Phú đến giáp đường Vành Đai (cầu Bà Cò)	Cầu Đồng Phú
36	Đường từ chợ Bà Cò đến Trường tiểu học Trương Văn Ba	chợ Bà Cò
VI	Xã Long Hồ	
1	Quốc lộ 53	cầu Ngã Tư
2	Quốc lộ 53	cầu Ngã Tư
3	Quốc lộ 53	Trung tâm Văn Hóa
4	Đường tỉnh 909	cầu Kinh Mới (trung tâm Y tế Huyện)
5	Đường 1 tháng 5	giáp Đường Nguyễn Trãi
6	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Hưng Đạo
7	Trung tâm Chợ Thị Trấn (nhà lồng chợ và các tuyến đường bao quanh nhà lồng chợ)	
8	Đường 2 tháng 9	giáp Quốc lộ 53
9	Đường 30 tháng 4	giáp Quốc lộ 53

10	Đường Nguyễn Trãi	giáp Quốc lộ 53
11	Đường Nguyễn Trãi	giáp đường Nguyễn Du
12	Đường bờ kè thị trấn Long Hồ	từ cầu Hòa Tịnh
13	Đường bờ kè thị trấn Long Hồ	cầu Ngã Tư
14	Đường từ cầu Hòa Tịnh- công Long An	cầu Hòa Tịnh
15	Đường nội thị	đường Bệnh Viện cũ
16	Đường nội thị	giáp Quốc lộ 53
17	Các đường còn lại của Khóm 1 Thị trấn	
18	Các đường còn lại của Thị trấn	
19	Đất ở tại đô thị còn lại của Thị trấn Long Hồ	
20	Đường tỉnh 909	cầu Kinh Mới
21	Đường huyện 22	Đường tỉnh 909
22	Đường Phú Đức - Long An	giáp đường tỉnh 909
23	Đường vào trường Tiểu học Phú Đức C	giáp đường tỉnh 909
24	Đường từ Đường tỉnh 909 - Kinh Cả Dăm	giáp Đường tỉnh 909
25	Đường Long Phước - Phú Đức	cầu Miếu Ông
26	Khu Tái định cư Phú Đức	
27	Khu đất của bà Đặng Thị Thanh Thủy	Trừ vị trí 1 và 2 của ĐT 909 (cầu Kinh Mới - cầu Cả Nguyên)
28	Đường huyện còn lại	
29	Đường xã còn lại	
30	Đất ở tại nông thôn còn lại	
31	Quốc lộ 53	ranh xã Long An
32	Đường tỉnh 903	Quốc Lộ 53
33	Đường tỉnh 904	Quốc Lộ 53
34	Khu vực Chợ xã Long An	
35	Quốc lộ 53	cầu Ông Me
36	Đường huyện 25B	giáp quốc lộ 53
37	Đường huyện 25C	giáp đường huyện 25B
38	Đường huyện 25C nối dài	giáp Đường huyện 25C
39	Đường huyện	cầu Đĩa Chuối
40	Đường xã	cầu Đĩa Chuối
41	Đường xã	cầu Công Ranh
42	Đường xã	mương Kinh
43	Đường xã	cầu Ba Tầng
44	Đường từ cầu Ba Khả đến Công Ranh	cầu Ba Khả
45	Đường Nguyễn Thị Nhỏ (xã Long Phước)	giáp Quốc lộ 53
46	Khu nhà ở Long Thuận A	
47	Khu vực chợ Long Phước	
48	Đường huyện còn lại	
49	Đường xã còn lại	

50	Đất ở tại nông thôn còn lại	
VII	Xã Phú Quới	
1	Quốc lộ 1 (1A cũ)	Cầu Đồi
2	Quốc lộ 1 (1A cũ)	cầu Lộc Hòa
3	Đường huyện 22	giáp quốc lộ 1 (1A cũ)
4	Đường huyện 22	cầu Lộc Hòa
5	Đường huyện 22B	đường đal giáp sông Bu kê
6	Đường huyện 22B	cầu Hàng Thẻ
7	Đường huyện 26	giáp đường huyện 22
8	Đường huyện	Quốc lộ 1 (1A cũ)
9	Đường Long Hòa - Long Bình	giáp Đường huyện 26
10	Đường ấp Phước Bình, xã Lộc Hòa	giáp đường huyện 22B
11	Cụm tuyến Dân Cư vượt lũ Lộc Hòa	
12	Khu TĐC Lộc Hòa	
13	Khu dân cư Khu CN Hòa Phú	
14	Khu vực chợ xã Lộc Hòa	
15	Đường huyện 23B	giáp quốc lộ 1 (1A cũ)
16	Đường huyện 23B	công 5 Dô
17	Đường huyện 40	giáp quốc lộ 1 (1A cũ)
18	Đường Thanh Hưng - Lộc Hưng	giáp đường Đ1 khu Công nghiệp Hòa Phú
19	Đường Thanh Hưng - Lộc Hưng	ranh khu Công nghiệp
20	Đường Phước Hòa - Phước Lộc	giáp đường Đ1 khu Công nghiệp Hòa Phú
21	Đường Phước Hòa - Phước Lộc	ranh Khu Công nghiệp
22	Đường Thanh Phú- Kinh Cả Dăm	giáp ĐH 26
23	Đường xã	chợ Hòa Phú
24	Khu đất của ông Nguyễn Linh Sang và bà Nguyễn Hồng Cẩm Tú	Trừ vị trí 1 và 2 của Đường Phước Hoà - Phước Lộc (giáp đường Đ1 khu Công nghiệp Hòa Phú- hết ranh KCN)
25	Đường huyện 24	cầu Lãnh Lân
26	Đường cầu Cùm Nga - công hờ Long Công	cầu Cùm Nga
27	Công hờ Long Công - cầu Cây Sao	Công hờ Long Công
28	Cụm tuyến Dân Cư vượt lũ Thanh Quới 1+2	
29	Khu phố chợ xã Thanh Quới	
30	Khu vực chợ xã Thanh Quới	
31	Quốc lộ 1 (1A cũ)	Đường vào xã Phú Quới
32	Đường tỉnh 908	giáp Quốc lộ 1 (1A cũ)
33	Đường huyện 23	giáp quốc lộ 1 (1A cũ)
34	Đường huyện 23	cầu Phú Thanh
35	Đường vào tuyến DCVL Phú Quới (ấp Phước Yên)	Quốc lộ 1 (1A cũ)

36	Đường cấp trường dạy nghề	Quốc lộ 1 (1A cũ)
37	Khu dân cư dịch vụ Phước Yên (phần đất đã bố trí tái định cư cho các hộ dân)	
38	Vùng vượt lũ Phú Quới giai đoạn 2	Đường huyện 23 (quốc lộ 1 (1A cũ) đến cầu Phú Thạnh)
39	Khu vực chợ xã Phú Quới	
40	Đường huyện còn lại	
41	Đường xã còn lại	
42	Đất ở tại nông thôn còn lại	
43	Đường Phú Quới - Thanh Quới	cầu Phước Yên B
44	Đường tỉnh 909B (ĐH.40 cũ)	Quốc lộ 1
VIII	Xã Quới Thiện	
1	Đường Thanh Bình - Quới Thiện (ĐH.67)	bến phà Thanh Bình
2	Đường Thanh Bình - Quới Thiện (ĐH.67)	Cầu Thanh Bình cũ
3	Đường Thanh Bình - Quới Thiện (ĐH.67)	Trường cấp 2-3 Thanh Bình
4	Đường Thanh Bình - Quới Thiện (ĐH.67)	Đoạn mở mới từ bến phà Thanh Bình
5	Đường liên ấp Thái Bình - Thanh Khê	Trộn đường
6	Khu phố chợ xã Thanh Bình (Lô A1)	
7	Khu phố chợ xã Thanh Bình (Lô A2)	
8	Khu phố chợ xã Thanh Bình (Lô B1)	
9	Khu phố chợ xã Thanh Bình (Lô B2)	
10	Khu phố chợ xã Thanh Bình (Lô B3)	
11	Khu phố chợ xã Thanh Bình (Lô C1)	
12	Khu phố chợ xã Thanh Bình (Lô C2)	
13	Khu phố chợ xã Thanh Bình (Lô D1)	
14	Khu phố chợ xã Thanh Bình (Lô D2)	
15	Đường liên ấp Thanh Lương - Thanh Tân (Trộn đường)	Đường huyện 67
16	Đường liên ấp Thái Bình - Thanh Phong - Thông Lưu (Trộn đường)	Cầu Rạch Lá
17	Đường liên xã (Lăng - Thái Bình)	Đường huyện 67
18	Đường liên xã (Lăng - Thái Bình)	cầu Thanh Bình 2
19	Đường liên ấp	Cầu chợ Thanh Bình
20	Đường liên ấp	Cầu chợ Thanh Bình
21	Đường Thanh Bình - Quới Thiện (ĐH.67)	giáp ranh xã Thanh Bình
22	Đường huyện 67B (Đường Vàm An - Phú Thới)	đường Thanh Bình - Quới Thiện (ĐH.67)
23	Đường liên ấp Phước Bình - Phước Thạnh	giáp xã Thanh Bình
24	Đường liên ấp Phú Thới - Phước Thạnh	Đường huyện 67
25	Đất ở tại nông thôn khu vực chợ xã Quới Thiện (đối diện nhà lồng chợ)	
26	Đường huyện còn lại	
27	Đường xã còn lại	

28	Đất ở tại nông thôn còn lại	
IX	Xã Trung Thành	
1	Khu vực chợ (Lô C)	
2	Khu vực chợ (Lô B)	
3	Khu vực chợ (Lô A : Đối diện dãy phố cổ)	
4	Khu vực chợ (Lô A : Đối diện Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa)	
5	Khu vực chợ (dãy phố cổ)	
6	Khu vực chợ	nhà lồng Nông sản
7	Khu vực chợ	đầu dãy phố ngang giáp đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
8	Khu vực chợ	Dãy phố cuối dãy phố cổ cặp sông Vũng Liêm
9	Quốc lộ 53	thuộc địa phận thị trấn Vũng Liêm
10	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	giáp dãy phố ngang đối diện lô A
11	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ngân hàng Nông nghiệp Huyện
12	Đường Nguyễn Thị Hồng	Đường Vành Đai 1
13	Đường Nguyễn Thị Hồng	Cổng Tư Nền
14	Đường Nguyễn Thị Hồng	cầu Phong Thới
15	Đường Nguyễn Thị Hồng	Cầu chợ Vũng Liêm (sông Rạch Trúc)
16	Đường nội thị	cầu Công Xi
17	Đường Rạch Trúc	ngã ba Trung Tín
18	Đường nội thị	Miếu Ông Bồn
19	Đường nội thị	hẻm đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa phía sau HonDa Tân Thành và Điện máy Xanh
20	Đường Phong Thới	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
21	Đường Phong Thới	cầu Hai Việt
22	Đường nội thị	Đường Nguyễn Thị Hồng
23	Đường nội thị	dãy phố phía sau nhà Nông sản cặp bờ kè
24	Đường nội ô số 1 (khóm 1, Rạch Trúc)	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
25	Đường nội ô số 2 (khóm 1, Rạch Trúc)	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
26	Đường nội ô số 3 (khóm 1, Rạch Trúc)	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
27	Đường nội ô số 4 (khóm 1, Rạch Trúc)	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
28	Đường số 1 (Khóm 2, Phong Thới)	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
29	Đường số 2 (Khóm 2, Phong Thới)	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
30	Đường số 3 (Khóm 2, Phong Thới)	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
31	Đường Thê Hanh (Rạch Trúc)	giáp Quốc lộ 53

32	Đường vào đến nhà máy nước	giáp Đường Nguyễn Thị Hồng
33	Các đường còn lại của khu tái định cư (ấp Phong Thới)	
34	Khu tái định cư vượt lũ (Lô A1)	
35	Khu tái định cư vượt lũ (Lô A2)	
36	Khu tái định cư vượt lũ (Lô A3)	
37	Khu tái định cư vượt lũ (Lô A4)	
38	Khu tái định cư vượt lũ (Lô B1)	
39	Khu tái định cư vượt lũ (Lô B3)	
40	Khu tái định cư vượt lũ (Lô D)	
41	Khu tái định cư vượt lũ (Lô H1)	
42	Khu tái định cư vượt lũ (Lô H2)	
43	Các đường còn lại của Khu tái định cư vượt lũ	
44	Đất ở tại đô thị của các đường còn lại	
45	Đất ở tại đô thị còn lại của Thị trấn Vũng Liêm	
46	Quốc lộ 53	giáp ranh xã Hiếu Phụng
47	Quốc lộ 53	UBND xã Trung Hiếu
48	Quốc lộ 53	Đoạn còn lại
49	Đường Cầu Đá - Trung Hiệp (ĐH.61)	giáp QL.53
50	Đường Cầu Seo - Bình Thành (ĐH.61B)	giáp QL.53
51	Đường huyện 62	giáp QL.53
52	Đường huyện 62	Chợ Trung Hiếu
53	Đường huyện 62	Công Bảy Hy
54	Đường Trung Hiếu - Trung An	giáp QL.53
55	Đường ấp Bình Trung	giáp QL.53
56	Đường ấp An Điền 1	giáp QL.53
57	Đường kênh nổi	Trộn đường
58	Đường kinh Cây xăng	giáp QL.53
59	Khu phố chợ xã Trung Hiếu (Lô A1)	
60	Khu phố chợ xã Trung Hiếu (Lô A3)	
61	Khu phố chợ xã Trung Hiếu (Lô B1)	
62	Khu phố chợ xã Trung Hiếu (Lô B3)	
63	Khu phố chợ xã Trung Hiếu (Lô C5)	
64	Khu phố chợ xã Trung Hiếu (Lô C6)	
65	Khu phố chợ xã Trung Hiếu (Lô C7)	
66	Các khu vực còn lại khu phố chợ xã Trung Hiếu	
67	Quốc lộ 53	giáp ranh xã Trung Hiếu
68	Đường Trung Thành - Trung Thành Đông (ĐH.62B)	giáp QL.53

69	Đường Trung Thành - Trung Thành Đông (ĐH.62B)	Cầu lộ Mỹ Thành
70	Đường Phong Thới	giáp Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
71	Đường Xã Dân	giáp QL.53
72	Đường xã Trung Thành	giáp QL.53
73	Đường ranh xã Trung Thành - Trung Thành Đông	giáp ranh xã Trung Thành Đông
74	Đất ở tại nông thôn khu vực chợ xã Trung Thành (đối diện nhà lồng chợ)	
75	Đường huyện còn lại	
76	Đường xã còn lại	
77	Đất ở tại nông thôn còn lại	
X	Xã Trung Ngãi	
1	Đường Nguyễn Thị Hồng	giáp ranh Thị trấn Vũng Liêm
2	Đường tỉnh 907	Đoạn còn lại
3	Đường Trung Thành - Trung Thành Đông (ĐH.62B)	giáp ranh xã Trung Thành
4	Đường ranh xã Trung Thành - Trung Thành Đông	giáp Đường Phú Nông
5	Quốc lộ 53	Trường tiểu học Đặng Thị Chính (điểm Trường Hội)
6	Quốc lộ 53	Đoạn còn lại
7	Đường tỉnh 907	Đoạn còn lại
8	Đường Phú Tiên - Phú Ân	giáp QL.53
9	Đường lộ tuổi trẻ	giáp QL.53
10	Đường Càng Tăng	giáp lộ Phú Tiên - Phú Ân
11	Đất ở tại nông thôn khu vực chợ xã Trung Nghĩa (đối diện nhà lồng chợ)	
12	Quốc lộ 53	trường tiểu học Nguyễn Văn Thời
13	Quốc lộ 53	giáp cây xăng Phú Nhuận
14	Khu vực chợ xã Trung Ngãi	
15	Đường huyện còn lại	
16	Đường xã còn lại	
17	Đất ở tại nông thôn còn lại	
18	Đường huyện 62B	giáp ranh xã Trung Thành
19	Đường lộ Trời Xanh	giáp QL.53
20	Đường lộ Phú Hữu (đường ấp 7 - ấp 8)	giáp QL.53
XI	Xã Quới An	
1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	cầu Vũng Liêm
2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hết trường trung học cơ sở Nguyễn Việt Hùng

3	Đường tỉnh 902	Đường vào ấp Hòa Hiệp (đổi diện cây xăng)
4	Đường tỉnh 902	Đoạn còn lại
5	Đường huyện 65B	giáp đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
6	Đường huyện 65B	cầu Đình
7	Đường Trung Thành Tây - Tân Quới Trung (ĐH.69)	giáp ranh xã Quới An
8	Đường tỉnh 901	giáp ranh xã Tân An Luông
9	Đường tỉnh 907	giáp ranh xã Trung Chánh
10	Đường Trung Thành Tây - Tân Quới Trung (ĐH.69)	giáp ĐT.901
11	Đường xã Tân Quới Trung (đoạn ĐT.901 cũ)	Trộn đường
12	Đường tỉnh 901	giáp ĐT.902
13	Đường tỉnh 901	Đoạn còn lại
14	Đường tỉnh 902	giáp ĐT.901
15	Đường Trung Thành Tây - Tân Quới Trung (ĐH.69)	giáp ranh xã Tân Quới Trung
16	Đường An Quới – Quới An	giáp ĐT.902
17	Đường xã	giáp ĐT.902
18	Đường Quang Minh - Quang Bình	Trộn đường
19	Đường ấp 2 - Quang Hiệp	giáp Đường tỉnh 901
20	Đường liên ấp Phước Trường - Phước Thọ	giáp Đường tỉnh 902
21	Khu vực chợ xã Quới An	
22	Đường huyện còn lại	
23	Đường xã còn lại	
24	Đất ở tại nông thôn còn lại	
25	Đường liên ấp Đập Thủ - ấp 1	Đường tỉnh 907
26	Đường liên ấp Phước Trường – Quang Hoà	Đường tỉnh 902
27	Đường liên ấp An Quới – Quang Hoà	Đường tỉnh 902
28	Đường liên ấp Quang Hoà – Quang Minh	Đường huyện 69 (ấp Quang Hoà)
29	Đường liên ấp Hiệp Trường - ấp Nhât – Tru	Đường tỉnh 902
30	Đường liên ấp Trung Hậu - Trường Thọ	giáp Đường huyện 65B (cầu Đình - bến phà đi xã Thanh Bình (hết đường nhựa))
31	Đường liên ấp Hoà Nghĩa - Quới Hiệp	giáp Đường tỉnh 902
XII	Xã Trung Hiệp	

1	Quốc lộ 53	cầu Măng Thít hướng về Trà Vinh
2	Quốc lộ 53	Đoạn còn lại
3	Đường tỉnh 901	giáp QL.53
4	Đường tỉnh 901	giáp QL.53
5	Đường tỉnh 901	Đoạn còn lại
6	Đường Quang Phú - Trung Chánh (ĐH.60)	giáp ranh xã Hiếu Phụng
7	Khu vực chợ xã Tân An Luông	
8	Đường tỉnh 907	cầu Trung Hiệp
9	Đường tỉnh 907	Đoạn còn lại
10	Đường Quang Phú - Trung Chánh (ĐH.60)	giáp ranh xã Tân An Luông
11	Đường Quang Đức - Quang Trach	Trộn đường
12	Đường tỉnh 907	cầu Mướp Sắt
13	Đường Trung Hiệp - Hiếu Phụng (ĐH.60B)	giáp ranh xã Hiếu Phụng
14	Đường Cầu Đá - Trung Hiệp (ĐH.61)	giáp ranh xã Trung Hiếu
15	Đường Cầu Sẹo - Bình Thành (ĐH.61B)	giáp ranh xã Trung Hiếu
16	Đường Nhơn Ngãi - Nhơn Nghĩa - Rạch Ngay	giáp ranh xã Hiếu Phụng
17	Đường liên ấp Rạch Nung - Trung Tri	Trộn đường
18	Khu vực chợ xã Trung Hiệp	
19	Đường huyện còn lại	
20	Đường xã còn lại	
21	Đất ở tại nông thôn còn lại	
XIII Xã Hiếu Phụng		
1	Đường tỉnh 906	cầu Nhà Đai
2	Đường tỉnh 906	Đoạn còn lại
3	Đường Hiếu Phụng - Hiếu Thuận	giáp ranh xã Hiếu Phụng
4	Đường tỉnh 907	Cầu Ngã tư giáp xã Hiếu Nhơn
5	Đường tỉnh 907	Đoạn còn lại
6	Đường huyện 62	giáp ranh xã Trung Hiếu
7	Khu vực chợ xã Trung An	
8	Quốc lộ 53	công ty xăng dầu Vĩnh Long
9	Quốc lộ 53	Đoạn còn lại
10	Đường tỉnh 906	giáp QL.53
11	Đường Quang Phú - Trung Chánh (ĐH.60)	giáp QL.53
12	Đường Trung Hiệp - Hiếu Phụng (ĐH.60B)	giáp QL.53
13	Đường Hiếu Phụng - Hiếu Thuận	giáp QL.53
14	Đường Tân Khánh - Hiếu Hiệp	giáp QL.53

15	Đường Nhơn Ngãi - Nhơn Nghĩa - Rạch Ngay	giáp QL.53
16	Khu phố chợ xã Hiếu Phụng (Lô A1)	
17	Khu phố chợ xã Hiếu Phụng (Lô A2)	
18	Khu phố chợ xã Hiếu Phụng (Lô B1)	
19	Khu phố chợ xã Hiếu Phụng (Lô C1)	
20	Khu phố chợ xã Hiếu Phụng (Lô C4)	
21	Khu phố chợ xã Hiếu Phụng (Lô D1)	
22	Khu phố chợ xã Hiếu Phụng (Lô D3)	
23	Khu vực còn lại Khu phố chợ xã Hiếu Phụng	
24	Khu tái định cư xã Hiếu Phụng (Lô F1)	
25	Khu tái định cư xã Hiếu Phụng (Lô F2)	
26	Khu vực còn lại Khu tái định cư xã Hiếu Phụng	
27	Đường huyện còn lại	
28	Đường xã còn lại	
29	Đất ở tại nông thôn còn lại	
XIV	Xã Hiếu Thành	
1	Đường tỉnh 906	cầu Nhà Đài
2	Đường tỉnh 906	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT
3	Đường tỉnh 906	Đoạn còn lại
4	Đường tỉnh 907	Đoạn còn lại
5	Đường Hiếu Nhơn - Trung An (ĐH.66B)	giáp ĐT.906
6	Đường Hiếu Nhơn - Trung An (ĐH.66B)	cổng Tư Hiếu (về Trung An)
7	Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô F1.1)	
8	Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô F1.2)	
9	Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô F2)	
10	Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô F3)	
11	Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô H)	
12	Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô E)	
13	Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô E1)	
14	Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô E2)	
15	Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô G)	
16	Đường tỉnh 906	giáp ĐT.907
17	Đường tỉnh 907	giáp ĐT.906
18	Đường tỉnh 906	đường Trạm Bom
19	Khu vực chợ xã Hiếu Thành	
20	Đường huyện còn lại	
21	Đường xã còn lại	
22	Đất ở tại nông thôn còn lại	
XV	Xã Lục Sĩ Thành	

1	Đường huyện 75	ranh xã Lục Sĩ Thành
2	Khu vực chợ xã Phú Thành	
3	Đường Thuộc Nhân - Lộ Hoang	Cầu Rạch Chùa
4	Đường Phú Lợi- Phú Xuân	Ngã 3 Cửu Long
5	Đường huyện 75	bến phà Lục Sĩ Thành
6	Đường huyện 75	cầu Cái Bân
7	Đường Long Hưng - Kinh Đào	bến phà Lục Sĩ Thành
8	Đường Tân An - Tân Thanh	Đường huyện 75
9	Đường Long Hưng - An Thạnh - Mỹ Thạnh	Bến Phà
10	Đường xã còn lại	
11	Đất ở tại nông thôn còn lại	
XVI	Xã Trà Ôn	
1	Đường tỉnh 901	Cây Xăng Hải Vui
2	Đường tỉnh 901	Đoạn còn lại
3	Đường huyện 70	giáp Đường tỉnh 901
4	Đường huyện 70	cầu Mương Điều
5	Khu vực chợ xã Tích Thiện	
6	Đường Vĩnh Trinh - Tích Lộc	Cầu Ông Chua
7	Đường Tích Phước - Mương Điều	Đường huyện 70
8	Đường Gia Long	Đường Lê Lợi
9	Khu C: Đối diện nhà lồng chợ mới (dãy 52 căn)	
10	Khu C: Đối diện nhà lồng chợ mới (B92 mặt còn lại)	
11	Khu bờ kè cũ	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
12	Đường Lê Lợi	Đường Gia Long
13	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Gia Long
14	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Lê Lợi
15	Đường Phan Thanh Giản	Đường Gia Long
16	Đường Thống Chế Điều Bát	Đường Gia Long
17	Đường Thống Chế Điều Bát	Đường Trung Trắc - Đường Trung Nhị
18	Đường Trung Trắc	Đường Lê Lợi
19	Đường Trung Nhị	Đường Thống Chế Điều Bát
20	Đường Võ Tánh	Đường Gia Long
21	Đường Đỗ Chiêu	Đường Lê Lợi
22	Đường Quang Trung	Đường Lê Văn Duyệt
23	Đường Độc Phủ Yên	Đường Gia Long
24	Đường Độc Phủ Chi	Đường Lê Lợi
25	Quốc lộ 54	Cầu Trà Ôn
26	Đường huyện 70	Đường Trung Trắc
27	Đường 8 tháng 3	Đường Thống Chế Điều Bát
28	Đường qua Cù Lao Tròn	Đường Gia Long

29	Đường Mỹ Phó - Mỹ Hưng	Quốc lộ 54
30	Đường 30 tháng 4	Đường Thống Chê Điều Bát
31	Đường vào trường Tiểu học A	Đường Thống Chê Điều Bát
32	Đường số 6B	Đường 30 tháng 4
33	Đường số 10	Đường số 6B
34	Đường số 8	Giáp đường Trung Nhi
35	Các con hẻm còn lại của Thị trấn	
36	Quốc lộ 54 (khóm Giồng Thanh Bạch)	Khu 6, thị trấn Trà Ôn
37	Đường Thống Chê Điều Bát (khóm Giồng Thanh Bạch)	Khu 4, thị trấn Trà Ôn
38	Quốc lộ 54	Đoạn còn lại
39	Đường tỉnh 907	Đoạn còn lại
40	Đường 19 tháng 5 (Đường huyện 76)	Đường Thống Chê Điều Bát
41	Đường 8 tháng 3 (khóm Giồng Thanh Bạch)	Đường Thống Chê Điều Bát
42	Đường huyện 70	giáp ranh xã Tích Thiện
43	Đường huyện 70	cầu Bang Chang
44	Đường vào Sân Vận Động Huyện	Đường Thống Chê Điều Bát
45	Đường Mỹ Phó - Mỹ Hưng	giáp ranh thị trấn cũ
46	Đường Mỹ Phó - Mỹ Hưng	Rach Voi
47	Đường Mỹ Phó - Mỹ Hưng	cầu Rach Cống
48	Đường Giồng Thanh Bạch - Mỹ Phó	Quốc lộ 54
49	Đường Cây Diệp - Đục Đông	Quốc lộ 54
50	Đường Mỹ Hòa - Mỹ Hưng	tỉnh lộ 907
51	Đường xã còn lại (mặt đường >3m)	
52	Đất ở tại đô thị còn lại của Thị trấn thuộc khu	Khu: 1, 2, 3, 4, 5, 6
53	Đất ở tại đô thị còn lại của Thị trấn thuộc khóm	Khóm: Mỹ Hưng, Mỹ Phó, Mỹ Hồ Khánh, Đục Đông, Cây Diệp, Gòn
XVII Trà Côn		
1	Đường huyện 74	cầu Rạch Rừng
2	Đường huyện 79	đường huyện 74
3	Đường Xuân Hiệp – Sa Rày	Giáp ranh xã Xuân Hiệp
4	Đường về khu căn cứ cách mạng 3 chùa	Đường huyện 74
5	Đường tỉnh 907	Đoạn còn lại
6	Đường Vĩnh Hòa - Cầu Đình	cầu Ông Tín
7	Khu vực chợ xã Trà Côn	
8	Đường huyện 71 (lộ Nhà Thi)	Đường tỉnh 907 (vị trí 2 chợ xã Trà Côn)
9	Đường huyện còn lại	
10	Đường tỉnh 907	Đoạn còn lại
11	Khu vực chợ xã Tân Mỹ	
12	Đường huyện 71 (lộ Nhà Thi)	giáp ranh xã Trà Côn
13	Đường Mỹ An - Mỹ Yên	Đường tỉnh 907
14	Đường Mỹ An - Gia Kiệt	Đường tỉnh 907

15	Đường xã còn lại	
16	Đất ở tại nông thôn còn lại	
17	Lộ Nhon Bình	Sông Mang Thít
18	Đường xã còn lại (mặt đường >3m)	
19	Đất ở tại đô thị còn lại của Thị trấn thuộc khóm	Khóm: Tường Nhon, Tường Nhon Trường Trí B, Mỹ Phú 1, Mỹ Phú
XVIII	Xã Vĩnh Xuân	
1	Đường tỉnh 901	Đoạn còn lại
2	Đường tỉnh 906	hàng rào trường cấp 3
3	Đường tỉnh 906	cầu Trà Ngao - cầu Phước Minh
4	Đường tỉnh 906	Đoạn còn lại
5	Đường tỉnh 907	vị trí 2 Chợ Hựu Thành
6	Đường tỉnh 907	Đoạn còn lại
7	Đường huyện 72	giáp ranh xã Thuận Thới
8	Khu tái định cư xã Hựu Thành	
9	Khu vực chợ xã Hựu Thành	
10	Đường vào Trường THCS Hựu Thành	Đường tỉnh 906
11	Đường Vĩnh Hòa - cầu Đình	Đường tỉnh 901
12	Đường Vĩnh Hựu - Vĩnh Hòa	Đường tỉnh 907
13	Quốc lộ 54	Đường huyện 72
14	Quốc lộ 54	Đoạn còn lại
15	Đường huyện 72	giáp Quốc lộ 54
16	Khu vực chợ xã Thuận Thới	
17	Đường Ông Lãnh – Vĩnh Thới	Giáp ranh tỉnh Trà Vinh
18	Đường Công Đá – Ông Lãnh	QL.54
19	Đường Công Đá - Rạch Nghệ	QL.54
20	Quốc lộ 54	cổng Nhà Thờ Vĩnh Xuân
21	Quốc lộ 54	cổng UBND xã Vĩnh Xuân
22	Quốc lộ 54	Đoạn còn lại
23	Đường tỉnh 901	Đoạn còn lại
24	Đường Vĩnh Trinh - Gò Tranh	giáp Quốc lộ 54
25	Đường Vĩnh Trinh - Gò Tranh	giáp ranh ấp Gò Tranh
26	Đường vào Nhà truyền thống Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long	Quốc lộ 54
27	Khu vực chợ xã Vĩnh Xuân	
28	Đường huyện 71 (lộ Nhà Thờ)	Quốc lộ 54
29	Đường Tích Phước - Mương Điều	Quốc lộ 54
30	Đường liên ấp Vĩnh Lợi	Giáp ranh xã Trà Côn
31	Đường từ QL.54 – giáp ranh xã Trà Côn	QL.54
32	Đường xã còn lại	
33	Đất ở tại nông thôn còn lại	
XIX	Xã Hòa Bình	

1	Đường tỉnh 901	cổng Trường THCS Xuân Hiệp
2	Đường tỉnh 901	Đoạn còn lại
3	Đường huyện 77 (Xuân Hiệp - Hòa Bình)	Đường tỉnh 901
4	Đường Xuân Hiệp - Sa Rầy	Đường tỉnh 901
5	Khu vực chợ xã Xuân Hiệp	
6	Đường huyện còn lại	
7	Đường huyện 78	Đường tỉnh 901
8	Đường tỉnh 901	Trung tâm Thể thao - Văn hoá xã
9	Đường tỉnh 901	Đoạn còn lại
10	Đường huyện 73	Đường tỉnh 901
11	Khu vực chợ xã Thới Hòa	
12	Khu vực chợ Cầu Bò	
13	Đường Tường Tín - Tường Hưng	Đường tỉnh 901
14	Đường Ninh Thuận - Ninh Hoà	Đường tỉnh 901
15	Đường liên ấp Tường Phước	cầu Rạch Bần
16	Đường huyện 77 (Xuân Hiệp - Thới Hòa)	giáp ranh xã Hòa Bình
17	Đường tỉnh 901	Đường Vành Đai
18	Đường tỉnh 901	Đoạn còn lại
19	Đường Vành đai Hòa Bình	Đường tỉnh 901
20	Đường huyện 74	xã Hòa Bình (ngã ba cây xăng)
21	Đường huyện 77(Xuân Hiệp - Thới Hòa)	giáp ranh xã Xuân Hiệp
22	Đường Hiệp Hòa - Hiệp Lợi	giáp đường Vành đai Hòa Bình
23	Khu vực chợ xã Hòa Bình	
24	Đường Ngãi Hòa - Hiệp Lợi	Đường tỉnh 901
25	Đường huyện còn lại	
XX	Xã Hòa Hiệp	
1	Quốc lộ 53	Đoạn thuộc xã Hòa Thạnh
2	Đường tỉnh 904	Đoạn còn lại
3	Đường huyện 42	Quốc lộ 53
4	Chợ xã Hòa Thạnh	
5	Đường tỉnh 904	Cầu Ba Kè
6	Đường Hòa Lộc - Mỹ Lộc	Đường tỉnh 904
7	Khu dân cư vượt lũ Hòa Lộc	
8	Khu vực chợ Ba Kè	
9	Khu vực chợ Hòa An	
10	Đường liên ấp Hòa Thuận - Hòa An	Cổng chào ấp Hòa Thuận
11	Đường liên ấp từ Đường tỉnh 904 đến đập Cây Trôm	Đường tỉnh 904
12	Đường nhựa	Cổng chào ấp Cái Cui
13	Khu dân cư vượt lũ Hòa Hiệp	
14	Đường vào khu di tích trận đánh 06 ngày đêm	Đường huyện 42B

15	Đường nhựa ấp 10 - Cái Cui	Cầu Cái Cui
16	Chợ xã Hòa Hiệp	
17	Đường ấp Hòa Phong - Ấp 9	Đường tỉnh 904
18	Đường ấp Hòa Phong - Ấp 9	Cầu ấp 9
19	Đường huyện còn lại	
20	Đường xã còn lại	
21	Đất ở tại nông thôn còn lại	
22	Đường liên ấp Thanh Hiệp - ấp 3	Đường huyện 42B
XXI	Xã Tam Bình	
1	Đường tỉnh 904	cầu Cái Sơn Bé
2	Đường tỉnh 904	cầu Cái Sơn Lớn
3	Đường Trần Đại Nghĩa	Công Ông Sĩ
4	Đường tỉnh 905	Đoạn còn lại
5	Đường tỉnh 909	Đoạn còn lại
6	Đường Võ Tuấn Đức	Cầu Võ Tuấn Đức
7	Đường Mỹ Lộc - Mỹ Thanh Trung	Đường tỉnh 905
8	Đường Mỹ Lộc - Mỹ Thanh Trung	UBND xã Mỹ Thanh Trung
9	Đường huyện còn lại	
10	Đường xã còn lại	
11	Đất ở tại nông thôn còn lại	
12	Đường Lưu Văn Liệt	Phía trên bờ: từ bến đò II
13	Đường Lưu Văn Liệt	Phía bờ sông: từ bên đò II
14	Đường Lưu Văn Liệt	Phía trên bờ: từ UBND Huyện
15	Đường Lưu Văn Liệt	Phía bờ sông: từ UBND Huyện
16	Đường Nguyễn Thị Ngọt	Đường Lưu Văn Liệt
17	Đường Đồng Khởi	Đường Thống Nhất - Đường Lưu Văn Liệt
18	Đường Thống Nhất	Đường Nguyễn Thị Ngọc - Đường Lưu Văn Liệt
19	Đường Phan Văn Đáng	Đường Nguyễn Thị Ngọt
20	Hai dãy phố chợ	Đường Lưu Văn Liệt
21	Hai dãy phố cửa hàng bách hoá cũ	
22	Đường Lưu Văn Liệt	Bến đò Nhà Thờ
23	Đường Trần Văn Bảy	Đường Lưu Văn Liệt
24	Đường Lưu Văn Liệt	Từ bến đò II
25	Đường Nguyễn Văn Ngợi	Đường Võ Tuấn Đức
26	Đường Nguyễn Văn Ngợi	Đường Trần Văn Bảy
27	Đường nhựa Tô 11-12-13	Đường Phan Văn Đáng
28	Đường nhựa ngang Trám Y tế	Đường Lưu Văn Liệt
29	Đường Nguyễn Thị Ngọt	Đường Phan Văn Đáng
30	Đường nội ô Khu tái định cư vùng ngập lũ ấp 3	
31	Đường Phan Văn Đáng	Đường Nguyễn Thị Ngọt
32	Đường Võ Tuấn Đức	Đường Phan Văn Đáng

33	Các đường còn lại của ấp 1	
34	Các đường còn lại của (Thị trấn Tam Bình cũ)	
35	Đường Trần Đại Nghĩa	Cầu Bằng Tăng lớn
36	Đường tỉnh 905	Đường Trần Đại Nghĩa
37	Đường tỉnh 904	cầu Ông Đốc
38	Đường Trần Văn Bảy	Cầu Mỹ Phú
39	Đường Tường Lộc - Hòa Hiệp (ĐH.47)	cầu 3 tháng 2
40	Đường Tường Lộc - Hòa Hiệp (ĐH.47)	cầu rạch Sầu
41	Đường Tường Lễ	Đường huyện 47
42	Đường ấp Mỹ Phú 5	Đường tỉnh 904
43	Đường ấp Mỹ Phú 5	Đường tỉnh 904
44	Đường ấp Mỹ Phú 1	Đường tỉnh 904
45	Đất ở tại nông thôn còn lại thuộc ấp	Ấp: 1, 2, 3, 4
46	Đường liên ấp Mỹ Trung 1 - ấp Mỹ Hưng	Đường tỉnh 904
47	Đường liên ấp Mỹ Thành- ấp Mỹ Trung 2- ấp Mỹ Hưng - ấp Cây Bàng	ấp Mỹ Hưng
48	Giáp Đường ấp Mỹ Trung 2 - Mỹ Thành- Bằng Tăng	Đường tỉnh 904
XXII Xã Ngải Tứ		
1	Đường huyện 46	Cầu Kinh Xáng
2	Đường nhựa	Đường tỉnh 909
3	Đường ấp Giữa - Đường tỉnh 909	ấp Giữa xã Loan Mỹ
4	Đường Nội ô xã Loan Mỹ	cầu Kỳ Sơn
5	Khu vực chợ xã Loan Mỹ	
6	Đường huyện còn lại	
7	Đường xã còn lại	
8	Đường tỉnh 904	cầu Ba Phở
9	Khu vực chợ Ba Phở	
10	Đường An Thanh - An Hòa	Đường tỉnh 904
11	Quốc lộ 54	Đoạn thuộc xã Ngải Tứ
12	Đường tỉnh 904	cầu Sốc Tro
13	Đường tỉnh 904	Đoạn còn lại
14	Đường tỉnh 909	Ranh xã Song Phú
15	Đường huyện 26/3 (ĐH.45)	Đường tỉnh 904
16	Đường huyện 48	Đoạn xã Ngải Tứ
17	Khu vực chợ xã Ngải Tứ	
18	Đất ở tại nông thôn còn lại	
19	Đường Khu 6	Bến phà
XXIII Xã Song Phú		
1	Quốc lộ 1 (1A cũ)	Giáp ranh xã Phú Quới
2	Đường tỉnh 905	Đoạn còn lại
3	Khu dân cư vượt lũ Tân Phú	
4	Đường liên xã	Cầu Đầu Kinh

5	Đường ấp Phú Yên - Phú Thành xã Tân Phú	Cầu chợ Phú Thành
6	Đường ấp Phú Yên - Phú Long xã Tân Phú	cổng hờ ấp Thanh An xã Đông Thanh Thị xã Bình Minh
7	Khu dân cư ấp Phú Nghĩa	
8	Đường tỉnh 905	cầu Cái Sơn
9	Đường tỉnh 909	Đoạn còn lại
10	Đường huyện 26/3 (ĐH.45)	cầu Kinh Xáng
11	Khu dân cư vượt lũ Long Phú	
12	Khu vực chợ xã Long Phú	
13	Đường ấp 6B	Đường tỉnh 905 (cầu lô 10)
14	Đường tỉnh 908	giáp Quốc lộ 1A
15	Đường tỉnh 908	Đoạn còn lại
16	Khu dân cư vượt lũ Phú Thịnh I (ấp Phú Hữu Đông)	
17	Khu dân cư vượt lũ Phú Thịnh II (ấp Phú Thuận)	
18	Đường liên ấp Phú Hòa-Phú Tân-Phú Bình	Giáp ranh huyện Long Hồ
19	Đường Phú Hưng - Phú Hữu Tây	Cầu Mù u
20	Đường huyện Cái Ngang (ĐH.40B)	Quốc lộ 1A
21	Khu dân cư vượt lũ Song Phú	
22	Khu vực chợ xã Song Phú Mới	
23	Đường Phú Trường Yên - Phú Hữu Yên	Đường tỉnh 905
24	Đường ấp Phú Ninh	Đường Phú Trường Yên – Phú Hữu Yên
25	Khu dân cư vượt lũ xã Song Phú (giai đoạn 2)	
26	Đường Phú Điền - Phú Ninh	Cầu Thủ Cù
27	Đường huyện còn lại	
28	Đường xã còn lại	
29	Đất ở tại nông thôn còn lại	
XXIV Xã Cái Ngang		
1	Đường huyện Cái Ngang (ĐH.40B)	Cầu Phú Lộc
2	Đường tỉnh 909	Đoạn còn lại
3	Đường Hòa Lộc - Mỹ Lộc	Đường huyện 40B
4	Đường Cái Bân - Cái Sơn	đường tỉnh 909
5	Khu dân cư Cái Ngang	
6	Khu vực chợ Cái Ngang	
7	Khu dân cư vượt lũ Mỹ Lộc	
8	Đường Cái Sơn - Lô 6	Đường Cái Bân - Cái Sơn
9	Đường rạch Ranh - Nông trường	Đường tỉnh 909 (cầu Rạch Ranh)
10	Đường nhựa ấp 10 tuyến kênh Ngang- Hai Nghiêm	Cầu Kênh Ngang

11	Đường nhựa ấp Mỹ Tân tuyến Cả Lá - Xẻo Hàng	Cổng Xẻo Hàng
12	Đường nhựa ấp 9, tuyến 10 trì - 3 Đô - Bản Đồng	Cầu ấp 9
13	Đường nhựa ấp Mỹ Phú tuyến Cây Xăng số 9 - Đập 3 Xôm	Cây xăng số 9
14	Đường tỉnh 909	Cầu Cái Ngang
15	Đường huyện 40B	hết khu dân cư Cái Ngang
16	Đường nhựa ấp Mỹ Phú tuyến cây xăng số 9- Đập Ba Xôm	Đập 3 Xôm
17	Đường Tân Lộc – Hòa Phú (ĐH.49)	đường tỉnh 909
18	Khu dân cư vượt lũ Tân Lộc	
19	Đường liên ấp 8B - ấp Tân Lợi	Đường tỉnh 909
20	Đường tỉnh 909	Cầu Cái Ngang
21	Khu dân cư vượt lũ Hậu Lộc	
22	Đường Danh Tâm	Đường huyện 43
23	Đường ấp 5-6-Danh Tâm	Đường huyện 43
24	Đường huyện Cái Ngang (ĐH.40B)	Cầu Phú Lộc
25	Đường Phú Lộc - Bàu Gốc (ĐH.40)	Đường huyện 40B
26	Khu dân cư vượt lũ Phú Lộc	
27	Đường ấp 5A - Long Công	Nối Đường ấp 4A
28	Đường huyện còn lại	
29	Đường xã còn lại	
30	Đất ở tại nông thôn còn lại	
31	Đường Bờ trảm	Đường ấp Danh Tâm
32	Đường liên ấp 3A - Phú Tân	Đường huyện 40B
33	Đường 909B	Đường Phú Lộc Bàu Gốc
XXV	Xã Tân Quới	
1	Quốc lộ 54	Khu Tái định cư thị trấn Tân Quới
2	Khu vực chợ xã Tân Bình	
3	Đường nhựa	Giáp Quốc lộ 54
4	Đường nhựa	Giáp Quốc lộ 54
5	Đường nhựa	Từ Cầu Tân Thới
6	Đường nhựa cặp sông Trà Môn	Từ Chợ Bà Đồng
7	Đường nhựa	Cầu Tân Qui
8	Quốc lộ 54	Cầu Thành Lợi
9	Đường huyện 80	Cầu kinh Bông Vải
10	Đường nhựa	Giáp ranh thị trấn Tân Quới
11	Đường nhựa Thành Đông – Tân Thành	Giáp Đường huyện 80
12	Khu vực chợ xã	

13	Đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)	Giáp ranh thị trấn Tân Quới với xã Thành Lợi
14	Đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)	Cầu Chủ Bèn
15	Đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)	Cầu Tân Quới
16	Đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)	Trường Cấp III Tân Quới
17	Đường huyện 80	Đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)
18	Đường huyện 80	Cầu Ngã Cạn
19	Đường Nguyễn Văn Thành	Giáp đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)
20	Đường Nguyễn Văn Thành	Giáp đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)
21	Đường Nguyễn Văn Thành	Cầu Tân Quới 2
22	Đường Nguyễn Văn Thủ	Đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)
23	Đường Lưu Văn Liệt	Giáp đường huyện 80
24	Đường Tống Phước Hiệp	Giáp đình Tân Quới nối vào đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)
25	Đường chợ Tân Quới	Từ Cầu Bà Mang
26	Đường nhựa	Cầu Ngã Cạn giáp đường huyện 80
27	Đường Chợ Đình	Giáp đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)
28	Khu vực chợ thị trấn Tân Quới	
29	Khu vực chợ Đình	
30	Khu tái định cư Thành Tâm	
31	Các tuyến đường nhựa còn lại trong khu Trung tâm hành chính huyện	
32	Đường Phan Văn Quân	Giáp đường huyện 80
33	Đường Nguyễn Văn Tồn	Giáp đường huyện 80
34	Đường Lê Văn Tiêu	Giáp đường Phan Văn Quân
35	Đường Tạ Thanh Sơn	Giáp đường Phan Văn Quân
36	Đường Phan Chu Trinh	Giáp đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)
37	Đường D4	Giáp đường Nguyễn Văn Thành
38	Khu dân cư An Phát- Nhật Thành	
39	Các đường còn lại của xã Tân Quới (Thị trấn Tân Quới cũ)	
40	Đất ở tại nông thôn còn lại của xã Tân Quới (Thị trấn Tân Quới cũ)	
41	Đường xã còn lại	
42	Đất ở tại nông thôn còn lại	
43	Đường Chủ Bèn (đường D20)	giáp đường 3/2 (Quốc lộ 54 cũ)

44	Đường nhựa (khu tái định cư ấp Thành Tiến)	
45	Đường nhựa	Giáp Quốc lộ 54
46	Khu tái định cư Thành Tâm (mới)	
XXVI Xã Tân Lược		
1	Đường tỉnh 908	Giáp ranh xã Thành Trung
2	Đường tỉnh 908	Trường tiểu học Tân Thành A
3	Đường tỉnh 908	Cầu kinh 12
4	Khu vực chợ xã Tân Thành	
5	Đường nhựa Thành Đông - Tân Thành	Ranh xã Thành Trung
6	Đường nhựa Thành Đông – Tân Thành	Cầu Nhi Thiên Đường
7	Đường xã	Đường tỉnh 908
8	Quốc lộ 54	Cầu Cái Dầu
9	Quốc lộ 54	Cầu kinh Đào
10	Đường tỉnh 908	Đoạn còn lại từ QL54
11	Đường xã	Giáp Quốc lộ 54
12	Khu vực chợ xã Tân An Thanh	
13	Đường tỉnh 908	Cầu kinh Huyện Hàm
14	Đường tỉnh 908	Cầu Lung Cái
15	Đường tỉnh 908	Cua queo (ấp Hưng Thuận)
16	Đường liên xã	Đường tỉnh 908
17	Đường từ Đường tỉnh 908 - ranh ấp Hưng Lợi	Cầu Lung Cái
18	Đường Lung Cái	Ấp Hưng Lợi
19	Đường kênh Đòn Dong - kênh Xã Hời	ấp Hưng Thuận, xã Tân Hưng
20	Đường từ Đường tỉnh 908 - ranh xã Tân Lược	ấp Hưng Lợi, xã Tân Hưng
21	Quốc lộ 54	Cầu Rach Súc
22	Đường 3 tháng 2	Giáp Quốc lộ 54 Tân Lược
23	Đường số 5	Giáp Quốc lộ 54
24	Đường số 6	Giáp Quốc lộ 54
25	Đường số 6	Tuyến DCVL xã Tân Lược
26	Đường xã	Giáp Quốc lộ 54
27	Đường nhựa Tân Vĩnh	Giáp Quốc lộ 54
28	Khu vực chợ xã Tân Lược	
29	Đường nhựa Rach Súc	Giáp Quốc lộ 54
30	Đường nhựa Tân Khánh - Tân Long	Giáp đường nhựa Ba Phòng
31	Đường nhựa	Giáp lộ 12
32	Đường nhựa	Đường số 5
33	Đường xã còn lại	
34	Đất ở tại nông thôn còn lại	
35	Đường Bờ Đai	giáp đường Số 6
36	Đường An Thới - An Phước	giáp Quốc Lộ 54
37	Đường An Thới - An Thanh	giáp Quốc Lộ 54
38	Đường đê bao Hưng Phú (cũ)	Cầu Cây Sắn

XXVII	Xã Mỹ Thuận	
1	Đường tỉnh 908	Cầu kinh Hai Quí
2	Đường tỉnh 908	Cầu cống số 2
3	Đường tỉnh 908	Đoạn còn lại từ Cầu Kinh Tư
4	Khu vực chợ xã Thành Trung	
5	Đường Thành Đông -Đường tỉnh 908	Cầu kinh Cầu Dung
6	Đường Thành Đông -Đường tỉnh 908	Cầu kinh Đào
7	Đường nhựa Thành Đông - Tân Thành	Cầu Thành Lễ, Thành Hậu
8	Đường nhựa kênh Cầu Dung	Cầu Cầu Dung
9	Đường nhựa Thành Quí - Thành Giang	Cầu kênh Ban Soan
10	Đường tỉnh 910	Kinh T1 giáp phường Bình Minh
11	Đường Tâm Vu - Rach Sậy	Giáp đường Tỉnh 908
12	Đường xã	Giáp đường Huyện 81
13	Khu vực Chợ Kinh Tư (DCVL)	
14	Khu vực chợ xã Nguyễn Văn Thành	
15	Đường nhựa	Cầu Tâm Vu
16	Đường Kinh 26 tháng 3	Đường tỉnh 908
17	Đường từ chợ Tâm Vu đến Đường tỉnh 908	Cầu chợ Tâm Vu
18	Đường huyện 81	Cầu Khoán Tiết
19	Đường xã	Giáp đường huyện 81
20	Khu vực chợ xã Mỹ Thuận	
21	Đường nhựa	Cầu Chợ xã Mỹ Thuận
22	Đường Mỹ Thuận - Săn Máu	Chợ xã Mỹ Thuận
23	Đường xã còn lại	
24	Đất ở tại nông thôn còn lại	
25	Đường Mỹ Thuận - Thành Trung (Cầu chợ xã Mỹ Thuận - đến giáp đường Thành Đông - Đường tỉnh 908)	Cầu chợ xã Mỹ Thuận
26	Khu tái định cư Cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ	

PHIẾP TẠI NÔNG THÔN

năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

Điểm /Khu vực	Giá đất bằng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
Đến			
Cầu số 9	1,870	2,600	730
giáp đường Nguyễn Trãi	2,640	3,700	1,060
Cầu Rạch Đôi	1,870	2,600	730
giáp khóm 3 (đường bờ kè sông Mang Thít)	1,890	2,700	810
giáp đường Quảng Trọng Hoàng	2,450	3,400	950
giáp đường Nguyễn Huệ (hai dãy đối diện nhà lồng chợ Cái Nhum)	3,550	5,300	1,750
giáp đường Quảng Trọng Hoàng	3,050	4,600	1,550
Đường Nguyễn Huệ	1,300	1,800	500
chợ Nông sản	2,600	3,600	1,000
Đường 3/2	3,100	4,700	1,600
giáp ranh xã An Phước	940	1,200	260
giáp đường 3/2 (Bảo hiểm xã hội - đường Nguyễn Trãi)	1,300	1,800	500
Bệnh viện Đa Khoa Mang Thít	780	1,000	220
Đường Nguyễn Trãi	780	1,000	220
Đường Nguyễn Trãi	780	1,000	220
Đường Nguyễn Trãi	780	1,000	220
Đường Nguyễn Trãi	910	1,200	290
giáp bờ kè	910	1,200	290
	780	1,000	220
Bên phả ngang sông Mang Thít	1,040	1,500	460
giáp đường Trần Hưng Đạo	780	1,000	220
Giáp đường Quảng Trọng Hoàng (giáp khu chợ Mới)	1,300	1,800	500
giáp ranh xã Nhơn Phú	780	1,000	220
đường Quảng Trọng Hoàng (đối diện Phòng Giáo Dục)	780	1,000	220
	1,020	1,400	380

Sông Cái Bát	1,440	2,000	560
Đường tỉnh 903 nối dài (Đập Cây Gáo)	660	900	240
cuối đường nhựa (2 đoạn)	720	900	180
Công ty cô phần nước và Môi trường	1,800	2,500	700
Cầu số 8	750	4,600	3,850
giáp ranh xã Nhơn Phú	540	700	160
giáp xã An Phước	500	700	200
Đường tỉnh 903	500	700	200
Giáp ranh xã Bình Phước	500	700	200
	780	1,000	220
	600	2,500	1,900
	420	2,600	2,180
	1,250	1,500	250
Đường tỉnh 902	940	1,100	160
cầu sông Lưu	360	1,600	1,240
cầu Tràm	320	400	80
ĐT 902	320	400	80
	960	1,200	240
ĐH.33B (Đường Địa Môn - Sông Lưu)	320	400	80
cầu Quao	320	400	80
giáp đường Địa Môn - Sông Lưu	320	400	80
	1,040	1,300	260
cầu Rạch Rừng	320	400	80
cầu Rạch Đôi	320	400	80
Cổng hỏ Rạch Đôi	320	400	80
cầu Nông Dân	320	400	80
ĐT 902	320	400	80

sông Măng Thít	320	400	80
	320	900	580
	320	900	580
	280	350	70
Công viên Văn hóa – Thể thao		-	-
Sân vận động		-	-
Câu Thanh Niên		-	-
Vàm Sông số 8		-	-
		-	-
cầu Mới	700	800	100
giáp ranh xã Cái Nhum	750	900	150
Quốc lộ 53	320	400	80
	1,040	1,300	260
Cầu Đồng Bé 1	320	400	80
Đập Âu	320	400	80
Cầu Đình Bình Lộc	320	400	80
giáp xã Tân Long Hội	320	400	80
Ngon Ngã Ngay	320	400	80
ĐT 903	500	600	100
ĐT 903	320	400	80
cầu Đồng Bé 2	320	400	80
giáp Quốc lộ 53	430	1,300	870
ĐH.35	360	400	40
cầu Ngọc Sơn Quang nhỏ	320	400	80
ĐH.35 (cầu Tân Quy)	320	400	80
ĐT 903 (cầu số 6)	320	400	80
Đập Ông 3A	320	400	80
Đường huyện 32	320	400	80
Cầu Bà Nhiên xã Tân An Hội	320	400	80
Cầu Đồng Bé	320	400	80
Đường huyện 35 (cổng Ông Tổng)	320	1,200	880
Đường huyện 35	320	400	80

	320	1,400	1,080
	320	1,400	1,080
	280	350	70
		-	-
giáp ranh xã Mỹ Phước	1,680	6,200	4,520
cầu rạch cây Công	660	800	140
giáp xã Bình Phước	320	2,000	1,680
	3,380	4,700	1,320
	1,250	1,500	250
cầu Nhon Phú mới	420	3,700	3,280
cầu sông Lưu	360	400	40
giáp Đường Tỉnh 907	320	400	80
Công số 3	420	500	80
ĐH.34	320	400	80
chợ Cái Kê	400	500	100
giáp ĐH.32B (30/4)	360	2,700	2,340
cầu Rạch Ranh	360	400	40
Cầu Nhon Phú Mới	700	800	100
	2,145	2,600	455
	320	1,700	1,380
	320	1,700	1,380
	280	350	70
Đường thủy sản		1,700	1,700
Đường tỉnh 907		1,700	1,700
cầu Sáu Tâm giáp xã Bình Phước		1,700	1,700
cổng Tư Mau		1,700	1,700
		-	-
Cầu Cái Chuối	2,280	3,200	920
ấp Thanh Hương (Mỹ An)	320	400	80
giáp ấp An Hưng (Mỹ An)	320	400	80
giáp ấp Bình Tịnh A (Hòa Tịnh)	320	400	80
giáp ấp Bình Tịnh A (Hòa Tịnh)	320	400	80
giáp ấp An Hưng (Mỹ An)	320	400	80
giáp ấp Bình Tịnh A (Hòa Tịnh) - giáp ấp Thanh Hương (Mỹ An)	320	400	80
	1,040	1,300	260

cầu rạch Cây Còng	1,320	1,600	280
cầu rạch Cây Còng	660	800	140
Đập Bà Phồng	540	700	160
Đường tỉnh 907	320	1,000	680
giáp ranh xã Nhơn Phú	320	400	80
Cầu Vườn Cò - Thiềng Long 1	320	1,000	680
Giáp xã Nhơn Phú	320	400	80
Giáp ấp Long Khánh (xã Long Mỹ)	320	400	80
giáp đường tỉnh 909	320	400	80
Cây xăng (Công ty Thương mại Đồng Tháp)	1,000	1,200	200
ranh thị trấn Cái Nhum	750	900	150
giáp thị trấn Cái Nhum	360	700	340
UBND xã Bình Phước	360	400	40
Đường 26/3 (ĐH.31B)	320	2,900	2,580
cầu Hai Khinh	320	400	80
ĐH.31B (Giồng Dài, đường 26/3)	320	400	80
UBND xã Bình Phước	320	400	80
Đường Cái Sao - Chánh Thuận	320	400	80
	320	1,100	780
	320	1,100	780
	280	350	70
		-	-
hết ranh xã Hòa Ninh	980	1,200	220
hết ranh xã Hòa Ninh	850	1,000	150
cầu Hòa Ninh	660	2,400	1,740
Đường huyện 21	400	500	100
Công Cây Đa	320	400	80
xã Đồng Phú	320	400	80
	520	600	80
Giáp ranh tỉnh Bến Tre	980	5,500	4,520
	850	3,100	2,250
cầu Cái Muối	500	600	100
ngã ba Lò Rèn	500	600	100

UBND xã Bình Hòa Phước	720	900	180
trụ sở ấp Phước Định 2	650	800	150
Cầu Hòa Ninh	500	600	100
Ngã 3 xã Hòa Ninh - Bình Hòa Phước	500	600	100
cầu Cái Muối	350	400	50
	520	600	80
cầu qua UBND xã Đồng Phú	850	1,000	150
Trường THCS Đồng Phú	850	1,000	150
giáp Đê bao 4 xã cũ lao	350	400	50
giáp xã Bình Hòa Phước	350	1,400	1,050
giáp xã Hòa Ninh	320	400	80
	1,040	1,300	260
hết ranh xã An Bình	660	800	140
UBND An Bình	520	600	80
bến phà An Hòa - Trường An	500	600	100
cầu Cây Gòn	350	400	50
giáp Khu du lịch Vinh Sang	320	400	80
	520	600	80
	320	400	80
	320	400	80
	280	1,100	820
giáp ĐH 28	280	400	120
giáp đường Vành Đai	280	400	120
đường Vành Đai (cầu Bà Cò)	280	400	120
Trường tiểu học Trương Văn Ba	280	400	120
		-	-
cổng Đất Méo	3,600	5,000	1,400
hết Trung Tâm Văn Hóa	3,900	5,500	1,600
giáp ranh nhà ở ngân hàng	2,760	3,900	1,140
cầu Hòa Tịnh	2,600	3,600	1,000
giáp Quốc lộ 53 - Đường Nguyễn Du	6,500	9,800	3,300
Đường Nguyễn Trãi	5,200	7,800	2,600
	6,500	9,800	3,300
Đường Nguyễn Du	6,500	9,800	3,300
Đường Nguyễn Du	6,500	9,800	3,300

hết đường Nguyễn Du	6,500	9,800	3,300
cầu Hòa Tĩnh	1,800	2,300	500
cầu Kinh Mới cũ	1,560	2,000	440
tiếp giáp tuyến đường khu dân cư vượt lũ khóm 4	1,560	2,000	440
công Long An	1,560	2,000	440
cầu Kinh Xáng	960	1,300	340
cây xăng Hoàng Sơn	1,200	1,600	400
	1,560	2,000	440
	960	1,300	340
		-	-
giáp ranh Tam Bình	840	1,000	160
hết ranh xã Long Hồ	500	600	100
giáp đường tỉnh 904	320	1,000	680
giáp ranh xã Long An	360	400	40
giáp ranh xã Hòa Phú	320	400	80
giáp ấp Phước Ngươn - xã Long Phước	320	400	80
	500	600	100
hết đường giao thông trong khu đất	420	500	80
	320	400	80
	320	400	80
		-	-
công Phó Mùi	1,000	2,000	1,000
giáp xã Bình Phước	1,000	1,200	200
giáp ranh Tam Bình	550	700	150
	1,040	1,300	260
công Đất Méo	2,300	4,100	1,800
cầu Long Phước	2,300	3,200	900
bờ lộ mới	420	500	80
Giáp đường Thị trấn- Phú Đức	320	400	80
Cái Tắc	980	6,600	5,620
cầu công Ranh	320	400	80
cầu Bên Xe	320	400	80
công hồ Miếu Ông	320	400	80
công hồ Miếu Ông	320	400	80
Công Ranh	320	400	80
giáp ranh thị trấn	320	400	80
	1,300	1,600	300
	520	600	80
	320	400	80
	320	1,400	1,080

	280	350	70
		-	-
cầu Lộc Hòa	2,600	3,400	800
Đường vào xã Phú Quới	3,200	4,500	1,300
cầu Lộc Hòa	940	4,200	3,260
giáp ranh xã Phú Đức	500	600	100
cầu Hàng Thê	600	700	100
cầu Ba Dung	440	3,200	2,760
giáp đường huyện 23	400	500	100
giáp đường huyện 22B	600	700	100
Quốc lộ 1 (1A cũ)	400	500	100
giáp ranh xã Phú Quới	320	400	80
	390	4,300	3,910
	1,000	1,200	200
	800	6,900	6,100
	520	600	80
cổng 5 Dò	1,000	1,200	200
cầu Hòa Phú	800	3,900	3,100
ranh huyện Tam Bình	400	500	100
hết ranh Khu Công nghiệp	1,320	1,700	380
giáp ĐH26	960	6,700	5,740
hết ranh Khu Công nghiệp	1,320	1,700	380
giáp ĐH26	960	4,800	3,840
giáp ranh xã Phú Đức	360	3,200	2,840
giáp Khu Công nghiệp	400	500	100
hết đường giao thông trong khu đất	660	800	140
cầu Cườn Nga	360	400	40
Đập Long Công	320	400	80
cầu Cây sao	320	400	80
	360	3,400	3,040
	2,200	2,900	700
	520	600	80
giáp xã Song Phú	2,200	2,900	700
giáp ranh xã Song Phú	600	4,800	4,200
cầu Phú Thanh	2,200	5,000	2,800
cầu Thanh Quới	720	900	180
sông Bu kê	3,600	5,000	1,400

khu Trúc Hoa Viên	1,200	9,500	8,300
	2,400	10,000	7,600
vòng qua giáp quốc lộ 1 (1A cũ) (phía sau lưng UBND xã)	2,000	11,400	9,400
	3,380	4,700	1,320
	320	3,900	3,580
	320	4,000	3,680
		-	-
giáp Đường Cao tốc	320	4,000	3,680
giáp ranh xã Cái Ngang	400	600	200
		-	-
cầu Thanh Bình cũ	800	2,900	2,100
Trường cấp 2-3 Thanh Bình	1,850	6,800	4,950
giáp ranh xã Quới Thiện	660	2,400	1,740
trụ sở UBND xã Thanh Bình	800	2,900	2,100
	420	500	80
	2,050	2,700	650
	1,850	2,400	550
	2,050	2,700	650
	2,050	2,700	650
	1,700	2,200	500
	1,850	2,400	550
	1,850	2,400	550
	2,050	2,700	650
	1,900	2,500	600
giáp ranh xã Quới Thiện	420	500	80
trường tiểu học Thanh Bình B	320	400	80
cầu Thanh Bình 2	650	800	150
trụ sở UBND xã Thanh Bình	1,550	1,900	350
nhà thờ Liệt sĩ	1,550	1,900	350
Phà Pang Tra	540	700	160
giáp chợ xã Quới Thiện	720	2,600	1,880
bến phà Quới An - Quới Thiện	660	2,400	1,740
ấp Phước Thạnh	420	1,200	780
hết đường ấp Phước Thạnh	420	1,200	780
	1,950	2,500	550
	320	1,800	1,480
	320	1,800	1,480

		600	600
		-	-
	4,700	7,100	2,400
	4,550	6,800	2,250
	3,800	5,300	1,500
	4,700	7,100	2,400
	3,800	5,300	1,500
bờ kè	3,800	5,300	1,500
Cầu Công Xi	3,400	4,800	1,400
cầu Hội Đồng Nhâm	1,850	2,400	550
1	1,780	2,300	520
Giáp NHNN Huyện	6,500	31,300	24,800
ngã Ba An Nhơn	4,550	6,800	2,250
Công Tư Nền	1,260	1,600	340
cầu Phong Thới	1,950	2,500	550
Cầu chợ Vũng Liêm (sông Rạch Trúc)	2,340	3,000	660
Cầu Trung Hiệp B	2,100	2,700	600
cầu Trung Hiệp B	1,780	11,200	9,420
Quốc lộ 53	2,200	2,900	700
cầu Hội Đồng Nhâm	1,560	2,000	440
đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,560	2,000	440
cầu Hai Việt	1,950	2,500	550
cầu Phong Thới (trừ khu tái định cư)	1,950	2,500	550
khu sơ dừa và kéo dài đến cầu Phong Thới cũ	1,850	2,400	550
khu tái định cư	1,850	2,400	550
đường Rạch Trúc	1,560	4,200	2,640
đường Rạch Trúc	1,560	4,200	2,640
đường Rạch Trúc	1,560	4,200	2,640
đường Rạch Trúc	1,560	4,200	2,640
đường Phong Thới	1,560	4,200	2,640
đường Phong Thới	1,560	4,200	2,640
đường Phong Thới	1,560	4,200	2,640
giáp đường Nguyễn Thị Hồng	1,000	1,300	300

nhà máy nước	1,560	4,200	2,640
	1,950	9,100	7,150
	2,200	11,900	9,700
	2,200	11,900	9,700
	1,850	10,000	8,150
	1,950	10,600	8,650
	2,100	11,400	9,300
	1,850	10,000	8,150
	1,850	12,700	10,850
	2,200	11,900	9,700
	1,850	10,000	8,150
	1,850	14,300	12,450
	1,260	6,400	5,140
		3,000	3,000
cầu Đá	1,300	4,600	3,300
giáp ranh xã Trung Thành	1,300	4,600	3,300
	1,080	3,800	2,720
giáp ranh xã Trung Hiệp	480	600	120
giáp ranh xã Trung Hiệp	480	600	120
Chợ Trung Hiếu	1,300	1,700	400
Công Bẫy Hy	520	600	80
giáp ranh xã Trung An	400	500	100
giáp ranh xã Trung An (cầu Mười Ròng)	400	500	100
giáp ranh xã Trung Hiệp	400	500	100
giáp ranh xã Trung Hiệp	400	500	100
	400	500	100
giáp kinh Mười Ròng	400	500	100
	3,100	4,300	1,200
	3,350	4,700	1,350
	3,100	4,300	1,200
	2,150	2,800	650
	1,800	2,300	500
	1,800	2,300	500
	3,300	4,600	1,300
	1,650	2,200	550
đường Trung Thành - Trung Thành Đông (ĐH.62B)	1,780	6,200	4,420
Cầu lộ Mỹ Thành	500	2,200	1,700

giáp ranh xã Trung Thành Đông	400	2,200	1,800
cầu Hai Việt	1,950	2,500	550
kênh Bà Hà (xã Trung Thành)	400	2,200	1,800
Đường Xã Dân	400	2,200	1,800
Đường Trung Thành - Trung Thành Đông (ĐH.62B)	350	400	50
	1,550	2,000	450
	320	1,000	680
	320	800	480
	280	350	70
		-	-
hết đường Nguyễn Thị Hồng	1,260	3,100	1,840
	660	1,600	940
giáp ĐT.907	400	500	100
giáp ranh xã Trung Thành	350	400	50
cầu Mây Túc	1,200	2,700	1,500
	1,080	2,400	1,320
	660	800	140
giáp ĐT. 907	400	500	100
giáp ĐT.907	400	500	100
giáp ĐT.907	400	500	100
	900	1,100	200
hết cây xăng Phú Nhuận	1,300	2,900	1,600
giáp ranh với xã Trung Nghĩa	1,200	2,700	1,500
	2,145	2,800	655
	320	1,500	1,180
	320	1,500	1,180
		700	700
giáp ĐT. 907		1,500	1,500
giáp đường đal Ngải Hậu -Mây Phốp		1,500	1,500
giáp ĐT. 907		1,500	1,500
		-	-
Hết trường trung học cơ sở Nguyễn Việt Hùng	1,980	2,600	620
Đường vào ấp Hòa Hiệp (đối diện cây xăng)	1,650	2,200	550

Đường Trung Thành Tây - Tân Quới Trung (ĐH.69)	1,550	2,000	450
	660	800	140
cầu Đình	1,550	2,000	450
bến phà đi xã Thanh Bình (hết đường nhựa)	660	800	140
giáp ĐT.902	400	500	100
giáp ranh xã Quới An	660	1,700	1,040
giáp ĐT. 901	660	800	140
giáp ranh xã Quới An	400	500	100
	450	500	50
cây xăng Nguyễn Huân	780	2,000	1,220
	660	1,700	1,040
bến phà Quới An - Chánh An	800	1,000	200
giáp ranh xã Trung Thành Tây	400	500	100
giáp đường Trung Thành Tây - Tân Quới Trung (ĐH.69)	350	400	50
bến phà Quới An - Quới Thiện	550	700	150
	350	400	50
giáp Huyện lộ 69	320	800	480
giáp Đường huyện 65B (cầu Đình - bến phà đi xã Thanh Bình (hết đường nhựa))	320	800	480
	2,145	2,800	655
	320	800	480
	320	800	480
		500	500
giáp Đường tỉnh 901		800	800
Đường liên ấp An Quới – Quang Hoà		800	800
Đường huyện 69 (ấp Quang Hòa)		800	800
Đường huyện 69 (ấp Quang Minh)		800	800
Đường huyện 69 (ấp Hiệp Trường)		800	800
Đường liên ấp Phước Trường - Phước Thọ		800	800
giáp Đường huyện 65B (giáp đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - cầu Đình)		800	800
		-	-

hết lò giết mổ Út Mười	1,300	4,700	3,400
	1,080	1,300	220
bến dò Nước Xoáy	800	1,000	200
cầu Gò Ân	720	900	180
	660	800	140
giáp ranh xã Trung Chánh	420	1,200	780
	3,380	4,100	720
cầu Quang Phong	780	2,100	1,320
	660	1,800	1,140
UBND xã Trung Chánh	420	500	80
	350	400	50
cầu Trung Hiệp	840	1,000	160
giáp ĐT.907	420	500	80
giáp ĐT.907	480	1,400	920
Đường Cầu Đá - Trung Hiệp (ĐH.61)	480	1,400	920
Đường Trung Hiệp - Hiếu Phụng (ĐH.60B)	350	400	50
	350	400	50
	1,040	1,300	260
	320	900	580
	320	900	580
	280	900	620
		-	-
cổng Sáu Cầu	1,300	3,800	2,500
	660	1,900	1,240
xã Hiếu Thuận (ấp Quang Mỹ)	400	500	100
Đường Huyện 62	720	1,400	680
	660	1,300	640
giáp Đường Tỉnh 907	400	500	100
	1,040	1,300	260
giáp ranh xã Trung Hiếu	1,550	1,900	350
	1,080	1,300	220
cầu Nam Trung 2	1,200	1,400	200
giáp ranh xã Tân An Luông	420	1,200	780
giáp ranh xã Trung Hiệp	420	1,200	780
giáp ranh xã Hiếu Thuận	400	500	100
giáp ranh xã Tân An Luông	400	500	100

giáp ranh xã Trung Hiệp	400	500	100
	3,900	6,500	2,600
	3,900	6,200	2,300
	3,900	6,200	2,300
	3,900	6,200	2,300
	2,600	3,100	500
	3,900	6,200	2,300
	2,600	3,100	500
	1,040	1,300	260
	2,600	3,100	500
	1,050	1,300	250
	1,650	2,000	350
	320	800	480
	320	800	480
		700	700
		-	-
Đường huyện 66B (đối diện Khu phố chợ xã Hiếu Nhơn (Lô H))	2,600	7,100	4,500
cổng Hai Vỡ	800	2,200	1,400
	660	1,800	1,140
	660	1,100	440
cổng Tư Hiếu (về Trung An)	550	700	150
giáp ĐT.907	450	500	50
	3,000	4,200	1,200
	6,350	8,900	2,550
	7,250	10,200	2,950
	7,650	10,700	3,050
	2,600	3,400	800
	2,400	3,100	700
	6,100	8,500	2,400
	5,100	7,100	2,000
	1,550	2,000	450
cầu Hựu Thành	1,300	3,600	2,300
cổng Chín Phi	780	1,300	520
cầu Quang Hai (đoạn qua xã Hiếu Thành)	780	2,100	1,320
	520	-	(520)
	320	800	480
	320	800	480
		600	600
		-	-

cầu Thuộc Nhàn	360	400	40
	520	600	80
Ngã 3 Phú Long - Phú Lợi	340	400	60
Ngã 3 khu du lịch Cồn Công	340	400	60
cầu Cái Bần	400	500	100
hết ranh xã Lục Sĩ Thành	360	400	40
hết đường nhựa ấp Kinh Đào	340	400	60
chùa Vĩnh Khánh	340	400	60
Đường Long Hưng- Kinh Đào	340	400	60
	320	400	80
	280	300	20
		-	-
Vị trí 2 chợ xã Tích Thiện	780	900	120
	660	800	140
cầu Mương Điều	480	600	120
hết ranh xã Tích Thiện	400	500	100
	2,145	2,600	455
Đường tỉnh 901	340	400	60
giáp ranh xã Vĩnh Xuân	340	400	60
Đường Võ Tánh	7,000	10,500	3,500
	7,500	11,300	3,800
	4,000	5,600	1,600
Chi cục Thuế	4,200	6,300	2,100
Đường Trưng Trắc	4,800	7,200	2,400
Đường Lê Văn Duyệt	4,800	7,200	2,400
Đường Phan Thanh Giản	4,200	6,300	2,100
Đường Thông Chê Điều Bát	4,200	6,300	2,100
Đường Trưng Trắc - Đường Trung Nhi	2,600	3,600	1,000
Đường 8 tháng 3	2,000	2,800	800
Đường Thông Chê Điều Bát	1,600	2,200	600
Đường Đốc Phủ Yên	1,600	2,200	600
Quốc lộ 54	1,600	2,200	600
Đường Thông Chê Điều Bát	2,500	3,500	1,000
Đường Đô Chiêu	2,500	3,500	1,000
Quốc lộ 54	1,300	1,700	400
Đường Thông Chê Điều Bát	2,500	3,500	1,000
hết ranh Khu 5	2,000	2,600	600
Đường 8 tháng 3	1,500	7,100	5,600
Đường huyện 70	1,200	20,200	19,000
Đường dal cặp sân chợ	4,200	6,300	2,100

hết ranh Khu 6	900	1,200	300
Quốc lộ 54	2,000	2,800	800
Trường Tiểu học A	1,500	2,000	500
Giáp Sân vận động huyện	1,000	1,300	300
Giáp công Sân Vận động huyện	900	1,200	300
Đường 30/4	900	1,200	300
	860	8,000	7,140
Trung tâm Dạy nghề cũ	1,950	2,300	350
Trung tâm Dạy nghề cũ	1,300	1,700	400
	840	1,100	260
	660	800	140
Quốc lộ 54	1,300	1,600	300
Đường huyện 70	900	1,100	200
cầu Bang Chang	380	500	120
giáp đường 8 tháng 3	650	800	150
Sân Vận Động huyện	550	700	150
Rạch Voi	900	1,200	300
cầu Rạch Cống	480	600	120
Đình Mỹ Hưng	340	400	60
Đường Mỹ Phó - Mỹ Hưng	400	500	100
Đường huyện 70	340	400	60
Chùa Nhất Tâm	340	400	60
	320	800	480
	320	400	80
Đường Mỹ Lợi, Mỹ Trung, Tích			
Đường Thanh Bạch	280	1,500	1,220
		-	-
hết ranh xã Nhơn Bình	360	400	40
giáp ranh xã Trà Cỏ	360	400	40
Sông Sa Rày	340	400	60
giáp Xuân Hiệp	340	400	60
	660	800	140
cầu Đình	340	400	60
	2,145	2,600	455
giáp ranh xã Tân Mỹ	360	400	40
	340	400	60
	660	800	140
	1,040	1,300	260
giáp ranh xã Vĩnh Xuân	360	400	40
Đường huyện 71 (lộ Nhà Thờ)	340	400	60
Đường huyện 71	340	400	60

	320	2,000	1,680
	280	1,100	820
hết ranh thị trấn (xã Tường Lộc cũ)	360	400	40
	320	400	80
A, Tường Nhon B, Tường Trí, 5, Tường Lễ, Nhà Thờ	320	400	80
		-	-
	660	800	140
kinh số 2	1,200	1,400	200
giáp ranh xã Thanh Phú (Trà Vinh)	1,200	1,400	200
	900	1,100	200
hết khu tái định cư	1,200	8,000	6,800
	660	800	140
Giáp Đường tỉnh 901	360	400	40
	1,100	1,300	200
	3,380	4,700	1,320
giáp Trường THCS Hựu Thành	750	900	150
cầu Ông Tín	340	400	60
đường huyện 72	340	400	60
Đường Công Đá - Ông Lãnh	1,080	1,300	220
	840	1,000	160
hết ranh xã Thuận Thới	360	1,300	940
	1,040	1,300	260
Giáp xã Vĩnh Xuân	360	400	40
Đường Ông Lãnh - Vĩnh Thới	360	400	40
Giáp ranh xã Thông Hòa (huyện Cầu Kè, Trà Vinh)	360	400	40
hết Nghĩa trang Liệt sĩ Huyện	860	1,000	140
giáp Nghĩa trang Liệt sĩ Huyện	2,300	2,800	500
	840	1,000	160
	660	800	140
giáp ranh ấp Gò Tranh	340	400	60
Sông Ngã Tư Bung Lớn	320	400	80
Nhà Truyền thống Đảng bộ tỉnh	380	500	120
	2,145	2,800	655
giáp ranh xã Tân Mỹ	360	400	40
giáp ranh xã Tích Thiện	340	400	60
giáp ranh xã Thuận Thới	340	400	60
Giáp ranh xã Trà Côn	340	400	60
	320	400	80
	280	300	20
		-	-

cổng trường Mẫu giáo (xã Xuân Hiệp)	780	900	120
	660	800	140
hết ranh xã Xuân Hiệp	340	400	60
Cầu Lý Nhỏ	340	400	60
	1,040	1,400	360
	340	400	60
giáp ranh huyện Vũng Liêm	320	400	80
Cầu Thới Hoà	780	900	120
	660	800	140
Rạch Tòng	360	400	40
	2,145	2,800	655
	520	600	80
giáp ranh ấp Tường Hưng	360	400	40
giáp ranh huyện Vũng Liêm	340	400	60
giáp ranh xã Hoà Bình	340	400	60
Đường huyện 73	340	400	60
Đường huyện 74 (ngã 3 cây xăng)	780	900	120
	660	800	140
Đường Hiệp Hòa-Hiệp Lợi	900	1,100	200
cầu Rạch Rừng	360	400	40
giáp ranh xã Thới Hòa	340	400	60
cầu 8 Sấm	340	400	60
	2,145	2,800	655
Đường huyện 77	320	400	80
	340	400	60
		-	-
	700	800	100
	660	3,400	2,740
Cầu Ấp 9	340	400	60
	520	600	80
Đường huyện 43B	650	800	150
cầu Cai Quờn	320	400	80
	1,020	1,200	180
	1,040	1,300	260
	1,040	1,300	260
Cổng chào ấp Hoà An giáp ranh huyện Long Hồ	320	2,000	1,680
Đập Cây Trôm	320	900	580
đến Cầu Cái Cui	320	400	80
	360	400	40
Đến Khu di tích trận đánh 06 ngày đêm	320	400	80

Bến đò qua Tường Lộc	320	400	80
	520	600	80
Cầu áp 9	360	400	40
Đường huyện 42B	320	400	80
	340	400	60
	320	400	80
	280	1,400	1,120
	320	400	80
		-	-
cầu Cái Sơn Lớn	660	800	140
Công Ông Sĩ	750	900	150
Cầu Bằng Tăng lớn	900	1,100	200
	660	800	140
	660	800	140
Đường Trần Đại Nghĩa	1,100	1,400	300
UBND xã Mỹ Thạnh Trung	380	500	120
Đường Rạch Ranh - Nông trường	320	400	80
	340	1,900	1,560
	320	1,200	880
		1,300	1,300
hết UBND Huyện	1,000	1,300	300
hết UBND Huyện	600	800	200
bến đò qua Nhà thờ	2,500	3,500	1,000
bến đò qua Nhà thờ	1,500	2,000	500
Đường Phan Văn Đáng	3,500	5,300	1,800
Phòng Tài chính kế hoạch huyện Tam Bình	1,200	1,600	400
giáp thửa đất số 314 tờ bản đồ số 20	900	1,200	300
Đường Trần Văn Bảy	3,500	5,300	1,800
Đường Phan Văn Đáng	3,000	4,200	1,200
	1,900	2,700	800
Đường Phan Văn Đáng	3,500	5,300	1,800
Cầu Mỹ Phú	2,800	3,900	1,100
Cầu Hàn	600	800	200
Đường Trần Văn Bảy	800	1,000	200
Cầu Hàn	720	900	180
Đường Nguyễn Văn Ngợi	620	800	180
Đường Phan Văn Đáng	1,000	1,300	300
hết ranh Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện	2,000	2,800	800
	2,640	3,700	1,060
Cầu 3/2	3,600	5,400	1,800
Cầu Võ Tuấn Đức	2,700	22,700	20,000

	700	900	200
	600	800	200
Cầu Ông Đốc	1,080	1,400	320
Công Âu	1,020	1,200	180
cầu Lò Vôi	660	3,300	2,640
Đường Trần Đại Nghĩa	1,000	1,200	200
cầu rạch Sầu	650	2,400	1,750
ngã ba Thầy Hạnh	400	1,800	1,400
đường đal Khóm Tường Lễ	320	400	80
đường Tam Bình - Chợ cũ	320	1,500	1,180
Giáp ranh xã Mỹ Thạnh Trung	320	400	80
Cầu Mỹ Phú 1	320	3,400	3,080
	280	2,600	2,320
Giáp ranh ấp Cây Bàng	320	400	80
Đường ấp Mỹ Trung 2 - Mỹ Thành	320	400	80
Đường Mỹ Lộc - Mỹ Thạnh Trung	320	400	80
		-	-
Đường huyện 48B	340	400	60
Đường huyện 26/3 (ĐH.45)	320	400	80
Đường tỉnh 909	320	400	80
cầu ấp Bình Điền	360	400	40
	1,250	1,500	250
	340	400	60
	320	2,000	1,680
Cầu Ông Tru	700	800	100
	1,040	1,300	260
Đường huyện 48	360	400	40
	1,080	1,300	220
(Đường Khu 6)	1,020	1,200	180
	660	800	140
Quốc Lộ 54	660	800	140
hết ranh xã Ngải Tứ	340	400	60
	360	400	40
	520	600	80
		1,300	1,300
Đường tỉnh 904	1,100	1,400	300
		-	-
hết ranh xã Song Phú	1,600	2,100	500
	660	800	140
	300	400	100
Cầu Phú Yên	320	400	80

kinh Phú Yên	320	400	80
Cầu Phú Yên xã Tân Phú	320	400	80
	1,300	1,600	300
hết Trường Cấp 2, 3 Long Phú	1,000	3,100	2,100
	660	800	140
hết ranh xã Long Phú	360	400	40
	400	500	100
	2,580	3,400	820
cầu số 3	320	400	80
Cầu Pô Kê	720	900	180
	660	800	140
	500	600	100
	1,000	1,200	200
trộn đường	320	400	80
Hết ranh xã Phú Thịnh	320	400	80
Công Ba Se	1,300	2,400	1,100
	1,200	1,400	200
	3,380	4,700	1,320
Đường Cái Sơn - Lô 6	360	2,300	1,940
Chợ Song Phú	320	400	80
	780	900	120
Kênh 6 giếng (nhà Ông Võ Văn hoàng)	320	400	80
	340	400	60
	320	1,400	1,080
	280	1,200	920
		-	-
hết khu dân cư Cái Ngang	1,300	1,700	400
	660	2,200	1,540
cầu Cai Quờn	320	400	80
giáp ấp Cái Sơn	320	400	80
	3,500	4,600	1,100
	3,380	4,700	1,320
	660	800	140
giáp ranh xã Long Phú	320	400	80
Đường Mỹ Lộc - Mỹ Thạnh Trung	320	400	80
Cổng Hai Nghiêm	320	400	80

Giáp xã Mỹ Thạnh Trung	320	400	80
Nhà Năm Bé	320	400	80
Đập 3 Xôm	320	400	80
Đường huyện 40B	3,500	4,900	1,400
giáp ranh xã Mỹ Thạnh Trung	420	500	80
Nhà ông Phạm Văn Thiên (tờ 16 thửa 204)	320	400	80
hết ranh Tam Bình	480	600	120
	480	600	120
Đường ấp 5, ấp 6	320	400	80
Cầu Công Bản	720	900	180
	360	400	40
Đường ấp 5-6-Danh Tâm	320	400	80
Đường Danh Tâm	320	400	80
Cầu Long Công	600	700	100
hết ranh xã Cái Ngang	420	500	80
	420	500	80
Đường Ranh Làng giữa xã Cái Ngang - xã Song Phú	320	400	80
	340	2,100	1,760
	320	400	80
	280	300	20
hết ranh xã Cái Ngang	320	400	80
hết ranh xã Cái Ngang	320	400	80
giáp ranh xã Phú Quới	420	500	80
		-	-
Cầu Rạch Súc	1,500	1,800	300
	520	600	80
Cầu Tân Thới	520	600	80
Ranh ấp Tân Biên	360	3,200	2,840
Dọc Sông Trà Môn đến Cầu Rạch súc	360	400	40
Ranh thị trấn Tân Quới	360	400	40
Cụm văn hóa Tân Trung - Tân Phước	360	400	40
Giáp ranh Thị trấn Tân Quới	1,900	5,300	3,400
Cầu kinh Cầu Dựng	1,200	1,600	400
Hết Tuyến dân cư ấp Thành Tân	400	500	100
Cầu Nhị Thiên Đường	500	600	100
	520	600	80

Cầu Chú Bền	1,900	5,800	3,900
Cầu Tân Quới	2,400	3,400	1,000
Trường Cấp III Tân Quới	2,100	2,900	800
Giáp ranh xã Tân Bình	1,700	5,800	4,100
Cầu Ngã Cạn	2,000	2,800	800
Cầu kinh Bông Vải	1,200	1,600	400
Bến đò Chòm Yên	2,100	7,500	5,400
Cầu Tân Quới 2	2,000	2,800	800
Giáp đường huyện 80	1,200	1,600	400
Trung tâm Y tế huyện	1,150	1,500	350
Giáp đường Phan Chu Trinh	1,140	1,500	360
Ranh xã Tân Bình	640	800	160
Nhà Ông Lợi	2,100	2,900	800
Ranh xã Thành Lợi (ấp Thành An)	640	3,600	2,960
Giáp chợ Đình	600	800	200
	3,380	4,700	1,320
	620	800	180
	600	5,000	4,400
	1,140	1,500	360
Giáp đường 3 tháng 2 (Quốc lộ 54 cũ)	1,400	1,800	400
Giáp đường Phan Chu Trinh	1,140	1,500	360
Giáp đường Nguyễn Văn Thành	1,140	1,500	360
Giáp đường Nguyễn Văn Thành	1,140	1,500	360
Giáp đường Nguyễn Văn Thành	1,140	1,500	360
Hết đường nhựa	950	1,200	250
	600	800	200
	580	3,300	2,720
	500	2,200	1,700
	320	2,200	1,880
	280	2,100	1,820
giáp Sông Hậu	580	3,300	2,720

	320	2,200	1,880
giáp ranh ấp Tân Yên, xã Tân Lược	320	2,200	1,880
	500	5,000	4,500
		-	-
Trường tiểu học Tân Thành A	720	900	180
Cầu kinh 12	800	3,300	2,500
Cầu kinh Huyện Hàm	720	900	180
	3,380	4,700	1,320
UBND xã Tân Thành	360	400	40
Cầu Thành Lễ, Thành Hậu	360	400	40
Cây xăng ngã năm	360	400	40
Cầu kinh Đào	1,500	1,800	300
Cầu Xã Hời	1,100	5,000	3,900
Cầu Kiên Sơn	720	900	180
Chợ xã Tân An Thạnh	650	800	150
	520	600	80
Cầu Lung Cái	660	800	140
Cua queo (ấp Hưng Thuận)	720	2,300	1,580
Cầu Kiên Sơn	660	3,100	2,440
Ranh xã Tân Phú (Đồng Tháp)	660	800	140
Giáp tái định cư vượt lũ	320	400	80
Giáp tái định cư vượt lũ	320	400	80
ấp Hưng Nghĩa, xã Tân Hưng	320	400	80
ấp Tân Long xã Tân Lược	320	1,500	1,180
Cầu Cái Dầu	2,000	2,600	600
Chợ Tân Lược	1,500	2,000	500
Tuyến DCVL xã Tân Lược	1,000	1,200	200
Tuyến DCVL xã Tân Lược	1,000	1,200	200
Cầu Ba Phòng	650	800	150
Trạm y tế xã Tân Lược	1,000	1,200	200
Lộ 12	650	800	150
	3,380	4,700	1,320
Hết đường nhựa	360	400	40
Giáp ranh xã Tân Hưng	360	1,400	1,040
Cầu Lò Heo	360	400	40
Đường nhựa Rạch Súc	550	700	150
	320	1,600	1,280
	280	1,200	920
ranh xã Tân Quới	320	1,600	1,280
giáp ranh xã Tân Hưng (cũ)	320	1,600	1,280
Đê bao sông Hậu	320	1,600	1,280
kinh Tuổi Trẻ	320	1,600	1,280

		-	-
Cầu cống số 2	750	4,400	3,650
Giáp ranh xã Tân Lược	660	800	140
Cầu kinh Hai Quí	660	5,900	5,240
	1,040	6,600	5,560
Cầu kinh Đào	600	2,700	2,100
Đường tỉnh 908	750	5,000	4,250
Ranh xã Tân Thành	360	2,000	1,640
Cầu Thành Lễ, Thành Hậu	360	1,800	1,440
Đường Mỹ Thuận - Thành Trung	360	1,900	1,540
Đường tỉnh 908	660	3,000	2,340
Chợ xã Nguyễn Văn Thành	400	500	100
Chợ xã Nguyễn Văn Thành	400	500	100
	520	600	80
	1,040	1,300	260
Chợ xã Mỹ Thuận	360	400	40
Khu dân cư xã Mỹ Thuận (cũ)	360	400	40
Đường tỉnh 908	320	2,000	1,680
Đường tỉnh 908	900	1,100	200
Chợ xã Mỹ Thuận	800	1,000	200
	800	1,000	200
Chợ xã Mỹ Thuận	1,000	1,200	200
Đường Tỉnh 910	360	400	40
	320	2,400	2,080
	280	1,300	1,020
giáp đường Thành Đông - Đường tỉnh 908	320	2,400	2,080
	660	5,900	5,240

Tỉnh: Vĩnh Long

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm

(TỈNH BẾN TRE CŨ)

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường
		Từ
I	Phường An Hội	
1	Đường An Dương Vương	Cầu Rạch Vong
2	Đường An Dương Vương	Cầu Rạch Vong
3	Đường Âu Cơ	Lộ Tiểu dự án
4	Đường Âu Cơ	Cầu Trôm
5	Đường ĐA.01 - Mỹ Thạnh An	Lộ Tiểu dự án
6	Đường ĐA.02 - Mỹ Thạnh An	Đường Trần Văn Cầu
7	Đường ĐA.03 - Mỹ Thạnh An	Đường An Dương Vương
8	Khu tái định cư Mỹ Thạnh An	Đường số 1, 2, 3, 4
9	Khu tái bố trí Mỹ Thạnh An	Đường số 5, 6, 7, 8
10	Đường Đồng Khởi	Cầu An Thuận
11	Đường Lạc Long Quân	Cầu Cái Cối
12	Đường Lạc Long Quân	Cầu Kinh
13	Đường Nguyễn Văn Nguyễn	Cầu An Thuận
14	Đường Trương Vĩnh Ký	Vòng xoay Mỹ An
15	Quốc lộ 57C	Vòng xoay Mỹ An
16	Đường Đồng Văn Cống (địa phận xã Mỹ Thạnh An)	Cầu Mỹ Hóa (Âu Cơ)
17	Lộ Tiểu dự án	Ranh Sơn Phú
18	Lộ Tiểu dự án	Cầu Thom
19	Lộ Tiểu dự án	Cầu Cá Trê
20	Đường Trần Văn Cầu	Quốc lộ 57C

21	Lộ Giồng Xoài	Trộn đường
22	Lộ Phú Nhon	Lộ Cầu Nhà Việc
23	Lộ Cầu Nhà Việc	Quốc lộ 57C
24	Lộ Cầu Nhà Việc	Cầu Nhà Việc
25	Đường Phạm Ngọc Thảo	Vòng xoay Mỹ An
26	Quốc lộ 57C	Giáp ranh xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre
27	Quốc lộ 57C	Cầu Sơn Phú 2
28	Đường huyện cấp sông Hàm Luông (Đường xã)	Giáp thành phố Bến Tre
29	Đường huyện cấp sông Hàm Luông (Đường xã)	Đường vào UBND xã Sơn Phú
30	Đường vào UBND xã Sơn Phú (đường xã ĐX.01)	Quốc lộ 57 C (ĐT.887)
31	Đường vào UBND xã Sơn Phú (đường xã ĐX.01)	Giáp đường cấp sông Hàm Luông
32	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Vòng xoay An Hội
33	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Phan Ngọc Tông
34	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Trung Trực
35	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Huệ
36	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương
37	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hai Bà Trưng
38	Đường Nguyễn Trung Trực	Trộn đường
39	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ
40	Đường Hùng Vương	Đường Phan Ngọc Tông
41	Đường Hùng Vương	Đường Đồng Khởi
42	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Huệ
43	Đường Lê Lợi	Đường Phan Ngọc Tông
44	Đường Lê Quý Đôn	Trộn đường
45	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trực
46	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phan Ngọc Tông
47	Đường Lê Đại Hành	Trộn đường
48	Lộ Số 4	Trộn đường
49	Đường Phan Ngọc Tông	Đường Hùng Vương
50	Đường Phan Ngọc Tông	Đường Nguyễn Đình Chiểu
51	Đường Nguyễn Bình Khiêm	
52	Đường Nguyễn Trãi	
53	Đường Nguyễn Du	
54	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	
55	Đường Đồng Khởi	Cầu Bến Tre (Hùng Vương)
56	Đường Đồng Khởi	Vòng xoay An Hội
57	Đường 3 Tháng 2	Trộn đường
58	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Huệ

59	Đường Hai Bà Trưng nối dài	Đường 30 Tháng 4
60	Đường Trần Quốc Tuấn	Trộn đường
61	Đường Lê Lai	Trộn đường
62	Đường Đông Đa	Trộn đường
63	Đường Chi Lăng 1	Trộn đường
64	Đường Chi Lăng 2	Trộn đường
65	Đường Cách Mạng Tháng 8	Trộn đường
66	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương
67	Đường Ngô Quyền	Trộn đường
68	Đường Tân Kế	Trộn đường
69	Đường Lãnh Binh Thăng	Đường 3 Tháng 2
70	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Hùng Vương
71	Đường Đoàn Hoàng Minh	Cầu Nhà Thương
72	Đường Hoàng Lam	Trộn đường
73	Đường Trương Định	Trộn đường
74	Đường Nguyễn Ngọc Nhựt	Đường 30 Tháng 4
75	Đường Nguyễn Ngọc Nhựt	Cầu Mới
76	Hẻm Hoa Nam	Trộn đường
II	Phường Phú Khương	
1	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Cầu Cá Lóc
2	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Cổng An Hoà
3	Đường Nguyễn Đình Chiểu (địa phận xã Phú Hưng)	Cầu Gò Đàng
4	Các tuyến đường trong khu Chính trang đô thị phường Phú Khương (trừ tuyến đường Đại lộ Đông Tây và 04 nền khu tái định (thửa 208; 238; 261; 262 cùng tờ bản đồ số 46)	
5	Đại lộ Đông Tây	Đường Đồng Khởi
6	Đại lộ Đông Tây	Đường Nguyễn Huệ
7	Đường Ca Văn Thỉnh	Đường Đồng Khởi
8	Đường Đoàn Hoàng Minh	Hết ranh Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu và Minh Đức
9	Đường Đồng Khởi	Cổng chào thành phố
10	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Nguyễn Thị Định
11	Đường N12	Thửa 190; 239 tờ 54
12	Đường N12	Thửa 9; 133 tờ 57
13	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Đình Phùng
14	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Đồng Khởi
15	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Nguyễn Huệ
16	Đường Nguyễn Văn Trung	Trộn đường
17	Đường Nguyễn Văn Cánh	Đường Nguyễn Thị Định
18	Đường Nguyễn Văn Khước	Trộn đường
19	Đường Phan Đình Phùng	Trộn đường

20	Đường tỉnh 885	Ngã ba Phú Hưng
21	Đường vành đai thành phố	Đường Nguyễn Văn Cánh
22	Đường vành đai thành phố (địa phận xã Phú Hưng)	Lộ vào bãi rác
23	Đường vành đai thành phố	Đường Nguyễn Văn Cánh
24	Hẻm Quảng Bạch	Đường Đồng Khởi
25	Lộ Đình Phú Tự	Trộn đường
26	Lộ Phú Hào - Phú Hữu - Bờ Đấp	Trộn đường
27	Lộ vào bãi rác	Trộn đường
28	Đường liên ấp 2B xã Nhơn Thanh	Trộn đường
29	Lộ Phú Nhuận - Nhơn Thanh	Quốc lộ 57C
30	Đường 30 tháng 4 (Lộ Veps địa phận xã Nhơn Thanh)	Cầu Chùa
31	Lộ 19 Tháng 5	Cầu Miếu Cái Đôi
32	Lộ Cơ Khí	Trộn đường
33	Lộ Sơn Hòa	Trộn đường
34	Các dãy nhà chợ Phú Hưng	
35	Lộ Thây Cai	Đường Nguyễn Đình Chiểu
36	Khu dân cư Phú Dân (Tuyến đường chính)	Trộn đường
37	Khu dân cư Phú Dân (Đường số 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9)	Trộn đường
38	Khu dân cư Phỏ Xanh	
39	Khu đô thị Hưng Phú	
40	Đường Hạ tầng thiết yếu (p8) dọc bờ sông Bến Tre	Cầu Cá lóc 2
41	Đường D5	Đường Nguyễn Đình Chiểu
III	Phường Bến Tre	
1	Đường Hùng Vương	Cầu Kiến Vàng
2	Đường Nguyễn Văn Tư	Vòng xoay Ngã Năm
3	Đường Nguyễn Văn Tư	Vòng xoay Mỹ Hoà
4	Đường Nguyễn Thanh Trà	Phường 7(cũ)
5	Đường Võ Văn Phẩm	Vòng xoay Bình Nguyên
6	Đường Võ Văn Khánh (địa phận Phường 7 (cũ))	Đường Đồng Văn Cống
7	Lộ Thống Nhất	Trộn đường
8	Khu dân cư Sao Mai	Đường số 3
9	Khu dân cư Sao Mai	Đường số 5
10	Khu dân cư Sao Mai	Đường số 2
11	Khu dân cư Sao Mai	Đường số 1
12	Khu dân cư Sao Mai	Đường số 4
	Khu dân cư 225	
	Đường số 1	Đoạn 1
	Đường số 1	Đoạn 2
13	Đường số 2	Đoạn 1
	Đường số 2	Đoạn 2

	Đường số 3	Trộn đường
	Đường số 4, 5, 6, 7	Trộn đường
	Khu tái định cư Công an tỉnh	
14	Đường N1	Đoạn 1
	Đường N1	Đoạn 2
	Đường N2	Trộn đường
	Đường D4	Trộn đường
15	Đường Khu tập thể ngân hàng Phường 7 (cũ)	Trộn đường
16	Đường Võ Nguyên Giáp	Vòng xoay Tân Thành
17	Đường Võ Nguyên Giáp	Vòng xoay Bình Nguyên
18	Đường Đông Văn Công	Vòng xoay Bình Nguyên
19	Lộ Thông Nhất (địa phận Phường 7 (cũ))	Đường Võ Văn Khánh
20	Quốc lộ 60	Bến phà Hàm Luông (cũ)
21	Đường vào cầu Hàm Luông	Cầu Hàm Luông
22	Đường ĐX.03 (ĐH DK.38)	Quốc lộ 60 cũ
23	ĐX.01(ĐH DK.38)	Vòng xoay đường vào cầu Hàm Luông
24	ĐX.01(ĐH DK.38)	Từ Ngã tư đường vào UBND xã Thanh Tân
25	Các dãy phố Chợ Thanh Tân	
IV	Phường Sơn Đông	
1	Đường tỉnh 883 (ĐH.173, địa phận xã Sơn Đông)	
2	Đường Đoàn Hoàng Minh	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu và Minh Đức
3	Đường ĐX.01	
4	Quốc lộ 57C (địa phận xã Sơn Đông)	Đoạn từ vòng xoay Tân Thành
5	Lộ gò Đông Hải (địa phận xã Sơn Đông)	
6	Đường Võ Văn Phẩm	Vòng xoay Bình Nguyên
7	Đường Võ Văn Phẩm	Vòng xoay Bình Nguyên
8	Đường Trương Đình	Trộn đường
9	Đường Trần Văn Ôn	Giáp ranh thị trấn
10	Đường huyện ĐH.01	Ngã tư Tuần Đâu
11	Đường Đông Văn Công	Vòng xoay Bình Nguyên
12	Đường ĐX 04 – Tam Phước	Đường Trần Văn Ôn
13	Đường huyện ĐH.01	Cách ngã tư Tuần Đâu 500m phía Tam Phước
14	Đường huyện ĐH.01	Cầu kênh sông Mã
15	Đường Nguyễn Ngọc Nhựt	Cầu Mới

16	Đường trước cổng chính sân vận động tỉnh	Đường Đoàn Hoàng Minh
17	Lộ kênh 19 Tháng 5 (địa phận xã Sơn Đông)	Lộ gò Đông Hải
18	Lộ Cơ Khí	Trộn đường
19	Lộ gò Đông Hải (địa phận xã Sơn Đông)	
20	Lộ Sơn Đông - Mỹ Thành	Quốc lộ 57C
21	Lộ Sơn Đông - Bình Phú	Lộ Sơn Đông - Mỹ Thành
22	Lộ Tập đoàn 8 (địa phận xã Sơn Đông)	
23	Lộ Sơn Hòa	Trộn đường
24	Quốc lộ 60 (địa phận xã Sơn Đông)	Vòng xoay Tân Thành
25	Quốc lộ 60 mới	Cầu Ba Lai mới
26	Đường Võ Nguyên Giáp	Đoạn từ vòng xoay Tân Thành đến vòng xoay Bình Nguyên
27	Đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2	
V	Phường Phú Tân	
1	Đường huyện ĐH.01	Giáp ranh phường Sơn Đông
2	Đường huyện ĐH.01	Cách ngã tư Tuần Đâu 500m phía Hữu Định
3	Đường tỉnh 883 (ĐT.883)	Giáp QL.60
4	Đường tỉnh 883 (ĐT.883)	Vòng xoay Hữu Định
5	Các dãy phố chợ Tân Thành	
6	ĐH.DK.13	Trộn đường
7	Đường Đồng Khởi	Vòng xoay Phú Khương
8	Đường ĐX. 01	Cầu Cái trắng
9	Đường ĐX.01	Thửa 566; 250 tờ 9 xã Phước Thạnh
10	Đường ĐX.02	Giáp đường Võ Tấn Nhứt
11	Đường huyện (ĐH.DK.14)	Giáp thành phố Bến Tre
12	Đường huyện (ĐH.DK.14)	Lộ vườn Tam Phước-Hữu Định
13	Đường Huỳnh Tấn Phát	Giáp Quốc lộ 57B
14	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Đồng Khởi
15	Đường Nguyễn Văn Cánh	Đường Nguyễn Thị Định
16	Đường Nguyễn Văn Khước	Trộn đường
17	Đường vành đai thành phố	Đường huyện 173
18	ĐA 02 (Lộ Bãi Rác)	Trộn đường
19	Quốc lộ 60 mới	Cầu Ba Lai mới
20	Quốc lộ 60 (địa phận phường Phú Tân)	Vòng xoay Tân Thành
21	Quốc lộ 57C (địa phận phường Phú Tân)	Vòng xoay Tân Thành
22	Đường tỉnh 883 (ĐH.173, địa phận phường Phú Tân)	
23	Đường Chợ Chùa - Hữu Định	Trộn đường
24	Đường trước cổng chính sân vận động tỉnh	Đường Đoàn Hoàng Minh

25	Đường trước Cổng chính Bến xe tỉnh	Quốc lộ 60
26	Đường Võ Nguyên Giáp	Vòng xoay Tân Thành
27	Đường cặp kênh Chín Tê (phía Nam kênh Chín Tê)	Quốc lộ 60
28	Đường Kênh 30 Tháng 4	Trộn đường
29	Hẻm Sân Bĩa	Kênh Chín Tê
30	ĐX.01	từ ĐH.01
31	ĐX.02	từ ĐH.DK.14
32	ĐX.03	từ đường Huỳnh Tấn Phát
33	ĐX.04	từ đường ĐT.883
34	Đường ĐA.01	Từ ĐT.H.01
35	Đường ĐA.02	Từ ĐT.883
36	Đường ĐA.03	Từ cầu Phú Dân
37	Đường ĐA.04	Từ đường Huỳnh Tấn Phát
38	Đường ĐA.05	Từ ĐH.01

GHIẾP TẠI ĐÔ THỊ

ăm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

g /Khu vực	Giá đất bảng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
Đến			
Ranh xã Nhơn Thạnh	1,200	2,000	800
Ranh xã Nhơn Thạnh	1,200	2,000	800
Cầu Trôm	1,800	3,100	1,300
Cầu Cái Cối	2,400	5,900	3,500
Giáp lộ Giồng Xoài	500	900	400
Lộ Tiểu dự án	800	1,400	600
Thửa 256 tờ 5 Mỹ Thạnh An	500	900	400
	2,760	4,700	1,940
	2,760	4,700	1,940
Đường Lạc Long Quân	3,744	29,400	25,656
Cầu Kinh	2,400	6,400	4,000
Cầu Rạch Vong	1,200	2,000	800
Vòng xoay Mỹ An	4,000	32,300	28,300
Đường Âu Cơ	3,000	10,900	7,900
Hết ranh thành phố	1,800	3,100	1,300
Vòng xoay Mỹ An	3,000	5,100	2,100
Cầu Thơm	1,200	2,000	800
Đường Âu Cơ	1,800	3,100	1,300
Lộ 19 Tháng 5	600	1,000	400
Lộ Tiểu dự án	960	1,600	640

	600	1,000	400
Lộ 19 Tháng 5	600	1,000	400
Cầu Nhà Việc	840	1,400	560
Cầu Miếu Cái Đôi	600	1,000	400
Lộ Tiêu dự án	3,600	6,100	2,500
Cầu Sơn Phú 2	2,060	2,900	840
Cầu Nguyễn Tân Ngãi	1,800	2,500	700
Đường vào UBND xã Sơn Phú	1,450	2,000	550
Cầu Kênh ranh (Sơn Phú - Phước Long)	1,050	1,500	450
Giáp đường cấp sông Hàm Luông	840	1,200	360
Bến đò ấp 1 Sơn Phú	840	1,200	360
Đường Phan Ngọc Tông	27,600	46,900	19,300
Đường Nguyễn Trung Trực	24,000	40,800	16,800
Đường Nguyễn Huệ	18,000	30,600	12,600
Cầu Cá Lóc	14,400	24,500	10,100
Đường Hai Bà Trưng	12,000	20,400	8,400
Đường Phan Đình Phùng	8,400	14,300	5,900
	14,400	24,500	10,100
Đường Phan Ngọc Tông	18,000	30,600	12,600
Đường Đồng Khởi	21,600	36,700	15,100
Cầu Kiến Vàng	14,400	24,500	10,100
Đường Phan Ngọc Tông	18,000	30,600	12,600
Đường Nguyễn Trãi	20,400	34,700	14,300
	14,400	24,500	10,100
Đường Phan Ngọc Tông	18,000	30,600	12,600
Đường Nguyễn Trãi	20,400	34,700	14,300
	12,000	20,400	8,400
	7,200	12,200	5,000
Đường Nguyễn Đình Chiểu	18,000	30,600	12,600
Đường 3 Tháng 2	14,400	24,500	10,100
Tron đường	24,000	40,800	16,800
Tron đường	24,000	40,800	16,800
Tron đường	24,000	40,800	16,800
Tron đường	20,400	34,700	14,300
Vòng xoay An Hội	22,800	38,800	16,000
Công viên Đồng Khởi	20,400	34,700	14,300
	12,000	20,400	8,400
Đường 30 Tháng 4	14,400	24,500	10,100

Hết đường	4,800	8,200	3,400
	14,400	24,500	10,100
	24,000	40,800	16,800
	21,600	36,700	15,100
	18,000	30,600	12,600
	14,400	24,500	10,100
	18,000	30,600	12,600
Cổng chào thành phố	14,400	24,500	10,100
	12,000	20,400	8,400
	12,000	20,400	8,400
Đường Tân Kế	12,000	20,400	8,400
Đường Cách Mạng Tháng 8	9,600	16,300	6,700
Hết ranh Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu và Minh Đức	9,600	16,300	6,700
	9,600	16,300	6,700
	3,600	6,100	2,500
Cầu Mới	6,000	10,200	4,200
Đường Trương Định	3,600	6,100	2,500
	7,200	12,200	5,000
		-	-
Cổng An Hoà	9,600	15,800	6,200
Cầu Gò Đàng	6,000	10,200	4,200
Ngã ba Phú Hưng	3,600	6,100	2,500
	9,568	25,300	15,732
Đường Nguyễn Huệ	27,600	46,900	19,300
Đường D5	16,560	19,800	3,240
Đường Nguyễn Huệ	5,400	9,200	3,800
Đường Đồng Khởi	7,200	21,300	14,100
Vòng xoay Phú Khương	27,600	36,800	9,200
Hết ranh thành phố Bến Tre	1,440	2,400	960
Thửa 9; 133 tờ 57	4,800	8,200	3,400
Thửa 8 tờ 56	3,840	6,500	2,660
Đường Nguyễn Thị Định	6,000	10,200	4,200
Đường Nguyễn Huệ	7,200	12,200	5,000
Ngã ba Phú Hưng	4,800	10,400	5,600
	1,500	2,600	1,100
Hết ranh thành phố	3,600	6,100	2,500
	4,800	8,200	3,400
	12,000	20,400	8,400

Cầu Chet Sây	2,640	4,500	1,860
Lộ vào bãi rác	960	1,600	640
Đường Huỳnh Tấn Phát	960	1,600	640
Đường Huỳnh Tấn Phát	960	1,600	640
Thửa 31, 129 tờ 43	4,800	22,200	17,400
	960	1,600	640
	960	13,200	12,240
	960	1,600	640
	600	1,000	400
Lộ 19 Tháng 5	600	1,000	400
Lộ Tiểu dự án	500	900	400
Cầu Cái Sơn	600	1,000	400
	650	1,100	450
	720	1,200	480
	1,920	3,300	1,380
Cầu Thây Cai	2,400	4,100	1,700
	1,440	2,400	960
	840	1,400	560
	3,120	5,300	2,180
	9,568	16,300	6,732
Vật liệu xây dựng Việt Trung		4,500	4,500
Đường Huỳnh Tấn Phát		10,200	10,200
		-	-
Bến phà Hàm Luông	9,600	16,300	6,700
Vòng xoay Mỹ Hoá	7,200	12,200	5,000
Bến phà Hàm Luông	4,800	8,200	3,400
Hết ranh Phường 7(cũ)	960	1,600	640
Hết ranh Phường 6(cũ)	1,200	2,000	800
Cầu Bình Phú	1,200	2,000	800
	6,000	10,200	4,200
	3,600	6,100	2,500
	3,600	6,100	2,500
	2,880	4,900	2,020
	2,640	4,500	1,860
	2,640	4,500	1,860
		-	-
	4,800	8,200	3,400
	3,360	5,700	2,340
	4,800	8,200	3,400
	3,360	5,700	2,340

	4,800	8,200	3,400
	3,360	5,700	2,340
		-	-
	3,600	6,100	2,500
	1,800	3,100	1,300
	1,800	3,100	1,300
	1,800	3,100	1,300
	3,600	6,100	2,500
Vòng xoay Bình Nguyên	4,800	8,200	3,400
Cầu Hàm Luông	3,600	6,100	2,500
Cầu Mỹ Hóa (Hùng Vương)	4,800	8,200	3,400
Đường Nguyễn Thanh Trà	1,200	2,000	800
Ngã 3 vòng xoay (đường vào cầu Hàm Luông)	960	1,300	340
Ngã 3 vòng xoay (đường vào cầu Hàm Luông)	3,000	4,200	1,200
Vòng xoay đường vào cầu Hàm Luông	960	2,600	1,640
Ngã tư đường vào UBND xã Thanh Tân	840	1,200	360
Giáp sông Cái Cấm (bến đò Trường Thịnh)	600	2,900	2,300
	720	1,000	280
		-	-
	850	8,000	7,150
Đường Đồng Khởi	7,200	5,200	2,000
		1,000	1,000
Cầu Sân bay	3,600	8,700	5,100
	600	3,000	2,400
Hết ranh Phường 6	1,200	6,000	4,800
Hết ranh Phường 7	1,200	1,500	300
	3,600	4,700	1,100
Ngã 3 Mũi Tàu (cây xăng Hữu Định)	1,800	3,100	1,300
Lên 500m phía Tam Phước	960	1,600	640
Cầu Mỹ Hóa (Hùng Vương)	4,800	8,200	3,400
Cầu cái trắng	720	1,200	480
Cầu kênh sông Mã	720	1,200	480
Giáp Quốc lộ 57C	720	1,200	480
Đường Trương Định	3,600	6,100	2,500

Đường Ngô Quyền nối dài	3,600	6,100	2,500
Kênh Song Mã	600	1,000	400
	650	1,100	450
	600	1,000	400
Cầu Xẻo Bát	600	1,000	400
Đường Võ Văn Phẩm	600	1,000	400
	600	1,000	400
	720	1,200	480
Giáp ranh huyện Châu Thành	3,600	6,100	2,500
Giáp thành phố Bến Tre	3,600	6,100	2,500
		1,200	1,200
		1,200	1,200
		-	-
Xuống 500m phía Hữu Định	960	1,500	540
Vòng xoay Hữu Định	720	6,600	5,880
Vòng xoay Hữu Định	720	1,200	480
Kênh Chệt Sậy	1,200	1,900	700
	4,800	8,200	3,400
	840	1,300	460
Vòng xoay Tân Thành	18,000	95,900	77,900
ĐH.DK.14	720	1,200	480
- Thửa 189; 231 tờ 18 xã Phước Thanh	720	3,400	2,680
Giáp ĐH.DK.14	720	3,100	2,380
Lộ vườn Tam Phước-Hữu Định	1,200	1,900	700
Giáp đường huyện ĐH.04	720	4,500	3,780
Giáp thành phố Bến Tre	1,500	28,800	27,300
Đường Nguyễn Huệ	7,200	12,200	5,000
Hết ranh thành phố	3,600	6,100	2,500
	4,800	8,200	3,400
Đường Nguyễn Văn Cánh	1,000	1,700	700
	960	1,500	540
Giáp thành phố Bến Tre	3,600	5,800	2,200
Giáp ranh huyện Châu Thành	3,600	6,100	2,500
Cầu Sân Bay	3,600	6,100	2,500
	1,000	1,600	600
	3,900	6,200	2,300
Đường Ngô Quyền nối dài	3,600	6,100	2,500

Hết đường	3,000	5,100	2,100
Vòng xoay Bình Nguyên	4,800	8,200	3,400
Đường Nguyễn Thị Định	3,120	5,300	2,180
	3,510	6,000	2,490
Đường Vành đai thành phố	3,120	5,300	2,180
đường ĐH.DK.14		1,200	1,200
đường Huỳnh Tấn Phát		1,200	1,200
ĐH.DK.13		1,200	1,200
kênh Thương Phế Binh		1,200	1,200
kênh Thương Phế Binh		1,200	1,200
ĐA.03		1,200	1,200
đường Huỳnh Tấn Phát		1,200	1,200
ĐX.04		1,200	1,200
xã Phước Thạnh		1,200	1,200

Tỉnh: Vĩnh Long

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm

(TỈNH BẾN TRE CŨ)

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường
		Từ
I	Xã Phú Túc	
1	Quốc lộ 60 mới	Cầu Rạch Miễu Cầu Ba Lai mới
2	Đường Lý Thường Kiệt	QL. 60 mới
3	Quốc lộ 57B (Đường tỉnh 883 nối dài)	Ngã tư QL.60 mới
4	Quốc lộ 57B (Đường tỉnh 883 nối dài)	Cầu Kinh Điều
5	Đường Trần Văn Ôn	Bến phà Rạch Miễu
6	Đường Trần Văn Ôn	Giáp ranh thị trấn
7	Đường Nguyễn Thị Định	Giáp xã An Khánh
8	Đường Trần Văn An	Ngã tư giáp QL.60 cũ
9	Đường huyện (ĐH.DK.15)	Quốc lộ 60 (thị trấn)
10	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp QL.60 cũ
11	Đường Tân Kê	QL.60 cũ
12	Đường 30 Tháng 4	Trộn đường
13	Đường Võ Tấn Nhứt	Trộn đường
14	Khu quy hoạch Chợ Ba Lai	
15	Quốc lộ 57C (đường tỉnh 884 cũ)	Giáp Sơn Đông Ngã tư Tuần Đâu Cách ngã tư Tuần Đâu 500m phía Tam Phước Cầu kênh sông Mã Cách ngã tư Tuần Đâu 500m phía Hữu Định
16	Đường huyện 01 (ĐH.173)	An Hiệp Ngã tư giáp QL.60 cũ
17	Đường tỉnh 883 (Đường huyện 173 mới)	Quốc lộ 60 mới
18	Đường huyện 04 (HL. 188)	Trộn đường
19	Đường huyện 14 (lộ Sơn Hoà)	Giáp QL.60 cũ Giáp Quốc lộ 57C
20	Lộ số 3 Thị trấn	
21	Đường ĐX. 01 lộ Sông Tiền	Quốc lộ 60 mới
22	Đường ĐX 02 đường vào trung tâm xã Sơn Hòa	Trộn đường

23	Đường ĐT.ĐK.07	QL60 mới
24	Đường ĐH.03	Giáp ĐT.ĐK.07
25	Đường huyện (ĐH.DK.17)	Ngã ba Thành Triệu
26	Đường huyện (ĐH.DK.19)	Từ giáp thành phố Bến Tre
27	Các dãy phố Chợ Tân Thạch	
28	Các dãy phố Chợ An Hiệp	
29	Các dãy phố Chợ Phú Túc	
30	Chợ Phú Mỹ (Xã Phú Túc)	
31	Các dãy phố Chợ Tân Huê Đông	
32	Đường vào Khu Công nghiệp An Hiệp	
33	Khu tái định cư Khu Công nghiệp An Hiệp	
II	xã Giao Long	
1	Quốc lộ 57B	Hết ranh Thị trấn Châu Thành
2	Quốc lộ 57B	Vòng xoay Giao Long
3	ĐT.DK.07	Xã Giao Long
4	ĐH.03	Giáp ĐT.DK.07
5	ĐH.03	Giáp lộ chùa xã Quới Sơn
6	Đường huyện 04 (ĐH.04)	Giáp đường Võ Tấn Nhứt
7	Đường huyện 04 (ĐH.04)	Giáp Lộ ngang (ĐH.DK.14)
8	Đường huyện 17 (Lộ Chùa xã Quới Sơn)	Trộn đường
9	Đường huyện (ĐH.DK.14)	Quốc lộ 57B
10	Đường huyện (ĐH.DK.14)	Hết ranh quy hoạch Khu công nghiệp giai đoạn 2
11	Đường Tân Kế	Giáp đường Trần Văn Ôn
12	Đường ĐX.02	Giáp đường Võ Tấn Nhứt
13	Đường ĐX.01 Lộ Điệp	Trộn đường
14	Đường huyện (ĐH.DK.14)	Quốc lộ 57B
15	Đường huyện (ĐH.DK.14)	Hết ranh quy hoạch Khu công nghiệp giai đoạn 2
16	Đường Huỳnh Tân Phát	Giáp Quốc lộ 57B
17	Đường vào Cảng Giao Long	Giáp Quốc lộ 57B
18	Đường xã (ĐX.01)	Giáp lộ ngang
19	ĐX.01	Giáp ĐH.DK.14
20	ĐX.04	Giáp ĐX.01
21	Các dãy phố Chợ An Hóa	
22	Các dãy phố Chợ Quới Sơn	
III	Xã Tiên Thủy	
1	Quốc lộ 57C (đường tỉnh 884 cũ)	Giáp Sơn Đông
2	Quốc lộ 57C (đường tỉnh 884 cũ)	Hết ranh Chùa số 1 Tiên Thủy
3	Quốc lộ 57C (đường tỉnh 884 cũ)	Cầu Tre Bông
4	Đường huyện ĐH.01	Cầu kênh sông Mã
5	Đường huyện 11 (lộ Tiên Thủy)	Trộn đường

6	Đường huyện DH.DK.13	Tron đường
7	ĐH.DK.13	Tron đường
8	Đường tỉnh ĐT.DK.09	Ngã ba Thành Triệu
9	ĐT.DK.03	Lộ Ông Bôi
10	ĐT.DK.03	Đường ra cầu Thành Triệu
11	ĐHDK.19 (ĐX.02)	ĐH.DK18
12	ĐX.01 (địa phận xã Quới Thành cũ)	
13	ĐX.01 (địa phận xã Quới Thành cũ)	
14	ĐX.01 (địa phận xã Quới Thành cũ)	
15	ĐX.02 (địa phận xã Quới Thành cũ)	
16	ĐX.02 (địa phận xã Thành Triệu cũ)	
17	ĐX.03 (địa phận xã Quới Thành cũ)	
18	ĐX.04 (địa phận xã Thành Triệu cũ)	
19	ĐX.04 (địa phận xã Tiên Thủy cũ)	
IV	Xã Tân Phú	
1	Quốc lộ 57B (Đường tỉnh 883 nối dài)	Cầu Kinh Điều
2	Quốc lộ 57B (Đường tỉnh 883 nối dài)	Ngã Ba Phú Long
3	Quốc lộ 57C (Đường tỉnh 884 cũ)	Cầu Tre Bông
4	Các dãy phố chợ Phú Đức	Thửa 69 tờ 9 Phú Đức
5	Các dãy phố chợ Tân Phú	Thửa 33 tờ 24 Tân Phú
6	Đường huyện (ĐH.DK.21)	Cầu Cả Lóc (Tiên Long)
7	Đường huyện (ĐH.DK.07)	Ngã 5 Phú Đức
8	Đường huyện (ĐH.DK.19)	ĐH.DK18
9	Đường huyện (ĐH.DK.20)	
V	Xã Phú Phụng	
1	Quốc lộ 57	Cầu Đập Ông Chỏi (giáp ranh xã
2	Quốc lộ 57	Lộ Cái Xoài
3	Quốc lộ 57	Đường vào trường Tiểu học Huyện
4	Quốc lộ 57	Lộ Mười Nghiệp
5	Quốc lộ 57	Lộ Bờ Dừa
6	Quốc lộ 57	Vòng xoay Sơn Định (Lộ Bảy Dừa)
7	Đường Đồng Khởi	Vòng xoay Sơn Định Quốc lộ 57
8	Lộ Bờ Gòn	Giáp Quốc lộ 57
9	Đường Võ Trường Toản	Cầu Cá Ớt
10	Đường Võ Trường Toản	Cầu Chợ Lách Mới
11	Hai dãy phố chợ Phú Phụng	-
12	Lộ Sáu Tài	Giáp Quốc lộ 57
13	Đường nhựa	Giáp Quốc lộ 57
14	Đường nhựa	Bến phà Phú Đa
15	Đường nhựa	Bến phà Thới Lộc
16	Đường nhựa	Cầu Đình Bình Sơn
17	Đường nhựa	Giáp Quốc lộ 57 (Cầu Vĩnh Bình)
18	Đường nhựa Lộ Cái Xoài	Giáp Quốc lộ 57
19	Đường Huyện lộ 32	Giáp Quốc lộ 57
20	Đường nhựa	Giáp Đường Võ Trường Toản

VI	Xã Chợ Lách	
1	Dãy phố Chợ Khu C (chợ cũ)	
2	Hai dãy phố Chợ Khu A (chợ nông sản)	
3	Hai dãy phố Chợ Khu B (chợ vải, quần áo,..)	
4	Dãy phố Đội thuế thị trấn -Phân phối điện cũ	
5	Dãy phố Ngân Hàng NN&PTNT	
6	Đường Đồng Khởi	Từ Giáp ranh xã Sơn Định
7	Đường Đồng Khởi	Cầu Sông Dọc (Km+63)
8	Đường Đồng Khởi	Đường 30 tháng 4 (mũi tàu)
9	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh thị trấn Chợ Lách -xã Hòa Nghĩa
10	Đường 30 tháng 4	Trụ sở VP. Huyện Ủy (cũ)
11	Đường nội ô (Quốc lộ 57 cũ) (Đường 30 tháng 4)	Giáp ranh Chợ khu A(chợ nông sản)
12	Đường nội ô (Quốc lộ 57 cũ) (Đường 30 tháng 4)	Ngã ba Tịnh xá Ngọc Thành
13	Đường nội ô (Quốc lộ 57 cũ) (Đường 30 tháng 4)	Đường Trần Văn Kiết
14	Đường nội ô (Quốc lộ 57 cũ) (Đường 30 tháng 4)	Quán cháo vịt Cai Bé
15	Đường nội ô (Quốc lộ 57 cũ) (Đường 30 tháng 4)	Tổ giao dịch NHNN và PTNT (cũ)
16	Đường nội ô (Quốc lộ 57 cũ) (Đường 30 tháng 4)	Giáp đất bà Điều Thị Liệt (Út Nghi)
17	Đường Khu phố 2- ấp Bình An B – ấp Thới Định (Đường Nguyễn Thị Định)	Giáp Đường Đồng Khởi
18	Đường Khu phố 2- ấp Bình An B – ấp Thới Định (Đường Nguyễn Thị Định)	Vườn hoa (CổngThầy Cai)
19	Đường Khu phố 2- ấp Bình An B – ấp Thới Định (Đường Nguyễn Thị Định)	Quốc lộ 57 (Giáp tuyến tránh Chợ Lách)
20	Đường ven Trung tâm Hành chính huyện (Đường Trần Văn An)	Giáp Đường Khu phố 2- ấp Bình An B – ấp Thới Định (Đường Nguyễn Thị Định)
21	Đường số 11 (Đường Trần Văn Kiết)	Giáp Đường nội ô (Quốc lộ 57 cũ) (giáp Đường 30 tháng 4)
22	Đường Trương Vĩnh Ký	
23	Khu phố 2-khu phố 3 (Đường Trương Vĩnh Ký)	Ngã ba ông Tài (rửa xe) (giáp đường Nguyễn Thị Định)

24	Đường số 6 (Đường Trương Vĩnh Ký)	Ngã ba bệnh viện
25	Đường bờ kè khu phố 2 - 3 - Sơn Qui (Đường Nguyễn Đình Chiểu)	Giáp nhà Toàn Phát (Bến đò ngang cũ)
26	Đường bờ kè khu phố 2 - 3 - Sơn Qui (Đường Nguyễn Đình Chiểu)	Giáp đất bà Đoàn Thị Kim Anh
27	Đường Lê Hồng	Đường Nguyễn Thị Định (ngã 3 nhà ông Trương Văn Hiệp)
28	Đường Lê Hồng	Đường Đồng Khởi
29	Đường Sơn Qui (Đường Phan Thanh Giản)	Đường Đồng Khởi
30	Đường Sơn Qui (Đường Phan Thanh Giản)	Quốc lộ 57 (Giáp tuyến tránh Chợ Lách)
31	Đường Sơn Qui (Đường Phan Thanh Giản)	Ngã tư chùa Tiên Thiên
32	Đường Sơn Qui	Sông Chợ Lách (Vàm Lách)
33	Đường Sơn Qui	Ngã ba đường Sơn Qui (giáp đường Phan Thanh Giản)
34	Đường huyện 41 (Đường Trương Vĩnh Ký)	Ngã Ba Tịnh xá Ngọc Thành
35	Đường huyện 41 (Đường Trương Vĩnh Ký)	Cầu chùa Ban Chinh
36	Đường huyện 41 (Đường Trương Vĩnh Ký)	Giáp VLXD Đỗ Hoàng Hường
37	Đường bờ kè khu phố 4	Trạm Khuyến Nông (Bến đò ngang cũ)
38	Đường bờ kè khu phố 4 (Đường Huỳnh Kim Phụng)	Bến đò ngang (cũ)
39	Cấp bờ sông Cái Mít	Đất ông Nguyễn Khắc Vũ
40	Đường Võ Trường Toản	Cầu Đình
41	Đường vào cầu Chợ Lách (Giáp ranh thị trấn Chợ Lách- xã Sơn Định)	Cầu Cả Ót
42	Đường song hành Cầu Chợ Lách mới	Đường Nguyễn Đình Chiểu
43	Quốc lộ 57 B	Vòng xoay ngã 5 (ĐH.33) (từ thửa 89 tờ 9)
44	Quốc lộ 57 B	Cầu Sông Dọc
45	Quốc lộ 57 (Tuyến tránh Chợ Lách)	Cầu Chợ Lách mới (giáp Đường Phan Thanh Giản)
46	Quốc lộ 57	Vòng xoay ngã 5 (ĐH.33)
47	Quốc lộ 57	Cầu Hoà Nghĩa

48	Quốc lộ 57	Huyện đội (đối diện là thửa 35 tờ 31 Hòa Nghĩa)
49	Quốc lộ 57	Lộ Quân An (Hải Sinh)
50	Quốc lộ 57	Sông Cái Gà
51	Quốc lộ 57	Sông Cái gà
52	Quốc lộ 57	Lộ Ao cá
53	Quốc lộ 57	Đoạn còn lại
54	Đường huyện 41	Giáp ranh thị trấn Chợ Lách
55	Đường huyện 33	Toàn tuyến
56	Đường huyện 38	Toàn tuyến
57	Đường huyện 34	Trạm y tế xã Long Thới
58	Đường huyện 34	Đoạn còn lại
59	Đường huyện 36	Quốc lộ 57
60	Đường huyện 38	Toàn tuyến
VII	Xã Vĩnh Thành	
1	Hai dãy phố chính Chợ Vĩnh Thành	Cầu kinh Vĩnh Hưng 2
2	Dãy Ngân hàng NN&PTNT	Chợ
3	Dãy Hàng gà	Chợ
4	Dãy cặp bờ sông Vàm Xã	Ngã ba
5	Lộ Lò Rèn	Trụ sở UBND xã Vĩnh Thành
6	Đường vào chợ Vĩnh Thành	Quốc lộ 57 (cầu Cây Đa mới)
7	Quốc lộ 57	Cầu Cái Mơn lớn
8	Quốc lộ 57	đường vào Trường THCS
9	Quốc lộ 57	Ranh xã Chợ Lách
10	Đường 37	Giáp Quốc lộ 57
11	Đường 35- Lộ Đông Kinh	Quốc lộ 57
12	Đường 41	Cầu cái Tre
13	Đường 41	Cầu cái Tre
14	Đường 36	Đường 41
15	Đường 34	Giáp đường 37
16	Đường 35	Đường 34
17	Đường 41	Đường huyện 36
VIII	Xã Phước Mỹ Trung	
1	Đường vào cầu Hàm Luông	Cầu Hàm Luông
2	Đường tỉnh 882	Ngã 3 Chợ Xếp
3	Đường tỉnh 882	Cổng Chợ Xếp
4	Đường tỉnh 882	Cổng số 03 (ranh xã Tân Phú Tây xã Phước Mỹ Trung)
5	Đường tỉnh 882	Ngã 3 Bền
6	Đường xã (ĐHMC.01)	Ngã 4 Tân Long (Quốc lộ 60 cũ)
7	Đường xã (ĐH.MC30)	Từ Lộ Bờ Mè (giáp QL 60 cũ)
8	Đường N4 Phước Mỹ Trung	Trộn đường

9	Đường N7 Phước Mỹ Trung	Trộn đường
10	Đường D8 Phước Mỹ Trung	Trộn đường
11	Đường D11 Phước Mỹ Trung	Trộn đường
12	Đường huyện MC 05 (ĐX 02 Phước Mỹ Trung)	Từ ĐT 882
13	Đường liên xã (ĐH.MC 32 Phước Mỹ Trung- Phú Mỹ-Thanh Ngãi)	Ngã 3 Bền (Phước Mỹ Trung)
14	Đường liên xã (ĐH.MC 32 Phước Mỹ Trung- Phú Mỹ-Thanh Ngãi)	Đoạn Cầu Bung
15	ĐH DK 25	Ngã tư Tân Long (QL60)
16	ĐH 34	Ngã tư xã Thanh Ngãi
17	ĐH 34	<i>-Thửa 03 tờ 05 Tân Thành Bình</i>
18	ĐH 34	<i>-Ngã Tư Năm Táng</i>
19	Đường ĐH 04 (lộ 30/4)	Trộn đường
20	Đường tỉnh 882	Đoạn còn lại
21	Các dãy phố Chợ Ba Vát (Đường N9, ĐT 882)	
22	Tuyến tránh Phước Mỹ Trung	Ngã 3 Bền
23	Đường tỉnh 882	Cổng số 03 (ranh xã Tân Phú Tây
24	Đường tỉnh 882	Ngã 3 Bền
25	Đường N5 Phước Mỹ Trung	Trộn đường
IX	Xã Tân Thành Bình	
1	Quốc lộ 60	Bến phà Hàm Luông (cũ)
2	Quốc lộ 60	Ngã 3 vòng xoay (đường vào cầu Hàm Luông)
3	Quốc lộ 60	Đoạn còn lại
4	Quốc lộ 60 (mới) - Tuyến tránh Thị Trấn Mỏ Cày	Đầu tuyến tránh
5	Đường vào cầu Hàm Luông	Cầu Hàm Luông
6	Quốc lộ 57	Đoạn còn lại
7	Quốc lộ 57	Ngã 3
8	Đường tỉnh 882	Ngã 3 Chợ Xếp
9	Các dãy phố Chợ Giồng Keo	
10	Các dãy phố Chợ Xếp	02 bên đường Quốc lộ 60 cũ
11	Các dãy phố Chợ Thành An	
12	Đường tỉnh 882	Đoạn còn lại
X	Xã Nhuận Phú Tân	
1	ĐH18	Cổng Cầu Mai
2	ĐH18 và ĐH 19	Cầu Lò Quay
3	ĐH19 (ĐH MC 38)	Trộn đường

4	ĐH21	Thửa 54, 75 tờ 19 Nhuận Phú Tân - Cầu Cái Hàn
5	Đường ĐH 09 xã Tân Thanh Tây (đường vào trung tâm xã)	Đường vào trung tâm xã
6	Các dãy phố Chợ Bang Tra	
7	Đường ĐH.MC20	Giao giữa ĐH 19 và ĐH 20 (thửa 291 và 294 tờ 20 Nhuận Phú Tân)
8	Đường vào Cụm CN Khánh Thanh Tân	Từ ngã ba tiếp giáp ĐH20
9	Chợ Giồng Dầu, xã Tân Thanh Tây (xã Nhuận Phú Tân Mới)	
10	Đường ĐH.MC20	Giao giữa ĐH 19 và ĐH 20 (thửa 291 và 294 tờ 20 Nhuận Phú Tân)
XI	Xã Đông Khởi	
1	ĐH.22	Cầu ông Bồng
2	ĐH.22	UBND xã Định Thủy
3	ĐH.22	Bến đò Phước Lý xã Bình Khánh Đông
4	ĐH.22	Cầu Phú Đông xã An Định
5	Chợ Bình Khánh Đông	2 dãy phố chợ
6	Chợ Đông Khởi	
7	Chợ Định Thủy	
XII	Xã Mỏ Cà	
1	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Ngã ba đường Công Lý
2	Đường Công Lý	Ngã tư cầu Mỏ Cà
3	Đường Lê Lai	Ngã ba QL60
4	Đường Trương Vĩnh Ký	Ngã ba QL60
5	Đường Bùi Quang Chiêu	Ngã tư QL60
6	Đường Phan Thanh Giản	Ngã ba đường Công Lý
7	Đường Nguyễn Du	Ngã ba đường Lê Lai
8	Đường Nguyễn Du	Ngã ba chợ cá
9	Đường Nguyễn Du (nhánh rẽ)	Ngã ba đường Nguyễn Du
10	Đường khu phố 5 (ấp Hội Yên cũ)	Ngã tư cầu Mỏ Cà
11	Đường khu phố 5 (ấp Hội Yên cũ)	Cổng đình Hội Yên
12	Đường khu phố 4 (ấp 1 cũ)	Ngã tư QL60
13	Đường khu phố 4 (ấp 1 cũ) - Mở mới	Cổng Chùa Bà
14	Đường khu phố 7 (đường vào Nhà máy đường 50 tấn)	Cầu Mỏ Cà
15	ĐH.22 (cũ)	Ngã ba QL.57

16	ĐH.22 (cũ)	Cầu 17/1
17	ĐH.22 (cũ)	Ranh khu phố 6 (ấp 3 cũ) và ấp An Thới TT Mỏ Cày
18	ĐH 22 (mở mới)	Ngã ba QL57
19	ĐH 22 (mở mới)	Cầu 17 tháng Giêng(mới)
20	QL.60	Cầu Mỏ Cày
21	QL.60	Cổng Chùa Bà
22	QL.60	Trường Che Guevara
23	QL.60	Cầu Mỏ Cày
24	QL.60	Lộ bờ đai khu phố 7 (ấp 4 cũ), TT Mỏ Cày
25	QL.60	Cổng Rạch Đình ấp Tân Phước, TT Mỏ Cày
26	Quốc lộ 57	Ngã ba QL.60
27	Quốc lộ 57	Ngã ba Thom
28	Huyện Mỏ Cày Nam	
29	Đường từ ngã tư Chín Dấu đến QL60 huyện Mỏ Cày Nam	QL60 (ngã tư chín Dấu)
30	QL 60	<i>Ranh thị trấn</i>
31	QL 60	<i>Ngã 3 lộ An Hòa</i>
32	QL.57	Cầu Ông Đình
33	QL.57	Cầu Kênh Ngang
34	QL.57	Ngã ba Thom
35	Tuyến tránh thị trấn Mỏ Cày	Ngã 4 Quốc lộ 60, xã Đa Phước Hội
36	Tuyến tránh thị trấn Mỏ Cày	Điểm 600m cầu Mỏ Cày (mới)
37	Đường dẫn vào cầu Cổ Chiên (Quốc lộ 60 mở mới)	Ngã tư Quốc lộ 60 cũ, xã Đa Phước Hội
38	ĐH.20, đường vào cầu Thom (mở mới)	Ngã ba QL.60
39	ĐH.20, đường vào cầu Thom (mở mới)	Ngã ba đường vào cầu Thom
40	Chợ Thom	Miêu Bà Thom
41	Đường D9 (đường nối tuyến tránh địa phận xã Tân Hội đến QL57)	Tuyến tránh QL60
42	Đường Bùi Quang Chiêu 2	Tuyến tránh QL60
43	Đường ĐA.01 ấp Hội Thành	Quốc lộ 57
44	Đường ĐX.05 ấp Phú Quới	QL 60 (mới)
45	Đường Tô NDTQ số 15,16 ấp Vĩnh Hòa	Cổng SaKe
46	Đường Tô NDTQ số 19 ấp Phú Quới	Ấp Phú Quới
47	Đường ĐX.01 (Làng Nghề Vĩnh Khánh)	Đường huyện 20
48	Đường ĐA.03 (ấp An Bình)	Quốc lộ 60
XIII	Xã Thành Thới	
1	ĐH.22	Cầu Phú Đông xã An Định

2	ĐH.22	Ngã ba Nạn Thun xã An Thới
3	QL 60	Trên ngã 4 An Thiện 200m (về hướng An Thạnh)
4	QL.57	Trên ngã tư Cái Quao 300m (về hướng Thị Trấn Mỏ Cày)
5	HL 17	Đoạn từ phà Cỏ Chiên
6	Đường dẫn vào cầu Cỏ Chiên (Quốc lộ 60 mở mới)	Điểm 600m hướng vòng xoay Thành Thới A
7	Chợ Giồng Vần	2 dãy phố chợ
8	Đường HL 17	Chân cầu Cả Chát Lớn (xã Thành Thới B cũ)
9	Đường HL 17	Vòng xoay (xã Thành Thới A cũ)
XIV	Xã An Định	
1	ĐH.22	Bến đò Phước Lý xã Bình Khánh Đông
2	ĐH.22	Cầu Phú Đông xã An Định
3	QL.57	Trên ngã tư Cái Quao 300m (về hướng Thị Trấn Mỏ Cày)
4	QL.57	Trên ngã tư Tân Trung (về hướng TT Mỏ Cày 300m)
5	Chợ An Bình	QL 57
6	Chợ Cái Quao	ĐH 22
7	Chợ Cái Quao	2 dãy phố chợ
8	Chợ Tân Trung	QL.57
9	Chợ Tân Trung	ĐHMC.35
10	Chợ Tân Trung	Dãy phố chợ
11	Chợ Tân Hương	2 dãy phố chợ
XV	Xã Hương Mỹ	
1	ĐH.23	Ngã ba QL.57
2	ĐH.23	Từ ranh ấp Thị, xã Hương Mỹ
3	Đường ấp Thanh Đông, xã Hương Mỹ	Quốc lộ 57
4	QL.57	Ranh xã Hương Mỹ và xã Minh Đức
5	QL.57	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai
6	HL 17	Cổng Vàm Đồn
7	HL 17	Từ điểm 2000m
8	Chợ Cầu Móng	Các dãy phố chợ
9	Chợ Cầu Móng	Đường vào chợ

10	Chợ Cầu Móng	Quốc lộ 57
XVI	Xã Đại Điền	
1	ĐH.24	Công chào xã Phú Khánh
2	Các đoạn còn lại trên đường huyện 24 thuộc xã Đại Điền	
3	QL.57	Nhà ông Phan Văn Ân
4	QL.57	Nhà ông Nguyễn Công Hà
5	QL.57	Đầu Huyện lộ 24
6	QL.57	Nhà ông Phan Văn Ân
7	QL.57	Nhà ông Lê Văn Quý
8	ĐH.24	Đầu cầu Tân Phong
9	ĐH.24	Lộ mới (Đường Bảy Phong)
10	ĐH.24	Trạm y tế
11	ĐH 24 (HL 24)	Công Sáu Anh
12	QL. 57	Đầu lộ Cái Lức
13	Quốc lộ 57	Lộ đan kinh Cầu Tàu
14	ĐH.24	Trường Tiểu học Huỳnh Thanh Mua
15	Các đoạn còn lại trên đường huyện 24 thuộc xã Phú Khánh	
16	ĐH24	Giáp ranh xã Tân Phong
17	ĐX 02 (Từ đền thờ liệt sĩ UBND xã) HL - 11	Từ đền thờ liệt sĩ UBND xã
18	Đường HL 17	Áp Xương Long
XVII	Xã Quới Điền	
1	QL.57	Lộ kho bạc
2	QL.57	Nhà ông Nguyễn Văn Thật
3	QL.57	Nhà ông Hồ Văn Nhứt
4	QL.57	Nhà ông Phạm Văn Hải
5	QL.57	Nhà bà Trương Thị Dung
6	ĐH 92	Nhà ông Liêu Hữu Tài
7	ĐH- 92	Nhà ông Nguyễn Hoàng Găng
8	ĐH 26	Đất bà Đào Thị Tuổi
9	ĐH 25	Ngã Tư Băng Cung (đất ông Cao Văn vện)
10	ĐH.11	Công UBND xã
11	ĐH.11	Từ trường học cấp 2 Mỹ Hưng
12	Đê sông Băng Cung	Từ ngã ba đường về xã Mỹ An - nhà ông Nguyễn Văn Tính (Thửa 131 tờ 8)
13	ĐH 25	Mặt đập chợ Giồng Chùa
14	ĐH 25	Ngã ba đường về Mỹ An (nhà ông Nguyễn Văn Tính)

15	ĐH 25	Ranh UBND xã
16	ĐH 25	Từ công Hai Tân
17	ĐH 25	Nhà văn hóa xã
18	QL57	Nhà nghỉ Thái Kiều
19	QL57	Giáp cây xăng Thiên Phúc
20	QL57	Giáp nhà nghỉ Thái Kiều
21	Đê sông Băng Cung (ĐH DK47)	Ngã ba đường về xã Mỹ An - Nhà ông Nguyễn Văn tính
22	ĐH26	Giáp xã Quới Điền
23	ĐH26	Cầu Hòa Lợi
24	ĐH26	Khu vực chợ
25	Đường giao thông nông thôn	Từ Quốc lộ 57
26	QL 57	Giáp xã Quới Điền
27	ĐH 17	Điểm đầu tại thửa đất số 3, tờ số 76 giáp ranh xã Đại Điền (cũ xã Thới Thanh)
XVIII	Xã Thạnh Phú	
1	Đường Trần Thị Triết	Dãy 1: Bưu điện cũ
2	Đường Trần Thị Triết	Chợ cá cũ
3	Đường nội ô chợ Giồng Miếu	Dãy 2: Thư viện
4	Lộ thủy sản (HL 13)	Nhà Bà Võ Thị Gái
5	Lộ thủy sản (HL 13)	Nhà bà Nguyễn Thị Diệu (giáp ranh phòng TN & MT)
6	Lộ thủy sản (HL 13)	Trạm biến thế (Ngã 3 VLXD út Bực
7	Đường Đồng Văn Dân	Đoạn ngã tư Nhà Thờ
8	Đường Dương Văn Dương (QL 57)	Ngã ba Bà Cầu
9	Đường Dương Văn Dương (QL 57)	Nhà ông Nguyễn Văn Phong
10	Đường Đồng Văn Dân	Ngã ba Bà Cầu
11	Đường Dương Văn Dương	Ngã ba Bà Cầu
12	Đường Dương Văn Dương	Ngã tư đường vào UBND xã Bình Thạnh
13	Đường Nguyễn Thị Định	Đoạn từ ngã tư Nhà Thờ
14	Đường Nguyễn Thị Định	Đoạn từ ngã tư Cây Đa
15	Đường Trần Văn Tư	Đoạn từ ngã tư Cây Đa
16	Đường Trần Văn Tư	Đoạn từ ngã tư Cây Đa
17	Đường Trần Văn Tư	Nhà ông Phạm Văn Tạng
18	Đường Trần Thị Tiết	Đoạn từ ngã ba Tam quan
19	Đường nội ô chợ Giồng Miếu	Đoạn từ tiệm vàng Vũ Lan
20	Đường từ chợ đến đường Trần Văn Tư (Hẻm Nghĩa Hưng)	Đoạn từ tiệm Nghĩa Hưng

21	Đường Giồng Dầu	Đoạn từ ngã tư Bến Xe
22	Đường Lê Văn Vàng	Nhà ông Lê Xuân Trường
23	Đường Nguyễn Thanh Tân	Đoạn từ nhà Ông Đệ
24	Đường 30/10	Phạm Thị Ven
25	Hẻm XN nước mắm	Từ cửa hàng Nông sản cũ
26	Đường Huỳnh Ngọc Trí	Nhà ông Lê Văn Chiên
27	Đường 30/10	Nhà ông Nguyễn Văn Tấn
28	QL 57	Nhà bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
29		Từ hết TT bồi dưỡng chính trị huyện
30		- Thửa 304 tờ 11
31	ĐH 25	Ngã tư bên Sung
32	ĐH 25	Xí nghiệp nước đá
33	Đường Xã ĐX01(ĐH - 15)	Nhà ông Nghe
34	Đường tỉnh 881	Giáp ranh xã An Thạnh
35	ĐH92	Cầu Bông Cung
36	ĐH13	Cầu Mỹ An
37	Đường tỉnh 881	Sông Bông Cung
38	Các dãy phố chợ Phú Khánh	
39	Các dãy phố chợ Giồng Luông	UBND xã (thửa 28 tờ 15)
40	Các dãy phố chợ Tân Phong	Trạm cấp thoát nước (thửa 93 tờ 15)
41	Chợ Thới Thạnh	UBND xã quản lý (thửa 230 tờ 4)
42	Các dãy phố chợ Quới Điền	Dãy A Quốc lộ 57 (thửa 4 tờ 27)
43	Các dãy phố chợ Hòa Lợi	UBND xã quản lý (thửa 387 tờ 18)
44	Chợ Giồng Chùa	Nhà ông Nguyễn Văn Cắt (thửa 144 tờ 11)
45	Chợ An Thuận	Nhà ông Bùi Văn Sâm (thửa 129 tờ 13)
46	Các dãy phố chợ Bến Vĩnh	Dãy A từ nhà bà Nguyễn Thị Hường (thửa 28 tờ 12)
47	Chợ An Nhơn	Nhà bà Huỳnh Thị Nhung (Thửa 09 tờ 17)
48	Các dãy phố chợ Cồn Hưu	Nhà bà Phạm Thị Loan (thửa 12 tờ 20)
49	Các dãy phố chợ An Điền	
50	Đường giao thông nông thôn	Đầu cầu nhà Thờ xã An Thạnh
51	ĐH 19 cũ	Nhà ông Huỳnh Văn Phục

52	ĐH 27	Đầu huyện lộ 27
53	Đường Giao thông nông thôn	Đầu huyện lộ 27
54	ĐHTP - 13	Cổng Cổ Rạng
55	ĐHTP - 13	Nhà ông Nguyễn Ngọc Trước
56	Đường tỉnh 881	Giáp Đường huyện 27
XIX	Xã Xã An Qui	
1	QL 57	Cầu sắt An Qui (Nhà ông Nguyễn Văn Da)
2	ĐH 28	Ấp An Ninh
3	HL 29	Ngã 3 vào xã An Điền
4	QL 57	Đất ông Trịnh Văn Vui
5	QL 57	Đất ông Nguyễn Văn Tác
6	QL 57	Nhà ông Nguyễn Hoàng Anh
7	ĐH 27	Nhà ông Bùi Văn Sậm hướng An Thanh
8	ĐH 27	Đầu QL 57 (hướng về Bến Trại)
9	ĐH 27	Cổng chùa An Phú
10	ĐH.27	Nhà ông Phan Văn Thi
11	QL 57	Nhà ông Lê Văn Đồng
12	QL 57	Nhà ông Đoàn Gia Mô
13	QL 57	Nhà ông Huỳnh Văn Vui
14	ĐH 93	Đường huyện 93 (Giáp QL.57)
15	ĐH 93	Nhà bà Võ Thị Bé
16	ĐH 93	Nhà ông Lê Văn Vũ
17	Tuyến đường ĐX02	Ấp An Hòa
18	Đường Giồng Sầm Xẻo Miếu ấp An Bình	Ấp An Bình
19	Đường Giồng Sầm, Sân muối	Nhà ông Nguyễn Văn Kỳ
20	Đường lộ Giồng Ngang ấp An Định	Ngã ba chợ
XX	Xã Xã Thanh Hải	
1	ĐH 92	Ngã ba mũi tàu Nhà ông Dương Công Anh
2	Đường đi Cồn Bưng	Từ ngã ba cây Keo (nối ĐH 92)
3	Đường đi Cồn Bưng	Từ nhà ông Phạm Văn Vạn
4	ĐH.92	Từ ngã ba cây Keo
5	QL 57	Nhà ông Lâm Văn Huệ
6	ĐH 92	Cầu Trạm y tế cũ
7	ĐH 92	Trạm y tế
8	ĐH: 92	Nhà bà Nguyễn Thị Hằng
9	ĐH 29	Ngã ba An Điền

10	ĐH 29	Giáp đất ông Trần Văn Huy(Phương Linh)
11	ĐH: 92	Nhà ông Phạm Văn Đoàn
XXI	Xã Thanh Phong	
1	QL 57	Nhà trực điều hành điện lực Thanh Phú
2	QL 57	Từ nhà ông Trần Văn Tỏi
3	Lộ liên xã	Cầu Bồn Bồn
4	Lộ liên xã	Ngã 3 Cù Nèo
5	QL 57	Nhà điều hành điện lực
6	ĐH 30	Nhà ông Nguyễn Văn Thủy
7	ĐH 30 (HL.07)	Tiệm vàng Ngọc Thành
8	ĐH 30 (HL.07)	Lộ Bờ Lớn
9	QL.57	Quốc lộ 57 giao đường huyện 30
10	QL.57	Nhà ông Đỗ Văn Mân (Công trường cấp 3)
11	QL.57	Nhà ông Đỗ Văn Chăng
12	QL.57	Nhà ông Nguyễn Văn Đạt
13	ĐH 30 (HL.07)	Lộ Tạo Giác
14	ĐH 30	Cuối trường Mẫu Giáo
XXII	xã Tân Thủy	
1	Khu tái định cư xã An Thủy (huyện Ba Tri)	
2	Các dãy phố Chợ Tân Bình - Quốc lộ 57C (ĐT.885 cũ)	
3	Các dãy phố Chợ Tân Bình - Hẻm trong chợ	
4	Các dãy phố Chợ Tân Bình - Dãy phố chợ	
5	Các dãy phố Chợ Bầy Ngao	
6	Các dãy phố Chợ Tân An	
7	Các dãy phố Chợ An Hòa Tây - ĐH.DK.01 (ĐHBT.10)	
8	Các dãy phố Chợ An Hòa Tây - 2 dãy phố chợ	
9	Quốc lộ 57C - Địa bàn thị trấn Tiệm Tôm (cũ)	Giáp ranh xã Tân Thủy (cũ)
10	Đường tỉnh 885 cũ - Địa bàn thị trấn Tiệm Tôm (cũ)	Giáp Quốc lộ 57C
11	Các dãy phố Chợ Tiệm Tôm (cũ)	
12	Quốc lộ 57C (ĐT.885 cũ)	Giáp ranh xã Ba Tri
13	Đường huyện 16 (ĐH.16)	Quốc lộ 57C (ĐT.885 cũ)
14	Đường huyện 16 (ĐH.16)	Quốc lộ 57C (ĐT.885 cũ)

15	Đường ĐHBT.10 (ĐH.DK01)	Quốc lộ 57C (ĐT.885 cũ)
16	Đường huyện 9	Đường huyện 16 (ĐH.16)
17	Đường huyện 13	Quốc lộ 57C (ĐT.885 cũ)
18	Đường Bãi Ngao (ĐX.01)	Quốc lộ 57C (ĐT.885 cũ)
19	Đường từ Đường huyện 16 (ĐH.16) đến Đường huyện 13	Đường huyện 16 (ĐH.16)
20	Đường ĐA.06	Quốc lộ 57C (ĐT.885 cũ)
21	Đường từ Đường huyện 16 (ĐH.16) đến Kênh Cầu Ngang	Đường huyện 16 (ĐH.16)
XXIII	xã Bảo Thạnh	
1	Các dãy phố Chợ Bảo Thạnh - ĐH.16 (ĐH.10 cũ)	
2	Các dãy phố Chợ Bảo Thạnh - Lộ liên ấp	
3	Các dãy phố Chợ Bảo Thuận	Dãy phố chợ
4	Đường huyện 16 (ĐH.16)	Giáp đường huyện 10 (ĐH.10)
5	Đường huyện 10 (ĐH.10)	Giáp ranh xã Tân Xuân
6	Đường ĐX.04 (Bảo Thạnh cũ)	Giáp ĐH.16
7	Đường ĐX.05 (Bảo Thạnh cũ)	Giáp ĐH.16
8	Đường Đê Biên	Giáp xã Tân Xuân
9	Đường ĐX.02 (Bảo Thuận cũ)	Giáp ĐH.16
10	Đường Rừng Cóc (Bảo Thuận cũ)	Giáp ĐH.16
11	Đường từ Ngã ba ấp Thạnh Thới giáp ĐH.16	Ngã ba ấp Thạnh Thới
12	Đường Rạch Miễu	Giáp Chợ Bảo Thuận
13	Đường từ ĐH.16 đến Ngã ba Đồng Năng	Giáp ĐH.16
14	Đường ĐX.05 (Bảo Thuận cũ)	Giáp ĐH.16
15	Đường Rừng	Giáp ĐH.16
16	Đường Cầu Ngang	Giáp ĐH.16
17	Đường Kênh Cầu Ngang	Đường Cầu Ngang
18	Đường từ ĐH.16 đến Đường ĐX.03	Giáp ĐH.16
19	Đường liên xã Phước Ngãi - Bảo Thạnh	Giáp xã Tân Xuân
20	Đường ĐX.03 (Bảo Thuận cũ)	Giáp ĐH.16 (Ngã Ba ấp Thạnh Tân)
21	Đường ĐX.03 (Bảo Thạnh cũ)	Giáp ĐH.16
22	Đường ĐX.01 (Bảo Thạnh cũ)	Giáp ĐH.16
23	Đường ĐA.03 (Bảo Thạnh cũ)	Giáp Đê Biên
24	Đường ĐA.02 (Bảo Thạnh cũ)	Giáp ĐH.16
25	Đường ĐC.06	Giáp ĐH.16
26	Đường ĐC.05	Giáp ĐX.01
27	Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch Côn Ngoài	Giáp ĐH.16
XXIV	xã Ba Tri	
1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã tư Tư Trù

2	Đường Trần Hưng Đạo	Trường THCS Thị Trấn
3	Đường 19/5	Trần Hưng Đạo (Trường THCS Thị Trấn)
4	Đường Quang Trung	Ngã tư Tư Trù
5	Đường 30 tháng 4	Trần Hưng Đạo
6	Đường 29 tháng 3	Trần Hưng Đạo
7	Đường Thủ Khoa Huân	Trần Hưng Đạo
8	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Trần Hưng Đạo
9	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường 19/5
10	Đường Nguyễn Trãi	Trần Hưng Đạo
11	Đường Nguyễn Du	Nguyễn Trãi
12	Đường Sương Nguyệt Anh	Trần Hưng Đạo
13	Đường Võ Trường Toản	Sương Nguyệt Anh
14	Đường Thái Hữu Kiêm	Trần Hưng Đạo
15	Đường Vĩnh Phú	Thái Hữu Kiêm
16	Đường Phan Ngọc Tông	Trần Hưng Đạo
17	Đường Phan Ngọc Tông	Chu Văn An
18	Đường Phan Ngọc Tông (nối dài)	Huỳnh Văn Anh
19	Đường Huỳnh Văn Anh	Ngã 5 An Bình Tây
20	Đường Mạc Đình Chi	Trần Hưng Đạo
21	Đường Chu Văn An	Trần Hưng Đạo
22	Đường Chu Văn An	Ngã 4 Lê Lai
23	Đường Lê Lợi	Trần Hưng Đạo
24	Đường Lê Tăng	Trần Hưng Đạo
25	Đường Nguyễn Bích	Thái Hữu Kiêm
26	Đường Trung Trắc	Vĩnh Phú
27	Đường Trung Nhị	Vĩnh Phú
28	Đường Lê Lai	Trần Hưng Đạo
29	Đường Trương Định	Thủ Khoa Huân
30	Đường Lê Lươ	Sương Nguyệt Anh
31	Đường Nguyễn Tri Phương	Vĩnh Phú
32	Đường Hoàng Diệu	Phan Ngọc Tông
33	Đường Trần Bình Trọng	Sương Nguyệt Anh
34	ĐH.14	Ngã tư Tư Trù
35	ĐH 14	Cuối đường Nguyễn Thị Định
36	Cầu Xây - (Địa phận thị trấn cũ)	Cầu Xây
37	Đường Trần Văn An (đường Trại Giã)	ĐH.14
38	Đường Tân Kê	Nguyễn Thị Định
39	Đường Phan Thanh Giản	Quang Trung
40	Đường Trần Quốc Toản	Chùa Hưng An Tự
41	Đường Hoàng Hoa Thám	Trần Hưng Đạo
42	Đường Hoàng Hoa Thám	Hoàng Hoa Thám

43	Đường Phan Văn Tri	Đường 19/5
44	Đường Nguyễn Thị Định	
45	Đường Nguyễn Thị Định	Đường 19/5
46	Đường Nguyễn Thị Định	Nguyễn Thị Định
47	Đường Phan Tôn	Nguyễn Thị Định
48	Đường Bùi Thị Xuân	Trần Văn An
49	Đường Hoàng Lam	Trần Văn An
50	Đường Trần Văn Ôn	Vĩnh Phú
51	Khu dân cư Việt Sinh	Đường Đông Tây
52	Khu dân cư Việt Sinh	Các tuyến đường còn lại
53	Đường Nguyễn Văn Bánh	Nguyễn Thị Định
54	Đường Phan Liêm	Chu Văn An
55	Đường Gò Dinh	Phan Ngọc Tông
56	Đường Lê Anh Xuân	Gò Dinh
57	Nhánh rẽ Đường Trần Văn An	Trần Văn An
58	Nhánh rẽ Đường Trần Văn An	Cầu Kênh Sặc
59	Đường nội bộ công viên Thị Trấn	Trần Hưng Đạo
60	Nhánh rẽ Võ Trường Toản	Võ Trường Toản
61	Đường nội bộ Trung Tâm giải trí huyện	
62	Đường nội bộ Chợ Ba Tri	
63	Đường tỉnh 881	Ngã 3 Giồng Nhàn
64	Đường tỉnh 881	Ngã 3 Giồng Nhàn
65	Quốc lộ 57C - Địa phận khu vực An Bình Tây (cũ)	Hết Bến xe An Bình Tây
66	Quốc lộ 57C - Địa phận khu vực Vĩnh An (cũ)	Hết ranh Thị Trấn Ba Tri (cũ)
67	Địa phận khu vực Vĩnh An đến xã Tân Thủy (cũ)	Giáp ranh đền thờ liệt sĩ xã Vĩnh An (cũ)
68	Cầu Xây - Địa phận xã Vĩnh An (cũ)	Hết ranh Thị Trấn Ba Tri (cũ)
69	Địa phận khu vực An Đức (cũ)	Võ Trường Toản
70	Đường ĐX.01 (Địa phận xã An Bình Tây)	Ngã 5 An Bình Tây
71	Chợ ấp An Hòa	
72	Chợ ấp An Phú (ấp 3)	
73	Các dãy phố Chợ Vĩnh An	Lộ Cầu Xây
74	Các dãy phố Chợ An Đức - ĐH.14	
75	Các dãy phố Chợ An Đức - Đường đi ấp Giồng Cả	
76	Các dãy phố Chợ An Đức - Hai bên dãy phố	
77	Các dãy phố Chợ Vĩnh Hòa - ĐX.02	
78	Các dãy phố Chợ Vĩnh Hòa - ĐH.DK.01	
79	Các dãy phố Chợ Vĩnh Hòa - Dãy phố chợ	
80	Đường tỉnh 881	Giáp khu vực An Đức (cũ)

XXV	xã Tân Xuân	
1	Các dãy phố Chợ Tân Xuân - Đường huyện 10 cũ (ĐH.10)	
2	Các dãy phố Chợ Tân Xuân - 2 dãy phố chợ	
3	Các dãy phố Chợ Phú Lễ - ĐT 881 (ĐH.14 cũ)	
4	Các dãy phố Chợ Phú Lễ - Dãy A	
5	Các dãy phố Chợ Phú Lễ - Dãy B	
6	Khuôn viên chợ	ĐT.881 (HL 14 cũ)
7	Các dãy phố Chợ Phú Ngãi - Lộ xã	
8	Các dãy phố Chợ Phú Ngãi - Dãy phố chợ	
9	Các dãy phố Chợ Phú Ngãi - Cặp chợ	
10	Các dãy phố Chợ Phước Tuy	ĐT.881 (HL 14 cũ)
11	Đường tỉnh 883	Xã Mỹ Chánh Hòa
12	Đường tỉnh 881 (ĐT.881) (đường huyện 14 cũ)	Sông Ba Lai (cổng Đập Ba Lai)
13	Đường Huyện lộ 10 (ĐH.10)	Ranh xã Mỹ Chánh Hoà
14	Đường huyện 16 (ĐH.16)	Giáp Đường tỉnh 881 (tượng đài chiến thắng 516)
15	Đường Tân Xuân - Bảo Thạnh	Giáp ĐT 881 (ĐH.14 cũ)
16	Lộ xã	Đường Tân Xuân - Bảo Thạnh
17	Đường ĐA.05	Giáp đường ĐX.01
18	Đường ĐX.01	Giáp ĐT 881
XXVI	xã Mỹ Chánh Hòa	
1	Các dãy phố Chợ Mỹ Chánh	
2	Các dãy phố Chợ Mỹ Nhơn. - Đường huyện 10 (ĐHBT.26 cũ)	
3	Các dãy phố Chợ Mỹ Nhơn. - Dãy phố chợ	
4	Các dãy phố Chợ Mỹ Hòa - Đường huyện 10 (ĐH.173 cũ, ngã tư đèn đỏ)	
5	Các dãy phố Chợ Mỹ Hòa - Khu phố chợ (lô trái)	
6	Các dãy phố Chợ Mỹ Hòa - Khu phố chợ (lô ngang)	
7	Các dãy phố Chợ Mỹ Hòa - Trước chợ	
8	Các dãy phố Chợ Tân Mỹ - Đường huyện	
9	Các dãy phố Chợ Tân Mỹ - Dãy phố chợ	
10	Đường tỉnh 883	Ranh xã Giồng Trôm
11	Đường Huyện 10	Ranh xã Giồng Trôm
12	Đường Huyện 10 (từ Ngã Tư đèn đỏ đến giáp ĐT 883)	Ngã tư đèn đỏ
13	Đường huyện 173 (cũ)	Ngã tư đèn đỏ

XXVII	xã An Ngãi Trung	
1	Quốc lộ 57C - Địa phận xã An Ngãi Trung đến xã Ba Tri	Giáp ranh xã Hưng Nhượng (huyện Giồng Trôm cũ)
2	Các dãy phố Chợ Cái Bông - Quốc lộ 57C (ĐT.885 cũ)	
3	Các dãy phố Chợ Cái Bông - ĐH.12	
4	Các dãy phố Chợ Cái Bông - Dãy phố chợ	
5	Các dãy phố Chợ An Phú Trung	
6	Đường ĐH.ĐK.02 (từ Đường huyện 12 cầu Kênh Tự Chảy đến ranh huyện Giồng Trôm cũ)	từ Đường huyện 12 (cầu Kênh Tự Chảy)
7	Đường ĐX.01 (từ QL57C đến giáp ranh xã Tân Hưng)	Giáp QL57C
8	Đường ĐX.02 (Từ QL57C đến ranh xã An Phú Trung)	Giáp QL57C
9	Đường ĐX.03 (Từ QL57C đến ranh xã An Phú Trung)	Giáp QL57C
10	Đường ĐX.04 (Từ HL12 đến ĐA.01)	Giáp HL12
11	Đường ĐX.05 (Từ QL57C đến xã Mỹ Thạnh)	Giáp QL57C
12	Đường Xóm Rẫy - An Qui từ QL57C đến ĐX.01 (ĐA.01)	Giáp QL57C
13	Đường Rạch Cái Bông A từ QL57C đến ĐA.07 (ĐA.02)	Giáp QL57C
14	Đường vào chợ Cái Bông từ QL57C đến xã An Phú Trung (ĐA.03)	Giáp QL57C
15	Đường Kênh N2 từ ĐT.885 đến xã An Phú Trung (ĐA.05)	Giáp ĐT.885
16	Đường vào khu trung tâm giáo dục từ QL57C đến ĐA.07 (ĐA.06)	Giáp QL57C
17	Đường An Điền Bé từ ĐH.12 đến xã An Hiệp (ĐA.07)	Giáp ĐH.12
18	Đường ĐC.01 (Từ QL57C đến ĐX.01)	Giáp QL57C
19	Đường ĐC.02 A (Từ QL57C đến ĐA.07)	Giáp QL57C
20	Đường ĐC.02 B (Từ QL57C đến ĐA.07)	Giáp QL57C
21	Đường ĐC.03 (Từ ĐX.03 đến ĐX.03)	Giáp ĐX.03
22	Đường ĐC.04 (Từ HL12 đến HL12)	Giáp HL12
23	Đường ĐC.05 (Từ HL12 đến ĐA.01)	Giáp HL12
24	Đường ĐC.06 (Từ ĐX.05 đến giáp Mỹ Thạnh)	Giáp ĐX.05
25	Đường ĐC.07 (Từ ĐX.05 đến khu dân cư)	Giáp ĐX.05
26	Đường ĐC.09 (Từ ĐA.07 đến ranh An Hiệp)	Giáp ĐA.07
27	Đường ĐC.10 (Từ ĐC.32 đi ĐC.04)	Giáp ĐC.32
28	Đường ĐC.14 (Từ QL57C đi HL12)	Giáp QL57C

29	Đường ĐC.15 (Từ HL12 đến Khu dân cư)	Giáp HL12
30	Đường ĐC.18 (Từ HL12 đến khu dân cư)	Giáp HL12
31	Đường ĐC.19 (Từ HL12 đến khu dân cư)	Giáp HL12
32	Đường ĐC.20 (Từ HL12 đi ĐA.03)	Giáp HL12
33	Đường ĐC.21 (Từ HL12 đi ĐC.20)	Giáp HL12
34	Đường ĐC.25 (Từ QL57C đến kênh Láng Sen)	Giáp QL57C
35	Đường ĐC.30 (QL75C đi An Phú Trung)	Giáp QL57C
36	Đường ĐC.31 (QL57C đi QL57C)	Giáp QL57C
37	Đường ĐC.32 (HL12 đi QL57C)	Giáp HL12
38	Đường ĐX.01	Giáp Đường huyện 12
39	Đường ĐX.02	ĐX.05
40	Đường ĐX.04	Giáp ĐHDK.02
41	Đường ĐX.05	Giáp ĐH.02
42	Đường ĐA.01	Giáp Đường huyện 12
43	Đường ĐA.02	Giáp ĐHDK.02
44	Đường ĐA.03	Giáp ĐX.05
45	Đường ĐA.04	Giáp Đường huyện 12
46	Đường ĐA.07	Giáp ĐX.05
47	Đường ĐX.01	Giáp Đường huyện 12
48	Đường ĐX.02	Giáp Đường huyện 12
49	Đường ĐX.03	Giáp Đường huyện 12
50	Đường ĐX.04	Giáp Đường huyện 12
51	Đường ĐX.05	Giáp ĐX.03
52	Đường ĐA.01	Giáp Đường huyện 12
53	Đường ĐA.02	Giáp Đường huyện 12
54	Đường ĐA.03	Giáp Đường huyện 12
55	Đường ĐA.04	Giáp Đường huyện 12
56	Đường ĐA.06	ĐX.04
XXVIII Xã An Hiệp		
1	Các dãy phố Chợ An Ngãi Tây	
2	Các dãy phố Chợ An Hiệp - ĐH. 04	Thửa 436 tờ 8
3	Các dãy phố Chợ An Hiệp - Chợ mới	
4	Các dãy phố Chợ Giồng Chi	ĐH.05
5	Đường ĐH. ĐK 02 (Đường huyện 12 cũ)	Giáp xã An Ngãi Trung
6	Đường ĐH. ĐK 04 (Đường huyện 04 cũ)	Giáp xã Ba Tri (Đền thờ Phạm Ngọc Tòng)

7	Đường ĐH. ĐK 04 (Đường huyện 05 cũ)	Giáp Đường ĐH. ĐK 02 (Đường huyện 12 cũ)
XXIX	Xã Hưng Nhượng	
1	Đường Trương Vĩnh Trọng	Kênh nội đồng cách ĐH.10 100m
2	Đường Trương Vĩnh Trọng	Kênh nội đồng cách ĐH.10 100m
3	Đường huyện 10 nối dài	Ranh trên ngã ba Bình Thành
4	Đường huyện 10 nối dài	Ranh trên ngã tư Giồng Trường
5	Quốc lộ 57C	Cầu Lương Ngang
6	Quốc lộ 57C	Ranh dưới ngã ba Sơn Đốc
7	ĐH.11 (đường huyện 11)	Chợ Thanh Phú Đông
8	Đường huyện cấp sông Hàm Luông (ĐH.DK30)	Cầu 1A
9	Đường huyện cấp sông Hàm Luông (ĐX.01)	Chợ Hưng Lễ
10	Đường vào UBND xã Hưng Nhượng (đường xã ĐX.02)	Giáp đường Hưng Nhượng – Hưng Lễ
11	Đường vào UBND xã Hưng Nhượng (đường xã ĐX.02)	Cầu Bà Trầm
12	Đường Hưng Nhượng – Hưng Lễ (đường xã ĐX.01)	Quốc lộ 57C
13	Đường Giồng Trường (đường xã ĐX.01)	Giáp ĐH.10
14	Các dãy phố Chợ Hưng Nhượng	- Thửa 94 tờ 20
15	Các dãy phố Chợ Hưng Lễ	- Thửa 85 tờ 14
16	Các dãy phố Chợ Tân Thanh	- Thửa 165 tờ 13
17	Đoạn xã Hưng Lễ	
18	Đường ĐX.03	Thửa 60, tờ 56, Hưng Nhượng
19	Đường Lộ Miếu ấp Tân Phước	Thửa 30, tờ 66, Hưng Nhượng
20	Đường ĐA.01	Thửa 228, tờ 53, Hưng Nhượng
21	Đường ĐX.02	Thửa 178, tờ 53, Hưng Nhượng
22	Đường ĐX.04 (Kênh Mới).	Thửa 278, tờ 24, Hưng Nhượng
23	Đường ĐA.01 (Cầu Miếu).	Thửa 465, tờ 29, Hưng Nhượng
24	Đường ĐA.06 (Liên ấp 2-5-6).	Thửa 106, tờ 18, Hưng Nhượng
25	Đường ĐC.04 (Kênh 9B)	Thửa 258, tờ 24, Hưng Nhượng

26	Đường ĐX.02.	Thửa 28, tờ 98, Hưng Nhượng
27	Đường ĐX.03	Thửa 60, tờ 94, Hưng Nhượng
28	Đường ĐX.04	Thửa 135, tờ 96, Hưng Nhượng
29	Đường ĐX.05	Thửa 327, tờ 92, Hưng Nhượng
30	Đường ĐX.06	Thửa 252, tờ 101, Hưng Nhượng
31	Đường ĐC.01	Thửa 81, tờ 89, Hưng Nhượng
32	Đường ĐC.02.	Thửa 27, tờ 92, Hưng Nhượng
33	Đường ĐC.03	Thửa 78, tờ 90, Hưng Nhượng
34	Đường ĐC.05	Thửa 144, tờ 96, Hưng Nhượng
35	Đường ĐC.06	Thửa 98, tờ 94, Hưng Nhượng
36	Nhánh ĐC.06	Thửa 18, tờ 99, Hưng Nhượng
XXX	Xã Giồng Trôm	
1	ĐT.885	Hết ranh cây xăng Lương Quới (bến Sao Quỳ)
2	Đường Trương Vĩnh Trọng	Ranh Thị trấn - Bình Thành
3	Đường Trương Vĩnh Trọng	Kênh nội đồng cách ĐH.10 100m
4	Đường huyện 10	Giáp ranh huyện Ba Tri
5	Đường huyện 10	Hết ranh ngã tư Bình Đông
6	Đường huyện 10 nối dài	Giáp đường Nguyễn Thị Định
7	Đường huyện 10 nối dài	Ranh trên Trạm bơm Bình Thành
8	Đường huyện 10 nối dài	Ranh trên ngã ba Bình Thành
9	ĐH.11 (đường huyện 11)	Ngã ba Bình Thành
10	Đường lộ Bình Tiên (Địa phận xã Bình Thành)	Giáp ngã 3 Bình Tiên (Lộ K20)
11	Đường K20 (đường ĐH.DK.31) (đường huyện)	Giáp đường huyện 10
12	Đường K20 (đường ĐH.DK.31) (đường huyện)	Ngã ba đường Bình Tiên
13	Đường lộ Bình Tiên ngang (đường ấp ĐA.01)	Ngã 3 đường Bình Tiên trong

14	Đường lộ Bình Tiên ngang (đường áp ĐA.01)	Ngã 3 đường Bình tiên trong
15	Đoạn đường xã DX.01	Thửa 35 tờ 41 Bình Hòa
16	Đường Hồ Sen (đường áp ĐA.01)	Giáp Ngã 3 Trũng Sinh
17	Đường Trũng Sinh (đường huyện ĐH DK.28) (đường xã)	Giáp đường K20
18	Đường Trũng Sinh (đường huyện ĐH DK.28) (đường xã)	Giáp ranh đường huyện 10 nội dài
19	Đường tỉnh 883	Lộ Trũng Sinh (giáp ĐT 885)
20	Đường DX.01	Giáp đường K20
21	Đường ĐA.01	Thửa 65, tờ 11, Giồng Trôm
22	Đường ĐA.03	Thửa 212, tờ 109, Giồng Trôm
23	Đường ĐA.04	Thửa 239, tờ 118, Giồng Trôm
24	Đường ĐA.05	Thửa 149, tờ 113, Giồng Trôm
25	Đường ĐA.06	Thửa 13, tờ 103, Giồng Trôm
26	Đường ĐA.07	Thửa 12, tờ 94, Giồng Trôm
27	Đường ĐA.08	Thửa 87, tờ 32, Giồng Trôm
28	Đường Tô 13	Thửa 65, tờ 11, Giồng Trôm
28	Đường Tô 13	Thửa 11, tờ 55, Giồng Trôm
XXXI	Xã Tân Hào	
1	Quốc lộ 57C	Hết ranh ngã ba Tư Khối
2	Quốc lộ 57C	Cầu Lương Ngang
3	ĐH.11 (đường huyện 11)	Ngã ba Bình Thành
4	ĐH.11 (đường huyện 11)	Cầu Lộ Queo
5	ĐH.11 (đường huyện 11)	Giáp ranh ngã ba Tư Khối - QL57C
6	ĐH.11 (đường huyện 11)	Chợ Thanh Phú Đông
7	ĐH.11 (đường huyện 11)	Chợ Thanh Phú Đông
8	Đường vào Cầu Đình (Xã Thanh Phú Đông) (đường áp ĐC.01)	Chợ Cái Mít
9	Đường vào Cầu Đình (Xã Thanh Phú Đông) (đường áp ĐC.01)	Cầu Đình
10	Đường vào UBND xã Tân Hào (Đoạn đường huyện ĐH.DK.33 (đường xã))	Giáp đường huyện 11
11	Đường vào UBND xã Tân Hào (Đoạn đường xã DX.01)	Giáp ranh xã Tân Hào
12	Đường Giồng Mên (đường xã DX.02)	Giáp đường huyện 11
13	Đường Giồng Thủ (đường xã DX.01)	Giáp đường huyện 11
14	Các dãy phố Chợ Hương Diêm	- Thửa 130 tờ 9
15	Các dãy phố Chợ Cái Mít	- Thửa 38 tờ 19
16	Đoạn xã Thanh Phú Đông	
17	Đường DX.01	Thửa 60, tờ 42, Tân Hào
18	Đường ĐA.02	Thửa 201, tờ 50, Tân Hào
19	Đường ĐA.07	Thửa 49, tờ 36, Tân Hào

20	Đường ĐX.03	Thửa 369, 91, tờ 19, Tân Hào
XXXII Xã Phước Long		
1	Quốc lộ 57C	Cầu Sơn Phú 2
2	Đường bên phà Hưng Phong – Phước Long (Đoạn thuộc đường huyện)	Giáp Quốc lộ 57C (đường 887)
3	Đường bên phà Hưng Phong – Phước Long (Đoạn thuộc D2-1 và N3 (đường đô thị xã Phước Long))	Giáp đường huyện cấp sông Hàm Luông
4	Đường huyện cấp sông Hàm Luông (Đường xã)	Cầu Kênh ranh
5	Đường huyện cấp sông Hàm Luông (Đường xã)	Đường vào bến phà Hưng Phong
6	Đường Hưng Phong (Đường xã ĐX.02)	Bến phà Hưng Phong (phía bên xã Hưng Phong)
7	Đường Hưng Phong (Đường xã ĐX.01)	Trùng đường đê ngăn mặn
8	Đoạn (đường xã ĐX.01)	Giáp ranh xã Tân Hào
9	Đường vào UBND xã Phước Long (đường D2-2) (đường xã)	Giáp đường huyện cấp sông Hàm Luông
10	Đường Giồng Mén (đường xã ĐX.02)	Giáp đường huyện 11
11	Các dãy phố Chợ Bến Tranh	- Thửa 66 tờ 13
12	Các dãy phố Chợ Linh Phụng	- Thửa 415 tờ 15
13	Các dãy phố Chợ Hưng Phong	- Thửa 80 tờ 10
14	Đường Đê bao ven sông Hàm Luông (Đoạn xã Phước Long)	Thửa 13 tờ 13 xã Phước Long
XXXIII Xã Lương Phú		
1	ĐT.885	Cầu Chệt Sậy
2	ĐT.885	Hết ranh Doanh nghiệp dầu Tiến Phát
3	ĐT.885	Đường vào Trường Mẫu giáo Mỹ Thanh
4	ĐT.885	Đường vào cầu Mỹ Thanh
5	Quốc lộ 57C	Cầu Nguyễn Tân Ngải
6	Đường Mỹ Thanh - Phong Nẫm (đoạn thuộc Đường D5 (Đường Đô Thị))	ĐT.885
7	Đường Mỹ Thanh - Thuận Điền (đường Tỉnh ĐT.DK.05) (đường xã)	ĐT.885
8	Đường Mỹ Thanh - Thuận Điền (đường Tỉnh ĐT.DK.05) (đường xã)	Cầu Mỹ Thanh
9	Đường vào UBND xã Thuận Điền (đường xã ĐX.01)	Ngã ba đường vào UBND xã Thuận Điền
10	Đường vào UBND xã Thuận Điền (đường xã ĐX.01)	Giáp đường vào UBND xã Lương Phú
11	Các dãy phố Chợ Mỹ Thanh	- Thửa 61 tờ 16

12	Các dãy phố Chợ Phú Điền	- Thửa 438 tờ 19
13	Đường D6 (xã Mỹ Thanh)	
XXXIV	Xã Châu Hòa	
1	ĐT.885	Hết ranh nghĩa trang liệt sỹ huyện
2	ĐT.885	Hết ranh cầu Đúc Lương Quới
3	ĐT.885	Hết ranh cây xăng Lương Quới (bến Sao Quỳ)
4	ĐX.02 (xã Phong Năm ĐX.01 (xã Châu Hoà) (Đường Huyện 173 cũ)	Giáp Đường tỉnh 883 xã Phong Năm
5	ĐX.02 (xã Phong Năm ĐX.01 (xã Châu Hoà) (Đường Huyện 173 cũ)	Giáp đường K20
6	Đường Lương Quới - Châu Hoà (đường ĐH.DK.27) (đường xã)	ĐT.885
7	Đường Lương Quới - Châu Hoà (đường ĐH.DK.27) (đường xã)	Hết ranh nhà thờ Ba Châu
8	Đường lộ Thủ Ngự (đường ĐH.DK.27) (Đường xã)	ĐT.885
9	Đường lộ Thủ Ngự (đường ĐH.DK.27) (Đường xã)	Ranh dưới trường THCS Lương Quới
10	Đường K20 (đường ĐH.DK.31) (đường huyện)	Ngã ba đường Bình Tiên
11	Lộ Trường Gà (đường liên ấp ĐA.01)	Giáp ĐT.885
12	Đường 19/5 (Đường vào Ủy ban nhân dân xã Châu Bình) (Đường xã ĐX.01)	Giáp đường 173
13	Đường Trần Văn Cuộc xã Châu Bình (đường huyện ĐH.DK.35) (đường xã)	Trộn đường
14	Đường 3 tháng 2 xã Châu Bình (Đường xã ĐX.02)	Trộn đường
15	Lộ Trại Cua (đường ấp ĐA.02)	Giáp đường 19/5
16	Đường tỉnh 883	Kênh ranh xã Phong Mỹ (cũ nay là xã Phong Năm) - Châu Hòa
17	Đường tỉnh 883	Chùa Linh Châu
18	Đường tỉnh 883	Giáp ĐH.173 xã Châu Hòa
19	Đường tỉnh 883	Giáp ranh xã Châu Hòa-Châu Bình
20	Các dãy phố Chợ Lương Quới	- Thửa 128 tờ 7
21	Các dãy phố Chợ Châu Phú	- Thửa 75 tờ 7
22	Các dãy phố Chợ Châu Thới	- Thửa 358 tờ 20
23	Đường Lộ kênh Kỷ Lục (đường ĐH.DK.05) (Đường Xã)	Giáp Đường K20
24	Đường ĐA.02	Thửa 309, tờ 92, Châu Hòa

25	Đường ĐA.03	Thửa 350, tờ 82, Châu Hòa
26	Đường ĐA.04	Thửa 484, tờ 85, Châu Hòa
27	Đường ĐA.01	Thửa 49, tờ 7, Châu Hòa
28	Đường ĐA.02	Thửa 36, tờ 7, Châu Hòa
29	Đường ĐC.03	Thửa 28, tờ 7, Châu Hòa
30	Đường ĐC.05	Thửa 446, tờ 20, Châu Hòa
31	Đường ĐC.06	Thửa 523, tờ 20, Châu Hòa
32	Đường ĐA.01	Thửa 22, tờ 56, Châu Hòa
33	Đường ĐA.02	Thửa 110, tờ 38, Châu Hòa
34	Đường ĐA.03	Thửa 437, tờ 68, Châu Hòa
35	Đường ĐA.04	Thửa 437, tờ 68, Châu Hòa
36	Đường Châu Hòa - Lương Quói (ĐH.DK.27) đường xã, (bổ sung đoạn).	<i>Thửa 144, tờ 6, Châu Hòa</i>
XXXV	Xã Lương Hòa	
1	ĐT.885	Đường vào cầu Mỹ Thanh
2	ĐT.885	Hết ranh ngã ba Lương Hoà
3	ĐT.885	Hết ranh đền thờ bà Nguyễn Thị Định
4	Đường Mỹ Thanh - Phong Nẫm (Đoạn đường DX.04)	Giáp ranh xã Phong Nẫm
5	Đường Huyện 173 (theo NTM hiện hành đã là Đường xã)	Giáp cầu Phong Nẫm
6	DX.02 (xã Phong Nẫm DX.01 (xã Châu Hoà) (Đường Huyện 173 cũ)	Giáp Đường tỉnh 883 xã Phong Nẫm
7	DX.02 (xã Phong Nẫm) (Đường Huyện 173 cũ)	Sông Chẹt Sậy (Đường 173 cũ)
8	Đường vào UBND xã Phong Mỹ cũ trước đây (giờ là xã Phong Nẫm) (đường xã DX.03)	ĐT.885 (Đường Bãi pháo)
9	Đường ấp 4 Phong Nẫm (đường xã DX.05)	Bia Cắm Thù
10	Đường Lương Hòa giữa (đường xã DX.02)	Giáp ĐT.885
11	Đường tỉnh 883	Giáp Đền thờ liệt sĩ xã Phong Nẫm
12	Đường tỉnh 883	Kênh ranh xã Phong Nẫm - Phong Mỹ (cũ nay là xã Phong Nẫm)
XXXVI	Xã Thới Thuận	
1	Chợ Thừa Đức	
2	Đường tỉnh 886	cầu Thừa Mỹ
3	Đường Giồng Cà	ĐT.886
4	Đường ấp Thừa Long	ĐT.886
5	Đường ấp Thừa Trung	ngã 3 Bưu điện

6	Chợ Thới Thuận	
7	Quốc lộ 57B	cầu Vũng Luông
8	Trung tâm chợ	Khu vực trung tâm chợ
9	Thửa còn lại	
XXXVII	Xã Thanh Phước	
1	Đường xã Đại Hoà Lộc	giáp ranh xã Bình Thới
2	Đường huyện 15	giáp ranh thị trấn
3	Chợ Đại Hoà Lộc	khu vực trung tâm chợ
4	Chợ Thanh Phước	khu vực trung tâm chợ
5	Chợ Đê Đông xã Thanh Phước	khu vực trung tâm chợ
6	Thửa còn lại	
XXXVII		
I	Xã Bình Đại	
1	Đường Đồng Khởi (Địa phận xã Bình Thắng)	Giáp thị trấn Bình Đại
2	Đường Bình Thắng	Giáp Cầu Chợ
3	Hai bên đường khu vực cảng cá (Địa phận xã Bình Thắng)	Đường Đồng Khởi
4	Đường lộ xã Bình Thắng	Giáp đường Đồng Khởi - Trụ sở UBND xã
5	Đường ấp 1	Giáp thị trấn Bình Đại
6	Đường Bình Thới (QL 57B)	Giáp đường Bùi Sĩ Hùng
7	Đường Bình Thới (QL 57B)	Vòng xoay Bến Đình
8	Đường Bùi Sĩ Hùng	Giáp QL 57B - ngã ba nhà Ba Sắt
9	Đường DH 06 (lộ Cầu Tàu)	Vòng xoay Bến Đình
10	Chợ Bình Thới	khu vực
11	Thửa còn lại ở nông thôn	
12	Hai bên Quốc lộ 57B	Đường Bùi Sĩ Hùng
13	Hai bên Quốc lộ 57B	Đường Đồng Khởi
14	Hai bên Quốc lộ 57B	Đường Nguyễn Đình Chiểu
15	Hai bên Quốc lộ 57B	Giáp khu phố 1, 3 ấp Bình Chiến
16	Hai bên Quốc lộ 57B	Cổng Soài Bông
17	Đường Bà Nhứt	Quốc lộ 57B
18	Đường Nguyễn Đình Chiểu nối dài đến giáp ranh xã Đại Hoà Lộc	Quốc lộ 57B
19	Đường Đồng Khởi	Quốc lộ 57B
20	Đường Nguyễn Thị Định	Giáp đường Bà Nhứt
21	Đường 30 tháng 4	Giáp đường Lê Hoàng Chiểu
22	Đường Trần Ngọc Giải	Giáp QL 57B - nhà ông Khiết

23	Đường Trần Hoàn Vũ	Giáp QL 57B - quán phở Thuý An
24	Đường Cách mạng tháng 8	Giáp QL 57B
25	Đường 3 tháng 2	Giáp đường 30 tháng 4
26	Đường Huỳnh Tấn Phát	Giáp QL 57B
27	Đường 268	Giáp QL 57B
28	Đường chợ thực phẩm	Giáp đường 268
29	Đường Lê Phát Dân	Giáp QL 57B - Hiệu thuốc huyện
30	Đường Bà Khoa	Giáp đường 30 tháng 4
31	Đường Trịnh Viết Bằng	Giáp đường 30 tháng 4 - Ngân hàng Công thương cũ
32	Đường Võ Thị Phò	Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu
33	Đường Mậu Thân	Giáp đường Bùi Sĩ Hùng
34	Đường Lê Hoàng Chiếu	Giáp QL 57B- nhà bầy Thảo
35	Đường Bùi Sĩ Hùng	Giáp QL 57B - ngã ba nhà Ba Sắt
36	Hai bên đường khu vực cảng cá (Địa phận thị trấn)	Đường Đồng Khởi
37	Thửa còn lại ở đô thị	
XXXIX	Xã Thanh Trị	
1	Chợ Đình Trung	
2	Quốc lộ 57B	
3	Đường Ao Vuông	DH07
4	Khu dân cư tiếp giáp với chợ	Khu vực dân cư cặp chợ
5	Chợ Thanh Trị (ĐH.08)	Khu vực cặp chợ và DH.08
6	Thửa còn lại	
XXXX	Xã Lộc Thuận	
1	Đường vào trung tâm xã	Lộ Cây Quéo
2	Đường Xóm Đùi	
3	Đường Cái Muông	
4	Đường Cầu Chùa	Đường trung tâm xã
5	Chợ Vang Quới Đông	
6	ĐH.07	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>
7	Đường Cây Dương	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>
8	Chợ Vang Quới Tây	
9	Hai bên ĐH- 07	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>

10	Hai bên Đ.Bến Giồng	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>
11	Khu dân cư tiếp giáp với chợ	<i>khu vực dân cư giáp trung tâm chợ</i>
12	Chợ Phú Vang	
13	Hai bên ĐH.07	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>
14	Đường vào UBND xã	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>
15	Chợ Lộc Sơn	
16	Quốc lộ 57B	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>
17	Đ. Lộ làng (hướng đi Chợ Ngoài)	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>
18	Đ. Lộ làng (hướng đi Cái Muồng)	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>
19	Khu dân cư tiếp giáp với chợ	<i>khu vực dân cư giáp trung tâm chợ</i>
20	Chợ Lộc Thành	
21	Đ. Lộ làng (hướng đi Chợ Ngoài)	<i>khu vực chợ ven hai bên đường</i>
22	Khu dân cư tiếp giáp với chợ	<i>khu vực dân cư giáp trung tâm chợ</i>
23	Thửa đất còn lại	
XXXXI	Xã Châu Hưng	
1	Chợ Châu Hưng	
2	Cấp chợ	khu vực chợ
3	Đ.Hưng Chánh	khu vực chợ ven hai bên đường
4	QL.57B	
5	Đ.Giồng Nhỏ	
6	Chợ Thới Lai	
7	Hướng từ chợ đi Vang Quới Tây	chợ Thới Lai
8	Hướng từ chợ đi sông Ba Lai	chợ Thới Lai
9	QL.57B	QL.57B khu vực chợ
10	Khu dân cư tiếp giáp với chợ	khu vực dân cư tiếp giáp chợ
11	Chợ Long Hòa	
12	Đường Đê Tây	Đường Đê Tây khu vực chợ
13	Hai bên đường xã	Hai bên đường xã khu vực chợ
14	DT.DK08	giáp ranh xã Phú Thuận
15	Thửa còn lại	
XXXXII	Xã Phú Thuận	
1	Chợ Long Định	khu vực trung tâm chợ
2	Chợ Tam Hiệp	khu vực trung tâm chợ

3	Chợ Phú Thuận	giáp ranh xã Vang Quới Tây
4	ĐH.07	khu vực trung tâm chợ giáp DH.0
5	Đường vào UBND xã	DH.07
6	Hai bên dãy phố chợ	hai bên khu vực trung tâm chợ
7	DT.DK07	Giao Long
8	DT.DK08	QL57B (xã Phú Thuận)
9	Đê bao cồn Tam Hiệp	bao quanh xã Tam Hiệp cũ
10	Thửa còn lại	
11	Khu Tái định cư Phú Thuận (huyện Bình Đại)	
11.1	Đôi với nền tái định cư thuộc nhóm đường N3, N4, N6, N10, N11, N12, Đ2, Đ5	
11.2	Đôi với nền tái định cư thuộc nhóm đường N2, N9, N13	
11.3	Đôi với nền tái định cư thuộc nhóm đường N1, Đ1, Đ9	
11.4	Đôi với nền tái định cư thuộc nhóm đường N14	
11.5	Đôi với nền tái định cư thuộc nhóm có vị trí thuận lợi (gần trường học, công viên, y tế và các nền góc.	
11.6	Khu công nghiệp Phú Thuận (huyện Bình Đại)	

NG NGHIỆP

im 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

g/Khu vực	Giá đất bảng giá hiện hành	Giá đất đề xuất năm 2026	Chênh lệch
Đến			
Giáp ranh thị trấn	2400	3,800	1,400
Giáp thành phố Bến Tre	3600	5,800	2,200
Hết ranh TT. Châu Thành	2,040	5,500	3,460
Cầu Kinh Điều	960	1,500	540
Ngã ba Phú Long	720	2,500	1,780
Giáp ranh thị trấn	1200	3,200	2,000
Ngã 3 Mũi Tàu (cây xăng Hữu Định)	1800	2,900	1,100
Cầu Ba Lai mới	3,600	5,800	2,200
Giáp lộ số 11 Thị Trấn	960	1,500	540
Giáp ranh xã An Khánh	720	1,200	480
QL.60 mới	1,440	2,300	860
Giáp lộ số 11 Thị Trấn	720	1,200	480
	840	1,300	460
	840	1,300	460
	1,680	5,000	3,320
Hết ranh Chùa số 1 Tiên Thủy	960	2,400	1,440
Lên 500m phía Tam Phước	960	1,200	240
Cầu kênh sông Mã	720	1,200	480
Giáp Quốc lộ 57C	720	1,200	480
Ngã tư Hữu Định	720	1,200	480
Giáp ranh thành phố Bến Tre	720	1,700	980
Giáp lộ số 11 Thị trấn	960	1,500	540
Cầu kênh Điều-Vàm kênh Điều (An Khánh)	960	1,500	540
	720	800	80
QL.60 mới	1440	2,300	860
Giáp ĐHCT.01	720	1,200	480
Cầu kênh Điều-Vàm kênh Điều (An Khánh)	960	1,000	40
	720	800	80

Giáp ĐH.03	840	1,500	660
Giáp Lô Chùa xã Quới Sơn	720	1,300	580
Ngã ba Phú Túc	720	1,200	480
cổng Cả Quảng	720	1,000	280
	2200	2,100	(100)
	1920	1,800	(120)
	1920	2,500	580
	1920	2,500	580
	1920	3,100	1,180
		1,000	1,000
		2,000	2,000
Vòng xoay Giao Long	1,800	2,800	1,000
Cầu An Hóa	1,440	2,300	860
	840	1,300	460
<i>Giáp lộ chùa xã Quới Sơn</i>	720	900	180
<i>Kênh Giao Hoà</i>	720	1,000	280
Giáp ĐH.DK.14	720	1,100	380
Giáp Đường huyện ĐH.DK.13	720	1,100	380
	720	1,100	380
Hết ranh quy hoạch Khu công nghiệp giai đoạn 2	840	1,300	460
Sông Ba Lai	720	1,100	380
Giáp đường Võ Tấn Nhứt	720	1,100	380
Giáp ĐH.DK.14	720	1,100	380
	720	1,100	380
Hết ranh quy hoạch Khu công nghiệp giai đoạn 2	840	1,300	460
Sông Ba Lai	720	1,100	380
<i>Giáp thành phố Bến Tre</i>	1,500	2,400	900
Hết Cảng Giao Long	720	1,300	580
Giáp ĐHCT 04	720	1,100	380
Giáp ĐX.04	720	1,100	380
Giáp ĐH.04	720	1,100	380
	1,920	3,000	1,080
	1,440	2,300	860
Hết ranh Chùa số 1 Tiên Thủy	960	1,500	540
Cầu Tre Bông	1,440	2,300	860
Ngã Ba Phú Long	960	1,500	540
Giáp Quốc lộ 57C	720	1,200	480
	2,040	3,300	1,260

	840	1,300	460
	840	1,300	460
Ngã ba Phú Túc	720	1,200	480
Đường ra cầu Thành Triệu	720	1,200	480
Ranh xã Tiên Long	720	1,200	480
QL.57B (ngã 4 Tân Bắc)	720	1,200	480
	576	900	324
	576	900	324
	576	900	324
	576	900	324
	576	900	324
	576	900	324
	576	900	324
	576	900	324
	576	900	324
Ngã ba Phú Long	720	1,600	880
Bến phà Tân Phú	500	800	300
Ngã ba Phú Long	960	1,500	540
Thửa 62 tờ 9 Phú Đức	720	1,200	480
Thửa 91 tờ 24 Tân Phú	2,200	3,500	1,300
Tân Phú	720	1,300	580
Cầu chợ Phú Đức	720	1,500	780
QL.57B (ngã 4 Tân Bắc)	720	1,200	480
		800	800
Giáp Lộ Cái Xoài	850	1,200	350
Giáp Đường vào trường Tiểu học	2,160	3,000	840
Giáp Lộ Mười Nghiệp	576	800	224
Giáp Lộ Bờ Dừa	576	1,000	424
Vòng xoay Sơn Định (giáp Lộ B)	576	800	224
Cầu Chợ Lách mới	1,080	1,500	420
Giáp ranh xã Chợ Lách	1,440	2,000	560
Bến phà qua Khu du lịch cồn Ph	460	600	140
Cầu Chợ Lách mới	960	1,100	140
Vàm Lách	960	1,300	340
-	2,160	3,000	840
Sông Tiên	346	500	154
Bến phà Phú Hiệp	346	500	154
Bến phà Mỹ An	346	500	154
Lộ Bảy Dưng	346	500	154
Bến phà Phước An	346	500	154
Cầu Năm Tép	346	500	154
Cầu Cái Xoài	346	500	154
Bến phà Thới Lộc	346	500	154
Bến phà Thới Lộc	346	500	154

	5,040	7,000	1,960
	4,800	6,700	1,900
	5,400	7,500	2,100
	3,840	5,300	1,460
	3,840	5,300	1,460
Cầu Sông Dục (Km+63)	3,000	4,200	1,200
Đường 30 tháng 4 (mũi tàu)	2,400	3,300	900
Giáp ranh thị trấn Chợ Lách - xã Hòa Nghĩa	1,200	1,600	400
Vòng xoay ngã 5 (ĐH. 33)	1,000	1,400	400
Chợ Khu B	4,800	6,700	1,900
Ngã ba Tịnh xá Ngọc Thành	4,320	6,000	1,680
Giáp Đường Trần Văn Kiệt	3,600	5,000	1,400
Quán cháo vệt Cai Bé	3,000	4,200	1,200
Đường Đồng Khởi (mũi tàu)	2,640	3,600	960
Hết đất bà Điều Thị Liệt (Ut Nghi)	4,320	6,000	1,680
Đường Đồng Khởi (Cầu Chợ Lách cũ)	3,600	5,000	1,400
Vườn hoa (CổngThầy Cai)	2,400	3,300	900
Quốc lộ 57 (Tuyến tránh Chợ Lách)	1,200	1,600	400
Đình Thới Định	600	800	200
Đường Trương Vĩnh Ký	1,560	2,100	540
Hết quán Hiếu Nhân	1,800	2,500	700
		-	-
Ngã ba bệnh viện	2,400	3,300	900

Đường bờ kè khu phố 2 – 3 - Sơn Qui (giáp Đường Nguyễn Đình Chiều)	1,080	1,500	420
Hết đất bà Đoàn Thị Kim Anh	1,680	2,300	620
Vàm Lách	960	1,300	340
Đường Đồng Khởi (hướng đường Trần Văn Kiết)	960	1,300	340
Quốc lộ 57	900	1,200	300
Quốc lộ 57 (Tuyên tránh Chợ Lách)	1,800	2,500	700
Ngã tư chùa Tiên Thiên	1,440	2,000	560
Hết đường Sơn Qui (hướng Vàm Lách)	1,200	1,600	400
Ngã ba đường Sơn Qui (giáp đường Phan Thanh Giản)	960	1,300	340
Cầu Kênh cũ	720	1,000	280
Cầu chùa Ban chinh	2,160	3,000	840
VLXD Đỗ Hoàng Hưởng	1,800	2,500	700
Giáp ranh xã Hòa Nghĩa	1,500	2,100	600
Hết đất Huỳnh Văn Hoàng	1,200	1,600	400
Giáp ranh thị trấn Chợ Lách - xã Sơn Định	1,800	2,500	700
Đường cầu Đình	1,200	1,600	400
Cầu Cả Ôt	1,200	1,600	400
Hết đất bà Dương Thị Dương	960	1,300	340
Đường Đường Phan Thanh Giản	1,440	2,000	560
Cầu Sông Dọc	840	1,100	260
Phà Tân Phú	600	800	200
Vòng xoay ngã 5 (ĐH.33)	1,080	1,500	420
Trụ sở UBND xã Hòa Nghĩa	1,200	1,600	400
Huyện đội (đôi diện là thửa 35 tờ 31 Hòa Nghĩa)	960	1,300	340

Lộ Quân An (Hai Sinh)	576	800	224
Sông Cái Gà	960	1,300	340
Bưu điện xã Long Thới	1,440	2,000	560
Lộ Ao cá	1,440	2,000	560
Đường vào trường cấp III Long Thới	960	1,300	340
	576	4,300	3,724
Giáp ranh xã Tân Thiềng	460	600	140
	460	600	140
	460	600	140
Đất bà Lê Thị Hai	600	800	200
	460	600	140
Giáp ranh xã Tân Thiềng	460	600	140
	460	2,500	2,040
Hết Chợ cá và dây đổi điện	3,000	4,200	1,200
Bưu điện xã Vĩnh Thành	2,640	3,700	1,060
Sông Vàm Xã	2,640	3,700	1,060
Bưu điện xã Vĩnh Thành	2,640	3,700	1,060
Cầu Lộ Rền	1,200	1,700	500
Cầu Kinh Vĩnh Hưng 2	1,200	1,700	500
Đường vào Trường THCS Vĩnh	900	1,300	400
Xã hưng Khánh Trung	840	1,200	360
Cầu Cái Mơn lớn	600	800	200
Sông hàm Luông	600	800	200
Xã Hưng Khánh Trung	460	600	140
Xã Chợ Lách	576	2,700	2,124
Đường huyện 36	460	3,000	2,540
Sông Cô Chiên	460	3,300	2,840
Xã Phước Mỹ Trung	720	5,700	4,980
Sông Hàm Luông	460	600	140
Xã Hưng Khánh Trung	460	2,700	2,240
Ngã 3 vòng xoay (đường vào cầu Hàm Luông)	3,000	4,200	1,200
Công Chợ Xếp	960	1,300	340
Công số 03	1,200	1,700	500
Ngã 3 Bền	1,800	2,500	700
Ngã 3 Cây Trâm	2,640	10,700	8,060
Ngã 4 Tân Long (Quốc lộ 60 mới)	720	1,000	280
Bên đò Vàm nước trong	600	800	200
	720	1,000	280

	720	1,000	280
	720	1,000	280
	720	1,000	280
Cầu Đập Lá (Phước Mỹ Trung)	720	1,000	280
Cầu Bưng (giáp Phú Mỹ)	792	1,100	308
Ngã Tư Năm Táng	600	800	200
Đến ĐH 34 (ngã tư xã Thanh Ngãi)	600	3,000	2,400
- Giáp ranh xã Phú Sơn	600	800	200
- <i>Ngã Tư Năm Táng</i>	600	800	200
-Giáp ranh xã Phú Sơn	600	800	200
	600	800	200
	2,640	3,700	1,060
	2,640	3,700	1,060
Ranh xã Hưng Khánh Trung A	1,200	1,700	500
Ngã 3 Bền	1,800	2,500	700
ranh xã Thành An và ranh xã Hu	2,640	3,700	1,060
	720	1,000	280
Ngã 3 vòng xoay (đường vào cầu Hàm Luông)	960	4,400	3,440
Đường vào tuyến tránh	2,000	2,800	800
	1,200	1,700	500
Ranh Mỏ Cây Nam (Giáp Tân Hội)	1,200	1,700	500
Ngã 3 vòng xoay (đường vào cầu Hàm Luông)	3,000	4,200	1,200
	960	5,500	4,540
Đường vào cầu Bến Bè	1,200	1,700	500
Công Chơ Xếp	960	1,400	440
	1,920	2,700	780
	1,920	2,700	780
	720	1,000	280
	2,640	3,700	1,060
Cầu Lò Quay	720	1,000	280
Cầu Tân Nhuận	1,200	1,700	500
	1200	2,600	1,400

Cầu Cái Hàn	720	2,500	1,780
Ngã tư công chào xã Tân Thanh Tây (giáp QL 57)	600	800	200
	2,640	3,700	1,060
Giao giữa ĐH 19 và ĐH 20 Cầu Thơm và Bến đò Thơm	600	800	200
Giáp xã Tân Hội, huyện Mô Cày Nam	720	1,000	280
	720	1,000	280
Cầu Thơm và Bến đò Thơm	600	1,700	1,100
UBND xã Định Thủy	1,080	1,500	420
Bến đò Phước Lý, xã Bình Khánh Đông (nay là xã Bình Khánh)	840	1,200	360
Cầu Phú Đông xã An Định	840	1,200	360
Ngã ba Nạn thun xã An Thới	1,080	1,500	420
	720	1,000	280
	720	1,000	280
	720	1,000	280
Trộn đường dài 290m	5,760	8,100	2,340
Hết ranh chi điện lực	5,760	8,100	2,340
Trộn đường dài 313m	5,640	7,900	2,260
Hết ranh Ngân hàng cũ	5,760	8,100	2,340
Trộn đường dài 273m	9,600	13,400	3,800
Trộn đường dài 242m	5,040	7,100	2,060
Ngã ba chợ cá	6,000	8,400	2,400
Cầu 17/1	4,800	6,700	1,900
Đến giáp sông Mô Cày	4,800	6,700	1,900
Công đình Hội Yên	3,600	5,000	1,400
Ngã ba đường vào VKSND huyện	2,400	3,400	1,000
Hết ranh Thị trấn Mô Cày	3,600	5,000	1,400
Giáp ranh xã Đa Phước Hội	1,800	2,500	700
Hết đường lộ nhựa	1,800	2,500	700
Cầu 17/1	4,080	5,700	1,620

Hết địa giới khu phố 6 (áp 3 cũ) TT Mỏ Cày	2,400	3,200	800
Cầu Ông Bồng	1,800	2,500	700
Cầu 17 tháng Giêng (mới)	4,080	5,700	1,620
Giáp ĐH 22 (cũ)	2,400	3,400	1,000
Cổng Chùa Bà	9,600	13,400	3,800
Trường Che Guevara	6,600	9,200	2,600
Hết địa phận Thị trấn Mỏ Cày	5,040	7,100	2,060
Lộ bờ đai khu phố 7 (áp 4 cũ), TT Mỏ Cày	4,320	6,000	1,680
Công Rạch Đình ấp Tân Phước, TT Mỏ Cày	2,880	4,000	1,120
Ranh với huyện Mỏ Cày Bắc	2,400	3,400	1,000
Cầu Ông Đình	3,600	5,000	1,400
Cầu Mương Điều	5,400	7,600	2,200
	432	600	168
Tuyến tránh QL 60 mới		5,000	5,000
UBND xã Đa Phước Hội	1,800	5,300	3,500
Ngã 3 QL 60 - HL 20	1,080	1,500	420
Cầu Kênh Ngang	3,240	4,500	1,260
Ranh huyện Mỏ Cày Bắc	1,080	1,500	420
Cầu Mương Điều	5,400	7,600	2,200
Cầu Mỏ Cày (mới) kéo dài thêm 600m	1,800	4,700	2,900
Ranh giới xã Hòa Lộc (Mỏ Cày Bắc)	1,200	1,700	500
Kéo dài thêm 600m hướng vòng xoay Thành Thới A	1,800	2,500	700
Cầu Thom xã An Thạnh	3,000	4,200	1,200
Cầu Tàu Thom	3,000	9,400	6,400
Đường Cầu Gốc	2,640	3,700	1,060
QL57	1,800	2,500	700
Giáp ranh thị trấn Mỏ Cày	3,600	5,000	1,400
Giáp xã Tân Thành Bình		500	500
ĐX.04		500	500
ĐX.01		500	500
Khu phố 7		500	500
Ranh xã Đa Phước Hội (cũ)		500	500
ĐX.01 (đường Làng nghề)		500	500
Ngã ba Nạn thun xã An Thới	1,080	1,500	420

Ngã tư An Thiện, xã Thành Thới B	840	2,200	1,360
Chân Cầu Cả Chát lớn	960	1,300	340
Hết Trường THPT Ca Vann Thỉnh kéo dài thêm 300m (về hướng ngã tư Tân Trung)	1,560	2,200	640
Chân cầu Cồ Chiên	1,800	2,500	700
Đến vòng xoay Thành Thới A	800	2,500	1,700
	1,920	2,700	780
Ngã ba Phà Cồ Chiên (xã Thành Thới B cũ)		800	800
Giáp ranh xã Hương Mỹ		800	800
Cầu Phú Đông xã An Định	840	1,200	360
Ngã ba Nạn thun xã An Thới	1,080	7,900	6,820
Hết Trường THPT Ca Vann Thỉnh kéo dài thêm 300m (về hướng ngã tư Tân Trung)	1,560	2,200	640
Dưới ngã tư Tân Trung 300m (về hướng Hương Mỹ)	1,560	2,200	640
ĐH 14	720	1,000	280
	1,920	2,700	780
	1,920	2,700	780
	1,440	2,000	560
	1,440	2,000	560
	1,440	2,000	560
	1,440	18,200	16,760
Hết ranh ấp Thị, xã Hương Mỹ	1,800	2,500	700
Ngã ba Vàm Đôn	1,200	1,700	500
Cầu Kinh 9 Thước	1,800	2,500	700
Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	2,400	3,400	1,000
Ranh với huyện Thạnh Phú	1,560	2,200	640
Về hướng cống Bình Bát 2000m	1,200	1,700	500
Mặt hàn Cái Lức	800	1,100	300
	2,640	11,200	8,560
	2,640	3,700	1,060

Ngã ba đường vào ấp Thạnh Đông	2,640	3,700	1,060
Hết trạm y tế xã Đại Điền	1,020	1,400	380
	800	1,100	300
Đầu huyện lộ 24	1,720	2,400	680
Đầu lộ Cái Lức	1,512	2,100	588
Nhà ông Nguyễn Công Hà	2,040	2,900	860
Lộ đan nhà Sáu Quý	1,300	1,800	500
Nhà ông Nguyễn Sa Liêm	1,100	1,500	400
Lộ mới (Đường Bảy Phong)	1,140	1,600	460
Đình Đại Điền	950	1,300	350
Công Sáu Anh	1,260	1,800	540
Công chảo Thới Thạnh	1,100	1,500	400
Lộ đan kinh Cầu Tàu	1,140	1,600	460
Công chảo ấp Phú	950	1,300	350
Hết Trường Mẫu giáo Trung tâm	696	1,000	304
	500	700	200
Hết Đường huyện 24	600	800	200
UBND xã Thới Thạnh (cũ)	350	500	150
Ấp Xương Thới 3		300	300
Trường mẫu giáo Quới Điền	1,140	1,800	660
Nhà thờ Cầu Đúc	650	1,000	350
Nhà ông Phạm Văn Hải	1,020	1,600	580
Nhà bà Trương Thị Dung	696	1,100	404
Nhà ông Huỳnh Văn Mười	636	1,000	364
Kênh Chín Thước	636	1,000	364
Nhà ông Lê Văn Hồng	550	5,800	5,250
Nhà ông Phan Duy Thanh	756	1,200	444
Giáp xã Mỹ Hưng (đất bà Huỳnh Thị Thâm)	500	800	300
Hết trường cấp 2	576	900	324
Đến ngã ba Sân Trâu	480	800	320
Đến giáp thị trấn Thạnh Phú (Thửa 31 tờ 24)	400	600	200
Ranh đê bao (hết ngã ba đường về Mỹ An)	605	1,000	395
Đến cầu Mỹ Hưng (giáp thị trấn Thạnh Phú)	480	800	320

Cổng Hai Tân	605	1,000	395
Đền giáp xã Quới Điền	480	800	320
Nhà ông Lê Văn Thái	636	1,000	364
Hết cây xăng Thiên Phúc	696	1,100	404
Giáp thị trấn Thanh Phú	700	1,100	400
Nhà ông Nguyễn Văn Thật (giáp xã Quới Điền)	650	1,000	350
Giáp ranh thị trấn Thanh Phú	480	800	320
Cầu Hòa Lợi	576	900	324
Hết huyện lộ 26	648	3,000	2,352
Giáp huyện lộ 26	600	1,000	400
Giáp cầu bà Nguyễn Thị Tại	500	800	300
Giáp xã Mỹ Hưng	624	1,000	376
Điểm cuối tại thửa đất số 15, tờ số 93 giáp ranh xã Thanh Phú (cũ xã Bình Thạnh)		1,100	1,100
Chợ cá cũ	3,420	5,500	2,080
Nhà ông Tư Thới(Ranh khu dân cư TTTP	2,520	4,000	1,480
Nhà ông Bảy Nguyễn	3,420	5,500	2,080
Phòng TN & MT cũ	2,040	3,300	1,260
Bến đò thủy sản	1,140	1,800	660
Cổng cỏ Rạng	636	1,000	364
Nhà ông mười Rong	2,160	3,500	1,340
Nhà ông Nguyễn Văn Cần	1,800	2,900	1,100
Giáp ranh xã Mỹ Hưng	1,020	4,300	3,280
Ngã tư Nhà Thờ	1,920	3,100	1,180
Ngã tư đường vào UBND xã Bình Thạnh	2,160	3,500	1,340
Xí nghiệp nước đá	1,920	3,100	1,180
Ngã tư Cây Da	2,772	4,400	1,628
BHXX Thanh Phú	1,140	1,800	660
Ngã tư Bến Xe	1,644	2,600	956
Trại giam cũ	1,140	1,800	660
Nhà ông Trương Văn Thắng	866	2,200	1,334
UBND Thị trấn	1,800	2,900	1,100
Đầu lộ Thủy sản (Chi cục Thuế)	756	1,200	444
Cổng chùa Bình Bát.	756	1,200	444

Nhà ông Nguyễn Văn Ớt	504	800	296
Nhà ông Phạm Văn Đẹp	576	900	324
QL.57 (Nhà nghỉ 68)	636	1,900	1,264
Nhà ông Nguyễn Tấn Văn	756	1,200	444
Nhà ông Nguyễn Văn Việt	504	800	296
Thánh thất cao đài Tây Ninh	636	1,000	364
Giáp xã Mỹ Hưng	600	1,300	700
Hết TT bồi dưỡng chính trị huyện	1,512	2,400	888
Giáp ranh xã An Thuận	900	1,400	500
- Thửa 12 tờ 18	768	1,200	432
Cuối đất ông Nguyễn Hữu Phước	756	1,500	744
Ngã tư Bến Sung	1,140	1,800	660
Đền ngã ba Bến Vong	576	900	324
Sông Cỏ Chiên	756	1,200	444
Rạch Cừ (giáp An Điền)	480	1,500	1,020
Phà Mỹ An - An Đức	420	700	280
Đường huyện 92	600	1,000	400
	1,440	2,300	860
Ngà ông Nguyễn Thanh Hải (thửa 151 tờ 15)	1,440	2,300	860
Nhà ông Nguyễn Văn Lượng (Hết thửa 46 tờ 15)	1,920	3,100	1,180
UBND xã quản lý (thửa 230 tờ 4)	720	1,200	480
Rạch Cầu Đức (thửa 28 tờ 27)	1,440	2,300	860
UBND xã quản lý (thửa 392 tờ 18)	720	1,200	480
Nhà ông Lê Hoàng Thơ (thửa 108 tờ 11)	720	1,200	480
Nhà ông Đặng Thành Phiên (thửa 10 tờ 14)	1,440	2,300	860
Nhà bà Lê Thị Cảnh (thửa 03 tờ 10)	1,440	2,300	860
Nhà bà Trần Thị Tạng (Thửa 153 tờ 13)	1,440	2,300	860
Nhà ông Nguyễn Văn Lược (thửa 90 tờ 17)	1,920	3,100	1,180
	1,200	1,900	700
Đầu chợ An Thạnh ĐH.19	900	1,400	500
Trường Trung học cơ sở An Thạnh	756	1,200	444

Công chào xã An Thanh	576	900	324
Giáp ranh xã An Qui	444	700	256
Nhà ông Đoàn Văn Em	480	800	320
Mặt đập Rạch Giồng	480	800	320
Sông Băng Cung	650	1,000	350
Ngã 3 An Điền	1,066	1,700	634
Ấp An Thủy	533	2,600	2,067
Giáp cầu An Điền	432	700	268
Đất ông Bùi Văn Quyền	1,296	2,100	804
Giáp ranh xã Bình Thanh	840	1,300	460
Cầu sắt An Qui	888	1,400	512
Miếu bà ấp An Hội A	756	2,000	1,244
Cổng chùa An Phú	756	1,200	444
Mé sông Cỏ Chiên	840	1,300	460
Giáp ranh xã An Thanh	600	1,000	400
Nhà ông Lê Văn Trang	1,066	1,700	634
Nhà bà Nguyễn Thị Truyền	1,080	1,700	620
Nhà ông Đặng Văn Na	700	1,100	400
Nhà bà Võ Thị Bé	504	800	296
Nhà ông Lê Văn Vũ	422	700	278
Nguyễn Văn Lục Cao (hết tuyến ĐH 93)	384	600	216
Ấp An Bình	350	600	250
Ấp An Bình	350	600	250
Nhà ông Cao Văn Tùng	350	600	250
Nhà ông Phạm Văn Bé	350	600	250
Nhà ông Trần Văn Đạt	756	3,900	3,144
Đến nhà nghỉ Vạn Phúc	636	1,000	364
Đến nhà ông Hồ Văn Được	800	1,300	500
Đền đầu cầu Vàm Rổng	636	5,000	4,364
Nhà Hà Bảo Trân	636	1,000	364
Nhà ông Phạm Văn Đoàn	576	4,900	4,324
Giáp cầu Rạch Cừ	448	700	252
Nhà ông Phạm Văn Đoàn (hướng xuống Dự án 146,98 ha)	444	700	256
Đất ông Trần Văn Huy (Phương Linh)	833	1,300	467

Cầu Dây Văng	410	700	290
Cầu Vàm Rông	360	600	240
Đến Đồn Biên phòng Cỏ Chiên	636	3,900	3,264
Mặt đập Khém Thuyền	800	6,500	5,700
Ngã 3 Bàn Mít	650	1,000	350
Đến nhà ông Bùi Văn He	350	600	250
Giáp ranh xã Thanh Hải	624	1,000	376
Cuối trường Mẫu Giáo	1,020	1,600	580
Lộ Bờ Lớn	1,260	2,000	740
Lộ Tào Giác	960	1,500	540
Nửa mặt đập Khém Thuyền	1,380	2,200	820
Nhà ông Đặng Tấn Đạt	1,260	2,000	740
Nhà ông Hồ Văn Bình	900	1,400	500
Nhà ông Nguyễn Văn Thủy	1,680	2,700	1,020
Giáp ranh xã Thanh Hải (sông Băng Cung)	960	2,500	1,540
Sông Cỏ Chiên	960	2,600	1,640
	2,200	4,100	1,900
	2.640	4,200	1,560
	2,640	4,200	1,560
	2,640	4,200	1,560
	1,920	3,100	1,180
	1,920	3,100	1,180
	720	1,200	480
	720	1,200	480
Cảng cá Ba Tri	1,500	2,400	900
Cảng cá Ba Tri cũ	1,500	2,400	900
	2,640	4,200	1,560
Công Cầu Vĩ (ranh xã Tân Thủy (cũ) và thị trấn Tiệm Tôm cũ)	260	2,400	2,140
Giáp ranh xã Bảo Thạnh	260	400	140
Giáp Miếu Bà (Cầu An Phú)	260	400	140

Đường huyện 16 (ĐH.16)	260	400	140
Giáp ranh xã Ba Tri	260	400	140
Giáp ranh xã Bảo Thanh	260	400	140
Cảng cá Ba Tri mới	260	400	140
Đường huyện 13	260	400	140
Đường huyện 16 (ĐH.16)	260	400	140
Kênh Cầu Ngang (ranh xã Bảo Thanh)	260	400	140
	1,920	3,100	1,180
	1,920	3,100	1,180
	1,920	3,100	1,180
Giáp ranh xã Tân Thủy	260	400	140
Giáp đường huyện 16 (ĐH.16)	260	400	140
Giáp Đê Biên	260	400	140
Giáp Đê Biên	260	400	140
Giáp ranh xã Tân Thủy	260	400	140
Bờ Kè Cồn Ngoài	260	400	140
Ngã Ba ấp Thanh Phước	260	400	140
Giáp ĐH.16 (ngã ba Sân vận động củ)	260	400	140
Đê Biên	260	400	140
Ngã ba Dòng Năng	260	400	140
Giáp ĐH.16 ấp Thanh Bình 1	260	400	140
Giáp đường ĐX.02	260	400	140
Giáp Chợ Tân An xã Tân Thủy	260	400	140
Giáp xã Tân Thủy	260	400	140
Đường ĐX.03	260	400	140
Giáp ĐH.16	260	400	140
Giáp ranh xã Tân Thủy	260	400	140
Giáp đường Bê tông ra đồng ấp Thanh Nghĩa	260	400	140
Giáp Đê Biên	260	400	140
Giáp ĐX.04	260	400	140
Giáp ĐX.04	260	400	140
Giáp ĐX.03 ấp Thanh Bình	260	400	140
Giáp ĐH.DK05	260	400	140
Giáp ĐX.02	260	400	140
Trường THCS Thị Trấn	6,000	9,600	3,600

Ngã 5 An Bình Tây	4,800	7,700	2,900
Ngã tư Tư Trù	4,800	7,700	2,900
Hết ranh Thị Trấn	4,800	7,700	2,900
Lê Lưom	4,800	7,700	2,900
Lê Lưom	4,800	7,700	2,900
Lê Tăng	4,080	6,500	2,420
Đường 19/5	5,760	9,200	3,440
Ngã 3 An Bình Tây	3,840	6,100	2,260
Võ Trường Toàn	5,000	8,000	3,000
Quang Trung	4,080	6,500	2,420
Võ Trường Toàn	4,080	6,500	2,420
Vĩnh Phú	3,840	6,100	2,260
Cầu Xây	5,000	8,000	3,000
Võ Trường Toàn	5,000	8,000	3,000
Chu Văn An	4,000	6,400	2,400
Huỳnh Văn Anh	960	1,500	540
Đường liên xã An Bình Tây - An Hiệp	960	1,500	540
Ngã 4 chùa Long Phước (đường vào Cụm công nghiệp)	3,000	4,800	1,800
Nguyễn Đình Chiêu	1,560	2,500	940
Ngã 4 Lê Lai	2,400	3,800	1,400
Phan Liêm	1,560	2,500	940
Lê Tăng	1,560	2,500	940
Ranh Chợ Ba Tri	2,000	3,200	1,200
Trung Trắc	1,440	2,300	860
Võ Trường Toàn	1,560	2,500	940
Phan Ngọc Tông	1,560	2,500	940
Phan Ngọc Tông	1,800	2,900	1,100
Mạc Đình Chi	1,560	2,500	940
Thái Hữu Kiêm	1,680	2,700	1,020
Võ Trường Toàn	1,560	2,500	940
Vĩnh Phú	1,320	2,100	780
Quang Trung	800	1,300	500
Cuối đường Nguyễn Thị Định	2,500	4,000	1,500
Giáp ranh ĐT.881 (tại ngã 3 Giồng Nhàn)	1,000	1,600	600
Hết ranh Thị Trấn (cũ)	1,680	2,700	1,020
Quang Trung	840	1,300	460
Hết ranh Thị Trấn (cũ)	720	1,200	480
Kênh 2 Niên	840	1,300	460
Hết ranh Thị Trấn	1,000	1,600	600
Chu Văn An	1,560	2,500	940
Huỳnh Văn Anh	1,000	1,600	600

Kênh Đồng Bé	840	1,300	460
	2,000	3,200	1,200
ĐH.14	2,000	3,200	1,200
ĐH.14	2,000	3,200	1,200
ĐH.14	840	1,300	460
Kênh đứng	600	1,000	400
Nhà 2 Niên	600	1,000	400
Võ Trường Toàn	600	1,000	400
	6,000	30,100	24,100
	3,000	12,900	9,900
Giáp An Bình Tây	600	1,000	400
Hoàng Hoa Thám	720	1,200	480
Hoàng Hoa Thám	720	1,200	480
Phan Liêm	500	800	300
Cầu Kênh Sặc	600	1,000	400
Văn phòng ấp An Hội	500	800	300
Thủ Khoa Huân	4,000	6,400	2,400
Đường vào Cụm công nghiệp	2,000	3,200	1,200
	4,000	6,400	2,400
	4,000	18,400	14,400
Cầu môn nước	1,000	1,600	600
Giáp khu vực An Đức (cũ)	650	1,000	350
Ngã 5 An Bình Tây	4,800	7,700	2,900
Đền thờ liệt sĩ xã Vĩnh An (cũ)	3,000	4,800	1,800
Hết ranh xã Tân Thủy (cũ)	1,200	1,900	700
Chợ Vĩnh An (cũ)	1,400	2,200	800
Ngã 4 chùa Long Phước (đường vào Cụm công nghiệp)	3,000	4,800	1,800
Ngã 3 An Bình Tây (cây xăng 9 Bé)	1,200	1,900	700
	720	1,200	480
	2,640	4,200	1,560
	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
	720	1,200	480
	720	1,200	480
	720	1,200	480
Giáp Sông Hàm Luông	260	1,000	740

	2,640	4,200	1,560
	2,640	4,200	1,560
	1,920	3,100	1,180
	1,920	3,100	1,180
	1,920	3,100	1,180
Kênh	1,920	3,100	1,180
	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
	720	1,200	480
Đường tỉnh 881 (Tượng đài chiến thắng 516)	260	400	140
xã Ba Tri	260	1,000	740
Công Mười Cửa	260	400	140
Ranh xã Bảo Thạnh	260	400	140
Ranh xã Bảo Thạnh	260	400	140
Ranh xã Ba Tri	260	400	140
Hồ chứa nước ngọt Lạc Địa	260	400	140
Ranh xã Ba Tri	260	400	140
	2,640	4,200	1,560
	1,920	3,100	1,180
	1,920	3,100	1,180
	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
	720	1,200	480
	720	1,200	480
Giáp Ranh xã Tân Xuân	260	400	140
Giáp ranh xã Ba Tri	260	400	140
giáp ĐT 883	260	400	140
giáp ĐT 883	260	400	140

Giáp ranh Bến xe An Bình Tây	650	1,000	350
	2640	4,200	1,560
	2,640	4,200	1,560
	2,640	4,200	1,560
	720	1,200	480
đến ranh xã Hưng Nhượng (huyện Giồng Trôm cũ)	260	400	140
đến giáp ranh xã Tân Hưng (cũ)	260	400	140
đến ranh xã An Phú Trung (cũ)	260	400	140
đến ranh xã An Phú Trung (cũ)	260	400	140
đến giáp ĐA.01	260	400	140
đến xã Mỹ Thạnh (cũ)	260	400	140
đến ĐX.01 (ĐA.01)	260	400	140
đến ĐA.07 (ĐA.02)	260	400	140
đến xã An Phú Trung (cũ) (ĐA.03)	260	400	140
đến xã An Phú Trung (cũ) (ĐA.05)	260	400	140
đến ĐA.07 (ĐA.06)	260	400	140
đến xã An Hiệp (ĐA.07)	260	400	140
đến ĐX.01	260	400	140
đến ĐA.07	260	400	140
đến ĐA.07	260	400	140
đến ĐX.03	260	400	140
đến HL12	260	400	140
đến ĐA.01	260	400	140
đến giáp Mỹ Thạnh	260	400	140
đến khu dân cư	260	400	140
đến ranh An Hiệp	260	400	140
Giáp ĐC.04	260	400	140
giáp HL12	260	400	140

đến Khu dân cư	260	400	140
đến Khu dân cư	260	400	140
đến Khu dân cư	260	400	140
Giáp ĐA.03	260	400	140
Giáp ĐC.20	260	400	140
đến kênh Láng Sen	260	400	140
đi An Phú Trung	260	400	140
đi QL57C	260	400	140
đi QL57C	260	400	140
Giáp khu vực An Ngãi Trung cũ	260	400	140
Giáp ranh xã Mỹ Chánh Hòa	260	400	140
Giáp khu vực An Ngãi Trung cũ	260	400	140
Giáp khu vực An Ngãi Trung cũ	260	400	140
Giáp khu vực An Ngãi Trung cũ	260	400	140
Giáp xã Hưng Nhượng	260	400	140
Giáp ĐA.02	260	400	140
Giáp ĐA.01	260	400	140
Giáp ĐA.01	260	400	140
ĐX.03	260	400	140
Giáp khu vực An Ngãi Trung cũ	260	400	140
Giáp ranh xã Mỹ Chánh Hòa	260	400	140
Giáp ranh xã Mỹ Chánh Hòa	260	400	140
Giáp ĐX.02	260	400	140
giáp ĐC.02	260	400	140
Giáp Đường huyện 12 (Trường học Mẫu Giáo Mỹ Thanh)	260	400	140
ĐX.04	260	400	140
ĐX.02 (Kinh Tự Chảy)	260	400	140
Giáp ranh xã Mỹ Chánh Hòa	260	400	140
	1,920	3,100	1,180
Thửa 449 tờ 8	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
	1,440	2,300	860
Giáp xã Hưng Nhượng	260	400	140
Giáp sông Hàm Luông (Bên phả Cù Lao Đất)	260	400	140

Giáp Đường DX. 06	260	400	140
Quốc lộ 57C	1,320	1,800	480
Quốc lộ 57C	1,320	2,000	680
Ranh trên ngã tư Giồng Trường	2,160	3,000	840
Ranh dưới ngã ba Sơn Đốc	1,680	2,500	820
Ranh dưới ngã ba Sơn Đốc	1,380	2,300	920
Giáp ranh huyện Ba Tri	1,380	1,900	520
Cầu Hiệp Hưng, xã Hưng Lễ	960	1,300	340
Chợ Hưng Lễ	900	1,300	400
Cầu Hiệp Hưng	900	1,300	400
Cầu Bà Trầm	1,200	1,900	700
Cầu La Mã	720	1,000	280
Cầu Hiệp Hưng	840	1,400	560
Giáp ĐH.11	840	1,200	360
- Thửa 122 tờ 18	1.440	2,000	560
- Thửa 105 tờ 14	720	1,000	280
- Thửa 136 tờ 13	720	1,000	280
	800	1,100	300
Thửa 250, tờ 73, Hưng Nhượng	288	700	412
Thửa 146 tờ 76, Hưng Nhượng	288	700	412
Thửa 79, tờ 47, Hưng Nhượng	288	700	412
Thửa 224, tờ 61, Hưng Nhượng	288	700	412
Thửa 89, tờ 31, Hưng Nhượng	288	700	412
Thửa 275, tờ 30, Hưng Nhượng	288	700	412
Thửa 108, tờ 29, Hưng Nhượng	288	700	412
Thửa 3, tờ 13, Hưng Nhượng	288	700	412

Thửa 328, tờ 92, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 51, tờ 86, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 171, tờ 101, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 273, tờ 88, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 21, tờ 105, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 326, tờ 86, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 106, tờ 90, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 12, tờ 90, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 31, tờ 97, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 20, tờ 97, Hung Nhượng	288	700	412
Thửa 203, tờ 99, Hung Nhượng	288	700	412
Hết ranh công Cát lờ Bình Hoà - thị trấn	2,040	3,000	960
Kênh nội đồng cách ĐH. 10 100m về phía Ba Tri	3,000	5,000	2,000
Quốc lộ 57C	1,320	1,800	480
Hết ranh ngã tư Bình Đông	1,080	1,500	420
Đường tỉnh 885 (vòng xoay)	4,560	6,400	1,840
Ranh Tràm bơm Bình Thành	4,560	6,600	2,040
Ranh trên ngã ba Bình Thành	3,120	4,200	1,080
Ranh trên ngã tư Giồng Trường	2,160	3,000	840
Cầu Lộ Queo	1,450	2,000	550
Giáp đường huyện 10	1,320	1,800	480
Ngã ba đường Bình Tiên	1,320	1,800	480
Giáp ranh Ba Tri	1,320	1,800	480
Đình Bình Tiên(Nhà văn hóa ấp)	720	1,000	280

Giáp lộ K20	720	1,000	280
- Thửa 10 tờ 11 Bình Thành		-	-
Cuối đường	720	1,000	280
Giáp đường huyện 10	840	1,200	360
Lộ Trưng Sinh (giáp ĐT 885)	1,080	1,500	420
Đường ấp Bình Đông	840	1,200	360
Giáp ranh huyện Ba Tri	960	1,300	340
Thửa 81, tờ 11, Giồng Trôm		700	700
Thửa 130, tờ 88, Giồng Trôm		700	700
Thửa 99, tờ 117, Giồng Trôm		700	700
Thửa 73, tờ 116, Giồng Trôm		700	700
Thửa 50, tờ 100, Giồng Trôm		700	700
Thửa 89, tờ 85, Giồng Trôm		700	700
Thửa 90, tờ 32, Giồng Trôm		700	700
Thửa 81, tờ 11, Giồng Trôm		700	700
Thửa 191, tờ 78, Giồng Trôm		700	700
Cầu Lương Ngang	1,500	2,500	1,000
Ranh dưới ngã ba Sơn Đốc	1,380	1,900	520
Cầu Lộ Queo	1,450	2,000	550
Giáp Quốc lộ 57C	1,700	2,800	1,100
Ranh trên ngã ba đường đi Hưng Lễ	1,200	1,800	600
Giáp cầu Hiệp Hưng, xã Hưng Lễ	960	1,300	340
Cầu Hiệp Hưng, xã Hưng Lễ	960	1,300	340
Cầu Đình	960	1,300	340
Sông Hàm Luông	720	1,000	280
Giáp ranh xã Long Mỹ	960	1,300	340
Cuối đường	960	1,300	340
Giáp sông Cù U	720	1,200	480
Giáp Quốc lộ 57C	720	1,000	280
- Thửa 37 tờ 9	1.920	2,700	780
- Thửa 64 tờ 19	1.440	2,000	560
	600	800	200
Thửa 2, tờ 30, Tân Hào	288	800	512
Thửa 65, tờ 36, Tân Hào	288	800	512
Thửa 18, tờ 34, Tân Hào	288	800	512

Thửa 197, 193, tờ 24, Tân Hào	288	800	512
Cầu Nguyễn Tân Ngãi	1,800	2,500	700
Giáp đường huyện cấp sông Hàm Luông	1,320	1,900	580
Bến phà Hưng Phong - Phước Long	1,080	1,500	420
Đường vào bến phà Hưng Phong	1,000	1,400	400
Cổng Chín Tùng	900	1,400	500
Bến phà cuối đường	720	1,000	280
Trùng đường đê ngăn mặn	720	1,400	680
Cuối đường	960	1,300	340
Bến phà cũ Phước Long - Hưng Phong	1,440	2,000	560
Giáp sông Cù U	720	1,000	280
- Thửa 57 tờ 13	1,440	2,000	560
- Thửa 421 tờ 15	1,440	2,000	560
- Thửa 93 tờ 10	720	2,500	1,780
Thửa 172 tờ 20 xã Phước Long	600	800	200
Hết ranh Doanh nghiệp dầu Tiến Phát	2,640	5,100	2,460
Đường vào Trường Mẫu giáo Mỹ Thạnh	3,360	5,600	2,240
Đường vào cầu Mỹ Thạnh	4,200	11,100	6,900
Hết ranh ngã ba Lương Hoà	3,360	4,700	1,340
Hết ranh ngã ba Tư Khôi	1,380	1,900	520
Giáp ranh xã Phong Năm	2,400	3,400	1,000
Cầu Mỹ Thạnh	2,880	4,000	1,120
Nghĩa trang xã Thuận Điền (cũ)	960	1,900	940
Trường Tiểu học Thuận Điền	840	1,200	360
Cầu Cái Sơn	960	1,700	740
- Thửa 82 tờ 15	2,640	3,700	1,060

- Thửa 412 tờ 19	1.440	2,000	560
	2,400	3,400	1,000
Cầu đúc Lương Quới	3,000	4,200	1,200
Hết ranh cây xăng Lương Quới (bến Sao Quỳ)	3,360	4,700	1,340
Hết ranh công Cát lở Bình Hoà - thị trấn	3,360	4,700	1,340
Giáp ranh Châu Hòa- Châu Bình	960	1,300	340
Giáp ranh huyện Ba Tri	960	11,800	10,840
Hết ranh nhà thờ Ba Châu	2,160	3,000	840
Giáp ranh ngã ba Cây Diệp	1,320	3,300	1,980
Ranh dưới Trường THCS Lương Quới	2,040	2,900	860
Cầu Thủ Ngự	1,080	1,500	420
Giáp ranh Ba Tri	1,320	1,800	480
Chùa Hưng Quới Tự	840	1,200	360
Ngã ba chợ Châu Bình	720	1,000	280
	504	2,400	1,896
	504	700	196
Giáp xã Châu Hòa	480	700	220
Chùa Linh Châu	960	1,300	340
Giáp ĐH.173 xã Châu Hòa	960	2,000	1,040
Giáp ranh xã Châu Hòa-Châu Bình	960	1,300	340
Giáp đường K20	960	1,700	740
- Thửa 136 tờ 7	1.920	2,700	780
- Thửa 52 tờ 7	1.440	2,000	560
- Thửa 357 tờ 20	1.440	2,000	560
Cuối đường	1,320	1,800	480
Thửa 18, tờ 93 Châu Hòa	288	700	412

Thửa 381, tờ 84 Châu Hòa	288	700	412
Thửa 94, tờ 89 Châu Hòa	288	700	412
Thửa 54, tờ 5, Châu Hòa	288	700	412
Thửa 49, tờ 1, Châu Hòa	288	700	412
Thửa 12, tờ 1, Châu Hòa	288	700	412
Thửa 112, tờ 30, Châu Hòa	288	700	412
Thửa 334, tờ 31, Châu Hòa	288	700	412
Thửa 125, tờ 50, Châu Hòa	288	700	412
Thửa 24, tờ 38, Châu Hòa	288	700	412
Thửa 78, tờ 75, Châu Hòa	288	700	412
Thửa 13, tờ 57, Châu Hòa	288	700	412
<i>Thửa 209, tờ 6, Châu Hòa</i>	288	3,300	3,012
Hết ranh ngã ba Lương Hoà	3,360	4,700	1,340
Đền thờ bà Nguyễn Thị Định	3,300	4,700	1,400
Hết ranh Nghĩa trang liệt sỹ huyện	2,640	3,700	1,060
Giáp ĐH.173 (cũ)	1,080	1,600	520
Giáp đền thờ liệt sỹ xã Phong Năm	960	1,900	940
Giáp ranh Châu Hòa- Châu Bình	960	1,300	340
Giáp đền thờ liệt sỹ xã Phong Năm	960	1,300	340
Giáp ĐH.173	920	1,300	380
Cầu Phong Năm	720	1,000	280
Cầu Ba Đông	720	1,000	280
Kênh Ranh xã Phong Năm - Phong Mỹ (cũ nay là xã Phong Năm)	960	1,600	640
Kênh ranh xã Phong Mỹ (cũ nay là xã Phong Năm) - Châu Hòa	960	1,300	340
	1,440	2,600	1,160
HTX Đồng Tâm	1,440	2,300	860
rạch Công Bê	1,440	2,700	1,260
ngã 3 Bưu điện	1,440	2,600	1,160
DT.886	1,440	3,000	1,560

	1,920	3,600	1,680
Ban Quản Lý rừng phòng hộ và đặc dụng	1,920	7,200	5,280
Khu vực trung tâm chợ	1,920	3,100	1,180
	290	500	210
đê quốc phòng	1,200	1,400	200
giáp ranh xã Thanh Trị	720	4,600	3,880
khu vực trung tâm chợ	720	1,200	480
khu vực trung tâm chợ	720	1,200	480
khu vực trung tâm chợ	1,440	4,500	3,060
	290	500	210
Công ty Thủy sản cũ	3,900	6,200	2,300
Công ty Thủy sản cũ	2,160	10,700	8,540
Giáp cầu Bà Nhứt	2,600	4,200	1,600
Giáp đường Bình Thắng	2,160	3,500	1,340
Bến đò ấp 1	2,160	5,300	3,140
Vòng xoay Bến Đình	2,210	3,500	1,290
Khách sạn Mỹ Tiên	1,820	2,900	1,080
Giáp đường Mậu Thân	1,440	2,300	860
Bến phà Bình Tân	720	1,200	480
c chợ	720	1,200	480
	260	400	140
Đường Đồng Khởi	6,110	12,400	6,290
Đường Nguyễn Đình Chiểu	11,180	17,900	6,720
Giáp khu phố 1, 3 ấp Bình Chiến	5,850	9,400	3,550
Cổng Soài Bọng	3,900	6,200	2,300
Cầu 30 tháng 4	1,820	2,900	1,080
Đường Nguyễn Thị Định	2,160	4,000	1,840
Giáp xã Đại Hoà Lộc	3,900	12,700	8,800
Công ty CP Thủy sản	3,900	9,500	5,600
Đ. Nguyễn Đình Chiểu	2,340	4,900	2,560
Đ. Nguyễn Đình Chiểu	5,760	9,200	3,440
Giáp đường 30 tháng 4 - nhà may Lê Bôi	4,320	6,900	2,580

Giáp đường 30 tháng 4 - Đài Truyền thanh huyện	4,320	6,900	2,580
Giáp đường 30 tháng 4	6,960	11,100	4,140
Quốc lộ 57B	7.200	11,500	4,300
Giáp đường Nguyễn Thị Định	1,680	2,700	1,020
Giáp cầu chợ Bình Đại	2,880	23,700	20,820
Giáp kênh chợ	2,400	3,800	1,400
Giáp Bình Thắng	3,600	9,100	5,500
Giáp đường Nguyễn Thị Định	2,400	3,800	1,400
Giáp đường Nguyễn Thị Định - quán Hồng Phước 1	1,920	3,100	1,180
Giáp QL 57B (cổng Soài Bông)	1,440	2,300	860
Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu - cổng văn hoá Bình Hoà	1,440	3,000	1,560
Giáp đường Mậu Thân - chùa Đông Phước	3,120	5,000	1,880
Giáp đường Mậu Thân	1,440	5,200	3,760
Giáp cầu Bà Nhứt	2,600	4,200	1,600
	432	700	268
	1,920	2,700	780
	1,920	3,900	1,980
Lộ Đê Tây	1,920	1,920	-
Khu vực dân cư cặp chợ	1,920	3,100	1,180
Khu vực cặp chợ và DH.08	720	1,200	480
	260	400	140
Lộ liên ấp Lộc Thới - Lộc Sơn	840	1,300	460
	840	840	-
	540	1,900	1,360
Cầu chùa	540	900	360
	720	2,800	2,080
khu vực chợ ven hai bên đường	720	3,500	2,780
khu vực chợ ven hai bên đường	720	2,100	1,380
	1,440	2,300	860
khu vực chợ ven hai bên đường	1,440	1,440	-

khu vực chợ ven hai bên đường	1,440	1,440	-
khu vực dân cư giáp trung tâm chợ	1,440	2,300	860
	720	1,200	480
khu vực chợ ven hai bên đường	720	1,200	480
khu vực chợ ven hai bên đường	720	1,200	480
	1,920	5,000	3,080
khu vực chợ ven hai bên đường	1,920	6,600	4,680
khu vực chợ ven hai bên đường	1,920	3,400	1,480
khu vực chợ ven hai bên đường	1,920	3,100	1,180
khu vực dân cư giáp trung tâm chợ	1,920	3,100	1,180
	1,440	4,200	2,760
khu vực chợ ven hai bên đường	1,440	4,200	2,760
khu vực dân cư giáp trung tâm chợ	1,440	2,300	860
	260	1,000	740
		-	-
	1,920	3,100	1,180
khu vực chợ	1,920	3,100	1,180
khu vực chợ ven hai bên đường	1,920	3,100	1,180
	1,920	14,000	12,080
	1,920	3,100	1,180
	1,920	3,100	1,180
Vang Quới Tây	1,920	3,100	1,180
sông Ba Lai	1,920	3,100	1,180
QL.57B khu vực chợ	1,920	6,900	4,980
khu vực dân cư tiếp giáp chợ	1,920	3,100	1,180
	720	1,200	480
Đường Đê Tây khu vực chợ	720	1,200	480
Hai bên đường xã khu vực chợ	720	1,200	480
Lộ Đê Tây		400	400
		400	400
		-	-
khu vực trung tâm chợ	720	1,200	480
khu vực trung tâm chợ	720	1,200	480

kênh Giao Hòa	1,920	3,100	1,180
khu vực trung tâm chợ giáp DH	1920	3,100	1,180
UBND xã	1920	3,100	1,180
hai bên khu vực trung tâm chợ	1920	3,100	1,180
khu công nghiệp Phú Thuận		1,900	1,900
Lộ Đê Tây (xã Châu Hưng)		400	400
bao quanh xã Tam Hiệp cũ		400	400
	260	400	140
		-	-
	1985	3,600	1,615
	2269	3,600	1,331
	3261	3,700	439
	4112	6,600	2,488
	3375	3,500	125
	2571.1	4,100	1,529

Tỉnh: Vĩnh Long

Mẫu số 39. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở
(Kèm theo Nghị Quyết số ...ngày.....tháng.....năm 2025 củ
(TỈNH TRÀ

TT	Tên đường phố	Đoạn
		Từ
	1. Phường Trà Vinh	
1	Đường Phạm Thái Bường	Đường Hùng Vương
2	Đường Điện Biên Phủ	Vòng xoay Chợ Trà Vinh
3	Đường Điện Biên Phủ	Đường Phạm Hồng Thái
4	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Phú
5	Đường Độc Lập (bên trái)	Đường Phạm Thái Bường
6	Đường Độc Lập (bên phải)	Đường Điện Biên Phủ
7	Đường Độc Lập (bên phải)	Đường Võ Thị Sáu
8	Đường Hùng Vương (áp dụng chung cho Phường Long Đức)	Đường Lê Lợi
9	Đường Nguyễn Thị Út	Đường Lý Thường Kiệt
10	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Quốc Tuấn
11	Đường Bạch Đằng	Đường Hoàng Hoa Thám
12	Đường Bạch Đằng	Đường Trần Phú
13	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Phú
14	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Phạm Hồng Thái
15	Đường Lê Lợi	Đường Trần Quốc Tuấn
16	Đường Lê Lợi	Đường Phạm Hồng Thái
17	Đường Lê Lợi (áp dụng chung cho Phường Long Đức)	Đường 19/5

18	Đường Lê Lợi	Đường Quang Trung
19	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Phú
20	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Quang Trung; đối diện hết ranh thửa 111, tờ bản đồ 22
21	Đường Phạm Ngũ Lão (áp dụng chung cho Phường Long Đức)	Ngã ba Mũi Tàu; đối diện đến hẻm vào nhà trọ Phú Quý
22	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Lê Lợi
23	Đường Bùi Thị Xuân (bên hông Trường Mẫu giáo Hoa Hồng)	Đường Lê Lợi
24	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Trần Quốc Tuấn
25	Đường Phan Đình Phùng (áp dụng chung cho P. Nguyệt Hóa)	Đường Nguyễn Đăng
26	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Phú
27	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (áp dụng chung cho P. Nguyệt Hóa)	Đường 19/5
28	Đường Đồng Khởi	Đường Trần Phú
29	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Đăng
30	Đường Đồng Khởi	Hết ranh Phường 6
31	Đường Đồng Khởi	Đường vào Trạm Y tế Phường 9
32	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Đồng Khởi
33	Đường Tô Thị Huỳnh	Đường 19/5
34	Đường đăl cặp sông Long Bình	Kênh thủy lợi (Cổng Đập Thạch cũ)
35	Đường Nguyễn Đăng (áp dụng chung cho P. Nguyệt Hóa)	Cầu Long Bình 2
36	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Điện Biên Phủ
37	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Điện Biên Phủ
38	Đường Trần Phú (áp dụng chung cho P. Nguyệt Hóa)	Đường Võ Văn Kiệt (Đường Vành đai)
39	Đường Trần Phú (áp dụng chung cho P. Nguyệt Hóa)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
40	Đường Trần Phú	Đường Đồng Khởi

41	Đường Trần Quốc Tuấn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
42	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
43	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Lê Lợi
44	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
45	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
46	Đường 19/5	Đường Lê Lợi
47	Đường 19/5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
48	Đường 19/5 (áp dụng chung cho P. Nguyệt Hóa)	Đường Trần Văn Sơn
49	Đường Trung Vương	Đường Phạm Ngũ Lão
50	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi
51	Đường Lý Tự Trọng (áp dụng chung cho P. Long Đức)	Đường Bạch Đằng
52	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Lợi
53	Đường Quang Trung (áp dụng chung cho P. Long Đức)	Đường Bạch Đằng
54	Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 54)	Vòng xoay Nguyễn Đăng
55	Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 54)	Hết ranh Phòng cháy chữa cháy; đối diện hết ranh thửa 422, tờ bản đồ 17, Phường 6
56	Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 54)	Giáp ranh giới Phường 6
57	Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 54)	Hết ranh thửa Chùa Mật Dồn; đối diện đường vào Trạm Y tế Phường 9
58	Đường Sơn Thông (áp dụng chung cho P. Nguyệt Hóa)	Đường Nguyễn Đăng
59	Đường Sơn Thông (áp dụng chung cho P. Nguyệt Hóa)	Đường Nguyễn Minh Thiện; đối diện giáp thửa 68, tờ bản đồ 59, Phường 9
60	Đường Trương Văn Kỉnh	Đường Phạm Ngũ Lão
61	Đường Trương Văn Kỉnh	Đường Võ Văn Kiệt (Đường Vành Đai)

62	Đường đất (đổi diện đường 19/5 nói dài) (áp dụng chung cho P. Nguyệt Vành Đai)	Đường Võ Văn Kiệt (Đường Vành Đai)
63	Đường Trần Văn Sân	Đường Trương Văn Kinh
64	Đường cặp Trường Phạm Thái Bường	Đường Phạm Ngũ Lão
65	Đường Lâm Văn Vững	Đường Võ Văn Kiệt
66	Hẻm vào chợ Phường 2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
67	Đường Mậu Thân	Đường Nguyễn Đáng
68	Đường Mậu Thân	Hết đường vào khu tập thể Công an tỉnh
69	Đường Lê Văn Tám	Quốc lộ 60
70	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Phạm Ngũ Lão
71	Đường vào Chợ (chợ Phường 1 cũ)	Đường Lê Lợi
72	Đường Thạch Ngọc Biên	Đường Lê Văn Tám
73	Đường Nguyễn Trung Trực (áp dụng chung cho P. Long Đức)	Đường Phạm Ngũ Lão
74	Đường Nguyễn Hòa Luông	Đường Phạm Ngũ Lão
75	Đường Chu Văn An (áp dụng chung cho P. Long Đức)	Đường Bạch Đằng
76	Đường Lê Văn Tám	Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 54)
77	Đường Lê Thanh Mừng	Đường Nguyễn Chí Thanh
78	Đường Thạch SaBut	Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 54)
79	Đường vào khu tái định cư và các tuyến đường trong khu tái định cư Phường 1 - Long Đức	
80	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Phạm Ngũ Lão
81	Tuyến đường N (cặp Đai truyền hình)	Đường Phạm Ngũ Lão
82	Đường vào UBND phường 6	Đường Đồng Khởi
83	Đường Lâm Phái	Đường Lê Văn Tám

84	Tuyến số 1	Đường Nguyễn Đáng
85	Tuyến số 1	Hết ranh thửa đất số 801, tờ bản đồ số 1, phường 9
86	Đường Lê Văn Vĩnh	Đường Đồng Khởi
87	Đường Lias khóm 1, phường 9 (bên hông số nhà 368)	Đường Đồng Khởi
88	Đường giao thông và hệ thống thoát nước phường 2 và phường 7, TPTV (áp dụng chung cho P. Nguyệt Hóa)	Đường 19/5 nối dài
89	Đường Nguyễn Thị Được	Đường Sơn Thông
90	Đường Hà Thị Nhạn	Đường Mậu Thân
91	Đường cặp Kênh đại	Đường Ngô Quốc Trị
92	Đường N 7	Đường Phạm Ngũ Lão
93	Đường Nguyễn Văn Cúc	Đường Trương Văn Kính
94	Đường Huỳnh Kim Anh (áp dụng chung cho P. Long Đức)	Đường Trương Văn Kính
95	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Võ Văn Kiệt
96	Đường Hồ Đức Thắng	Đường Nguyễn Chí Thanh
97	Đường Bùi Thị Mè	Đường Nguyễn Chí Thanh
98	Đường nhựa Ba Tiêu	Đường nhựa cặp sông Long Bình
99	Đường cặp Kênh Đại nối dài	Đường Nguyễn Hòa Luông
100	Đường nhựa đối diện đường Nguyễn Trung Trực	Đường Võ Văn Kiệt
101	Đường nhựa Khóm 1-1	Đường cặp Kênh Đại nối dài
102	Đường nhựa Khóm 1-2	Đường Võ Văn Kiệt
103	Đường nhánh 1 Đường nhựa Khóm 1-2	Đường nhựa Khóm 1-2
104	Đường nhánh 2 Đường nhựa Khóm 1-2	Đường nhựa Khóm 1-2

105	Đường nhánh 1 Đường Ngô Quốc Trị	Đường Ngô Quốc Trị
106	Đường nhánh 2 Đường Ngô Quốc Trị	Đường Ngô Quốc Trị
107	Đường nhánh 3 Đường Ngô Quốc Trị	Đường Ngô Quốc Trị
108	Đường nhựa Khóm 1-3	Đường Lưu Hữu Phước
109	Các đường đal, hẻm còn lại trên địa bàn Phường Trà Vinh	
2. Phường Nguyệt Hóa		
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Đăng
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh thửa 71, tờ bản số 25, Phường 7 (Trung tâm Hội nghị)
3	Đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 53, bên phải)	Hết ranh giới Phường 7 (tuyến 1)
4	Đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 53, bên trái)	Hết ranh giới Phường 7 (tuyến 1)
5	Đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 53, bên trái)	Đường đôi vào Ao Bà Om
6	Đường Kiên Thị Nhẫn	Đường Trần Phú
7	Đường Nguyễn Đăng	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
8	Đường Nguyễn Minh Thiện (Đường vào công an thành phố)	Đường Sơn Thông
9	Quốc lộ 60	Đường Võ Nguyên Giáp
10	Đường Nguyễn Du (vào Ao Bà Om)	Đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 53)
11	Đường đôi vào Ao Bà Om	Đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 53)
12	Đường Nguyễn Thị Ráo	Đường Nguyễn Du
13	Đường Dương Công Nữ	Đường Võ Nguyên Giáp (Cổng chào phường 8)
14	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Nguyên Giáp
15	Tuyến 3 (Phường 8)	Đường Lê Văn Tám

16	Đường Huỳnh Văn Quởn	Đường Lê Văn Tám
17	Tuyến 5 (Phường 8)	Đường Lê Văn Tám (Tha La)
18	Đường Trần Lái	Đường Lê Hồng Phong
19	Đường Lâm Sắc	Đường Sơn Vọng
20	Đường Sơn Vọng (Tuyến 6 Phường 8)	Đường Sơn Thông (Chùa Chằm Ca)
21	Tuyến 7 (đường 1 chiều)	Đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 53 qua Quốc lộ 60)
22	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 53)
23	Đường Thạch Thị Thanh	Đường Võ Nguyên Giáp
24	Đường Hậu Cần Công an tỉnh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai
25	Đường Nguyễn Đăng	Đường Võ Văn Kiệt
26	Đường Viễn Châu	Đường Nguyễn Du
27	Đường Trần Văn Long	Đường Trần Văn Khê
28	Đường Nguyễn Thị Được	Đường Trần Văn Long
29	Đường Trần Văn Khê	Đường Võ Nguyên Giáp
30	Đường giao thông và Hệ thống thoát nước Phường 7, Long Đức	Đường Võ Văn Kiệt
31	Đường Lê Văn Đệt	Đường Lê Văn Tám (phường 8)
32	Đường Đoàn Công Chánh	Đường Sơn Vọng
33	Chợ Nguyệt Hóa (cũ)	
34	Quốc lộ 53	Cầu Ba Si
35	Quốc lộ 53	Hết ranh Công ty TM Sabeco Sông Tiền; giáp ranh Công ty
36	Quốc lộ 53	Cầu Bến Có

37	Đường vào Trung tâm xã Nguyệt Hóa (cũ)	Quốc lộ 53
38	Đường nhựa	Đường vào Trung tâm xã Nguyệt Hóa (Ngã ba Trà Đét)
39	Đường Võ Văn Kiệt (ấp Xóm Trảng)	
40	Đường vào Bệnh viện Sản - Nhi	Quốc lộ 53
41	Đường đal	Đường vào Trung tâm xã Nguyệt Hóa (Cổ Tháp A) (cũ)
42	Đường đal (sau Tiểu đoàn 501)	Đường vào Trung tâm xã Nguyệt Hóa
43	Đường nhựa	Trường Tiểu học Sóc Thát
44	Đường Nguyễn Đăng	Đường Võ Văn Kiệt (Đường Vành đai)
45	Đường đal ấp Sóc Thát - Trà Đét	nhà ông Võ Văn Thuận
46	Đường đal ấp Sóc Thát - Trà Đét	Cầu nhà ông Bùi Văn Tùng
47	Đường đal ấp Sóc Thát	Cầu nhà ông Bùi Văn Tùng
48	Đường đal ấp Sóc Thát	Thửa số 41, tờ bản đồ số 26
49	Đường đal Sóc Thát - Trà Đét	Đường tỉnh 913 (thửa 139, tờ bản đồ số 26)
50	Đường đal ấp Sóc Thát	Ngã ba (thửa số 357, tờ bản đồ số 35)
51	Đường đal ấp Bến Có	Quốc lộ 53
52	Đường đal ấp Bến Có	Quốc lộ 53
53	Đường nhựa Sóc Thát- Bến Có	Quốc lộ 53
54	Đường đal ấp Sóc Thát- Cổ Tháp A, B	Đường nhựa 135 (thửa số 465, tờ bản đồ 26)
55	Đường đal ấp Cổ Tháp B	Đường nhựa 135
56	Đường đal ấp Cổ Tháp B	Đường nhựa 135 (Thửa số 217, tờ bản đồ số 31)
57	Đường nhựa ấp Cổ Tháp A-Cổ Tháp B	Cầu nhà ông Bùi Văn Dân
58	Đường đal ấp Cổ Tháp A	Đường TT xã

59	Đường đāl ấp Cỏ Tháp B	Đường TT xã ngã ba Bưu điện
60	Đường đāl ấp Cỏ Tháp B	Đường TT xã (đối diện UBND xã)
61	Đường đāl ấp Cỏ Tháp A	Đường TT xã (nhà ông Hứa Thu)
62	Đường đāl ấp Cỏ Tháp A	Đường TT xã (nhà bà sơn Thị Lý)
63	Đường nhựa Ấp Tháp A	Đường TT xã (nhà ông Kim Pừng)
64	Đường đāl ấp Cỏ Tháp A	Đường nhựa 135 (nhà bà Thạch Thị Duyên, thửa đất 49, tờ bản đồ 18)
65	Đường đāl ấp Trà Đét (M1)	Đường nhựa 135 (nhà bà Nguyễn Thị Ninh, thửa đất 663, tờ bản đồ 25)
66	Đường đāl ấp Cỏ Tháp B (M17)	Đường nhựa 135 (cặp hông Trường Tiểu học Nguyệt Hóa)
67	Đường kết nối Quốc lộ 53 với đường Nguyễn Đăng	Đường Nguyễn Đăng
68	Đường cặp sông Láng Thè (hồ nước ngọt)	Đường nhựa vào Trung tâm xã Nguyệt Hóa (ấp Bến cỏ)
69	Đường vào khu tái định ấp Trà Đét, Sóc Thát	Đường tỉnh 913
70	Đường số 5	Đường Trần Văn Long
71	Các đường đāl, hẻm còn lại trên địa bàn Phường Nguyệt Hóa	
	3. Phường Hòa Thuận	
1	Đường Hùng Vương	Cầu Long Bình 1
2	Đường Hùng Vương	Đường D5; Hết ranh thửa số 18, tờ bản đồ số 30
3	Đường Dương Quang Đông (Đường Lò Hột)	Đường Hùng Vương
4	Đường Dương Quang Đông (Đường Lò Hột)	Hết Miếu Bà khóm 1, Phường 5 (cũ) (Chùa Liên Hoa)
5	Đường Dương Quang Đông (Đường Kho Dầu)	Đường Hùng Vương
6	Đường Dương Quang Đông (Đường Kho Dầu)	Đường Nguyễn Thiện Thành (Đường tránh Quốc lộ 53)
7	Đường Dương Quang Đông (Đường Kho Dầu)	Hẻm đāl (cặp thửa 490, tờ bản đồ 16, Phường 5 (cũ))
8	Đường Nguyễn Thiện Thành (Đường tránh Quốc lộ 53)	Cầu Long Bình 2

9	Đường Nguyễn Thiện Thành (Đường tránh Quốc lộ 53)	Hết ranh Đại học Trà Vinh
10	Đường Trần Văn Giàu	Đường Hùng Vương
11	Đường nhánh Trần Văn Giàu (bên hông Trường mầm non Sơn Ca)	Đường Dương Quang Đông (Đường Kho Dầu)
12	Đường nhựa khóm 1, phường 5	Đường Dương Quang Đông (Đường Lò Hột)
13	Đường nhựa khóm 1, phường 5	Nhà công vụ phường 5
14	Đường nhựa khóm 1, khóm 2, phường 5	Đường Dương Quang Đông
15	Đường nhựa khóm 2, phường 5 (Cặp Chùa Long Bình - Phường 5)	Thửa 379 tờ bản đồ số 30
16	Đường khu chung cư Hồng Lục	Đường Phạm Ngũ Lão
17	Đường Trần Văn Giàu	Ngã tư Đường Nguyễn Thiện Thành và đường D5 (Hết ranh Đại học Trà Vinh)
18	Đường N6	Đường Trần Văn Giàu
19	Đường Dương Quang Danh	Đường Dương Quang Đông
20	Chợ Hoà Thuận	
21	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 53)	Từ ranh phường 5
22	Quốc lộ 53	Hết ranh Trường Chính trị; đối diện hết ranh UBND xã Hòa Thuận
23	Đường tỉnh 915B	Cầu Long Bình 3
24	Đường huyện 10	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 53)
25	Đường vào Khu xử lý chất thải	Đường huyện 10 (Ngã ba chợ Hòa Thuận)
26	Đường nhựa Bích Trì	Đường vào Khu xử lý chất thải
27	Đường bờ kè Long Bình	Đường huyện 10 (Cầu Long Bình 3)
28	Đường bờ kè Long Bình	Đường huyện 10 (Cầu Long Bình 3)
29	Đường nhựa Đa Cầm (áp dụng chung xã Hòa Lợi cũ)	Đường Hùng Vương (Chung cư Kỳ La)
30	Đường đál ấp Vĩnh Lợi	Đường huyện 10 (bánh xèo)
31	Đường đál (chung cư Kỳ La)	Đường Hùng Vương
32	Đường đál (sau chùa Giử)	ấp Đa Cầm
33	Đường kênh (giáp ranh phường 5)	Giáp ranh xã Hòa Lợi

34	Đường đal Đầu Bờ - Lý La	ấp Đầu Bờ
35	Đường đal ấp Đầu Bờ	Đường huyện 10
36	Đường đal Đầu Bờ - Rạch Kinh	Đường huyện 10 (cổng miếu Đầu Bờ)
37	Đường nhựa Khóm 4-1(cây xăng Tân Tân)	Đường Nguyễn Thiện Thành
38	Đường đal Khóm 4(cấp kênh)	Đường Nguyễn Thiện Thành
39	Đường nhựa Khóm 4-2(cấp kênh)	Đường Nguyễn Thiện Thành
37	Các tuyến đường nhựa, đường đal còn lại thuộc Phường Hòa Thuận	
	4. Phường Long Đức	
1	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương
2	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương
3	Đường Bạch Đằng	Cầu Tiệm Tương
4	Đường Bạch Đằng	Đường Chu Văn An
5	Đường Vũ Đình Liệu	Vòng xoay Sóc Ruộng
6	Đường Vũ Đình Liệu	Đường Bạch Đằng; đối diện hết ranh trường Tiểu học Long Đức
7	Đường Nguyễn Tấn Liêng	Đường Vũ Đình Liệu
8	Đường Nguyễn Tấn Liêng	Đường Trần Thành Đại
9	Đường Trần Thành Đại	Đường Nguyễn Tấn Liêng
10	Các đường nội bộ khu tái cư (KCN nghiệp Long Đức)	
11	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi
12	Đường Hai Bà Trưng	Đường Châu Văn Tiếp
13	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Lê Lợi
14	Đường Châu Văn Tiếp	Đường Lê Lợi
15	Đường 30/4 (Đường ra Đền thờ Bác)	Vòng xoay Sóc Ruộng
16	Đường 30/4 (Đường ra Đền thờ Bác)	Cầu Sóc Ruộng
17	Đường 30/4 (Đường ra Đền thờ Bác)	Đền thờ Bác; đối diện đến đường đal
18	Đường Trương Văn Kinh	Hết ranh Phường 1
19	Đường Trương Văn Kinh	Trần Văn Ân (ngã tư cầu Ba Trường)
20	Đường vào Chợ (Khóm 3, Phường 1 cũ)	Rạch Tiệm Tương

21	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Ngã ba Đường Bùi Hữu Nghĩa và đường tỉnh 915B
22	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường 30/4 (Ngã ba Long Đại)
23	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Cầu Rạch Kinh
24	Đường tỉnh 915B (Trần Văn Ẩn)	Cầu Ba Trường
25	Đường tỉnh 915B	Đường 30/4 (Đường ra Đền thờ Bác)
26	Đường vào Trường dạy nghề	Đường Vũ Đình Liệu (ngã ba) (Đường Bùi Hữu Nghĩa)
27	Đường Võ Văn Kiệt (áp dụng chung cho Phường Trà Vinh)	Hết ranh xã Nguyệt Hóa (Chùa Chim); đối diện đường đất
28	Đường Phạm Văn Hai	Đường Trương Văn Kính (Cây xăng Phú Hòa) (Đường Sida)
29	Đường Lê Văn Chử	Chợ Sóc Ruộng
30	Đường nội bộ khu tái định cư Phường 4	
31	Đường vào lò giết mổ tập trung	Đường Võ Văn Kiệt
32	Đê bao Cam Sơn nhỏ	Đường 30/4 (cổng ấp văn hóa Sa Bình)
33	Đường Hồ Thị Nhâm	Đường 30/4
34	Đường vào cổng khu CN Long Đức	Đường Vũ Đình Liệu
35	Đường Dương Văn Vinh	Đường Bạch Đằng
36	Đường Nguyễn Văn Lợi	Đường Chu Văn An
37	Đường nhựa ấp Sa Bình	Đường Lê Văn Chử (dưới dốc cầu chợ Sóc Ruộng)
38	Các đường nhựa, đường đanl trên địa bàn Phường Long Đức (trừ các đoạn đường đã nêu tại phụ lục Bảng giá này)	
5. Phường Duyên Hải		
1	Đường 3/2	Sông Long Toàn
2	Đường 3/2	Đường 2/9
3	Đường 3/2	Đường Lý Tự Trọng
4	Đường 3/2	Bệnh viện Đa khoa; đối diện đường Dương Quang Đông

5	Đường 2/9	Quốc lộ 53
6	Đường 2/9	Đường 19/5 (Vòng xoay UB Phường 1)
7	Đường 2/9	Đường 3/2 (Vòng xoay Ngân hàng Nông nghiệp)
8	Đường 30/4	Đường 2/9
9	Đường 30/4	Đường Điện Biên Phủ
10	Đường 19/5	Vòng xoay ngã năm
11	Đường Lý Tự Trọng	Đường 19/5
12	Đường Hồ Đức Thắng	Đường 3/2
13	Đường Hồ Đức Thắng (01 đoạn của tuyến Đường quanh khu nuôi tôm công nghiệp Long Thạnh)	Bên phải hết ranh khóm 1; bên trái đến giáp kênh
14	Đường Lý Thường Kiệt	Đường 19/5
15	Đường Điện Biên Phủ	Đường 19/5
16	Các dãy phố chợ	Khu vực Chợ Duyên Hải
17	Đường Phạm Văn Nuôi	Đường 2/9
18	Đường 1/5 (Bến Xuồng)	Đường 2/9
19	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 19/5
20	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 53
21	Đường Trần Hưng Đạo	Tuyến số 1
22	Đường Ngô Quyền	Đường 3/2
23	Đường Ngô Quyền	Cây xăng (Bến Phà cũ); đối diện đường 19/5
24	Đường nội bộ khu nhà ở khóm 1	Đường 2/9

25	Đường nhựa khu văn hóa (phía sau Phòng Kinh tế)	Đường 3/2
26	Đường nhựa mới	Đường nhựa Khu văn hóa (Sau phòng Kinh tế)
27	Đường Nguyễn Trãi	Vòng xoay ngã năm (Quốc lộ 53)
28	Đường nhựa nhà Sáu Khởi	Đường 19/5
29	Đường đal khóm 3	Đường 19/5 (Trường Tiểu học Kim Đồng)
30	Đường nhựa khóm 3	Giáp đường đal khóm 3
31	Đường nhựa khóm 3	Lý Tự Trọng
32	Đường đal khóm 2	Đường 19/5 (nhà ông Trần Hoàng Hiệp)
33	Đường Lý Tự Trọng	Đường 19/5 (nhà ông Sự)
34	Đường Võ Thị Sáu	Quốc lộ 53
35	Đường Đỗ Xuân Quang	Đường Trần Hưng Đạo (gần UBND xã Long Toàn)
36	Tuyến số 1	Vòng xoay ngã năm
37	Đường 30/4	Đường Lý Tự Trọng
38	Đường Dương Quang Đông	Đường 3/2
39	Đường quanh khu nuôi tôm công nghiệp Long Thạnh	Quanh khu nuôi tôm công nghiệp Long Thạnh
40	Đường Quang Trung	Quốc lộ 53 (nhà Ba Kiệt)
41	Đường nhựa ấp Giồng Giếng (áp dụng cho thị xã Duyên Hải)	Sân bay đầu dưới
42	Đường đal ấp Long Điền (áp dụng cho thị xã Duyên Hải)	Quốc lộ 53
43	Đường Đình Phước Lộc	Đường Trần Hưng Đạo (hết ranh Phường 1)
44	Đường Lộ Bà Mười	Quốc lộ 53

45	Đường cặp Kênh I	Đường 2/9
46	Đường Huỳnh Thị Cẩm	Đường Nguyễn Trãi
48	Đường nhựa từ QL53 đến Phước Bình	Quốc lộ 53
49	Đường nhựa giữa khóm 4	Đường Trần Hưng Đạo
50	Đường nhựa khóm 2	Quốc lộ 53
51	Đường đaml khóm 1	Đường 3/2
52	Quốc lộ 53	Đường vào rađa (giáp ranh xã Long Toàn); đối diện tính từ ranh thửa 13 và thửa 15, tờ bản đồ 39 Phường 1
53	Quốc lộ 53	Vòng xoay ngã năm
54	Quốc lộ 53	Cổng (nhà ông Châu Văn Thành)
55	Quốc lộ 53	Cầu Long Toàn
56	Quốc lộ 53	Hết ranh trường Tiểu học Võ Thị Quý; đối diện hết thửa 25, tờ bản đồ 32, xã Long Toàn (hộ Trương Thanh Tâm)
57	Quốc lộ 53B	Cầu Cồn Trứng (khu di tích bến tiếp nhận vũ khí Cồn Tàu)
58	Quốc lộ 53B	Hết ranh Cây xăng Dân Thành (thửa 181, tờ bản đồ 5); đối diện hết thửa 180, tờ bản đồ 5 (hộ Phan Quốc Ca)
59	Quốc lộ 53B	Đường vào Khu Iai định cư ấp Mù U (ngã ba cây xăng Năm Lợi; đối diện từ ranh thửa 523 tờ bản đồ số 5 xã Dân Thành (hộ Lê Thái Học)
60	Đường huyện 81	Quốc lộ 53 (ngã ba ấp Thống Nhất)

61	Đường huyện 81	Cầu Kênh Xáng
62	Đường Giồng Giếng - Giồng Trôm	Đường đal ấp Giồng Giếng
63	Đường nhựa ấp Giồng Trôm	Tuyến số 1
64	Đường nhựa ấp Giồng Trôm	Sân bay đầu dưới
65	Đường nhựa ấp Giồng Ôi	Mặt đập Giồng Trôm
66	Đường đal ấp Long Điền	Đường đal ấp Giồng Giếng
67	Đường kênh 16	Đường huyện 81 (Cổng văn hóa Thống Nhất)
68	Đường nhựa (Đường tỉnh 913 cũ)	Sông Láng Chim (Bến phà cũ)
69	Tuyến số 1 (áp dụng cho thị xã Duyên Hải)	Đường Trần Hưng Đạo
70	Tuyến số 1	Kênh Bà Phó
71	Đường Phạm Văn Khiết	Từ Quốc lộ 53 (nhà ông Trương Cảnh Đồng)
72	Đường nhựa Khu tái định cư ấp Bào Sen	Quốc lộ 53
73	Đường ấp Cồn Ông	Quốc lộ 53B
74	Đường vào Khu Tái định cư Mù U	Quốc lộ 53B (Ngã ba cây xăng Năm Lợi)
75	Đường dẫn vào Trung tâm Điện lực Duyên Hải	Quốc lộ 53B (Ngã tư lộ Phú Thành)
76	Đường nhựa Phú Thành	Quốc lộ 53B (Ngã tư lộ Phú Thành)
77	Đường đal vào khu nuôi tôm công nghiệp Khém	Đường huyện 81
78	Đường nhựa Cồn Ông	Đường huyện 81 (nhà Sáu Nhỏ)
79	Đường nhựa vào Bãi rác	Quốc lộ 53B
81	Đường dẫn vào Trung tâm Điện lực Duyên Hải (Nhánh số 01)	Ngã 3 Đường dẫn vào Trung tâm điện lực Duyên Hải

82	Đường nhựa Cồn Ông - Cồn Tàu	Quốc lộ 53B
83	Đường nhựa Láng Cháo - Mù U	Đường dẫn vào Trung tâm Điện lực Duyên Hải (Nhánh số 01)
84	Đường nhựa Giồng Giếng - Láng Cháo	Quốc lộ 53B (chợ Dân Thành)
85	Tuyến Đê Hải Thành Hòa	
86	Đường nhựa từ Quốc lộ 53B - Cầu Ấp Mái (D2)	Quốc lộ 53B (thửa đất 720, tờ bản đồ 6)
87	Đường dẫn vào Khu bến tổng hợp Định An	Quốc lộ 53B
80	Các đường nhựa, đường đal còn lại của Phường Duyên Hải	
	6. Phường Trường Long Hòa	
1	Các đoạn Quốc lộ 53 mới trên địa bàn Phường 2	
2	Đường nhựa ấp 12-14	Quốc lộ 53
3	Đường nhựa ấp 17	Quốc lộ 53
4	Đường nhựa vào Trường THPT xã Long Hữu	Quốc lộ 53
5	Đường nhựa vào Trường THPT xã Long Hữu	Hết ranh Thánh thất Long Hữu
6	Đường đất liên ấp 10-11	Quốc lộ 53 (Trường tiểu học Lê Quý Đôn)
7	Đường Dương Quang Đông	Quốc lộ 53
8	Đường đal khóm 30/4	Đường tỉnh 913
9	Các dãy phố chợ (Phường 2 cũ)	
10	Đường nhựa vào nhà công vụ ấp 12	Quốc lộ 53

11	Đường đal khóm 1	Chợ phường 2
12	Đường nhựa Phước Bình	Đường Dương Quang Đông (thửa 169, tờ bản đồ số 42)
13	Đường Lộ Bà Mươi Nổi dài	Đường Dương Quang Đông (thửa 406, tờ bản đồ số 16)
14	Đường N22	Đường D15
15	Đường D17	Đường N22
16	Đường D 19	Đường N22
17	Đường D20	Đường N22
18	Quốc lộ 53	Đường vào bãi rác thị xã Duyên Hải
19	Quốc lộ 53	Đường tỉnh 914 (đi Hiệp Thạnh); đối diện Đường tỉnh 914 (đi Ngũ Lạc)
20	Quốc lộ 53	Cổng Bến Giá
21	Quốc lộ 53 (nấn tuyến)	Quốc lộ 53
22	Quốc lộ 53B	Quốc lộ 53
23	Quốc lộ 53B	Cầu Láng Chim
24	Quốc lộ 53B	Đường nhựa (Đường tỉnh 913 cũ - ngã ba)
25	Quốc lộ 53B	Hết ranh Trường Tiểu học Phan Chu Trinh; đối diện hết thửa 74, tờ 1, xã Trường Long Hòa
26	Quốc lộ 53B	Cầu Ba Động

27	Quốc lộ 53B	Đường số 3; đối diện hết ranh thửa 83, tờ bản đồ 6, xã Trường Long Hòa
28	Quốc lộ 53B	Hết ranh trường Tiểu học Võ Thị Sáu (điểm Cồn Trứng); đối diện hết ranh thửa 375, tờ bản đồ 5, xã Trường Long Hòa
29	Đường tỉnh 914 (đi Hiệp Thạnh)	Quốc lộ 53
30	Đường tỉnh 914 (đi Ngũ Lạc)	Quốc lộ 53
31	Đường lên đền Hải Đăng	Quốc lộ 53B (Ngã tư ra biển)
32	Đường vào trung tâm Khu du lịch (đường số 2)	Quốc lộ 53B (Ngã tư ra biển)
33	Đường ấp Khoán Tiều	Quốc lộ 53B
34	Đường ấp Cồn Trứng	Quốc lộ 53B
35	Đường ấp Ba Động	Cầu Rạch Lầu
36	Đường ấp Ba Động (bên hông chợ)	Quốc lộ 53B
37	Đường dẫn vào khu du lịch đường số 1, 3, 4, 5, 6	Quốc lộ 53B
38	Đường nội bộ khu du lịch (tuyến dọc khu du lịch)	Đường số 2
39	Đường nội bộ khu du lịch (tuyến dọc khu du lịch)	Đường số 5
40	Đường nhựa ấp Cồn Trứng - Cồn Tàu	Ngã ba đình Cồn Trứng
41	Đường nhựa (Đường tỉnh 913 cũ)	Sông Láng Chim (Bến phà cũ)
42	Đường đal lên vàm Láng Nước	Ngã ba vàm Láng Nước

43	Đường lộ bờ dứa	Quốc lộ 53B
44	Đường nhựa ấp Nhà Mát - Khoán Tiều	Quốc lộ 53B
45	Đường nhựa ấp Khoán Tiều	Đường nhựa ấp Cồn Trứng
46	Đường D13 (Đường hành lang ven biển, phát triển du lịch biển ba Động)	Quốc lộ 53B
47	Đường hành lang ven biển, phát triển du lịch biển ba Động	Đường dẫn vào khu du lịch đường 1,3,5,6 (Đường số 5)
48	Đường nhựa liên ấp Khoán Tiều - Cồn Trứng	Đường ấp Khoán Tiều
49	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc phường Trường Long Hòa	

TẠI ĐÔ THỊ

a Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

À VINH CỬ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

đường	Giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất Vị trí 1	Chênh lệch
Đến			
Vòng xoay Chợ Trà Vinh	36,500	43,800	7,300
Đường Phạm Hồng Thái	36,500	43,800	7,300
Đường Trần Phú	30,800	36,960	6,160
Đường Nguyễn Đăng	19,500	23,400	3,900
Đường Bạch Đằng	25,000	30,000	5,000
Đường Võ Thị Sáu	25,000	30,000	5,000
Đường Bạch Đằng	24,000	28,800	4,800
Cầu Long Bình 1	15,120	18,144	3,024
Đường Phạm Thái Bường	9,000	11,700	2,700
Đường Hùng Vương	18,000	21,600	3,600
Đường Trần Phú	7,800	10,140	2,340
Đường Hùng Vương	9,600	12,480	2,880
Đường Độc Lập	16,000	19,200	3,200
Đường Độc Lập	14,800	17,760	2,960
Đường Phạm Hồng Thái	6,500	8,450	1,950
Đường 19/5	15,100	18,120	3,020
Đường Quang Trung	7,000	9,100	2,100

Đường Phạm Ngũ Lão (Ngã ba Mũi Tàu)	4,700	6,110	1,410
Đường Quang Trung; đối diện hết ranh thửa 111, tờ bản đồ 22	5,500	7,150	1,650
Ngã ba Mũi Tàu; đối diện đến hẻm vào nhà trọ Phú Quý	5,000	6,500	1,500
Vòng xoay Sóc Ruộng	3,900	5,070	1,170
Đường Phạm Ngũ Lão	3,600	4,680	1,080
Đường Phạm Ngũ Lão	3,000	3,900	900
Đường Lê Thánh Tôn	4,500	5,850	1,350
Đường Lê Thánh Tôn	6,500	8,450	1,950
Đường Quang Trung	5,000	6,500	1,500
Đường Nguyễn Đăng	8,000	10,400	2,400
Đường Nguyễn Đăng	4,000	5,200	1,200
Hết ranh Phường 6	3,000	3,900	900
Đường vào Trạm Y tế Phường 9	1,500	1,950	450
Cầu Tầm Phương 2	1,000	1,300	300
Đường Bạch Đằng	4,000	5,200	1,200
Đường Quang Trung	3,800	4,940	1,140
Giáp ranh Châu Thành	700	910	210
Đường Nguyễn Thị Minh Khai	7,500	9,750	2,250
Đường Đồng Khởi	6,000	7,800	1,800
Đường Đồng Khởi	3,200	4,160	960
Đường Nguyễn Thị Minh Khai	6,000	7,800	1,800
Đường Đồng Khởi	6,000	7,800	1,800
Đường Bạch Đằng	5,200	6,760	1,560

Đường Bạch Đằng	6,000	7,800	1,800
Đường Lê Lợi	6,000	7,800	1,800
Đường Bạch Đằng	6,500	8,450	1,950
Vòng xoay Chợ Trà Vinh	5,000	6,500	1,500
Đường Lê Lợi	5,000	6,500	1,500
Đường Nguyễn Thị Minh Khai (trước cổng Công viên Trung	5,000	6,500	1,500
Đường Trần Văn Sơn	4,000	5,200	1,200
Đường Võ Văn Kiệt	3,500	4,550	1,050
Đường Tô Thị Huỳnh	3,000	3,900	900
Đường Tô Thị Huỳnh	2,500	3,250	750
Đường Phạm Ngũ Lão	4,400	5,720	1,320
Đường Phạm Ngũ Lão	3,400	4,420	1,020
Đường Phạm Ngũ Lão	3,800	4,940	1,140
Hết ranh Phòng cháy chữa cháy; đối diện hết ranh thửa 422, tờ bản đồ 17. Phường 6	5,400	7,020	1,620
Hết ranh giới Phường 6	3,300	4,290	990
Hết ranh thửa Chùa Mật Đơn; đối diện đường vào Trạm Y tế Phường 0	2,000	2,600	600
Cổng Tầm Phương	2,200	2,860	660
Đường Nguyễn Minh Thiện; đối diện giáp thửa 68, tờ bản đồ 59, Phường 0	2,800	3,640	840
Đường Lê Văn Tám	2,000	2,600	600
Đường Võ Văn Kiệt	3,000	3,900	900
Hết ranh Phường 1	2,000	2,600	600

Kênh Phường 7, TPTV	1,500	1,950	450
Đường 19/5	1,500	1,950	450
Đường Trần Văn Sơn	1,200	1,560	360
Giáp hẻm sau Công viên Phạm Ngũ Lão	1,800	2,340	540
Hết khu vực chợ Phường 2	3,000	3,900	900
Hết đường vào khu tập thể Công an tỉnh	3,500	4,550	1,050
Đường Lê Văn Tám	3,000	3,900	900
Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 54)	1,500	1,950	450
Đường Võ Văn Kiệt	2,200	2,860	660
Rạch Tiệm Tương	3,000	3,900	900
Đường Sơn Thông	1,500	1,950	450
Đường Võ Văn Kiệt (Cầu Kinh Đại 2)	1,200	1,560	360
Đường Võ Văn Kiệt (Cầu Kinh Đại 1)	1,500	1,950	450
Đường Phạm Ngũ Lão	1,700	2,210	510
Đường Đồng Khởi	1,000	1,300	300
Đường Đồng Khởi	1,500	1,950	450
Đường Đồng Khởi	700	910	210
	1,000	1,300	300
Rạch Tiệm Tương (giáp ranh phường 4)	2,500	3,250	750
Hết đường nhựa	2,500	3,250	750
Đường bờ kè Sông Long Bình	2,500	3,250	750
Đường Bùi Thị Mè	1,000	1,300	300

Hết ranh thửa đất số 801, tờ bản đồ số 1, phường 9	3,000	3,900	900
Đường Lê Văn Tám	2,000	2,600	600
Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 54)	1,500	1,950	450
Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 54)	1,000	1,300	300
Đường Trần Phú nối dài	3,000	3,900	900
Đường Mậu Thân	2,500	3,250	750
Sông Long Bình (thửa số 392, 393 ,tờ bản đồ 19)	2,000	2,600	600
Đường Nguyễn Hòa Luông	1,500	1,950	450
Đường Võ Văn Kiệt	1,500	1,950	450
Đường Huỳnh Kim Anh	1,800	2,340	540
Đường Ngô Quốc Trị	1,800	2,340	540
Đường Huỳnh Kim Anh	2,000	2,600	600
Đường Đồng Khởi	1,000	1,300	300
Đường Lê Văn Tám	1,000	1,300	300
Hết tuyến (giáp ranh xã Hưng Mỹ)		1,300	1,300
Đường Nguyễn Trung Trực		1,500	1,500
Giáp ranh phường Long Đức		1,200	1,200
Đường Võ Văn Kiệt		1,500	1,500
Đường nhựa đối diện đường Nguyễn Trung Trực		1,500	1,500
Hết tuyến		1,800	1,800
Đường nhựa Khóm 1-2		1,800	1,800

Hết tuyến		1,800	1,800
Hết tuyến		1,800	1,800
Hết tuyến		1,800	1,800
Đường Chu Văn An		1,500	1,500
	550	900	350
Hết ranh thửa 71, tờ bản số 25, Phường 7 (Trung tâm Hội nghị)	5,500	7,000	1,500
Hết ranh giới Phường 7 (tuyến 1)	5,500	7,000	1,500
Hết ranh phường 8	4,000	5,200	1,200
Đường đôi vào Ao Bà Om	4,000	5,200	1,200
Hết ranh phường 8	1,500	3,000	1,500
Đường Nguyễn Đăng	4,200	5,460	1,260
Đường Võ Văn Kiệt (Đường Vành đai)	6,000	7,800	1,800
Cuối tuyến (đến đường đất)	1,500	1,950	450
Giáp ranh huyện Châu Thành	2,400	3,120	720
Quốc lộ 60	1,000	1,300	300
Đường Nguyễn Thị Ráo	1,000	1,300	300
Đường Nguyễn Du	1,000	1,300	300
Đường Võ Nguyên Giáp (Đen Thêu - Cây xăng Quốc Hùng phường 8)	1,200	1,560	360
Đường Sơn Thông	1,200	1,560	360
Phường 7 (Đường đôi Dự án GT)	800	1,040	240

Đường Sơn Vọng	800	1,040	240
Đường Lê Hồng Phong	800	1,040	240
Đường Sơn Vọng	800	1,040	240
Đường Sơn Thông	800	1,040	240
Tuyến 7	800	1,040	240
Cây xăng Huyện Trang đến giáp ranh Phường 7	3,000	3,900	900
Hết ranh xã Nguyệt Hóa (Chùa Chim); đối diện đường đất	3,000	3,900	900
Đường Nguyễn Du	1,000	1,300	300
Đường Võ Văn Kiệt	2,600	3,380	780
Giáp ranh xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành (cũ)	3,500	4,550	1,050
Quốc lộ 60	1,000	1,300	300
Hết trụ sở Công an tỉnh	2,500	3,250	750
Đường Sơn Thông	2,500	3,250	750
Đường Trần Văn Long	2,500	3,250	750
Đường khu C Láng Thè	1,500	1,950	450
Đường Lê Hồng Phong	800	1,040	240
Giáp đường đal	800	1,040	240
	700	1,000	300
Hết ranh Công ty TM Sabeco Sông Tiền; giáp ranh Công ty	1,400	2,000	600
Cầu Bến Có	1,600	2,200	600
Giáp ranh Phường 8 (cũ)	1,600	2,200	600

Giáp ranh Phường 7 (cũ)	1,000	1,300	300
Quốc lộ 53	500	900	400
	2,400	3,120	720
Hết phạm vi đường nhựa	1,200	1,560	360
Chùa Xóm Trảng	400	800	400
Giáp ranh Thành phố Trà Vinh	400	800	400
Giáp ranh xã Long Đức	400	800	400
Giáp ranh xã Phương Thạnh cũ	2,000	2,600	600
Đường nhựa 135	400	800	400
Đường nhựa 135	400	800	400
Nhà ông Lê Tấn Lợi	400	800	400
Đường Nguyễn Đăng (thửa 156 tờ bản đồ 26)	400	800	400
Đường nhựa 135 (thửa 135, tờ bản đồ số 23)	400	800	400
Đường Nguyễn Đăng	400	800	400
Đến nhà ông Huỳnh Văn Ý	400	800	400
Nhà ông Huỳnh Văn Kỷ	300	800	500
Cầu nhà ông Bùi Văn Tùng	400	800	400
Đường Nguyễn Đăng (thửa 162 tờ bản đồ 32)	400	800	400
Nhà ông Trần Văn Cường	400	800	400
Đường Nguyễn Đăng (thửa 87 tờ bản đồ 31)	400	800	400
Giáp ranh phường 7, TPTV	500	900	400
Đê bao Phú Hòa	500	900	400

Kênh số I	500	900	400
Kênh số I	500	900	400
Kênh số I	400	800	400
Kênh số I	400	800	400
Giáp ranh phường 7, TPTV	600	1,000	400
Kênh số I (thửa đất 398, tờ bản đồ 37)	400	800	400
Đường 135 (nhà ông Lê Phước Trượng; thửa đất 698, tờ bản đồ 25)	400	800	400
Kênh số I (thửa đất 91, tờ bản đồ 36)	400	800	400
Bệnh viện sản nhi	1,800	2,340	540
Hết đường (ấp Trà Đét)		900	900
Hết đường khu tái định cư		900	900
Son Thông		3,250	3,250
	600	800	200
Đường D5; Hết ranh thửa số 18, tờ bản đồ số 30	6,000	7,800	1,800
Hết ranh Phường 5 (cũ)	4,800	6,240	1,440
Hết Miếu Bà khóm 1, Phường 5 (Chùa Liên Hoa)	3,000	3,900	900
Giáp ranh xã Hòa Thuận (cũ)	2,200	2,860	660
Đường Nguyễn Thiện Thành (Đường tránh Quốc lộ 53)	4,000	5,200	1,200
Hẻm đal (cặp thửa 490, tờ bản đồ 16, Phường 5 (cũ))	2,500	3,250	750
Kênh thủy lợi (Cống Diệp Thạch cũ)	1,500	1,950	450
Hết ranh Đại học Trà Vinh	6,000	7,800	1,800

Giáp ranh Hòa Thuận (cũ)	4,300	5,590	1,290
Đường Nguyễn Thiện Thành (Đường tránh Quốc lộ 53)	3,500	4,550	1,050
Đường Trần Văn Giàu	1,800	2,340	540
Nhà công vụ phường 5	1,800	2,340	540
Hẻm số 81	1,800	2,340	540
Đến hết thửa 106 tờ 24	2,000	2,600	600
Giáp ranh xã Hòa Thuận (cũ)	1,800	2,340	540
Cuối tuyến	2,500	3,250	750
Kênh Diệp Thạch	3,000	3,900	900
Hết tuyến	1,800	2,340	540
Hẻm 71	1,800	2,340	540
	850	1,105	255
Hết ranh Trường Chính trị; đổi diện hết ranh UBND xã Hòa Thuận (cũ)	2,800	3,640	840
Đường Nguyễn Thiện Thành; đổi diện hết ranh thửa 156, tờ bản đồ 35, xã Hòa Thuận (cũ)	1,500	1,950	450
Hết ranh xã Hòa Thuận (cũ)	1,200	1,560	360
Vĩnh Bảo	1,400	1,820	420
Đường tỉnh 915B	1,000	1,300	300
Giáp ranh xã Hòa Lợi (cũ)	800	1,000	200
Giáp ranh Thành phố Trà Vinh (cũ)	1,200	1,560	360
Hết đường bờ kè hướng ra Sông Cỏ Chiên	800	1,000	200
Đường Nguyễn Thiện Thành	1,200	1,560	360
Đường tỉnh 915B	800	1,000	200
Giáp ranh ấp Vĩnh Trường	900	1,100	200
Giáp ranh xã Hòa Lợi (cũ)	800	1,000	200
Hết đoạn đường (thửa 42, tờ bản đồ 30)	1,200	1,560	360

ấp Kỳ La	800	1,000	200
Đường huyện 10 (thửa 228, tờ bản đồ 28)	800	1,000	200
Cống Rạch Kinh	800	1,000	200
Hết tuyến		2,000	2,000
Kênh Diệp Thạch		1,500	1,500
Hết tuyến		2,000	2,000
	500	800	300
Đường Lý Tự Trọng	7,000	9,100	2,100
Cầu Tiệm Tương	6,600	8,580	1,980
Đường Chu Văn An	3,600	4,680	1,080
Đường Vũ Đình Liệu	2,700	3,510	810
Đường Bạch Đằng; đối diện hết ranh trường Tiểu học Long Đức	2,500	3,250	750
Hết công ty XNK Lương thực (Vàm Trà Vinh)	1,400	1,820	420
Đường Trần Thành Đại	1,500	1,950	450
Ngã ba đường tỉnh 915B và Nguyễn Tấn Liêng	1,000	1,300	300
Đường tỉnh 915B (Đường Bùi Hữu Nghĩa cũ)	1,500	1,950	450
	800	1,040	240
Đường Quang Trung	2,500	3,250	750
Đường Quang Trung	3,000	3,900	900
Đường Ngô Quyền	1,800	2,340	540
Đường Ngô Quyền	2,300	2,990	690
Cầu Sóc Ruộng	2,500	3,250	750
Đền thờ Bác; đối diện đến đường đal	2,000	2,600	600
Đường Bùi Hữu Nghĩa (Ngã ba Long Đại)	1,000	1,300	300
Đường Trần Văn Ân (ngã tư cầu Ba Trườn)	1,000	1,300	300
Mặt đập Ba Trườn	650	950	300
Đường Bạch Đằng	2,500	3,250	750

Đường 30/4 (Ngã ba Long Đại)	700	950	250
Cầu Rạch Kinh	600	900	300
Đường Trương Văn Kinh (ngã ba lên cổng Láng Thè)	550	850	300
Đường 30/4 (Đường ra Đền thờ Bác)	1,500	1,950	450
Cầu Long Bình 3	1,000	1,300	300
Đường Trần Thành Đại (Hết ranh Trường dạy nghề)	750	1,000	250
Vòng xoay Sóc Ruộng	3,500	4,550	1,050
Đường Lê Văn Chữ	550	850	300
Đường Trương Văn Kinh	600	780	180
	1,500	1,950	450
Lò giết mổ	1,000	1,300	300
Đường Trương Văn Kinh	600	900	300
Đường vào cổng khu CN Long Đức	1,000	1,300	300
Đường Trần Thành Đại	1,500	1,950	450
Chu Văn An	1,500	1,950	450
Trường Lương Định Của	1,500	1,950	450
Đường vào lò giết mổ	800	1,040	240
	600	800	200
Đường 2/9	5,000	6,500	1,500
Đường Lý Tự Trọng	2,500	3,250	750
Bệnh viện Đa khoa; đối diện đường Dương Quang Đông	1,500	1,950	450
Quốc lộ 53	1,500	1,950	450

Đường 19/5 (Vòng xoay UB Phường 1)	5,000	6,500	1,500
Đường 3/2 (Vòng xoay Ngân hàng Nông nghiệp)	5,000	6,500	1,500
Kênh I (Hạt Kiềm lâm)	3,000	3,900	900
Đường Điện Biên Phủ	2,500	3,250	750
Đường Lý Tự Trọng (Trường THCS Chu Văn An)	1,300	1,690	390
Đường Ngô Quyền	5,000	6,500	1,500
Đường 3/2	2,500	3,250	750
Bên phải hết ranh khóm 1; bên trái đến giáp kênh	700	910	210
Sông Long Toàn	500	650	150
Đường 3/2 (UBND thị xã)	2,000	2,600	600
Đường 3/2 (Bưu điện)	2,500	3,250	750
Khu vực Chợ Duyên Hải	5,000	6,500	1,500
Đường Ngô Quyền	5,000	6,500	1,500
Đường 3/2	1,300	1,690	390
Quốc lộ 53	1,200	1,560	360
Tuyến số 1	800	1,040	240
Sân bay đầu dưới	500	650	150
Cây xăng (Bến Phà cũ); đối diện đường 19/5	2,100	2,730	630
Cầu Long Toàn	1,000	1,300	300
Đường Điện Biên Phủ	1,500	1,950	450

Đường 19/5	1,000	1,300	300
Giáp ranh Thị ủy	1,200	1,560	360
Đường 3/2	1,000	1,300	300
Đường nhựa khóm 3	700	910	210
Hết đường đal	500	650	150
Đường 3/2	500	650	150
Đường nhựa khóm 3	500	650	150
Hết đường đal	500	650	150
Đường 2/9	2,500	3,250	750
Cơ quan Huyện đội cũ	1,000	1,300	300
Đường Võ Thị Sáu (đối diện trụ sở Khóm 4)	1,000	1,300	300
Đường Trần Hưng Đạo (hết ranh Phường 1)	1,000	1,300	300
Đường nhựa khóm 3	1,500	1,950	450
Hết ranh phường 1 (Giáp ranh phường 2)	1,000	1,300	300
Quanh khu nuôi tôm công nghiệp Long Thạnh	500	650	150
Đường nhựa ấp Giồng Giếng	1,500	1,950	450
Đường đal ấp Long Điền	400	520	120
Đường đal ấp Giồng Giếng	400	520	120
Đường Võ Thị Sáu	1,000	1,300	300
Kênh I	500	650	150

Kênh I	400	520	120
Đường nhựa khóm 3	500	650	150
Đường Dương Quang Đông (thửa 129, 586 tờ 22)	1,000	1,300	300
Đường Võ Thị Sáu	500	650	150
Đường Lý Tự Trọng	2,500	3,250	750
Kênh I	500	650	150
Vòng xoay ngã năm	1,200	1,560	360
Cổng (nhà ông Châu Văn Thành)	2,500	3,250	750
Cầu Long Toàn	3,000	3,900	900
Hết ranh trường Tiểu học Võ Thị Quý; đối diện hết thửa 25, tờ bản đồ 32, xã Long Toàn (hộ Trương Thanh Tâm)	1,500	1,950	450
Kênh đào Trà Vinh	1,000	1,300	300
Hết ranh Cây xăng Dân Thành; đối diện hết thửa 180, tờ bản đồ 5 (hộ Phan Quốc Ca)	1,300	1,690	390
Đường vào Khu Iai định cư ấp Mù U (ngã ba cây xăng Năm Lợi; đối diện từ ranh thửa 523 tờ bản đồ số 5 xã Dân Thành (hộ Lê Thái Học)	1,500	1,950	450
Kênh đào Trà Vinh	1,300	1,690	390
Cầu Kênh Xáng	1,500	1,950	450

Quốc lộ 53B (Ngã ba ấp Giồng Giếng)	1,000	1,300	300
Tuyến số 1	350	455	105
Mặt đập Giồng Trôm	350	455	105
Đường nhựa ấp Giồng Trôm	350	455	105
Sông Giồng Ôi	350	455	105
Sông Ông Tà	350	455	105
Kênh đào Trà Vinh	500	650	150
Quốc lộ 53B	700	910	210
Kênh Bà Phó	1,500	1,950	450
Sông Giồng Ôi (giáp ranh huyện Duyên Hải)	900	1,170	270
Trở ra Quốc lộ 53 (phía trên trạm RaĐa 34)	600	780	180
Đến các tuyến đường khu Tái định cư	500	650	150
Hết đường nhựa	500	650	150
Đê Hải Thành Hòa	1,200	1,560	360
Giáp đường vào Khu Tái định cư Mù U	1,200	1,560	360
Sông Long Toàn	500	650	150
Giáp đường Phú Thành	500	650	150
Đường ấp Cồn Ông	500	650	150
Bãi rác	500	650	150
Đê Hải Thành Hòa	1,200	1,560	360

Cầu Cồn Tàu	700	910	210
Kênh Đào Trà Vinh	800	1,000	200
Đường nhựa Láng Cháo - Mù U	800	1,000	200
	600	780	180
Cầu Ấp Mới	800	1,040	240
Khu bến tổng hợp Định An	1,200	1,560	360
	400	500	100
	400	550	150
Hết ranh phường 2, giáp ấp 12 xã Long Hữu	400	550	150
Hết ranh phường 2, giáp ấp 17 xã Long Hữu	400	550	150
Hết ranh Thánh thất Long Hữu	400	550	150
Đường tỉnh 914	400	550	150
Hết ranh phường 2, giáp ấp 11 xã Long Hữu	400	550	150
Hết ranh phường 2 (Giáp ranh phường 1)	700	900	200
Cầu Cá Ngát	400	550	150
	2,500	3,250	750
Hết đường nhựa	400	550	150

Đường đất liên ấp 10-11	400	550	150
Cầu Phước Bình 1 (thửa 22, tờ bản đồ số 42)	400	550	150
Bến Xuông (Hết ranh thửa 6, tờ bản đồ số 22)	500	650	150
Giáp ranh xã Long Hữu	500	650	150
Đường tỉnh 914	500	650	150
Đường tỉnh 914	500	650	150
Đường tỉnh 914	500	650	150
Đường tỉnh 914 (đi Hiệp Thạnh); đối diện Đường tỉnh 914 (đi Ngũ Lạc)	900	1,170	270
Cổng Bến Giá	1,300	1,690	390
Đường ra đà (giáp ranh thị xã); đối diện hết thửa 13, tờ bản đồ 39 phường 1 (cũ)	900	1,170	270
Quốc lộ 53 (hết khóm 30/4)	900	1,170	270
Cầu Láng Chim	900	1,170	270
Đường nhựa (Đường tỉnh 913 cũ - ngã ba)	800	1,000	200
Hết ranh Trường Tiểu học Phan Chu Trinh; đối diện hết thửa 74, tờ 1, xã Trường Long Hòa	450	585	135
Cầu Ba Động	700	900	200
Đường số 3; đối diện hết ranh thửa 83, tờ bản đồ 6, xã Trường Long Hòa	500	650	150

Hết ranh trường Tiểu học Võ Thị Sáu (điểm Cồn Trúng); đổi diện hết ranh thửa 375, tờ bản đồ 5, xã Trường Long Hòa	800	1,000	200
Cầu Cồn Trúng (khu di tích bên tiếp nhận vũ khí Cồn Tàu)	500	650	150
Đường Xẻo Xu; đổi diện hết ranh Cây Xăng Bến Giá	500	650	150
Quốc lộ 53 mới	500	650	150
Ngã ba Vàm Láng nước	350	500	150
Bờ biển	800	1,040	240
Bến xuồng Khoán Tiều	350	500	150
Bến xuồng Cồn Trúng	350	500	150
Đình Ông	350	500	150
Lầu Bà	350	500	150
Bờ biển	350	500	150
Đường số 3	350	500	150
Đường số 6	350	500	150
Cầu Cồn Tàu	350	500	150
Quốc lộ 53B	450	500	50
Vàm Láng Nước	350	500	150

Hết thửa 140 tờ 1	350	500	150
Đường ấp Khoán Tiêu	350	500	150
Nhà ông Nguyễn Thành Ái	500	650	150
Giáp ranh đất rừng phòng hộ (khu du lịch)	500	650	150
Đường dẫn vào khu du lịch đường 1,3,5,6 (Đường số 3)	1,000	1,300	300
hết đường nhựa		500	
	400	500	100

Tỉnh: Vĩnh Long

Mẫu số 38. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG TRẠI
(Kèm theo Nghị Quyết số ...ngày.....tháng.....năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Trà Vinh Cổ)
(TỈNH TRÀ VINH CŨ)

TT	Tên đường phố	Đoạn đường
		Từ
	1. Xã Châu Thành	
1	Quốc lộ 54	Cổng Tầm Phương
2	Quốc lộ 54 (áp dụng chung xã Đa Lộc)	Đường tránh Quốc lộ 54; đối diện thửa 219 tờ 5
3	Đường tránh Quốc lộ 54	Cầu Tầm Phương 2
4	Quốc lộ 54	Ranh thị trấn Châu Thành; đối diện từ hết ranh Trường mẫu giáo Tuổi Xanh
5	Đường 30/4	Quốc lộ 54
6	Đường 30/4	Cổng Đa Lộc
7	Đường 30/4	Quốc lộ 54
8	Đường 30/4	Hết ranh khóm 2 (Chùa Hưng Long)
9	Đường Kiên Thị Nhẫn (áp dụng chung xã Đa Lộc)	Quốc lộ 54 (Trung tâm giáo dục thanh thiếu niên)
10	Đường Kiên Thị Nhẫn	Quốc lộ 54 (Bảo hiểm xã hội)
11	Đường nhựa đi Chùa Mỗ Neo (sau Công an huyện)	Đường Kiên Thị Nhẫn
12	Đường 3/2	Quốc lộ 54
13	Đường Đoàn Công Chánh	Quốc lộ 54
14	Đường Đoàn Công Chánh	Quốc lộ 54 (nhà máy Hai Chư)
15	Đường Mậu Thân	Đường 30/4
16	Đường Mậu Thân	Đường tránh Quốc lộ 54 (Cầu Tầm Phương 2)
17	Đường Tô Thị Huỳnh	Quốc lộ 54

18	Đường nhựa (nhà ông Sơn Cang)	Quốc lộ 54
19	Đường nhựa cặp nghĩa trang	Quốc lộ 54
20	Đường nhựa sau nghĩa trang	Đường Kiên Thị Nhẫn
21	Đường nhựa cặp Sân vận động cũ	Quốc lộ 54
22	Đường nhựa cặp Thánh thất Cao Đài	Quốc lộ 54
23	Đường nhựa cặp Đình Thần	Đường nhựa cặp Sân vận động cũ
24	Đường DM (theo QH đô thị loại 5)	Đường Kiên Thị Nhẫn
25	Đường tránh cống Đa Lộc	Quốc lộ 54
26	Đường tránh cống Đa Lộc	Sông Đa Lộc
27	Đường N18	Đường bê tông (thửa 66, tờ bản đồ số 11)
28	Đường N2 (Cặp Kho Bạc huyện Châu Thành)	Quốc lộ 54
29	Đường nhựa phía trước Khối vận	Đường Mậu Thân
30	Đường nhựa trước Cổ Tổng Miếu	Đường Mậu Thân
31	Đường Đê bao	Đường nhựa trước Cổ Tổng Miếu
32	Chợ Châu Thành	
33	Chợ Mỹ Chánh	
34	Đường tỉnh 912	Toàn tuyến
35	Đường huyện 16 (áp dụng chung cho xã Song Lộc)	Giáp ranh thị trấn Châu Thành (Cổng Thanh Trì)
36	Đường nhựa	Giáp thị trấn Châu Thành (sau Công an cơ động)
37	Đường vào Chùa Mỗ Neo	Quốc lộ 54
38	Đường nhựa ấp Thanh Trì	Trụ sở ấp Thanh Trì B
39	Đường nhựa ấp Thanh Trì A	Đường huyện 16

40	Đường vào Trung tâm Cai nghiệm	Đường huyện 16
41	Đường nhựa vào Trạm Y tế xã Đa Lộc	Quốc lộ 54
42	Đường nhựa	Cổng Bà Thao
43	Đường nhựa Bà Sơn (áp dụng chung cho xã Hưng Mỹ)	Đường huyện 16 (cầu sắt Bà Sơn)
44	Đường nhựa Hương Phụ B	Quốc lộ 54
45	Đường đal	Đường huyện 16 (sau cây xăng Hoàng Oanh)
46	Đường tỉnh 912	Ranh ấp Giồng Lức (điểm rẽ Trường Tiểu học Đa Lộc B)
47	Đường nhựa cặp kênh Thanh Nguyên (2 bờ kênh)	Giáp ranh xã Thanh Mỹ
48	Đường nhựa GTNT ấp Hương Phụ A-B, xã Đa Lộc kết nối đường tránh cổng Đa Lộc, thị trấn Châu Thành	Kênh Đường Trâu (Thửa 1771, tờ bản đồ số 33)
49	Đường nhựa Phú Nhiêu	Quốc lộ 54
50	Đường Giồng Trôm-Phú Mỹ-Ô Dài	Quốc lộ 54
51	Đường cặp Kinh Xáng (phía Đông)	Đường tỉnh 912
52	Đường cặp Kinh Xáng (phía Tây)	Đường tỉnh 912
53	Đường nhựa	Quốc lộ 54
54	Đường nhựa	Chùa Sóc Nách
55	Đường nhựa Thanh Nguyên A	Hai Sư (thửa 22, tờ bản đồ số 30)
56	Đường nhựa	Hai Nam (thửa 246, tờ bản đồ số 31)
57	Đường nhựa	Quốc lộ 54 (thửa 30, tờ bản đồ số 21)
58	Đường nhựa	Cầu ông Lục (thửa 2, tờ bản đồ số 45)
59	Đường nhựa	Hết thửa 676, tờ bản đồ 50; đối diện hết thửa 420 tờ bản đồ xã Mỹ Chánh
60	Đường kết nối cầu Chông Vắn - Quốc lộ 54	Quốc lộ 54

61	Đường nhựa GTNT ấp Đầu Giồng B, xã Mỹ Chánh kết nối với ấp Kinh Xuôi, xã Thanh Mỹ	Kênh Xáng (Thửa 527, 528, tờ bản đồ số 42)
62	Đường nhựa trước UBND xã (phía Tây kênh Đoàn Công Chánh)	Đường tỉnh 912 (thửa 181, tờ bản đồ số 19)
63	Đường đal (phía đông kênh Cây Dương - Phú Thọ)	Đường tỉnh 912 (thửa 610, tờ bản đồ số 7)
64	Đường đal (phía đông kênh Cây Dương - Phú Thọ)	thửa 204, tờ bản đồ số 7
65	Đường đal Cổng 5 Bắc ấp Kinh Xuôi	Đường tỉnh 912 (thửa 457, tờ bản đồ số 9)
66	Đường đal Ô Tre Lớn	Nhà ông Nguyễn Văn Phú
67	Đường đal Ô Tre Lớn	Đoạn giáp ranh ấp Thanh Trì, xã Đa Lộc
68	Đường đal Nhà Dừa	Nhà Bảy Hiền
69	Đường nhựa trước UBND xã (phía Đông kênh Đoàn Công Chánh)	Đường tỉnh 912 (thửa 786, tờ bản đồ số 19)
70	Đường GTNT ấp Ô Tre Nhỏ (N10-GD1)	Đường nhựa trước UBND xã (phía Đông kênh Đoàn Công Chánh); thửa đất 1238, tờ
71	Đường Bắc Phên 5	Đường đnl (thửa đất 278, tờ bản đồ 2)
72	Đường GTNT phía nam kênh Thống Nhất (ấp Cây Dương, Nhà Dừa, Kinh Xuôi)	Giáp ranh xã Mỹ Chánh
73	Đường nhựa GTNT ấp Đầu Giồng B, xã Mỹ Chánh kết nối với ấp Kinh Xuôi, xã Thanh Mỹ	Giáp xã Mỹ Chánh (Thửa 23, 24, tờ bản đồ số 40)
74	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Châu Thành	
	2. Xã Hưng Mỹ	
1	Chợ Hoà Lợi	
2	Chợ Bãi Vàng	
3	Chợ Hưng Mỹ	
4	Quốc lộ 53	Đường Nguyễn Thiện Thành; đối diện hết ranh thửa 156, tờ bản đồ 35, xã Hòa Thuận

5	Quốc lộ 53	Hết ranh Trường cấp II Hoà Lợi; đối diện hết ranh thửa 75, tờ bản đồ 22, xã Hoà Lợi
6	Đường Nguyễn Thiện Thành (Hòa Lợi)	Giáp ranh TP Trà Vinh
7	Đường tránh Quốc lộ 53 mới (Phước Hảo)	Quốc lộ 53
8	Đường tỉnh 915B	Hết ranh xã Hòa Thuận
9	Đường huyện 14	Quốc lộ 53 (Chợ Hòa Lợi)
10	Đường huyện 14	Ranh xã Hòa Lợi
11	Đường huyện 15	Quốc lộ 53
12	Đường huyện 16 (áp dụng chung cho xã Châu Thành)	Quốc lộ 53 (Bàu Sơn);
13	Đường nhựa (cầu Hòa Thuận phía Đông)	Đường Nguyễn Thiện Thành
14	Đường đất (cầu Hòa Thuận phía Tây)	Đường Nguyễn Thiện Thành
15	Đường vào Chùa Ô	Quốc lộ 53 (Đại đội Thiết giáp)
16	Đường nhựa vào Nhà văn hóa	Quốc lộ 53
17	Đường nhựa vào trụ sở ấp Qui Nông A	Quốc lộ 53
18	Đường nhựa vào Chùa Liên Quang	Quốc lộ 53
19	Đường đal	Đường huyện 14 (Chợ Hòa Lợi)
20	Đường nhựa kênh Giồng Lức	Đường huyện 15
21	Đường nhựa (đối diện sân bóng Duy Khổng)	Đường Nguyễn Thiện Thành
22	Đường nhựa cặp Sân bóng đá Duy Khổng	Đường Nguyễn Thiện Thành
23	Đường nhựa cầu Hòa Thuận (Lò giết mổ Phương Nam)	Đường Nguyễn Thiện Thành

24	Đường đal Triền	Đường huyện 14
25	Đường nhựa ấp Chăng Mật	Quốc lộ 53 (thửa 104, tờ bản đồ số 16)
26	Đường nhựa ấp Qui Nông A	Quốc lộ 53 (thửa 93, tờ bản đồ số 22)
27	Đường đal	Đường huyện 15
28	Đường nhựa Rạch Vồn	Đường huyện 15 (thửa 56, tờ bản đồ số 12)
29	Đường nhựa Làng nghề	Đường tỉnh 915B (thửa 131, tờ bản đồ số 48)
30	Đường đal liên ấp Rạch Vồn-Đại Thôn-Bãi Vàng	Đường huyện 15 ấp Rạch Vồn
31	Đường đal Bà Trầm, xã Hưng Mỹ	Đường tỉnh 915B
32	Đường đal Rạch Giữa, xã Hưng Mỹ	Đường tỉnh 915B
33	Đường đal liên ấp Ngãi Hiệp-Ngãi Lợi-Bà Trầm	Ấp Ngãi Hiệp
34	Đường đal ấp Ngãi Hiệp	Đường huyện 15
35	Đường nhựa (kênh Nhà Thờ)	Quốc lộ 53
36	Đường nhựa	Đường huyện 15
37	Đường đal Hòa Hảo - Trà Cuôn	Quốc lộ 53
38	Đường Lê Văn Tám (đường huyện 11)	Ranh xã Lương Hòa A
39	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Hưng Mỹ	
	3. Xã Song Lộc	
1	Chợ Cầu Xây	
2	Chợ Sâm Bua	
3	Chợ Song Lộc	

4	Quốc lộ 60	Giáp Ranh phường 8
5	Quốc lộ 60	Đường tỉnh 911 (ve hương Huyện Hội); doi diện hết thửa 2007, tờ bản đồ 16 xã Song Lộc
6	Đường tỉnh 911 (áp dụng chung cho xã Châu Thành)	Đường tỉnh 912
7	Đường tỉnh 911	Quốc lộ 60
8	Đường tỉnh 911	Kênh V7
9	Đường huyện 9 (Song Lộc)	Quốc lộ 60
10	Đường tỉnh 912B	Đường Lê Văn Tám (Đường huyện 11)
11	Đường tỉnh 912B	Đường tỉnh 911
12	Đường Lê Văn Tám (Đường huyện 11)	Giáp Ranh phường 8 (Ngã Tư Sâm Bua)
13	Đường Nguyễn Du	Quốc lộ 53
14	Đường Bình La-Bót Chéch	Đường huyện 11
15	Đường Bình La-Bót Chéch	Hết ranh Chùa Bình La (thửa 465, tờ bản đồ 39)
16	Đường vào Bệnh viện Lao	Quốc lộ 60
17	Đường nhựa Ba Se A	Quốc lộ 60 (thửa đất 284, tờ bản đồ 32)
18	Đường nhựa (Nguyễn Du cũ)	Đường Nguyễn Du (Chùa Phật Quang) (thửa 96, tờ bản đồ 9)
19	Đường nhựa	Đường Nguyễn Du (thửa 33, tờ bản đồ 10)
20	Đường vào Chợ Ba Se B	Đường Nguyễn Du (Chùa Phật Quang) (thửa 127, tờ bản đồ 9)
21	Đường vào Bãi rác mới	Quốc lộ 60 (thửa 164, tờ bản đồ 41)
22	Đường nhựa Lộ ngang	Quốc lộ 60 (thửa 58, tờ bản đồ 38)

23	Đường nhựa Sâm Bua 1	Trường Trung học cơ sở Lương Hòa (thửa 104, tờ bản đồ 11)
24	Đường nhựa Sâm Bua	Quốc lộ 60 (thửa 59, tờ bản đồ 38)
25	Đường nhựa Bình La Ô2	Chùa Bình La
26	Đường đal Ô Chích B6	Quốc lộ 60 (thửa 73, tờ bản đồ 40)
27	Đường đal Ba Se A	Trụ sở ấp Ba Se A (thửa 257, tờ bản đồ 31)
28	Đường đal Ba Se A	Đường nhựa Lộ ngang (thửa 307, tờ bản đồ 32)
29	Đường vào chùa Lò Gạch	Đường nhựa Ba Se A (thửa đất số 80, tờ bản đồ số 32)
30	Đường vào Trường TH Tô Thị Huỳnh	Đường huyện 11 (thửa 77, tờ bản đồ 39)
31	Đường GTNT kênh Sáu Tâm	Đường huyện 11 (thửa 23, tờ bản đồ 39)
32	Đường GTNT kênh nền thiêu Bình La	Đường nhựa Ô 2 Bình La (thửa 131, tờ bản đồ 42)
33	Đường nhựa đê bao Bót Chéch	Quốc lộ 60 (thửa 361, tờ bản đồ 40)
34	Đường vào Nhà văn hóa Bót Chéch	Đường nhựa đê bao Bót Chéch (thửa 1079, tờ bản đồ 19)
35	Đường GTNT Ô Chích A	Quốc lộ 53 (thửa 42, tờ bản đồ 23)
36	Đường GTNT Ô Chích A 5	Đường GTNT Ô Chích A (thửa 225, tờ bản đồ 23)
37	Đường GTNT Kênh Sa Lôn	Đường nhựa Sâm Bua (thửa đất 281, tờ bản đồ 18)
38	Đường nhựa (Cầu Ô Xây)	Đường huyện 11 (Đường Lê Văn Tám)
39	Đường nhựa Tầm Phương 2	Kênh Xáng
40	Đường nhựa Tầm Phương 5	Kênh Xáng
41	Đường nhựa Bắc Phên	Đường huyện 16

42	Đường nhựa lộ mới Đại Tền	Cổng Bắc Phên 3
43	Đường nhựa Tầm Phương 3	Kênh cập Giồng (thửa 667, tờ bản đồ 26)
44	Đường nhựa Tầm Phương 6	Đường tỉnh 912B (thửa đất 124, tờ bản đồ 28)
45	Đường Bờ Tây Thanh Nguyên	Cầu Trường học (thửa 652, tờ bản đồ 26)
46	Đường Bờ Đông Bắc Phên	Đường huyện 16 (thửa 275, tờ bản đồ 45)
47	Đường nhựa Tân Ngai, Hòa Lạc A	Đường tỉnh 912B (thửa đất 593, tờ bản đồ 31)
48	Đường nhựa Chà Dư lớn	Đường tỉnh 912B (thửa đất 54, tờ bản đồ 16)
49	Đường đal Chà Dư nhỏ	Đường tỉnh 912B (thửa 90, tờ bản đồ 16)
50	Đường nhựa kênh ông Thai	Đường tỉnh 912B (thửa 112, tờ bản đồ 40)
51	Đường nhựa Bót chéch	Đường tỉnh 912B (thửa 210, tờ bản đồ 23)
52	Đường kết nối Cụm công nghiệp	Đường Lê Văn Tám
53	Đường nhựa (Cụm Công nghiệp Tân Ngai)	Đường nhựa Kênh Xáng (thửa 78, tờ bản đồ số 27)
54	Lộ giữa ấp Kinh Xáng (giáp ranh xã Hiếu Từ)	Quốc lộ 60
55	Đường nhánh Trà Nóc	Đường huyện 9
56	Đường Miếu Láng Khoét	Miếu (thửa 230, 231, tờ bản đồ số 7)
57	Đường nhựa Láng Khoét Ailen	Cầu Láng Khoét (thửa 310, tờ bản đồ số 47)
58	Đường nhựa Trà Uông	Đường tỉnh 911 (thửa 81, 231, tờ bản đồ số 45)
59	Đường nhựa bờ lộ ấp Khánh Lộc	Quốc lộ 60 (thửa 797, tờ bản đồ số 16)
60	Đường đal Phú Lân	Đường tỉnh 911 (thửa 17, tờ bản đồ số 34)

61	Đường nhựa Trà Nóc - Phú Lâm	Cầu Phú Lâm (thửa 930, tờ bản đồ số 16)
62	Đường nhựa Lò Gò (Tổ 9)	Quốc lộ 60 (thửa 60, tờ bản đồ số 32)
63	Đường nhựa Lò Gò (Tổ 2)	Quốc lộ 60 (thửa 111, tờ bản đồ số 37)
64	Đường nhựa Phú Lâm	Quốc lộ 60 (thửa 434, tờ bản đồ số 11)
65	Đường nhựa Nê Có - Trà Nóc	Đường tỉnh 911 (thửa 19, tờ bản đồ số 17)
66	Đường Bò Nứa	Ấp Nê Có (thửa 1629, tờ bản đồ số 16)
67	Đường nhựa từ Đường tỉnh 911 đến hết hàng rào Bảo Tiên	Đường tỉnh 911
68	Đường bờ Đông kênh Xáng	Đường huyện 16
69	Đường giao thông nông thôn Đại Tền I	Đường huyện 16
70	Đường nhựa Lò Gò	Quốc lộ 60
71	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Song Lộc	
	4. Xã Hòa Minh	
1	Chợ Hòa Minh	
2	Đường huyện 30 (Hòa Minh)	Đầu Mỏm
3	Đường huyện 30 (Hòa Minh)	Trường THCS Hòa Minh B
4	Đường huyện 30 (Hòa Minh)	Giáp ranh ấp Ông Yển và Long Hưng I
5	Đường huyện 30 (Hòa Minh)	Cầu Sắt
6	Đường huyện 30 (Hòa Minh)	Nhà Ông Liêu Te (thửa 691 tờ 7)
7	Đường vào Trung tâm xã	Bến phà
8	Đường đal Giồng Giá	Đường huyện 30
9	Đường đal Giồng Giá	Đường huyện 30
10	Đường đal Giồng Giá	Trường THPT Hòa Minh

11	Đường đá phối Bà Tùng	Cầu Long Hưng I
12	Đường đal Chợ Long Hưng	Đường huyện 30
13	Đường Đê bao (áp dụng chung xã Long Hòa)	Toàn tuyến
14	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Hòa Minh	
	5. Xã Long Hòa	
1	Chợ Long Hòa	
2	Đường huyện 30 (Long Hòa)	Hết ranh xã Hòa Minh
3	Đường huyện 30 (Long Hòa)	Cầu Rạch Gốc (chợ Long Hòa)
4	Đường huyện 30 (Long Hòa)	Cầu Cổ Bồng (thửa 114, tờ bản đồ 5)
5	Đường huyện 30 (Long Hòa)	Cầu Bà Chẩn (thửa 128, tờ bản đồ 7)
6	Đường huyện 30 (Long Hòa)	Cầu Bùng Binh (thửa 96, tờ bản đồ 8)
7	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Long Hòa	
	6. Xã Vinh Kim	
1	Quốc lộ 53	Cổng Trà Cuôn
2	Quốc lộ 53	Đường tránh Quốc lộ 53; đối diện hết thửa 167, tờ bản đồ 1, xã Kim Hòa
3	Quốc lộ 53	Cầu Vinh Kim
4	Quốc lộ 53	Đường đal (Giồng Sai)
5	Đường tỉnh 915B	Cổng Chà Và
6	Đường tỉnh 914B (áp dụng chung cho xã Nhị Trường)	Quốc lộ 53 (cổng Trà Cuôn)
7	Hai dãy phố Chợ Vinh Kim	Trực diện nhà lồng
8	Khu vực chợ Mai Hương	
9	Đường nhựa Mai Hương	Đường tỉnh 912

10	Đường nhựa	Quốc lộ 53
11	Đường nhựa (đường Giồng Lớn)	Chợ Thôn Rôn
12	Đường nhựa (đi nhà thờ Giồng Lớn)	Quốc lộ 53
13	Đường tránh Quốc lộ 53	Hết thửa 191, tờ bản đồ số 7 (Lâm Văn Lũy); đối diện hết thửa 83, tờ bản đồ số 7
14	Đường tránh Quốc lộ 53	Hết thửa 1234, tờ bản đồ số 10; đối diện hết thửa 2637, tờ bản đồ số 7
15	Đường Tránh bão	Quốc lộ 53
16	Đường đal Cà Tum	Quốc lộ 53 (Thửa 254 tờ bản đồ số 6)
17	Dãy phố Chợ (Kim Hòa)	Quốc lộ 53
18	Đường tránh Quốc lộ 53	Quốc lộ 53
19	Đường đal Năng Non	Đường tỉnh 914B
20	Đường đal Chùa Ông	Chùa Ông
21	Đường đal bờ kênh Kim Hòa	Đường tỉnh 914B
22	Đường nhựa (Kênh Xáng)	Đường đal Chùa Ông
23	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Vinh Kim	
	7. Xã Cầu Ngang	
43	Quốc lộ 53	Hết ranh Vinh Kim (giáp ranh Mỹ Hòa)
1	Quốc lộ 53	Kênh Thống Nhất
2	Quốc lộ 53	Đường Sơn Vọng
3	Quốc lộ 53	Cầu Cầu Ngang
4	Quốc lộ 53	Đường 2/9

44	Quốc lộ 53	Giáp ranh Thị trấn Cầu Ngang (Thuận Hòa)
5	Dãy phố chợ	Phía mặt trời mọc
6	Dãy phố chợ	Phía mặt trời lặn
7	Đường 30/4	Quốc lộ 53
8	Đường 30/4	Đường Nguyễn Văn Hưng
9	Đường 2/9	Sông Cầu Ngang (Minh Thuận B)
10	Đường 2/9	Quốc lộ 53
11	Đường 2/9 (áp dụng chung cho xã Thuận Hòa)	Cầu Thủy Lợi
12	Đường Trương Văn Kinh	Đường 30/4
13	Đường Nguyễn Duy Khâm, khóm Minh Thuận B	Quốc lộ 53
14	Đường Nguyễn Duy Khâm, khóm Minh Thuận A	Quốc lộ 53
15	Đường Nguyễn Văn Hưng	Đường 30/4
16	Đường Nguyễn Trí Tài	Đường 2/9
17	Đường Trần Thành Đại	Quốc lộ 53 (đoạn vào Nhà Thờ)
18	Đường Hồ Văn Biện	Đường tránh Quốc lộ 53
19	Đường Huỳnh Văn Lộng	Đường 2/9
20	Đường Sơn Vọng	Giáp ranh xã Mỹ Hòa
21	Đường Dương Minh Cảnh	Quốc lộ 53 (Cây Xăng)
22	Đường Dương Minh Cảnh	Cầu Thanh Niên Thống Nhất
23	Đường Thất Đạo	Quốc lộ 53 (Bưu điện huyện)

24	Đường số 6	Quốc lộ 53 (Trường Dương Quang Đông)
25	Đường số 7	Đường Nguyễn Trí Tài
26	Đường số 7	Đường Huỳnh Văn Lộng
27	Đường nội bộ khu dân cư	Đường Nguyễn Văn Hưng
28	Đường nhựa	Đường Nguyễn Văn Hưng
29	Đường nhựa	Đường 2/9
30	Đường nhựa (khu vực nhà thuốc Minh Đức)	Quốc lộ 53
31	Đường nhựa	Đường Nguyễn Văn Hưng (Đình khóm Minh Thuận A)
32	Đường nhựa (nhà bác sĩ Lan)	Đường 2/9
33	Đường nhựa (Cây xăng Kim Anh)	Quốc lộ 53
34	Đường tránh Quốc lộ 53	Cầu Nhị Trung
35	Đường nhựa Minh Thuận A	Đường 2/9
36	Đường Đal Minh Thuận B	Quốc lộ 53 (Thửa 149, tờ bản đồ 13)
37	Đường Đal (Lò hột ba Vân)	Quốc lộ 53
38	Đường Đal Minh Thuận B	Quốc lộ 53
39	Đường đal Minh Thuận A	Đường nhựa (nhà bác sĩ Lan)
40	Đường đal Thống Nhất	Quốc lộ 53
41	Đường nội bộ khu dân cư khóm Minh Thuận A	Đường đal (thửa 150 tờ bản đồ số 12)
42	Đường nội bộ khu dân cư khóm Minh Thuận A	Đường Nguyễn Trí Tài (thửa 427 tờ 12)
45	Quốc lộ 53 (áp dụng chung cho xã Hiệp Mỹ)	Cổng Chùa Sóc Chùa; đối diện hết thửa 190, tờ bản đồ 9, xã Thuận Hòa

46	Đường huyện 18	Giáp ranh Thị trấn Cầu Ngang cũ
47	Đường huyện 18	Cầu Ông Tà
48	Đường tỉnh 912	Quốc lộ 53 (ngã ba Mỹ Long)
49	Đường tỉnh 912	Đường tránh Quốc lộ 53
50	Đường tỉnh 912 (áp dụng chung cho xã Vinh Kim, xã Mỹ Long)	Giáp ranh nhà máy nước đá Tân Thuận; đối diện hết thửa 2056, tờ bản đồ số 2, xã Mỹ Hòa
51	Đường huyện 35	Giáp ranh Thị trấn Cầu Ngang cũ (Sân vận động)
52	Đường huyện 35 (áp dụng chung cho xã Hiệp Mỹ)	Kênh (đối diện nhà ông Nguyễn Văn Diễm)
53	Đường lộ Sóc Chùa	Cổng Chùa (Sóc Chùa)
54	Đường lộ Trà Kim	Cổng Trà Kim
55	Đường lộ Thuận An	Quốc lộ 53
56	Đường số 7	Nhà ông Bảy Biển
57	Đường tránh Quốc lộ 53	Giáp ranh thị trấn Cầu Ngang (cũ)
58	Đường đất Thuận An	Quốc lộ 53 (Cổng Trường THCS Thuận Hòa)
59	Đường đất Thuận An	Quốc lộ 53 (Cây xăng Ngọc Rạng)
60	Hai dãy phố chợ	
61	Bờ kè sông Cầu Ngang - Mỹ Hòa	Thửa số 1323, tờ bản đồ số 5 (Nhà ông Nguyễn Văn Tro)
62	Đường nhựa (Hòa Hưng - Cẩm Hương)	Đường tỉnh 912
63	Đường tránh Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Vinh Kim (cũ)
64	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc thị trấn Cầu Ngang	
	8. Xã Hiệp Mỹ	

1	Quốc lộ 53	Đường tránh Quốc lộ 53; đối diện hết thửa nhà Thạch Nang
2	Quốc lộ 53	Đường Giồng Ngánh
3	Quốc lộ 53	Cầu Hiệp Mỹ
4	Đường tỉnh 912C	Quốc lộ 53 (ngã ba Ô Răng)
5	Đường tỉnh 912C (áp dụng chung cho xã Nhị Trường)	Thửa 593, tờ bản đồ số 3
6	Đường tỉnh 911B	Quốc lộ 53
7	Đường tỉnh 911B	Hết ranh ấp Sơn Lang (giáp Sóc Giup)
8	Đường huyện 35	Trụ sở ấp Cái Già Trên
9	Đường huyện 35	Trạm Y tế xã
10	Đường nội bộ khu vực chợ xã	Lô số 5
11	Đường nội bộ khu vực chợ xã	Đường huyện 21
12	Đường nội bộ khu vực chợ xã	Trường mẫu giáo
13	Đường nội bộ khu vực chợ xã	Nhà công vụ giáo viên
14	Đường nhựa Ô Răng	Ngã Tư Ô Răng
15	Đường tránh Quốc lộ 53	Quốc lộ 53; đối diện hết thửa 1107, tờ bản đồ số 4 (nhà Thạch Nang)
16	Đường tỉnh 914C	Đường tỉnh 911B
17	Đường tỉnh 914C	Ngã tư (Thửa 845, tờ bản đồ số 5)
18	Đường nhựa (Điện năng lượng mặt trời)	Đường tỉnh 912C (Chùa Ô Răng)
19	Đường vào Trường mẫu giáo Long Sơn	Trường cấp 2 Long Sơn

20	Hai dãy phố chợ	Quốc lộ 53
21	Đường huyện 35	Quốc lộ 53
22	Đường nhựa hóa chất	Quốc lộ 53
23	Đường đất Tầm Du Lá	Quốc lộ 53
24	Đường tránh Quốc lộ 53	Hết thửa 1489, tờ bản đồ số 8 (Nhà trọ Bảy Hường); đối diện hết thửa 1385 tờ bản đồ số 8
25	Đường đá Sông Lưu	Quốc lộ 53
26	Đường nhựa (giồng bờ yên)	Đường huyện 35
27	Đường nhựa (đi ấp Đồng Cò)	Đường huyện 35
28	Đường nhựa (đi cống ấp Ba)	Đường huyện 35
29	Đường bê tông 3,5 mét	Hương lộ 35 (nhà máy Năm Bơ)
30	Đường nhựa (Bến đò cũ)	Hương lộ 35
31	Đường nhựa kênh Cầu Ván	Cống Đông Tây
32	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Hiệp Mỹ	
	9. Xã Mỹ Long	
1	Hai dãy phố chợ Mỹ Long	Đường huyện 19
2	Hẻm (Khóm 3)	Đường đal (nhà ông Kim Hoàng Sơn)
3	Hẻm (Khóm 4)	Đường đất (giáp ranh Khóm 4); đối diện hết thửa 93, tờ bản đồ 2
4	Hẻm Bưu điện	Đường huyện 19
5	Hẻm (đường đal)	Hẻm đầu chợ (nhà ông Yển)

6	Đường đal	Giáp ranh khóm 2 (nhà ông Đoàn Văn Hiệp)
7	Đường đal	Đường đất (nhà ông Tiêu Văn Siện)
8	Đường đal Khóm 1	Chợ Hải Sản
9	Đường đal Khóm 4	Nhà Sáu Tâm
10	Hẻm (đường đal Khóm 4)	Nhà bà Vệ
11	Đường tỉnh 915B	Hết ranh xã Vĩnh Kim (giáp Mỹ Long Bắc)
12	Đường tỉnh 915B	Giáp ranh xã Mỹ Long Bắc
13	Đường tỉnh 915B	Cổng Lung Mít
14	Đường tỉnh 915B	Giáp khóm 1 thị trấn Mỹ Long (Mỹ Long Bắc)
15	Đường tỉnh 912	Giáp ranh xã Mỹ Long Bắc
16	Đường huyện 19	Đường tỉnh 915B
17	Đường huyện 19	Chợ Hải Sản
18	Đường đal Khóm 3	Đường tỉnh 915B
19	Đường đal Khóm 1	Nhà ông Cò
20	Đường nhựa Khu Liên Doanh	Bia Đồng Khởi
21	Đường đất khóm 2	Nhà ông chín Buôl
22	Đường đất khóm 2	Nhà ông Bè
23	Đường đất khóm 2	Đường tỉnh 915B
24	Đường đất khóm 1	Nhà Mười Mạnh
25	Đường đất khóm 3	Nhà ông Ba Hào chính tên: Nhà ông Nguyễn Văn Nguyễn

26	Đường đất khóm 4	Nhà ông Tám Chấn
27	Tuyến đê biển	Hẻm khóm 4 (thửa 1149, tờ bản đồ số 8)
28	Đường huyện 5	Đường tỉnh 912
29	Đường tỉnh 912	Ngã ba Tư Kiệt (Nhà ông Lọ)
30	Đường huyện 23	Đường tỉnh 912
31	Đường nhựa (đi Trường Trung học phổ thông) Mỹ Long Bắc	Đường tỉnh 912
32	Đường Nhựa (đi Hạnh Mỹ)	Đường huyện 5
33	Đường Nhựa (đi Hạnh Mỹ)	Hết thửa 1150, tờ bản đồ số 3 (Nhà bà Trần Thị Gọn); đối diện hết thửa 1153, tờ bản đồ số 3
34	Đường đal ấp Mỹ Thập	Đường tỉnh 912
35	Đường đal ấp Nhứt A	Đường huyện 23
36	Đường nhựa	Đường huyện 5
37	Đường nhựa Hạnh Mỹ	Thửa 571, tờ bản đồ số 3
38	Đường đal Bến Cát	Đường huyện 5
39	Khu vực Chợ Mỹ Long Nam	
40	Đường nhựa ấp Nhì	Đường huyện 23
41	Đường nhựa ấp Nhì	Hết thửa 247, tờ bản đồ số 8 (nhà Tư Đảo)
42	Đường nhựa ấp Nhì	Hết thửa 169, tờ bản đồ số 8 (nhà Bảy Phấn)
43	Đường nhựa ấp Ba	Đường huyện 23
44	Đường nhựa ấp Ba	Cống Đồng Tây
45	Đường nhựa ấp Ba	Đường huyện 23

46	Đường nhựa ấp Ba	Đường huyện 23
47	Đường nhựa ấp Tư	Đường huyện 23
48	Đường nhựa ấp Tư	Đường huyện 23
49	Đường nhựa ấp Năm	Đường huyện 23
50	Đường nhựa ấp Nhứt B	Đường huyện 23
51	Đường nhựa ấp Nhứt B	Giáp ranh xã Mỹ Long Bắc
52	Đường nội ô Trung tâm xã (Mỹ Long Nam Cũ)	Đường huyện 23
53	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc thị trấn Mỹ Long	
	10. Xã Nhị Trường	
1	Đường tỉnh 914B	Đường đất (cấp trường Tiểu học Hiệp Hòa)
2	Đường huyện 17	Hết thửa số 2647, tờ bản đồ số 7
3	Đường tỉnh 912C	Hết thửa số 1123, tờ bản đồ số 6
4	Đường tỉnh 912C	Cầu Sóc Cụt
5	Đường huyện 18	Hết ranh xã Thuận Hòa (giáp ranh xã Hiệp Hòa)
6	Đường tỉnh 914B	Đường tỉnh 912C
7	Dãy phố chợ phía Bắc (Nhị Trường)	Thửa 2199, tờ bản đồ số 10 (Nhà Từ Thị Cúc)
8	Dãy phố chợ phía Đông (Nhị Trường)	Thửa 26, tờ bản đồ số 15 (Nhà Trịnh Thị Ngọc Oanh)
9	Dãy phố chợ phía Nam (Nhị Trường)	Thửa 6, tờ bản đồ số 15 (Nhà anh Thắng)
10	Đường nhựa (Khu quy hoạch)	Đường huyện 20
11	Đường nhựa	Đường tỉnh 912C

12	Đường nhựa	Đường tỉnh 912C
13	Đường nhựa (Nô Lựạ B)	Đường tỉnh 912C
14	Đường nhựa (Nô Lựạ A)	Đường tỉnh 912C
15	Đường nhựa	Đường tỉnh 914B
16	Đường nhựa liên ấp (ấp Chông Bát)	Đường tỉnh 914B
17	Đường nhựa liên ấp Nô Lựạ B	Nhà ông Thạch Hoàn
18	Đường nhựa Là Ca A	Đường tỉnh 914B
19	Đường nhựa (Nô Lựạ B)	Nhà ông Thạch An
20	Đường đal (Nô Lựạ B)	Nhà ông Ngọ Sen
21	Đường đal (Nô Lựạ B)	Nhà ông Mười Đực
22	Đường nhựa (Nô Lựạ A)	Đường tỉnh 914B
23	Đường nhựa (Nô Lựạ A)	Đường tỉnh 912C
24	Đường nhựa (Bông Ven)	Đường tỉnh 914B
25	Đường nhựa (Bông Ven)	Đường tỉnh 914B
26	Đường nhựa (Bông Ven)	Đường huyện 17
27	Đường đal (Giồng Thành)	Nhà bà Từ Thị Nga
28	Đường nhựa (Ba So)	Đường tỉnh 912C
29	Đường nhựa (Là Ca B)	Đường tỉnh 914B
30	Đường nhựa Ba So	Đường tỉnh 912C

31	Dãy phố Chợ (Hiệp Hòa)	Thửa 59, tờ bản đồ số 10 (Nhà ông Năm Nhựt)
32	Khu vực Chợ Bình Tân (Hiệp Hòa)	
33	Đường nhựa (đi ấp Phiêu)	Đường tỉnh 914B
34	Đường nhựa Ba So	Đường tỉnh 914B
35	Đường nhựa Tri Liêm	Đường tỉnh 914B
36	Đường nhựa Sóc Chuối	Đường tỉnh 914B
37	Đường nhựa Tri Liêm	Thửa số 757,tờ bản đồ số 8
38	Đường nhựa Sóc Xoài	Đường tỉnh 914B
39	Đường nhựa Ba So nối dài	Nhà bà Thạch Thị Pha Ly
40	Đường nhựa Ba So nối dài	Chùa Ba So
41	Đường đal Phiêu	Đường đal nhà Diệu Trang
42	Khu vực Chợ Trường Thọ	
43	Đường nhựa Căn Nom	Đường tỉnh 912C
44	Đường nhựa Căn Nom	Trường học Căn Nom
45	Đường nhựa Giồng Chanh	Cổng Chùa Sóc Cụt
46	Đường nhựa Cóc Xoài	Cổng Chùa Cóc Xoài
47	Đường nhựa Giồng Dày	Giáp nhà ông Thạch Yên
48	Đường nhựa Căn Nom	Ngã ba đường nhựa Căn Nom (Đường tỉnh 912C đến Trường học Căn Nom)
49	Đường nhựa Sóc Cụt	Đường tỉnh 912C

50	Đường nhựa Cós Xoài	Đường tỉnh 914B
51	Đường nhựa Căn Nom	Thửa 1343, tờ bản đồ số 3
52	Đường nhựa Căn Nom	Cầu Út Nén Căn Nom
53	Đường nhựa Sóc Cụt	Chợ Trường Thọ
54	Đường nhựa Sóc Cụt	Đường tỉnh 912C
55	Đường nhựa Sóc Cụt	Nhà Kiến Văn Tính
56	Đường nhựa Giồng Chanh	Từ thửa 777, tờ bản đồ số 9 (Thạch Thị Hơ)
57	Đường nhựa Giồng Chanh	Đường tỉnh 912C
58	Đường nhựa Cós Xoài	Từ thửa 807, tờ bản đồ số 4
59	Đường nhựa Nộ Pộc 1	Từ nhà ông Từ Ái Minh
60	Đường nhựa Nộ Pộc 2	Từ nhà bà Thạch Thị Sa Hoan
61	Đường nhựa Cós Xoài trong	Chùa Cós Xoài
62	Đường kết nối cầu Chông Vắn - Quốc lộ 54	Kênh I
63	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Nhị Trường	
	11. Xã Ngũ Lạc	
1	Đường tỉnh 914 (đi Ngũ Lạc)	Hết ranh xã Long Hữu
2	Đường tỉnh 914 (đi Ngũ Lạc)	Ranh ấp Đường Liễu, Mé Láng
3	Đường tỉnh 914 (đi Ngũ Lạc)	Đường vào Sân vận động; đối diện hết thửa 41, tờ 18, xã Ngũ Lạc
4	Đường huyện 21 (xã Ngũ Lạc)	Đường tỉnh 914

5	Đường huyện 21 (xã Ngũ Lạc)	Cầu Bào Ha
6	Đường huyện 21 (xã Ngũ Lạc)	Hết ranh Trường Tiểu học Ngũ Lạc B; đổi diện đường Ông Cúc Thốt Lốt
7	Đường tỉnh 911B (áp dụng chung cho xã Hiệp Mỹ)	Chùa Tân Lập
8	Đường tỉnh 914C	Đường nhựa Lạc Thanh B
9	Đường huyện 21	Thửa 396, tờ bản đồ số 8
10	Đường tỉnh 914C (áp dụng chung cho xã Hiệp Mỹ)	Quốc lộ 53 (đầu đường Mỹ Quý)
11	Khu vực Chợ Thanh Hòa Sơn	
12	Đường nhựa Sóc Chuối	Đường huyện 21
13	Đường tỉnh 914C	Đầu lộ Lạc Sơn
14	Đường nhựa đi Trường Bần	Đường tỉnh 911B
15	Đường Nhựa đi Hiệp Mỹ Tây	Đường tỉnh 911B
16	Đường lộ Lạc Sơn - Sóc Chuối	Đường tỉnh 914C
17	Đường nhựa Lạc Thanh B	Đường tỉnh 914C
18	Đường nhựa Lạc Thanh A	Đường tỉnh 914C
19	Đường nhựa Trường Bần nối dài	Đường nhựa đi Trường Bần
20	Đường đal Cầu Vĩ	Đường tỉnh 914C
21	Đường nhựa Lạc Sơn	Đường tỉnh 914C
22	Đường nhựa Lạc Thanh A	Đường tỉnh 914C
23	Đường đal Lạc Thanh A	Đường tỉnh 911B
24	Đường nhựa Lạc Thanh A	Đường tỉnh 914C

25	Đường nhựa Lạc Thanh B	Đường tỉnh 911B
26	Đường nhựa Lạc Sơn	Đường tỉnh 914C
27	Đường đal Lạc Sơn	Đường tỉnh 914C
28	Đường đal Lạc Sơn	Đường tỉnh 914C
29	Đường đal Cầu Vĩ	Đường tỉnh 914C
30	Đường đal Cầu Vĩ	Đường tỉnh 914C
31	Đường đal Cầu Vĩ	Đường tỉnh 914C
32	Đường đal Cầu Vĩ	Đường tỉnh 914C
33	Đường đal Lạc Hòa	Đường tỉnh 914C
34	Đường đal Lạc Hòa	Đường tỉnh 914C
35	Đường đal Lạc Hòa	Đường tỉnh 914C
36	Đường đal Lạc Hòa	Đường tỉnh 914C
37	Đường đal Lạc Thanh A	Đường tỉnh 911B
38	Đường nhựa liên ấp	Cổng Tân Lập
39	Đường nhựa ấp Lạc Thanh A	Cổng Tân Lập
40	Hai dãy phố chợ Ngũ Lạc	Đường huyện 21
41	Đường vào chợ huyện Duyên Hải	Đường tỉnh 914
42	Đường Sóc Ruộng -Bồn Thanh	Đường huyện 21
43	Đường Sóc Ruộng -Bồn Thanh	Hết ranh thửa đất 128, tờ 6 (ông Lê Minh Hồng)
44	Đường Cây Da -Cây Xoài	Đường tỉnh 914 (gần chợ Ngũ Lạc)

45	Đường Cây Da -Cây Xoài	Thửa 342, tờ bản đồ số 29
46	Đường ấp Rọ Say - Trà Khúp	Đường huyện 21
47	Đường ấp Rọ Say - Trà Khúp	Hết ranh thửa đất 1284, tờ 5 (Thạch Con)
48	Đường ấp Sóc Ót - ấp Đường Liều	Đường ấp Rọ Say - Trà Khúp
49	Đường ấp Thốt Lốt	Đường huyện 21 (Chùa Lớn)
50	Đường Ông Cúc Thốt Lốt	Đường huyện 21
51	Đường nhựa ấp Rọ Say	Đường huyện 21
52	Đường nhựa ấp Sóc Ruộng	Đường huyện 21
53	Tuyến đường số 2	Đường tỉnh 914 (đối diện Trường mẫu giáo Mé Láng
54	Các đường nhựa, đường đanl còn lại thuộc xã Ngũ Lạc	
55	Đường tránh Đường tỉnh 914	
56	Tuyến số 5 (áp dụng chung cho xã Đôn Châu)	Đường tỉnh 914
57	Tuyến số 5	Sông cây Xoài
58	Các tuyến đường nội bộ trong khu hành chính huyện Duyên Hải	
59	Đường nhựa Cầu Vĩ - Lạc Hòa	Đường tỉnh 914C
	12. Xã Đôn Châu	
1	Đường tỉnh 914 (Đôn Xuân)	Hết ranh xã Đại An (Trà Cú)
2	Đường tỉnh 914 (xã Đôn Xuân)	Hết ranh Thánh thất Cao Đài; đối diện đường nhựa vào ấp Lộ Sỏi A
3	Đường tỉnh 914 (xã Đôn Xuân)	Cửa hàng xăng dầu Đôn Xuân; đối diện hết ranh thửa 85, tờ bản đồ số 8
4	Đường tỉnh 914 (xã Đôn Xuân)	Hết ranh Chùa Phật ấp Cây Da; đối diện hết ranh thửa 1772, tờ bản đồ số 6
5	Đường tỉnh 914 (xã Đôn Xuân)	Đường tỉnh 911; đối diện hết ranh cây xăng Bình An

6	Đường tỉnh 914 (xã Đôn Châu)	Giáp ranh xã Đôn Xuân
7	Đường tỉnh 914 (xã Đôn Châu)	Ranh ấp La Bang Chợ, Bà Nhi
8	Đường tỉnh 914 (xã Đôn Châu)	Ranh ấp La Bang Chợ, La Bang Chùa
9	Đường tỉnh 911 (xã Đôn Xuân - Đôn Châu)	Hết ranh xã Ngọc Biên (Trà Cú)
10	Đường tỉnh 911 (xã Đôn Xuân - Đôn Châu)	Đường nhựa vào ấp Tà Rom
11	Hai dãy phố mặt tiền Chợ mới (Đôn Xuân)	
12	Hai dãy phố trước UBND xã Đôn Xuân cũ đến bến đò đi Bào Sầu (Đôn Xuân)	Đường tỉnh 914
13	Dãy nhà mặt tiền Chợ cũ (Đôn Châu)	
14	Đường nhựa Bà Giam A, B	Đường tỉnh 911 (Ngã tư Ba Sát)
15	Các Đường nhựa còn lại thuộc xã Đôn Xuân	
16	Các đường đal còn lại thuộc xã Đôn Xuân	
17	Đường nhựa vào ấp Lộ Sỏi A	Đường tỉnh 914
18	Đường nhựa Xóm Tộ	Đường tỉnh 914
19	Đường nhựa Xóm Tộ - Bà Giam B	Giáp xã Đại An
20	Hai dãy mặt tiền chợ Đôn Châu	
21	Đường cặp hai bên kênh 3/2	Cầu Tà Rom về hướng Nam
22	Đường đal phía Đông Chợ Đôn Châu	Đường tỉnh 914
23	Đường nhựa ấp Tà Rom A, B	Đường tỉnh 911
24	Đường nhựa ấp Ba Sát, Bào Môn	Đường tỉnh 911 (Ngã tư Ba Sát)
25	Đường nhựa ấp Ba Sát, Bào Môn	Ranh Chùa Ba sát (thửa 555) đối diện hết ranh thửa 941, tờ 3
26	Đường nhựa ấp Ba Sát, Bào Môn	Cổng ấp Bào Môn
27	Đường nhựa ấp Ba Sát, Bào Môn (Đoạn chợ Bào Môn)	Đài Nước (thửa 846); đối diện hết thửa 1020, tờ 2

28	Đường nhựa ấp Ba Sát, Bào Môn	Đường đal đi Ngọc Biên; đối diện đến đường đất vào Chùa Bào Môn
29	Đường nhựa	Đường tỉnh 914
30	Đường nhựa	Đường tỉnh 911
31	Đường nhựa	Đường nhựa vào ấp Lộ Sỏi A
32	Các đường nhựa, đường đalan còn lại thuộc xã Đôn Châu	
	13. Xã Long Hữu	
1	Quốc lộ 53	Giáp ranh huyện Cầu Ngang
2	Đường tỉnh 914 (đi Hiệp Thạnh)	Đường Xẻo Xu; đối diện hết ranh Cây Xăng Bến Giá
3	Đường tỉnh 914 (đi Hiệp Thạnh)	Cầu Sông Giăng
4	Đường tỉnh 914 (đi Hiệp Thạnh)	Kênh thủy lợi ấp Cây Da (giáp Bưu điện xã)
5	Đường tỉnh 914 (đi Ngũ Lạc) (áp dụng chung cho cả Phường Trường Long Hòa)	Quốc lộ 53 mới
6	Đường tỉnh 915B	Giáp xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang (Sông Thâu Râu)
7	Đường ấp 16- Bàu Cát	Đường tỉnh 914
8	Đường nhựa ấp 12-14	Hết ranh phường 2, giáp ấp 12 xã Long Hữu
9	Đường nhựa ấp 17	Hết ranh phường 2, giáp ấp 17 xã Long Hữu
10	Đường nhựa liên ấp 10-11	Giáp ranh phường 2
11	Đường đal Bến Giá Nhỏ	Cầu Bến Giá Nhỏ

12	Đường nhựa Bàu Cát	Đầu đường nhà Út Tâm
13	Đường Xẻo Xu	Đường tỉnh 914
14	Đường Xẻo Xu	Cổng Mười Lược
15	Đường Bãi rác	Quốc lộ 53
16	Đường nhựa ấp 15 - 16	Đường ấp 16- Bàu Cát
17	Đường nhựa ấp 15 - 16	Đường ấp 16- Bàu Cát
18	Đường nhựa	Đường tỉnh 914
19	Đường nhựa Hang Sấu	Đường tỉnh 914
20	Đường Giồng Nổi ấp 14 - 16	Đường ấp 16- Bàu Cát
21	Đường nhựa Đầu Giồng	Đường nhựa ấp 12-14
22	Đường ấp 13	Đường tỉnh 914
23	Đường khu vực Chợ	Sông Giăng
24	Đường trước đầu chợ khu vực I	
25	Đường trước đầu chợ khu vực II	
26	Đường ấp Chợ	Đường tỉnh 914

27	Đường ấp Bào - Xóm Cũ	Đường tỉnh 914
28	Đường ra Bãi Nghêu	Ấp Chợ
29	Đường nhựa ấp Bào	Đường tỉnh 914
30	Tuyến đê Quốc phòng	Ngã ba xuống Trạm biên phòng (ấp Chợ)
31	Tuyến đê Quốc phòng	Cổng nhà 8 Nam (ấp Bào)
32	Đường nhựa ấp Cây Đa	Đường tỉnh 914
33	Đường nhựa Bờ Kênh vận chuyển nông nghiệp Ấp 15, 16, 17	Đường liên ấp 13 - 17
34	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Long Hữu	
	14. Xã Đông Hải	
1	Quốc lộ 53B	Kênh đào Trà Vinh
2	Quốc lộ 53B	Cầu kênh II (ấp Cồn Cù)
3	Quốc lộ 53B	Giáp ranh xã Đông Hải và Dân Thành (xã cũ)
4	Quốc lộ 53B	Đường đal ấp Động Cao (nhà ông Luyến)
5	Quốc lộ 53B (đoạn xã Đông Hải)	Giáp ranh xã Long Khánh và xã Đông Hải (cầu Ba Vinh)
6	Đường nhựa Phước Thiện	Đường nhựa (Quốc lộ 53B đến cầu Đông Hải)
7	Đường đal ấp Động Cao	Quốc lộ 53B (nhà ông Luyến)
8	Đường đal ấp Động Cao	Bến đò Tổ Hợp
9	Đường nhựa ấp Động Cao	Trụ sở ấp Động Cao
10	Đường nhựa ấp Động Cao	Đường nhựa (Quốc lộ 53B đến cầu Đông Hải)

11	Đường khu Chợ cũ	Đường nhựa (Quốc lộ 53B đến cầu Đông Hải)
12	Hai dãy Chợ mới	Khu vực Chợ mới Đông Hải
13	Đường nhựa	Đường đal Trường tiểu học ấp Hồ Thùng
14	Đường ấp Phước Thiện	Cuối đường nhựa ấp Phước Thiện
15	Đường nhựa	Quốc lộ 53B
16	Đường dân sinh Cồn Cù	Quốc lộ 53B
17	Đê Hải Thành Hòa	Cầu Đông Hải
18	Đê Hải Thành Hòa	Hết ranh nhà thờ Cái Đôi
19	Đường đê Phước Thiện - Hồ Tàu	Đường đal bến phà Phước Thiện
20	Đường nhựa Đông Thành	Đường dân sinh Cồn Cù
21	Đường nhựa Hồ Thùng	Đê Hải Thành Hòa
22	Các đường nhựa còn lại thuộc xã Đông Hải	
23	Các đường đal còn lại thuộc xã Đông Hải	
	15. Xã Long Thành	
1	Khu vực chợ Thị trấn	Hai dãy phố chợ
2	Khu vực chợ cũ	Quốc lộ 53
3	Đường liên khóm 5, 6	Nhà Thờ
4	Đường Giồng Bào	Nhà ông ba Liềng thửa 48, tờ bản đồ 14)
5	Đường Giồng Bào	Giáp ranh khóm 5
6	Đường liên khóm 3,5	Quốc lộ 53 (Núi đức mẹ)

7	Đường liên khóm 3,5	Nhà Thờ
8	Đường vào chợ	Quốc lộ 53
9	Đường khóm 3	Quốc lộ 53 (nhà Bảy Ân)
10	Đường nội bộ khu tái định cư	
11	Đường Lò Rèn	Quốc lộ 53
12	Đường Cựu Chiến Bình	Quốc lộ 53
13	Quốc lộ 53	Kênh đào Trà Vinh
14	Quốc lộ 53	Hết ranh khóm 1; đối diện hết thửa 59, tờ bản đồ 8
15	Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Long Khánh và Thị trấn Long Thành
16	Quốc lộ 53B (đoạn TT Long Thành)	Quốc lộ 53
17	Quốc lộ 53B (đoạn xã Long Khánh)	Giáp ranh thị trấn Long Thành và xã Long Khánh
18	Đường dân sinh (áp dụng cho TT. Long Thành, xã Long Khánh và xã Đông Hải)	Quốc lộ 53
19	Đường ấp Tân Thành	Quốc lộ 53 (hướng Đông - nhà ông Huỳnh Văn Giá)
20	Đường số 3 Cái Đôi	Quốc lộ 53 (thửa 552, tờ bản đồ 6)
21	Đường vào UB xã Long Khánh	Quốc lộ 53
22	Đường số 4 Cái Đôi	Quốc lộ 53
23	Đường số 2 Tân Thành	Quốc lộ 53 (thửa 1846, tờ bản đồ 6)
24	Đường số 3 Tân Thành	Quốc lộ 53 (thửa 726, tờ bản đồ 6)
25	Đường số 1 Tân Thành	Quốc lộ 53 (thửa 693, tờ bản đồ 6)

26	Đường nhựa Vĩnh Khánh	Quốc lộ 53
27	Đường nhựa liên xã	TT. Long Thành (thửa 132, tờ bản đồ 7); đối diện thửa 140, tờ bản đồ 7
28	Đường Bến Kinh trên	Giáp ranh thị trấn Long Thành
29	Đường Bến Kinh dưới	Giáp ranh thị trấn Long Thành
30	Các đường nhựa còn lại thuộc xã Long Thành	
31	Các đường đal còn lại thuộc xã Long Thành	
	16. Xã Long Vĩnh	
1	Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Long Vĩnh và Long Khánh
2	Quốc lộ 53	Cổng Xóm Chùa
3	Quốc lộ 53	Ngã ba La Ghi
4	Đường mương Ông Tri	Quốc lộ 53
5	Đường đal Chùa Cái Cối	Quốc lộ 53 (Cổng chùa Cái Cối)
6	Đường Trạm Y tế	Quốc lộ 53 (UBND xã Long Vĩnh)
7	Đường dự án 1A	Quốc lộ 53
8	Đường đal Đê Quốc Phòng	Bến đò Giồng Bàn
9	Đường nhựa Đê Quốc Phòng	Bến phà ấp Vàm Rạch Cỏ
10	Đường đal ấp Cái Cỏ	Quốc lộ 53 (Cổng chùa Âm Kôl)
11	Đường đal ấp Cái Cỏ (hướng Nam)	Ngã tư Cái Cỏ (Cổng trường Tiểu học Long Vĩnh B)
12	Đường kinh trực ấp Giồng Bàn	Sân vận động Cái Cối
13	Đường đal ấp Vũng Tàu	Trường học ấp Vũng Tàu

14	Đường đal La Ghi- Vàm Rạch Cỏ	Đê biển (trụ sở ấp La Ghi)
15	Đường đal Vàm Rạch Cỏ	Đê biển (đối diện nghĩa địa công cộng)
16	Các đường nhựa còn lại thuộc xã Long Vĩnh	
17	Các đường đal còn lại thuộc xã Long Vĩnh	
	17. Xã Đại An	
1	Đường Trần Văn Long	Cầu Cá Lóc
2	Lô 1 (phía Đông kênh Xáng)	Ngã ba (hết ranh thửa 430, tờ bản đồ 15)
3	Đường Nguyễn Kim Quang	Đường Trần Văn Long
4	Đường Nguyễn Trung Chánh	Thửa 16, tờ bản đồ số 17
5	Đường Trần Thành Đại	Đường Lý Thành Ký
6	Đường Đỗ Hải Huột	Đường Lý Thành Ký
7	Hai dãy phố chợ cũ (TT.Định An cũ)	
8	Dãy phố sau nhà văn hóa (TT.Định An cũ)	
9	Đường Trần Văn Long	Quốc lộ 53 (ngã 5 Mé Láng)
10	Đường Trần Văn Long	Hết ranh Cây xăng (khóm 5); đối diện hết thửa 74, tờ 13
11	Đường Trần Văn Long	Hết ranh Nhà Bia; đối diện hết ranh thửa 678, tờ bản đồ số 13
12	Lý Thành Ký	Cầu Cá Lóc
13	Lý Thành Ký	Hết ranh Trường học; đối diện hết ranh thửa 184, tờ bản đồ số 14
14	Đường Lê Hữu Xuân	Đường Trần Văn Long
15	Các đường đal còn lại trong khu tái định cư	

16	Đường Lâm Sắc	Quốc lộ 53 (Ngã 5 Mé Láng)
17	Đường Nguyễn Kim Quang	Đường Trần Văn Long
18	Hai dãy phố chợ mới thị trấn Định An	
19	Quốc lộ 53 (xã Đại An)	Giáp ranh xã Hàm Giang
20	Quốc lộ 53 (xã Đại An)	Đầu ranh Chùa Giồng Lớn; đối diện đến đường đal
21	Quốc lộ 53 (xã Đại An)	Cầu Đại An
22	Quốc lộ 53 (xã Đại An)	Ngã tư Đường tỉnh 914, 915
23	Quốc lộ 53 (thị trấn Định An)	Giáp ranh xã Đại An
24	Đường tỉnh 914 (xã Đại An)	Quốc lộ 53 (ngã tư đi Đôn Xuân)
25	Đường tỉnh 914 (xã Đại An)	Hết ranh Trường Tiểu Học B Đại An; đối diện hết thửa số 5, tờ bản đồ số 15
26	Đường tỉnh 915 (xã Đại An)	Quốc lộ 53 (ngã ba đi Đôn Xuân)
27	Đường tỉnh 915 (xã Định An - An Quảng Hữu) (Áp dụng chung cho xã Lưu Nghiệp Anh và xã Hàm Giang)	Hết ranh xã Đại An
28	Hai dãy phố mặt tiền Chợ	
29	Đường nhựa đi về Mé Rạch B	Quốc lộ 53
30	Đường nhựa đi về Mé Rạch B	Hết ranh chùa Ông Bảo
31	Đường nhựa vào ấp Giồng Đình	Quốc lộ 53
32	Đường nhựa vào ấp Xà Lôn	Quốc lộ 53
33	Đường nhựa ấp Giồng Lớn A	Quốc lộ 53
34	Đường nhựa ấp Giồng Lớn A	Ngã ba đường đanal đi Mé Rạch B
35	Đường nhựa ấp Cây Đa	Quốc lộ 53

36	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Đại An	
37	Đường vào khu tái định cư và các tuyến đường trong khu tái định cư công trình Luồng tàu (ấp Giồng Đình, xã Đại An)	
38	Đường nhựa ấp Me rạch E	Giáp chợ Đại An
39	Đường vào trung tâm xã Định An	Giáp xã Đại An
40	Đường vào trung tâm xã Định An	Trường Mẫu Giáo
41	Đường vào trung tâm xã Định An	Ngã tư Giồng Giữa
42	Đường nhựa	Quốc lộ 53 (cầu Đại An)
43	Đường nhựa khóm 7	Ngã 5 Mé Láng
44	Đường nhựa	đường Trần Văn Long
45	Đường nhựa	đường Nguyễn Kim Quang
46	Quốc lộ 53	Giáp ranh xã Định An (cũ)
47	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc thị trấn Định An cũ	
48	Các đường nhựa, đường đal còn lại trên địa bàn xã (trừ khu vực TT.Định An cũ)	
	18. Xã Hàm Giang	
1	Quốc lộ 53 (xã Hàm Giang)	Đường tỉnh 914C (ngã ba đi Trà Tro); đổi diện hết ranh đất Tiệm tử Hoàng Nguyên
2	Quốc lộ 53 (xã Hàm Giang - Hàm Tân)	Hết ranh Cây xăng Minh Hoàng; đổi diện hết thửa 2107, tờ bản đồ số 7 (xã Hàm Tân)
3	Đường tránh Quốc lộ 53	Quốc lộ 53 (cây xăng Tấn Thành)
4	Đường tỉnh 914C (xã Hàm Tân)	Đường tỉnh 915

5	Đường tỉnh 914C	Hết ranh ấp Vàm Ray
6	Đường huyện 12 (xã Hàm Giang)	Quốc lộ 53 (Ngã ba đi Trà Tro)
7	Đường huyện 36 (xã Kim Sơn)	Giáp ranh thị trấn Trà Cú
8	Đường huyện 36 (xã Kim Sơn)	Hết ranh Chùa Trà Cú A; đối diện hết ranh thửa 58, tờ bản đồ số 7
9	Đường huyện 36 (xã Kim Sơn)	Hết ranh Chùa Bảy Sào Dơi; đối diện hết ranh thửa 635, tờ bản đồ số 8
10	Đường huyện 36 (xã Kim Sơn)	Hết ranh ấp Bảy Sào Giữa
11	Hai dãy mặt tiền chợ mới (Hàm Giang cũ)	
12	Dãy phố chợ cũ (Hàm Giang cũ)	
13	Đường nhựa ấp Chợ (Hàm Giang cũ)	Quốc lộ 53 (ngã tư đi Cà Tót)
14	Đường nhựa đi UBND xã Hàm Giang	Quốc lộ 53
15	Đường nhựa đi UBND xã Hàm Giang	Cầu Cà Tót
16	Đường nhựa ấp Nhuệ Tứ A	Đầu đường Nhuệ Tứ A
17	Các tuyến đường nhựa liên ấp	
18	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Hàm Giang	
	19. Xã Long Hiệp	
1	Đường huyện 12 (xã Ngọc Biên)	Hết ranh Chùa Ba Cùm; đối diện hết ranh thửa 654, tờ bản đồ số 7
2	Đường huyện 12 (xã Ngọc Biên)	Hết ranh ấp Sà Vần A
3	Đường huyện 12 (xã Ngọc Biên)	Đường vào Trường Tiểu học A ấp Rạch Bót
4	Đường huyện 12 (xã Ngọc Biên)	Hết ranh Chùa Tha La; đối diện hết ranh thửa 573, tờ bản đồ số 2
5	Đường tỉnh 914B	Giáp xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang

6	Đường tỉnh 914B	Đường tỉnh 911 (ngã tư Long Trường)
7	Đường tỉnh 911 (xã Tân Hiệp - Long Hiệp)	Giáp ranh xã Phước Hưng
8	Đường tỉnh 911 (xã Long Hiệp)	Cầu Long Hiệp
9	Đường tỉnh 911 (xã Long Hiệp)	Cây xăng Triệu Thành
10	Đường huyện 36 (xã Long Hiệp)	Đường tỉnh 911 (ngã ba đi Ba Tục)
11	Đường huyện 36 (xã Long Hiệp)	Hết ranh Trường THCS Long Hiệp; đối diện đến đường nhựa
12	Hai dãy phố mặt tiền chợ (Long Hiệp)	
13	Đường nhựa đi ấp Nô Rê B	Cầu Chùa
14	Đường tránh Đường huyện 25 (Cầu Ba So)	
15	Chợ Ngọc Biên	
16	Đường nhựa (Tha La-Giồng Chanh)	Đường tỉnh 914C
17	Đường nhựa ấp Giồng Cao, Rạch Bót, Tha La, Tắc Hố	
18	Chợ Tân Hiệp	
19	Đường nhựa ấp Ba Trạch A, B và Con Lọp	Cầu Tân Hiệp
20	Các đường nhựa, đal còn lại thuộc xã Long Hiệp	
	20. Xã Lưu Nghiệp Anh	
1	Đường huyện 27 (xã An Quảng Hữu)	Cầu Leng
2	Đường huyện 27 (xã An Quảng Hữu)	Hết ranh Trường Tiểu học A điểm ấp Chợ; đối diện hết ranh thửa 808, tờ bản đồ số 4
3	Đường huyện 27 (xã An Quảng Hữu)	Đường huyện 28; đối diện đến hết ranh Nhà máy xay Lúa

4	Đường tỉnh 914B (xã Lưu Nghiệp Anh)	Giáp ranh xã Ngãi Xuyên
5	Đường tỉnh 914B (xã Lưu Nghiệp Anh)	Cầu Mù U
6	Đường tỉnh 914B (xã Lưu Nghiệp Anh)	Ranh ấp Chợ
7	Đường tỉnh 914B (xã Lưu Nghiệp Anh)	Ranh ấp Xoài Lơ
8	Đường huyện 28 (xã Lưu Nghiệp Anh)	Ngã ba Xoài Lơ
9	Đường huyện 28 (xã Lưu Nghiệp Anh)	Cổng Trường Tiểu học B, Lưu Nghiệp Anh; đối diện hết ranh thửa 1343, tờ bản đồ số 5
10	Đường huyện 28 (xã An Quảng Hữu)	Giáp ranh xã Lưu Nghiệp Anh
11	Hai dãy phố mặt tiền Chợ (An Quảng Hữu)	Đường huyện 27
12	Đường đal hướng Đông Chợ (An Quảng Hữu)	Nhà lồng Chợ
13	Đường nhựa liên ấp Sóc Tro Trên, ấp Sóc Tro Giữa, ấp Sóc Tro Dưới	Đường huyện 27
14	Đường nhựa liên ấp Chợ - ấp Sóc Tro Giữa	Đường huyện 27
15	Đường nhựa ấp Sóc Tro Dưới	Đường huyện 28
16	Hai dãy phố mặt tiền chợ Lưu Nghiệp Anh	
17	Đường nhựa đi ấp Mộc Anh	Đường tỉnh 914B (Trạm Y tế xã cũ)
18	Đường nhựa đi ấp Mộc Anh	Ranh ấp Chợ
19	Đường nhựa ấp Mộc Anh	Đường tỉnh 914B
20	Đường tỉnh 914B (xã Lưu Nghiệp Anh)	Đường huyện 28 (ngã ba Xoài Lơ)
21	Đường nhựa xuống Chùa Phật	Đường tỉnh 914B (Cây Xăng)
22	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Lưu Nghiệp Anh	
	21. Xã Tập Sơn	

1	Quốc lộ 53 (xã Tập Sơn)	Quốc lộ 54 (ngã ba Tập Sơn)
2	Quốc lộ 53 (xã Tập Sơn)	Bến công Tập Sơn
3	Quốc lộ 54 (xã Phước Hưng)	Ranh huyện Châu Thành
4	Quốc lộ 54 (xã Phước Hưng)	Đường huyện 17; đối diện hết ranh Cây xăng Dầu Giồng
5	Quốc lộ 54 (xã Phước Hưng)	Đường tỉnh 911; đối diện đến ranh Cây xăng Thuận Phát
6	Quốc lộ 54 (xã Phước Hưng)	Đầu ranh Sân vận động; đối diện hết thửa 453, tờ bản đồ số 21
7	Quốc lộ 54 (xã Phước Hưng)	Cầu Phước Hưng
8	Quốc lộ 54 (xã Phước Hưng)	Hết ranh UBND xã Phước Hưng; đối diện hết thửa 2257, tờ bản đồ số 9
9	Quốc lộ 54 (xã Phước Hưng)	Hết ranh ấp Chòm Chuối
10	Quốc lộ 54 (xã Tập Sơn)	Hết ranh xã Phước Hưng
11	Quốc lộ 54 (xã Tập Sơn)	Đường vào Sân vận động (Tháp Sơn Nghiêm)
12	Quốc lộ 54 (xã Tập Sơn)	Hết ranh Ngân hàng Nông nghiệp; đối diện đến hết ranh Trường Mẫu giáo Tập Sơn
13	Quốc lộ 54 (xã Tập Sơn)	Cổng Trường cấp III Tập Sơn; đường nhựa vào ấp Bến Trị
14	Quốc lộ 54 (xã Tân Sơn)	Hết ranh xã Tập Sơn
15	Đường tỉnh 912C (xã Phước Hưng)	Quốc lộ 54 (ngã ba Dầu Giồng)
16	Đường tỉnh 911 (xã Phước Hưng)	Quốc lộ 54 (ngã ba đi Tân Hiệp)
17	Đường huyện 27 (xã Tân Sơn)	Quốc lộ 54 (ngã ba Leng)
18	Các dãy phố chợ mới (Phước Hưng)	
19	Các dãy phố chợ cũ (Phước Hưng)	

20	Chợ Đầu Giồng (Phước Hưng)	
21	Đường tỉnh 911	Giáp ranh xã Ngãi Hùng
22	Đường nhựa cặp kênh 3 tháng 2 (phía Đông)	Kênh số 2
23	Đường đal cặp kênh 3 tháng 2 (phía Đông)	Quốc lộ 54 (Cầu Phước Hưng)
24	Đường đal cặp kênh 3 tháng 2 (phía Đông)	Kênh số 1 (đồng trước)
25	Đường đal cặp kênh 3 tháng 2 (phía Tây)	Quốc lộ 54 (Cầu Phước Hưng)
26	Đường đal cặp kênh 3 tháng 2 (phía Tây)	Kênh số 1 (đồng trước)
27	Đường nhựa ấp Ông Rung	Kênh 3 tháng 2
28	Đường đal cặp kênh 3 tháng 2 (phía tây)	Đường nhựa ấp Ô Rung
29	Đường đal cặp kênh 3 tháng 2 (phía tây)	Kênh số 1
30	Dãy phố mặt tiền Chợ (Tập Sơn)	
31	Đường đal phía Tây kênh Chợ	Cầu Bến Trị (ngã tư Kênh Xáng)
32	Đường đal phía Tây kênh Chợ	Đường đất vào ấp Bến Trị
33	Đường đal phía Tây kênh Chợ	Quốc lộ 54 (Cầu Tập Sơn)
34	Đường đal phía Đông kênh Chợ	Đường vào ấp Bà Tây A
35	Đường đal phía Đông kênh Chợ	Quốc lộ 54 (Cầu Tập Sơn)
36	Đường nhựa ấp Đông Sơn	Cầu Kênh Đường Xuồng
37	Đường nhựa vào ấp Bến Trị	Quốc lộ 54
38	Đường nhựa ấp Trà Mền	Giáp ranh ấp Ô Rung - xã Phước Hưng

39	Đường nhựa ấp Cây Đa	Giáp ranh xã Tân Sơn
40	Hai bên Chợ Leng	
41	Đường nhựa ấp Đôn Chum	Quốc lộ 54
42	Đường vào chợ (Kênh T9)	Kênh T9
43	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Tập Sơn	
	22. Xã Trà Cú	
1	Đường 3 tháng 2	Giáp ranh xã Ngãi Xuyên
2	Đường 3 tháng 2	Cổng Trà Cú
3	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Huệ
4	Đường 3 tháng 2 (áp dụng chung cho xã Kim Sơn)	Đường huyện 36 (ngã ba đi Bảy Sào)
5	Đường Nguyễn Huệ	
6	Đường 2 tháng 9	
7	Đường 30 tháng 4	
8	Dãy phố phía Nam cặp nhà hát	
9	Đường Trần Hưng Đạo	
10	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	
11	Đường Đồng Khởi	Đường 3/2
12	Đường 19 tháng 5	
13	Đường Thống Nhất	
14	Đường Độc Lập	

15	Đường Mậu Thân	
16	Đường Hai Bà Trưng	Đường Thống Nhất
17	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường 19/5
18	Đường Đỗ Văn Nại	Đường 3/2
19	Đường Lâm Văn Dững	Đường 3/2
20	Đường Lâm Văn Dững	Hết ranh Chùa Tịnh Độ
21	Đường huyện 36 (áp dụng chung cho xã Hàm Giang)	Đường 3/2
22	Đường tỉnh 914B	Đường 3/2
23	Đường Đồng Khởi	Đường 3/2
24	Đường vào Trung tâm y tế dự phòng	Đường 3/2
25	Đường đal khóm 1	Đường Nguyễn Huệ
26	Đường nhựa nhánh rẽ Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Huệ
27	Đường Hai Bà Trưng nối dài	Đường Trần Hưng Đạo
28	Đường nhựa khóm 4	Đường 3/2
29	Đường nhựa phía Tây rạch Thanh Sơn	Đường nội thị (bến xe)
30	Đường nhựa khóm 1	Đường 3/2 (ngã ba đi Bảy Sào)
31	Đường Nguyễn Huệ nối dài	Đường 3/2
32	Đường nhựa khóm 7	Đường 3 tháng 2
33	Quốc lộ 53 (xã Ngãi Xuyên)	Cầu Ngọc Biên
34	Quốc lộ 53 (xã Ngãi Xuyên)	Cầu Bung Sen
35	Quốc lộ 53 (xã Thanh Sơn)	Ranh thị trấn Trà Cú

36	Quốc lộ 53 (áp dụng chung cho xã Hàm Giang)	Đầu ranh Chùa Kosla; đối diện hết ranh thửa 1768, tờ bản đồ số 5
37	Đường tránh Quốc lộ 53	Quốc lộ 53 (Ngã ba Cầu Bưng Sen)
38	Đường tỉnh 914B (xã Ngãi Xuyên)	Giáp ranh thị trấn Trà Cú
39	Đường huyện 36 (xã Thanh Sơn)	Giáp ranh xã Long Hiệp
40	Đường huyện 36 (xã Thanh Sơn)	Hết ranh Chùa Tân Long; đối diện hết ranh thửa 25, tờ bản đồ số 2
41	Đường huyện 36 (xã Thanh Sơn)	Cầu Ba Tục
42	Đường huyện 36 (xã Thanh Sơn)	Đường Tránh Quốc Lộ 53
43	Chợ Xoài Xiêm	
44	Đường nhựa Xoài Xiêm	Cầu Xoài Xiêm
45	Đường nhựa Xoài Xiêm	Đường tránh Quốc lộ 53
46	Đường nhựa Xoài Thum	Quốc lộ 53 (Ngã tư Xoài Xiêm)
47	Đường nhựa Xoài Thum	Hết thửa 901; đối diện hết thửa 923, tờ bản đồ số 6
48	Đường nhựa ấp Cầu Hanh, ấp Xóm Chòi	
49	Đường nhựa ấp Cầu Hanh, ấp Giồng Tranh	Ngã ba đường nhựa ấp Cầu Hanh, ấp Giồng Tranh
50	Đường nhựa	Cầu Xoài Xiêm
51	Đường nhựa ấp Trà Lés	Đường tránh Quốc lộ 53
52	Đường nhựa ấp Trà Lés	Đoạn còn lại
53	Đường vào bệnh viện đa khoa	Giáp ranh thị trấn Trà Cú
54	Các đường nhựa, đường đaml còn lại trong thị trấn Trà Cú cũ	
55	Các đường nhựa, đường đāl còn lại thuộc (trừ khu vực thuộc thị trấn Trà Cú cũ)	

	23. Xã Cầu Kè	
1	Đường 30 /4	Cổng Năm Minh
2	Đường 30 /4	Chùa Tà Thiêu; đối diện từ Đường tránh Quốc lộ 54
3	Đường 30 /4	Đường Lê Lai; đối diện từ nhà ông Trần Minh Long
4	Đường 30 /4	Đường Trần Hưng Đạo; đối diện từ Ngân hàng Nông nghiệp
5	Đường 30 /4	Cầu Bang Chang
6	Đường 30 /4	Công viên khóm 5 (Ranh đất nhà anh Thi)
7	Đường Nguyễn Hòa Luông	Quốc lộ 54
8	Đường Nguyễn Văn Kề	Quốc lộ 54
9	Đường tránh Quốc lộ 54	Đường 30/4 (khóm 1)
10	Đường tránh Quốc lộ 54 (áp dụng chung cho xã Châu Điện)	Cầu, đường tránh Quốc lộ 54
11	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường 30/4 (Chùa Vạn Niên Phong Cung)
12	Đường Lê Lai	Đường 30/4
13	Đường Nguyễn Thị Út	Đường 30/4 (dốc cầu Cầu Kè)
14	Đường Nguyễn Thị Út	Cổng Lương thực cũ
15	Đường Lê Lợi	Cầu Cầu Kè
16	Đường Lê Lợi	Hưng Ân Tự
17	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Phú
18	Đường Lý Tự Trọng	Huyện uỷ mới

19	Đường Trần Phú	Đường 30/4
20	Đường Trần Phú	Đầu cổng UBND huyện
21	Đường Võ Thị Sáu	Đường 30/4
22	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30/4
23	Đường Hai Bà Trưng	Đường 30/4
24	Trung tâm chợ huyện	
25	Đường vào Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện	Đường 30/4
26	Tuyến đường D7	Đường 30/4
27	Tuyến đường D8	Đường Lê Văn Tám
28	Tuyến đường D3	Đường Nguyễn Thị Út
29	Tuyến đường D17	Đường Nguyễn Hòa Luông
30	Tuyến đường N3	Đường Nguyễn Hòa Luông
31	Đường nhựa Ô Tung B	Cây xăng Trường Long
32	Chợ Trà Kháo Hòa Ân	
33	Quốc lộ 54	Cổng Năm Minh
34	Quốc lộ 54 (áp dụng chung cho xã Tam Ngãi)	Đường đal (Cua Chủ Xuân); đối diện từ ranh đất ông Phạm Hoàng Nhữ
35	Quốc lộ 54 (áp dụng chung cho xã An Phú Tân)	Cua Châu Điền (giáp ranh TT Cầu Kè)
36	Quốc lộ 54 (áp dụng chung cho xã Phong Thạnh)	Đường vào Chùa Ô Mịch; đối diện từ ranh đất ông Thạch Hưng (3 Lực)
37	Đường tỉnh 911C (áp dụng chung cho xã Tam Ngãi, xã Phong Thạnh)	Chùa Cao đài ấp 3 Phong Thạnh

38	Đường Liên xã Hoà Tân - Châu Điền - Phong Phú (áp dụng chung cho xã An Phú Tân)	Đường tỉnh 915
39	Đường Ô Tung - Ô Rôm	Quốc lộ 54
40	Đường huyện 29	Giáp thị trấn Cầu Kè
41	Đường huyện 29	Hết ranh Chùa Sâm Bua; đối diện hết ranh đất bà Châu Thị Cọt
42	Đường vào khối dân vận huyện	
43	Đường vào quán Cẩm Hưng	
44	Đường nhựa liên ấp Ô Tung-ô Mịch	Quốc lộ 54
45	Đường nhựa liên ấp Châu Hưng-Trà Bôn xã Châu Điền	Đường tỉnh 911C
46	Đường nhựa ấp Ô Tung xã Châu Điền	Quốc lộ 54
47	Đường nhựa ấp Ô Rôm xã Châu Điền phía đông	Đường vào Trung tâm xã
48	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Cầu Kè	
49	Đường nhựa kết nối đường nhựa khóm 5 và bờ kè thị trấn Cầu Kè (cũ)	Cầu Cầu Kè
	24. Xã An Phú Tân	
1	Tuyến đường nhựa liên ấp Tân Qui I, Tân Qui II	Nhà bà Nguyễn Thị Bạch Lê (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 19)
2	Đường đê bao Tân Qui	Hộ ông Lê Văn Tư (thửa đất số 159 tờ bản đồ số 19)
3	Chợ Bến Đình An Phú Tân	
4	Chợ Bến Cát An Phú Tân	
5	Đường tỉnh 915 (áp dụng chung cho xã Phong Thạnh)	Giáp ranh huyện Trà Ôn
6	Đường huyện 50	Giáp thị trấn Cầu Kè

7	Đường huyện 50	Hết ranh Trạm Điện nông thôn; đối diện hết ranh đất ông Thạch Tóc
8	Đường huyện 50	Ngã ba Trung tâm xã Hoà Tân; đối diện từ ranh đất Cây xăng Hữu Bình
9	Đường nhựa	Đường vào Cụm Công nghiệp
10	Đường huyện 32	Hết ranh đất nhà Ba Nhân; đối diện hết ranh đất Cao Thị Kiều
11	Đường Bến Đình (áp dụng chung cho xã Tam Ngãi)	Đường tỉnh 915
12	Đường T10	Đường huyện 32
13	Đường vào Trung tâm xã Hoà Tân	Ngã ba Trung tâm xã Hoà Tân; đối diện từ Cây Xăng Hữu Bình
14	Đường vào Cụm Công nghiệp Vàm Bến Cát (xã An Phú Tân)	Giáp Đường tỉnh 915
15	Đường xuống Bến Phà ấp An Bình	Đường tỉnh 915
16	Tuyến đường nhựa cấp kênh Thâm Đưng	Cầu 7 Mật
17	Đường cấp sông Bến Cát	Bến đò Bến Cát
18	Đường đê bao Sông Hậu	Đường vào cụm công nghiệp Vàm Bến Cát
19	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã An Phú Tân	
	25. Xã Phong Thạnh	
1	Chợ Phong Thạnh	
2	Chợ Phong Phú	
3	Chợ Phố ấp 1 Phong Phú	
4	Chợ Đường Đức Ninh Thới	
5	Chợ Mỹ Văn Ninh Thới	
6	Quốc lộ 54	Cầu Phong Phú
7	Quốc lộ 54	Cổng Phong Phú

8	Quốc lộ 54	Cầu Phong Thạnh
9	Quốc lộ 54	Buru điện Phong Thạnh; đối diện từ UBND xã Phong Thạnh
10	Quốc lộ 54	Trường Tiểu học Phong Thạnh; đối diện từ đường đal (nhà bà Lưu Thị Phụng)
11	Đường huyện 51	Cầu Kinh Xáng
12	Đường huyện 34	Cổng Bến Lộ
13	Đường tỉnh 913B	Hết ranh Chùa Ấp Tư Phong Phú
14	Đường tỉnh 913B	Hết ranh đất Trường Tiểu học Phong Phú; đối diện hết ranh đất Lục Gia Mộ Viên
15	Đường huyện 34	Đường tỉnh 915
16	Đường huyện 34	Ấp 4 Phong Phú
17	Đường huyện 8	Quốc lộ 54
18	Đường tỉnh 913B	Quốc lộ 54
19	Đường tỉnh 913B	Đường bê tông (Hết thửa 278 tờ bản đồ số 20); đối diện thửa 79, tờ bản đồ số 20)
20	Đường Liên xã Hoà Tân - Châu Diên - Phong Phú	Nhà máy ông Bích
21	Đường nhựa Ranh Hát -Cây Gòn	Quốc lộ 54
22	Đường nhựa ấp III, IV xã Phong Phú cũ	Cầu ông Hàm
23	Đường nhựa liên xã Ninh Thới, Phong Phú	Đường tỉnh 915 ấp Mỹ Văn
24	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Phong Thạnh	
25	26. Xã Tam Ngãi	
26	Chợ Bà My Tam Ngãi	
27	Chợ Cây Xanh Tam Ngãi	

28	Chợ Trà Ôt Thông Hòa	
29	Chợ Thanh Phú	
30	Quốc lộ 54	Cửa hàng xăng dầu số 43 (Công ty cổ phần dầu khí MeKong)
31	Đường tỉnh 906	Cầu Trà Mệt
32	Đường tỉnh 911	Ấp 1 Thanh Phú (giáp huyện Trà Ôn)
33	Đường tỉnh 911	Hết ranh đất Đài nước; đối diện ranh đất bà Đặng Thị Mực
34	Đường tỉnh 911	Cầu Thanh Phú
35	Đường tỉnh 911	Hết ranh Cây xăng Thiên Mã ; đối diện hết ranh đất Trần Thị Bích
36	Đường tỉnh 911	Hết ranh UBND xã Thanh Phú; đối diện hết ranh đất ông Lê Văn Ba
37	Đường huyện 32 (áp dụng chung cho xã Cầu Kè)	Cầu Bà My Quốc lộ 54
38	Đường huyện 32	Hết ranh đất Chùa Chông Ksach (kể cả phía đối diện)
39	Đường tỉnh 913 (áp dụng chung cho xã Cầu Kè)	Cầu Kinh 15
40	Đường Ngọc Hồ-Giồng Nổi	Đường huyện 32
41	Đường Bến Đình	Ngã ba lộ Ngọc Hồ -Giồng Nổi
42	Đường vào Trung tâm xã Tam Ngãi	Đường huyện 32
43	Đường tránh Cầu Trà Mệt	Quốc lộ 54
44	Đường nhựa Tam Ngãi I xã Tam Ngãi	Cầu Tam Ngãi II
45	Đường nhựa ấp Bung Lớn xã Tam Ngãi	Đường huyện 32
46	Đường nhựa liên ấp Trà Ôt-Kinh Xuôi xã Thông Hòa	Đường tỉnh 913
47	Đường nhựa ấp Kinh Xuôi xã Thông Hòa	Ngã ba miếu

48	Đường nhựa vào nhà mẹ VNAH (Nguyễn Thị Xua) xã Thông Hòa	Quốc lộ 54
49	Đường nhựa liên ấp Trà Mẹt-Rạch Nghệ xã Thông Hòa	Giáp ranh Đỗ Thành Nhân
50	Đường nhựa ấp Rạch Nghệ xã Thông Hòa giai đoạn I, II	Giáp ranh Nguyễn Văn Khởi
51	Đường nhựa liên xã Tam Ngãi-Thông Hòa giai đoạn I	Quốc lộ 54
52	Đường nhựa Trà Mẹt xã Thông Hòa	Quốc lộ 54
53	Đường nam Tổng Tồn	Đường tỉnh 911C
54	Đường nhựa đê bao lò gạch ấp Rạch Nghệ	Đường nhựa liên ấp Trà Mẹt - Rạch Nghệ
55	Đường T1	Đường tỉnh 911
56	Đường đat Tư Thuận đến sông Tổng Tồn	Tư Thuận (Kênh 15)
57	Tuyến CSAT Bà My	Kênh Bảy Tài Thiên
58	Tuyến CSAT Ngọc Hồ	Nhà văn hóa ấp Ngọc Hồ
59	Tuyến nhựa đường huyện 32	Cầu ngã tư Ô Chích
60	Tuyến nhựa Đường huyện 32	Sáu Dững
61	Tuyến nhựa Đường huyện 32	Đập Minh Út
62	Tuyến nhựa Đường huyện 32	Đập Minh Út
63	Các đường nhựa, đường đat còn lại thuộc xã Tam Ngãi	
	27. Xã An Trường	
1	Đường tỉnh 913B	Cầu Suối
2	Đường tỉnh 913B	Hết ranh Trường Tiểu học A (An Trường); đối diện hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 12

3	Đường tỉnh 913B	Đường nhựa (cấp Trường THCS An Trường A); đối diện hết ranh đất thửa số 57, tờ bản đồ 13
4	Đường tỉnh 913	Cầu Loco
5	Đường tỉnh 913	Ngã 3 Đường đál (UBND xã An Trường A); đối diện hết ranh đất thửa số 130, tờ bản đồ số 8
6	Đường nhựa	Ngã ba (cua Đường tỉnh 913); đối diện hết ranh đất thửa số 461, tờ bản đồ số 26
7	Đường huyện 39	Đường tỉnh 913B
8	Đường huyện 7 (Đường liên xã An Trường- Tân Bình- Huyện Hội) (áp dụng chung cho xã Tân An)	Quốc lộ 53
9	Đường vào chợ xã An Trường cũ	Đường tỉnh 913B
10	Đường lộ giữa An Trường	Đường tỉnh 913B
11	Đường lộ giữa An Trường	Cách đường vào Chợ 150m về ấp 8A
12	Đường cầu 3/2	Đường tỉnh 913B
13	Đường cầu 3/2	Đường lộ giữa An Trường
14	Đường nội bộ chợ An Trường	
15	Đường nhựa ấp 8A	Đường tỉnh 913B
16	Đường nhựa ấp 7A	Đường tỉnh 913B
17	Đường nhựa ấp 6A	Đường tỉnh 913B
18	Đường nhựa ấp 5A	Đường tỉnh 913B

19	Đường nhựa ấp 4A	Đường tỉnh 913B
20	Đường nhựa bờ lộ quẹo	Đường tỉnh 913B
21	Đường nhựa ấp 8A	Đường tỉnh 913B
22	Đường nhựa ấp 4A	Đường tỉnh 913B
23	Đường nhựa kinh Truyền Mẫu	
24	Đường nhựa Kênh Tỉnh	ấp 8A
25	Đường nhựa vào Sân Vận Động	Quốc lộ 53
26	Khu vực chợ xã	
27	Đường nhựa (lộ quẹo)	Đường tỉnh 913
28	Đường nhựa (Lo Co)	Đường tỉnh 913
29	Đường bờ bao ấp 9	Đường tỉnh 913
30	Đường nhựa (ấp Ninh Bình)	Đường tỉnh 913
31	Đường nhựa (ấp Thanh Bình)	Đường tỉnh 913
32	Đường nhựa (ấp An Định Cầu)	Đường tỉnh 913
33	Đường nhựa Tân Bình	Đường tỉnh 913
34	Đường nhựa kênh Khương Hòa	Đường huyện 7

35	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã An Trường	
	28. Xã Càng Long	
1	Hai dãy phố chợ Càng Long	
2	Đường 30/4	Quốc lộ 53
3	Đường Phạm Thái Bường	Quốc lộ 53
4	Đường Nguyễn Đăng	Quốc lộ 53
5	Đường 2/9	Quốc lộ 53
6	Đường vào Bệnh viện	Đường tỉnh 913B
7	Đường Bạch Đằng	Đường 2/9
8	Đường 19/5	Quốc lộ 53
9	Đường Huỳnh Văn Ngò	Đường tỉnh 913 (Khóm 3)
10	Đường đal (Ba Thuần)	Quốc lộ 53
11	Đường đal	Cầu Công Si Heo
12	Đường nội bộ khu nhà ở Khóm 6	
13	Đường nhựa khóm 3	Quốc lộ 53 (trụ sở Liên đoàn Lao động huyện)
14	Đường nội bộ khu nhà ở khóm 3	
15	Đường đal (cấp Bưu điện)	Quốc lộ 53
16	Đường 3/2	Quốc lộ 53
17	Đường Đồng Khởi	Quốc lộ 53 (Nhà Thờ)

18	Đường đal (Chính Nở)	Quốc lộ 53 (Chín Nở)
19	Đường nhựa	Cầu 2/9 (khóm 8)
20	Đường nhựa	Cầu 2/9 (khóm 8)
21	Hẻm Lương thực	Đường 2 dãy phố chợ
22	Đường Hồ Thị Nhâm	Quốc lộ 53
23	Quốc lộ 53	Cầu Mây Túc
24	Quốc lộ 53	Đường tỉnh 913
25	Quốc lộ 53	Đường 19/5; đối diện hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 8, hộ ông Đặng Văn Út
26	Quốc lộ 53	Hết ranh Bưu điện huyện; đối diện hết ranh Chùa Ấn Tâm
27	Quốc lộ 53 (áp dụng chung cho xã An Trường)	Cầu Mỹ Huê
28	Quốc lộ 53 (áp dụng chung cho xã An Trường)	Đường huyện 7
29	Đường tỉnh 913B	Quốc lộ 53
30	Đường tỉnh 913B	Đường vào bệnh viện; đối diện đường vào máy chà ông Chủng
31	Đường tỉnh 913	Quốc lộ 53
32	Đường huyện 37	Giáp xã Nhị Long
33	Đường nhựa (Cầu Suối)	Đường tỉnh 913B
34	Đường nhựa khóm 3	Đường huỳnh Văn Ngò
35	Đường nhựa khóm 3	Quốc lộ 53
36	Các đường nhựa khóm 5	Quốc lộ 53

37	Đường nhựa khóm 6	Đường tỉnh 913B
38	Đường đal khóm 6	Đường tỉnh 913B
39	Đường nhựa khóm 8	
40	Đường nhựa khóm 9	Từ bến đò
41	Đường nhựa khóm 7	Quốc lộ 53
42	Đường 3/2 nối dài	Đường Huỳnh Văn Ngò
43	Đường nhựa khóm 2 (cấp chùa Quan Âm)	Quốc lộ 53
44	Đường nhựa khóm 2 (Xí nghiệp thủy nông)	Quốc lộ 53
45	Đường nhựa khóm 7 cấp kinh đùng đình	Cầu khóm 7
46	Đường tỉnh 913	
47	Đường nhựa nội bộ khóm 2	
48	Đường nhựa khóm 10	Sông Càng Long
49	Đường huyện 4	UBND xã Nhị Long Phú
50	Đường tỉnh 913	Giáp ranh Thị trấn Càng Long
51	Đường tỉnh 913	Cầu Kinh Lá
52	Đường tỉnh 913	Đường đal đi ấp số 2; đối diện từ Cống
53	Đường huyện 37	Hết ranh thị trấn (giáp xã Nhị Long Phú)
54	Đường nhựa ấp số 6	Ranh thị trấn (Cầu Suối)
55	Đường nhựa đập nhà lâu	Đường tỉnh 913

56	Đường nhựa liên ấp 2-6-5	
57	Đường nhựa Bờ Dầu	Đường tỉnh 913 (Thửa 61, tờ bản đồ số 18)
58	Đường nội bộ chợ xã Nhị Long Phú Cũ	
59	Đường nhựa bờ còng	Thửa 215A, tờ bản đồ số 2 (Nguyễn Văn Cần)
60	Đường nhựa kênh Cả 6	Thửa 538, tờ bản đồ số 12 (Nguyễn Văn Phước)
61	Đường nhựa ấp Dừa Đỏ 2	Thửa 99, tờ bản đồ số 4 (Bùi Tấn Kịch), ấp Dừa Đỏ 2
62	Đường nhựa Bờ Tây ấp Hiệp Phú	Thửa 261A, tờ bản đồ số 2 (Lê Thị Đường), ấp Hiệp Phú
63	Đường huyện 37 (nối dài, xã Nhị Long Phú)	
64	Đường nhựa liên ấp Thanh Hiệp – Sơn Trắng	thửa đất số 291, tờ bản đồ số 2 (ấp Thanh Hiệp)
65	Đường nhựa liên ấp Dừa Đỏ	thửa đất số 137, tờ bản đồ số 5 (ông Phùng Văn Rạng)
66	Đường nhựa ấp Hiệp Phú	thửa đất số 517, tờ bản đồ số 3 (ông Nguyễn Văn Đầu)
67	Đường nhựa ấp Số 7: Nhánh 1	thửa đất số 1827, tờ bản đồ số 26 (ông Võ Văn Hùng)
68	Đường nhựa ấp Số 7: Nhánh 2	thửa đất số 2259, tờ bản đồ số 26 (ông Võ Hữu Tửu)
69	Các đường đal còn lại của xã Càng Long	
	29. Xã Bình Phú	
1	Quốc lộ 53	Giáp ranh Thị trấn Càng Long
2	Quốc lộ 53	Đường vào Trường Cấp III; đối diện đầu kênh Ba Tươi (xã Bình Phú)
3	Quốc lộ 53	Đường tỉnh 913C; đối diện từ chợ Bình Phú
4	Quốc lộ 53	Cầu Láng Thê
5	Quốc lộ 53	Đường huyện 7; đối diện đến giáp ranh thửa đất số 18 - Cửa hàng vật tư nông nghiệp Kim Ven (xã Phương Thạnh)

6	Quốc lộ 53	UBND xã Phương Thạnh cũ
7	Quốc lộ 60	Quốc lộ 53 (xã Bình Phú)
8	Quốc lộ 60	Cổng gần Huyện đội (Quốc lộ 60)
9	Quốc lộ 60 (áp dụng chung cho xã Nhị Long)	Đường tỉnh 913
10	Đường tỉnh 913C	Quốc lộ 53 (xã Bình Phú)
11	Đường huyện 7	Quốc lộ 53 (xã Phương Thạnh)
12	Đường huyện 7	Hết ranh UBND xã Phương Thạnh; đối diện hết ranh Trường Tiểu học Phương Thạnh C
13	Đường huyện 7 (Đường vào TT xã Đại Phúc)	Quốc lộ 53 (xã Phương Thạnh)
14	Đường huyện 7	Ranh xã Đại Phúc (giáp xã Phương Thạnh)
15	Đường huyện 7	UBND xã Đại Phúc; đối diện đường xuống bến đò Hai Ni
16	Đường huyện 7	Cầu Rạch Cát
17	Đường tỉnh 913	Giáp ranh xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành
18	Chợ Phương Thạnh 2 dãy phố chợ	
19	Đường nhựa	Giáp đường sau dãy phố Chợ
20	Đường vào Đầu Giồng	Quốc lộ 53 (Bru điện)
21	Đường nhựa ấp Hưng Nhượng A, B	Quốc lộ 53
22	Đường nhựa vào bãi rác	Quốc lộ 53
23	Đường nhựa kênh Tư Thuận	Quốc lộ 53
24	Đường Phú Hưng 2 (Đường Bờ bao 8)	Quốc lộ 60 (Phú Hưng 1)
25	Đường kênh N 22	Phú Hưng 1
26	Đường nhựa (Phú Phong 1; Phú Hưng 1)	
27	Các đường bờ bao	

28	Đường Đình Tân Hạnh	Đường tỉnh 913
29	Đường nhựa Hồ nước ngọt	Ngã tư đường nhựa vào Hồ nước ngọt
30	Đường nhựa (Kênh Thiện Chánh 1-2)	Kênh 3 xã
31	Đường nhựa (Kênh Khương Hòa)	Đường huyện 7
32	Đường nhựa (Kênh 3 xã)	Đường huyện 7
33	Đường nhựa (Kênh Nguyệt Trường)	Quốc lộ 53
34	Đường nhựa (Áp Phú Hòa - Nguyệt Trường)	Quốc lộ 53
35	Đường nhựa (Kênh Rạch ỏi - Rạch Chùa)	Đường huyện 7
36	Đường nhựa (Kênh 8 Tha)	Đường huyện 7
37	Đường nhựa (Kênh Rạch Ranh)	Đường huyện 7
38	Đường nhựa (Sóc Vinh)	Đường huyện 7 (Bờ Keo)
39	Đường nhựa (đường Bờ bao Rạch Cát kênh Ngay)	Đường huyện 7
40	Đường nhựa (đường ấp Tân Định - Rạch Cát)	Đường huyện 7
41	Đường nhựa (nối liền ĐH7 với đường nhựa Hồ nước ngọt)	Đường huyện 7
42	Đường nhựa liên ấp Tân Hạnh - Sóc Vinh	Đường huyện 7
43	Đường nhựa (liên ấp Tân Hạnh - Tân Định)	Đình Tân Hạnh
44	Đường nhựa Tất Dinh - Tân Hạnh	Đường huyện 7
45	Đường Kênh N21	Quốc lộ 53
46	Đường đal Phú Thạnh	Quốc lộ 53
47	Đường đal Phú Hưng 1	Quốc lộ 60
48	Đường nhựa Giồng Giữa	Quốc lộ 53
49	Đường Giồng Bìa	Quốc lộ 53

50	Đường nhựa kênh N19	Giáp đường Kênh Giồng Giữa
51	Đường nhựa Trường Nguyễn Văn Hai	Quốc lộ 53
52	Đường nhựa (kênh Tư Hón)	Quốc lộ 53
53	Đường đal Phú Đức	Quốc lộ 53
54	Đường vào kho lạnh	Quốc lộ 53
55	Đường nhựa kênh Cây Cách	Quốc lộ 53
56	Đường kênh học trò	Quốc lộ 53
57	Đường nhựa Long Trị	Quốc lộ 60
58	Đường nhựa Rạch Chùa	Cầu dự án LPRAM
59	Các đường nhựa, đường đal (mặt đal, mặt nhựa từ 3m trở lên)	
60	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc khu vực xã Bình Phú cũ	
61	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã	
	30. Xã Nhị Long	
1	Đường tỉnh 915B	Đường dẫn cầu Cổ Chiên
2	Đường huyện 1	Đường tỉnh 915B
3	Đường huyện 1 (Đường vào TT xã Đức Mỹ)	Đường vào bến phà Cổ Chiên cũ
4	Đường huyện 3 (áp dụng chung cho xã Càng Long và xã Bình Phú)	Quốc lộ 60 (ấp Phú Phong 2, Bình Phú)
5	Đường huyện 4 (áp dụng chung cho xã Càng Long)	Cầu Kinh Chữ Thập
6	Đường huyện 4	Ngã 3 Đường Rạch Đập (xã Nhị Long)

7	Đường huyện 4 (Đường vào chợ Nhị Long)	UBND xã Nhị Long cũ (Đường về Rạch Mát)
8	Đường huyện 4	Đường huyện 3 (Quốc lộ 60 cũ, gần cầu đập Hàn 2)
9	Đường huyện 37	Quốc lộ 53 (xã Nhị Long)
10	Đường nội bộ chợ Nhị Long	
11	Đường nhựa	Đường huyện 4, Trường Mẫu giáo
12	Đường nhựa	Đường tỉnh 913
13	Đường đất	Từ đường nội bộ chợ Nhị Long
14	Đường nhựa Kinh Chữ Thập	Ranh ấp Long An
15	Các đường đal (mặt đal từ 3m trở lên)	
16	Đường tránh chợ nhị Long	Đường huyện 4
17	Đường tỉnh 913 (áp dụng Bình Phú, Nhị Long)	Giáp ranh thị trấn Càng Long
18	Khu vực chợ (Đức Mỹ)	UBND xã cũ; đối diện đầu ranh đất thửa số 93, tờ bản đồ số 5, hộ bà Nguyễn Thị Nhàn
19	Khu vực bến phà Cổ Chiên	Đường huyện 3
20	Đường 02 bên Cống Cái Hóp (ấp Mỹ Hiệp A)	Sông Rạch Bàng
21	Đường 02 bên Cống Cái Hóp (ấp Mỹ Hiệp)	Sông Rạch Bàng
22	Đường nhựa	Thửa số 335, tờ bản đồ số 29

23	Đường nhựa (Đường đê bao Cống Cái Hóp)	Cống Cái Hóp
24	Đường nhựa	Ngã ba ấp Đại Đức
25	Đường nhựa	Ngã ba ấp Đại Đức
26	Các đường nhựa ấp Thanh Hiệp	
27	Đường nhựa ấp Đức Mỹ	Công ty Trà Bắc
28	Đường nhựa	Ấp Mỹ Hiệp
29	Đường nhựa ngã 4 vào chợ Rạch Bàng	Ngã tư đường nhựa
30	Đường nhựa ấp Hiệp Mỹ A	Ngã tư đường nhựa (thửa 141 tờ 8)
31	Đường nhựa (Đường đê bao ấp Mỹ Hiệp - Long Sơn)	Công ty Rượu Dừa
32	Khu vực Chợ Bãi Xan	
33	Đường nhựa	Đường tỉnh 915B
34	Đường Bờ bao 5	Đường tỉnh 915B
35	Đường nhựa ấp Hạ	Đường huyện 1 (ngã ba)
36	Đường nhựa Long Hòa	Cống 10 cửa ấp Long Hòa
37	Đường nhựa Trà Gút	Đường huyện 4
38	Đường nhựa Rạch Sen	Đường huyện 4

39	Đường Bào Nặng	Quốc lộ 60
40	Đường nhựa	Sông Càng Long
41	Đường huyện 37	Giáp ranh xã Nhị Long Phú
42	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Nhị Long	
	31. Xã Tân An	
1	Đường tỉnh 911	Giáp ranh xã Tam Ngãi
2	Đường tỉnh 911	Đường tỉnh 913B; đối diện hết ranh đất thửa số 111 tờ bản đồ số 21
3	Đường tỉnh 911	Đường vào Trạm y tế xã Tân An
4	Đường tỉnh 911	Cầu Tân An
5	Đường tỉnh 911	Đường đal đi An Chánh; đối diện hết ranh thửa 27, tờ bản đồ số 18, hộ bà Võ Thị Thùy Trang
6	Đường tỉnh 911	Cầu Chợ Huyện Hội
7	Đường tỉnh 911	Đường tỉnh 913C; đối diện hết ranh đất Cây xăng Huyện Hội (thửa số 213, tờ bản đồ số 17)
8	Đường tỉnh 911	Cống Kênh Tây
9	Đường tỉnh 913B	Cầu Ván
10	Đường huyện 2	Đường tỉnh 911 (qua Cầu Tân An)
11	Đường huyện 2	Kênh 7 Thượng
12	Đường tỉnh 913C	Cống 3 Xã, giáp xã Huyện Hội
13	Đường tỉnh 913C	Kênh Khương Hòa

14	Đường tỉnh 913C	Cầu Ất Éch
15	Đường tỉnh 913C	Ngã ba Đường tỉnh 911 (xã Huyền Hội)
16	Đường tỉnh 913C	Đường về Trà On
17	Đường huyện 7	Ranh xã Huyền Hội (giáp xã Phương Thạnh)
18	Đường nội bộ chợ Huyền Hội	
19	Đường vào chợ	Đường tỉnh 911
20	Đường Trà On	Đường tỉnh 913C
21	Đường nhựa Trà On	Đường tỉnh 911
22	Hai dãy phố chợ Tân An	Đường tỉnh 911
23	Đường nội bộ chợ Tân An	
24	Đường đal Cầu Tân An	Đường tỉnh 911(dưới Cầu Tân An phía chợ)
25	Đường tỉnh 913B	Đường Tỉnh 911 (dưới Cầu Tân An phía Trường THPT)
26	Đường nhựa Tân An Chợ - Cả Chương	Đường tỉnh 911
27	Đường nhựa Tân An Chợ - Cả Chương	Kinh 10 Long giáp ấp Nhà Thờ
28	Đường nhựa kênh Chín Tân An	Đường tỉnh 911
29	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Tân An	
	32. Xã Hùng Hòa	
1	Quốc lộ 54 (đoạn mới)	Sông Cần Chông
2	Quốc lộ 54	Cầu Rạch Lợp
3	Quốc lộ 54	Cổng Nhà bia liệt sĩ xã Tân Hùng; đối diện đường bê tông

4	Quốc lộ 54	Cầu Te Te
5	Đường tỉnh 912	Giáp ranh xã Ngãi Hùng (Tập Ngãi)
6	Đường tỉnh 912	Quốc lộ 54
7	Đường tỉnh 912	Cầu Ba Điều
8	Đường tỉnh 913C	Quốc lộ 54 (xã Hùng Hòa)
9	Chợ Ngã Tư	Đường tỉnh 912
10	Chợ Ngã Tư	Nhà ông Cẩn
11	Trung tâm chợ Ngãi Hùng	
12	Đường tỉnh 911	Đường tỉnh 912
13	Đường vào TT xã Ngãi Hùng (Đường huyện 38)	Kênh Chánh Hội
14	Đường vào TT xã Ngãi Hùng (Đường huyện 38)	Kênh Út Đảnh
15	Đường nhựa liên ấp Ngãi Chánh-Ngãi Thuận-Ngãi Phú	Đường huyện 38
16	Đường tỉnh 911C	Cầu Sắt Chánh Hội B
17	Đường nhựa Ngãi Chánh - Ngãi Hưng	Đường huyện 38
18	Đường nhựa trục chính nội đồng 3,5 m	Đường huyện 38
19	Đường nhựa trục chính nội đồng 3,5 m	Đường huyện 38
20	Đường vào Trung tâm xã Hùng Hòa	Quốc lộ 54
21	Trung tâm Chợ Hùng Hòa	
22	Khu trung tâm chợ Sóc Cầu	
23	Đường nhựa ấp Ông Rùm 1-Ông Rùm 2	Quốc lộ 54
24	Đường đal 3,5m liên ấp Ông Rùm 1-Từ Ô 1	Quốc lộ 54

25	Đường đal (Chùa Long Hòa)	Quốc lộ 54
26	Đường giao thông vào trung tâm chợ Sóc Cầu	Quốc lộ 54
27	Đường Từ Ô 1	Nhà bà Lâm Thị Tế
28	Đường Sóc Cầu - Cây Da - Sóc Tràm	Đầu cầu Sóc Cầu
29	Đường nhựa ấp Ông Rùm 1	Quốc lộ 54
30	Đường GTNT liên xã Tân Hùng - Hùng Hòa	Đường huyện 26
31	Hai dãy phố Chợ Tân Hùng	
32	Đường nhựa (Lộ tế)	Quốc lộ 54 (BCHQS xã)
33	Cấp bờ sông khu vực chợ	
34	Đường đal (vào Xí nghiệp gỗ)	Đường nhựa (Lộ tế)
35	Đường vào TT giống thủy sản	Đường tỉnh 912
36	Đường nhựa liên ấp Chợ, ấp Trà Mềm	Giáp Quốc lộ 54
37	Đường nhựa liên ấp: Nhứt - Phụng Sa - Te Te	Đường ấp Nhứt
38	Đường nhựa liên ấp: Nhì - Te Te	Cầu ấp Nhì
39	Đường nhựa ấp Trung Tiến	Đường Trung Tiến
40	Đường nhựa ấp Chợ-Phụng Sa	Quốc lộ 54
41	Đường vào Trung tâm cụm chợ Sóc Cầu	Đường huyện 26
42	Đường nhựa ấp Te Te 1 - xã Hùng Hòa	Cầu số 1 (Thửa 252, tờ bản đồ số 21)
43	Đường nhựa ấp Te Te 2	Cầu số 2 (Thửa 20, tờ bản đồ số 22)
44	Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi)	Giáp ranh xã Lưu Nghiệp Anh
45	Đường nhựa liên ấp Ngã Tư - Chánh Hội B	Đường tỉnh 911 (cây xăng Ngãi Hùng)

46	Đường nhựa Ngãi Phú	Cầu 2 Hoài
47	Đường nhựa ấp Kinh	Đường GT và TT chợ Sóc Cầu
48	Đường nhựa ấp Sóc Cầu	Chùa Ô Ven Chas
49	Đường nhựa CSAT (ấp Sóc Cầu)	Đường nhựa Sóc Cầu - Cây Da
50	Đường nhựa ấp Hòa Trinh	Quốc lộ 54
51	Các đường nhựa, đường đal còn lại thuộc xã Hùng Hòa	
	33. Xã Tiểu Cần	
1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã Năm
2	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trần Hưng Đạo
3	Đường 30/4	Ngã Năm
4	Hai dãy phố Chợ Tiểu Cần	Đường Trần Hưng Đạo
5	Đường Võ Thị Sáu	Đầu cầu Sóc Tre cũ
6	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Văn Tám; đối diện hết ranh thửa đất 103, tờ bản đồ 14 (hộ Dương Thị Phước)
7	Đường Võ Thị Sáu (áp dụng chung cho xã Phú Cần)	Đường đất giáp ranh xã Phú Cần; đối diện hết ranh thửa đất 8 tờ bản đồ 11 (hộ Lê Thị Mỹ Phước)
8	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Võ Thị Sáu (Chợ gà)
9	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Hai Bà Trưng
10	Đường Lê Văn Tám	Ngã Năm - Bưu Điện
11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo
12	Đường Trần Phú	Ngã Ba Quốc lộ 60
13	Đường Bà Liếp (Cung Thiếu Nhi)	Quốc lộ 60

14	Đường Sân Bóng	Quốc lộ 60
15	03 tuyến đường ngang	Quốc lộ 60
16	Đường Chùa Cây Hẹ	Quốc lộ 60
17	02 hẻm đường Nguyễn Trãi	Chùa Cao Đài
18	02 hẻm đường Trần Phú	Đường Trần Phú
19	Hẻm đường 30/4	Đường 30/4
20	Hẻm đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Huệ
21	Hẻm đường 30/4 (chợ)	Đường 30/4
22	Đường nhà 3 Đông (Kho bạc)	Đường 30/4 (nhà Dư Đạt)
23	Hẻm đường Lê Văn Tám	Đường Lê Văn Tám
24	Hẻm đường Lê Văn Tám	Đường Lê Văn Tám
25	Hẻm đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Văn Trỗi
26	Hẻm đường Võ Thị Sáu	Đường Võ Thị Sáu (nhà bà Trang Thị Láng)
27	Hẻm đường Võ Thị Sáu	Đường Võ Thị Sáu (nhà ông Ba Diệp)
28	Hẻm đường Võ Thị Sáu	Đường Võ Thị Sáu (nhà ông La Đây)
29	Đường tránh Quốc lộ 60	Đường Bà Liếp
30	04 tuyến đường nhánh Quốc lộ 60	
31	Hẻm phía sau UBND huyện	Đường Bà Liếp
32	Hẻm khóm 1	Quốc lộ 60

33	Đường nhựa khóm 5	Quốc lộ 54
34	Đường đal Khóm 5	Cầu Khóm 5
35	Hẻm Bà Liếp	Đường Bà Liếp (nhà ông Chín Quang)
36	Đường đal Khóm 3 (cấp Bệnh viện mới)	Quốc lộ 60 (nhà ông Truyền)
37	Đường đal Khóm 3	Quốc lộ 60 (Công khóm văn hóa)
38	Đường nhựa khóm 6	Quốc lộ 54
39	Các tuyến đường phụ nhánh tránh Quốc lộ 60	
40	Đường vào cầu khóm 2	Đường Võ Thị Sáu
41	Đường nhựa khóm 4	Quốc lộ 54
42	Đường nội ô thị trấn Tiểu Cần (Đường tỉnh 912)	Kênh Bà Liếp (nhánh số 1)
43	Đường cấp Trung tâm Văn hóa thể thao	Quốc lộ 60
44	Đường nhựa cấp kênh bà Liếp (phía khóm 5)	Quốc lộ 54
45	Đường nhựa khóm 5	Đường nhựa cấp kênh Bà Liếp (thửa 463, tờ bản đồ số 16)
46	Đường nhựa Cấp Đình Thần	Đường Võ Thị Sáu
47	Đường số 5 (áp dụng chung cho xã Phú Cần)	Cầu Ba Sét, thị trấn Tiểu Cần (thửa 164, tờ BĐ 18)
48	Đường Vành Đai khóm 6	Cầu Rạch Lọp
49	Đường nhựa khóm 5 (Trạm bơm cũ)	Quốc lộ 54 thửa 46, tờ bản đồ số 37)
50	Đường cấp Kè sông Tiểu Cần	Đường đal Khóm 1 (cấp bệnh viện mới)
51	Quốc lộ 54	Giáp ranh xã Phong Thạnh

52	Quốc lộ 54	Giáp ranh Huyện đội; đổi diện hết thửa 822 tờ 4 (hộ Đoàn Văn Ân)
53	Quốc lộ 54 (đoạn mới) (áp dụng chung cho xã Tân Hòa)	Cổng (đến thửa 19, tờ 19 đất Nhà Thờ); đổi diện đến thửa 20 tờ 19 hộ Huỳnh Văn Ổ
54	Quốc lộ 54	Cổng Tài Phú
55	Quốc lộ 60 (áp dụng chung cho xã Tập Ngãi)	Ngã ba Bến Cát; đổi diện hết thửa 50 tờ bản đồ 33 (hộ Lưu Văn Chót)
56	Quốc lộ 60 (áp dụng chung cho xã Tập Ngãi)	Đường đal Phú Thọ 2; đổi diện đường đal xã Hiếu Tử
57	Quốc lộ 60	Cổng Cây họ
58	Quốc lộ 60	Đường ngang số 1 (Karaoke Vĩnh Khang); đổi diện hết thửa 6, tờ bản đồ 8 Cây xăng Thanh Long
59	Quốc lộ 60	Hết ranh Trường cấp I Tiểu Cần; đổi diện hết ranh Kho bạc nhà nước huyện cũ
60	Quốc lộ 60	Cầu Tiểu Cần
61	Quốc lộ 60	Đường đal Xóm Vó xã Phú Cần; đổi diện đến hết ranh Bệnh viện đa khoa huyện
62	Quốc lộ 60	Ngã tư Phú Cần (Quốc lộ 54 và Quốc lộ 60)
63	Quốc lộ 60	Đường đal (Công nha văn hóa ấp Cầu Tre); đổi diện hết thửa 239, tờ bản đồ số 6 hộ Thạch Thị Sâm Nang
64	Đường tỉnh 912	Quốc lộ 54 (Ngã ba Rạch Lọp)
65	Đường huyện 2 (áp dụng chung cho xã Tập Ngãi)	Quốc lộ 60 (Ngã ba Bến Cát)
66	Đường huyện 2	Cầu vàm Bến Cát
67	Đường tỉnh 912B	Đường tránh Quốc lộ 60
68	Đường Ô Trao (áp dụng chung cho xã Tập Ngãi)	Quốc lộ 60
69	Đường liên xã Phú Cần - Hiếu Trung	Đường đal 3,5m (Ô Ét)
70	Trung tâm chợ Hiếu Trung	

71	Đường nhựa Tân Trung Giồng	Đường huyện 2
72	Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 54	Quốc lộ 60
73	Đường nhựa Phú Thọ I	Cầu Phú Thọ I
74	Đường tỉnh 911C	Quốc lộ 60
75	Đường nhựa liên ấp	Đường huyện 2
76	Đường nhựa Cây Gòn Liên xã	Trụ sở BND ấp Cây Gòn
77	Đường nhựa ấp Phú Thọ 1 liên ấp	Nhà Bà 2 Phụng
78	Đường nhựa Cây Gòn	Đường tỉnh 911C
79	Đường nhựa Ô Na Liên xã	Ngã 3 (Tà Mẩn)
80	Đường nhựa ấp Cây Gòn	Đường Phú Thọ II - Cây Gòn (thửa 1541 và thửa 1909, tờ bản đồ số 38)
81	Đường nhựa ấp Tân Trung Giồng B	Thửa 297, tờ bản đồ số 33 (Đất ông Thạch Sa Rán)
82	Đường nhựa ấp Phú Thọ II	Đường huyện 25 (thửa 127, tờ bản đồ số 21)
83	Đường liên ấp: Ô Ét - Bà Ép - Sóc Tre	Quốc lộ 54 (Ô Ét)
84	Đường nhựa ấp Đại Trường	Quốc lộ 54
85	Đường liên ấp Đại Mong - Bà ép	QL 60
86	Đường nhựa ấp Cây Hẹ	Cống Cây Hẹ
87	Đường nhựa ven Sông Tiểu Cần	Quốc lộ 60 (thửa đất số 241 tờ bản đồ số 8)
88	Đường Bà Liếp	Cầu Bà Liếp
89	Đường nhựa An Cư - Định Bình	Đường số 5

90	Các tuyến đường còn lại trên địa bàn thị trấn Tiểu Cần	
	34. Xã Tân Hòa	
1	Đường Nguyễn Huệ	Trần Hưng Đạo (ngã ba Nhà Thờ)
2	Đường Nguyễn Huệ	Đường 30/4 (Định Tấn); đối diện hết thửa 37, tờ bản đồ 31 (hộ Nguyễn Văn An)
3	Đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 60)	Quốc lộ 60 (Giáp ranh xã Long Thới)
4	Đường Trần Phú (lộ Định Thuận)	Nguyễn Huệ
5	Đường Trần Phú (lộ Định Thuận)	Cổng khóm III
6	Đường Cách Mạng Tháng 8 (Đường huyện 34)	Giáp xã Long Thới
7	Đường Hùng Vương	Cổng Chín Chia
8	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú
9	Đường Ngang	Quốc lộ 60
10	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trần Hưng Đạo (ngã ba nhà thờ Mặc Bắc)
11	Đường Hai Bà Trưng	Đường Sân bóng; đối diện hết ranh thửa 43, tờ bản đồ 16 (hộ ông Tô Kiệt Hưng)
12	Đường Hai Bà Trưng (áp dụng cho xã Long Thới)	Cầu Sắt
13	Đường 30/4 (Định Tấn)	Đường Nguyễn Huệ
14	Trung tâm Chợ Thuận An	
15	Đường nhựa cặp Chợ Thuận An	Quốc lộ 60

16	Trung tâm Chợ Cầu Quan	
17	Hẻm Trung tâm Chợ Cầu Quan	Nhà Ông Sáu Lớn
18	Hẻm Trung tâm Chợ Cầu Quan	Nhà Bà Hai Ánh
19	Đường đal	Trần Phú (nhà Năm Tàu)
20	Đường đal Xóm Lá	Nguyễn Huệ (Trường THCS thị trấn)
21	Đường đal vào Cầu Bảy Tiệm	Trần Phú
22	Đường Sân Bông	Đường Hai Bà Trưng
23	Đường đal (Ba Chương)	Đầu đường Hai Bà Trưng
24	Đường đal (Tư Thế)	Đầu đường Hai Bà Trưng
25	Đường đal liên Khóm 1,4,5 (áp dụng chung xã Long Thới)	Đầu đường Hai Bà Trưng
26	Đường đal cặp Nhà thờ Ngọn	Đường Cách Mạng Tháng 8 (Nhà thờ Ngọn)
27	Đường nối Quốc lộ 60 - Đường tỉnh 915	Quốc lộ 60
28	Đường nhựa gạch Ghe Hàu	Quốc lộ 60
29	Đường kênh Định Thuận	Quốc lộ 60
30	Đường sau nhà thờ	Nguyễn Văn Thông
31	Đường Bàn Cờ 1	Đường Hùng Vương
32	Đường Bàn Cờ 2	Đường Hai Bà Trưng

33	Đường Xóm Lá	Rach nhà ba Heo
34	Đường nhựa 5 Đường	Đường Hương lộ 34
35	Đường Đal cặp Nhà Thờ Mặc Bắc	Hộ ông Trần Minh Hoàng
36	Đường Nối Đường huyện 34 - Đường tỉnh 915	Đường huyện 34
37	Đường Xóm Cua	Đường Hùng Vương
38	Đường nhựa xẻo Cá Trê (áp dụng chung cho xã Long Thới)	Đường Sân Bóng
39	Đường đal Tám An	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Thửa 5, tờ bản đồ số 5)
40	Đường đal Cầu Rẫy	Đường Cách mạng Tháng 8 (Thửa 36, tờ bản đồ số 4)
41	Đường đal Út Dư	Đường Cách mạng tháng tám
42	Đường đal Xóm Chệt	Đường tỉnh 915 (Thửa 3, tờ bản đồ số 25)
43	Đường đal Chín Duy	Đường Hùng Vương (Thửa 56, tờ bản đồ số 11)
44	Đường đal Út Bình	Đường Hùng Vương (Thửa 41, tờ bản đồ số 26)
45	Đường đal Tư Hoài	Đường Hùng Vương (Thửa 9, tờ bản đồ số 13)
46	Đường đal Tư Đỏ	Đường Cách mạng Tháng 8 (Thửa 102 tờ bản đồ số 11; đổi diện thửa 113, tờ bản đồ số 11)
47	Đường đal Rừng Chồi	Đường Sân Bóng (Thửa 40, tờ bản đồ số 15)
48	Đường đal Nhà Thờ Ngọn	Đường Cách mạng Tháng 8 (Thửa 4, tờ bản đồ số 11; đổi diện thửa 37, tờ bản đồ số 5)
49	Quốc lộ 60	Cầu Cầu Tre

50	Quốc lộ 60	Cổng Trinh Phụ
51	Quốc lộ 60	Cầu Cầu Suối
52	Đường tỉnh 915	Ngã ba đê bao Cần Chông, đối diện thửa 78 tờ 23 (Nguyễn Thị Hương)
53	Đường tỉnh 912 (áp dụng chung cho xã Hùng Hòa)	Cầu Kênh Trẹm
54	Đường tỉnh 912	Buru điện Tân Hòa
55	Đường tỉnh 912	Kênh 6 Phó
56	Đường huyện 34 (Long Thới)	Giáp ranh thị trấn Cầu Quan
57	Đường Xóm Vó - An Cư - Định Bình	Quốc lộ 60
58	Đường xã Tân Hòa	Giáp mặt hàng (giáp ranh thị trấn Cầu Quan)
59	Đường xã Tân Hòa	Cổng Cần Chông
60	Trung tâm chợ xã Tân Hòa	
61	Đường nhựa ấp Cao Một	Đường vào Trung tâm xã (Công viên xã)
62	Đường nhựa ấp Tân Thành Đông	Đường vào Trung tâm xã
63	Đường liên ấp Sóc Dừa - Trẹm	Ngã ba nhà 3 Tịnh
64	Đường nhựa ấp Cao Một	Đường tỉnh 912
65	Đường nhựa ấp Cao Một	Ngã 3 nhà ông 3 Tịnh
66	Đường nhựa ấp Cần Tiêu	Đường tỉnh 912

67	Đường nhựa ấp Trẹm	Đường tỉnh 915 (công ấp văn hóa; Thửa 47, tờ bản đồ số 35)
68	Đường nhựa ấp Trẹm	Đường tỉnh 915 (thửa 77, tờ 29, nhà ông Lê Văn Út)
69	Đường nhựa ấp Sóc Dừa	Thửa 18, tờ bản đồ số 31 (Nhà ông Trương Tấn Bửu)
70	Đường nhựa ấp Sóc Dừa	Thửa 92, tờ bản đồ số 33 (Đất ông Thạch Su)
71	Đường đal 3m (ấp Tân Thành Tây)	Thửa 7, tờ bản đồ số 47
72	Đường Trinh Phụ	Quốc lộ 60
73	Đường Định Bình	Quốc lộ 60 (Nhà thờ)
74	Đường nhựa liên ấp Cầu Tre-Định Hòa	Quốc lộ 60
75	Đường nhựa Giồng Giữa	Kênh Trinh Phụ
76	Đường nhựa liên ấp Định Phú C-Định Phú A	Đường nhựa Giồng Giữa
77	Đường Cầu Tre - Trinh Phụ (Ba Quốc)	Quốc lộ 60
78	Đường nhựa bờ tây kênh Trinh Phụ	Đường Giồng Giữa
79	Đường nhựa Giồng Cụt	Đường đal Giồng Da
80	Đường nhựa bờ tây kênh Nguyễn Chánh Sâm	Quốc lộ 60
81	Đường nhựa kênh Đức Mẹ Định Phú A	Đường dẫn vào Cầu Bàu Hoang
82	Đường nhựa vào Chùa Phổ Tịnh	Quốc lộ 60
83	Đường đal sau trường Mẫu giáo cũ	Đường Giồng Giữa

84	Đường nhựa kênh Đức Mẹ Định Bình	Đường nhựa Định Bình
85	Tuyến Bờ tây kênh Cầu Tre	Cầu Cầu Tre
86	Đường đal Trinh Phụ - Định Bình	Quốc lộ 60 (Cầu Trinh Phụ)
87	Đường nhựa ấp Định Phú Tân	kênh Trinh Phụ
88	Đường Nhà Thờ mặc Bắc khóm 1	Nhà ông Huỳnh Văn Điền
89	Đường xẻo Cá Trê (giai đoạn 2) khóm 6	Đường Sân bóng
90	Các đường nhựa, đường đal còn lại trên địa bàn xã Tân Hòa	
	35. Xã Tập Ngãi	
1	Quốc lộ 60	Lò Ngò (giáp xã Song Lộc)
2	Quốc lộ 60	Hết ranh thửa 73, tờ bản đồ 11 (bà Năm Nga); đối diện hết thửa 52 tờ bản đồ 11 (hộ Nguyễn Thế Cao)
3	Quốc lộ 60	Cổng Chùa Liên Hải; đối diện hết thửa 119 tờ 10 (hộ Tăng Quốc An)
4	Quốc lộ 60	Hết ranh đất Đài nước Ô Đùng; đối diện hết thửa 93 tờ bản đồ 12 (hộ Kim Cửa)
5	Quốc lộ 60	Cổng Ô Đùng
6	Đường tỉnh 912	Cầu Đại Sur
7	Đường tỉnh 912	Cổng Chín Bình
8	Đường tỉnh 912	Cầu Lê Văn Quới
9	Đường tỉnh 912	Cầu Nhà Thờ
10	Đường tỉnh 913C	Quốc lộ 60

11	Đường tỉnh 913C	Hết thửa đất số 481, tờ bản đồ số 19
12	Đường tỉnh 912B	Đường tỉnh 912 (UBND xã Tập Ngãi cũ)
13	Đường tỉnh 912B (áp dụng chung cho xã Tiểu Cần)	Đường Vành đai phía đông
14	Đường tỉnh 913C	Cầu Ngãi Trung
15	Đường tỉnh 913C	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 51
16	Đường tỉnh 913C	Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 19
17	Đường tỉnh 913C	Giáp ranh ấp Lò Ngò
18	Trung tâm chợ xã Tập Ngãi	
19	Trung tâm chợ Cây Ôi	
20	Đường nhựa Ngãi Trung	Đường tỉnh 912
21	Đường nhựa liên ấp Cây Ôi, Xóm Chòi, Ông Xây Đại Sur	Đường nhựa ấp Cây Ôi
22	Khu Trung tâm chợ Hiếu Tử	
23	Khu Trung tâm chợ Lò Ngò (kể cả 04 thửa cấp Quốc lộ 60)	
24	Đường nhựa Ô Trôm	Quốc lộ 60
25	Đường nhựa ấp Chợ	Quốc lộ 60 (nhà Lục Sắc)
26	Đường giữa ấp Kinh Xáng	Quốc lộ 60
27	Đường nhựa liên xã	Cầu 135 ấp chợ
28	Đường Ô Trao	Cầu Ô Trôm đi Ô Trao
29	Đường nhựa cấp kinh tế mới	Phòng thuốc Nam Hưng Hiếu Tử
30	Đường nhựa 3m	Đường nhựa ấp Chợ (Trụ sở ấp Chợ)

31	Đường nhựa ấp Tân Đại	Trường tiểu học Hiếu Tử C
32	Đường nhựa liên xã	Cầu 135 ấp Chợ
33	Các đường nhựa, đường đal còn lại trên địa bàn xã Tập Ngãi	

IG THÔN*đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

đường	Giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Chênh lệch
Đến			
Đường tránh Quốc lộ 54; đối diện thửa 219 tờ 5	2,200	2640	440
Hết ranh thị trấn Châu Thành; đối diện hết ranh Trường mẫu giáo Tuổi Xanh	3,200	3840	640
Quốc lộ 54	2,200	2640	440
Giáp ranh huyện Trà Cú	1,200	1440	240
Cổng Đa Lộc	3,600	4320	720
Giáp Bàu Sơn	2,000	2400	400
Hết ranh khóm 2 (Chùa Hưng Long)	2,000	2400	400
Hết ranh thị trấn Châu Thành	2,000	2400	400
Quốc lộ 54 (đoạn UBND thị trấn Châu Thành)	1,000	1200	200
Đường 30/4 (Chợ Châu Thành)	1,000	1200	200
Hết ranh thị trấn Châu Thành	600	700	100
Đường 30/4	1,500	1800	300
Đường Mậu Thân	1,600	1900	300
Đường Kiên Thị Nhẫn	1,600	1900	300
Đường tránh Quốc lộ 54 (Chùa Hang)	2,000	2400	400
Quốc lộ 54 (Cổng Tầm Phương)	2,000	2400	400
Đường Mậu Thân	1,600	1900	300

Hết ranh thị trấn Châu Thành	800	960	160
Ngã ba (hết ranh nghĩa trang)	800	960	160
Hết đường nhựa (hết ranh nghĩa trang)	600	700	100
Đường 3/2	1,000	1200	200
Đường Kiên Thị Nhẫn	1,000	1200	200
Đường Kiên Thị Nhẫn	600	700	100
Đường 30/4	600	700	100
Sông Đa Lộc	1,000	1200	200
Đường 30/4 giáp ranh xã Đa Lộc	800	960	160
Giáp ranh xã Đa Lộc (Thửa 3, tờ bản đồ số 13)	600	700	100
Đường Tránh Quốc lộ 54	1,100	1320	220
Đường Đê bao	2,000	2400	400
Đường Đê bao	3,600	4300	700
Nhà ông Thạch Chương	900	1080	180
	4,000	4000	-
	1,000	1000	-
	600	800	200
Đường tỉnh 912B	600	700	100
Đường vào Chùa Mỗ Neo	500	600	100
Quốc lộ 54 (cổng vào ấp Hương Phụ C)	500	600	100
Hết phạm vi đường nhựa	400	480	80
Đường đal ấp Thanh Trì A (thửa 199, tờ bản đồ số 44)	400	480	80

Trung tâm Cai nghiệm (thửa 84, tờ bản đồ số 37)	500	600	100
Giáp đường nhựa dự án IMPP	500	600	100
Kênh (cầu sắt Bàu Sơn)	400	480	80
Giáp ranh xã Hòa Lợi	400	480	80
Đường nhựa IFAC (thửa 170, tờ bản đồ số 17)	500	600	100
Đường Kiên Thị Nhân (Trụ sở ấp Thanh Trì A)	450	540	90
Giáp đường nhựa Trung tâm cai nghiệm	450	540	90
Đường huyện 16 (Cầu Thanh Nguyên)	500	600	100
Kênh Chín An (Thửa 374, tờ bản đồ số 35)	500	600	100
Đường đal (Bến Xuông)	500	600	100
Cầu đường đal (Miếu Bà Chúa Xứ)	400	480	80
Giáp Đa Lộc	500	600	100
Giáp Đa Lộc	300	400	100
Hết thửa 676 tờ 50; đổi diện hết thửa 420 tờ 50 xã Mỹ Chánh	300	400	100
Bến Xuông	300	400	100
Khâu Sơ Sinh (thửa 904, tờ bản đồ số 54)	300	400	100
Nhà bà Phượng (thửa 272, tờ bản đồ số 56)	300	400	100
Nhà ông Liêu (thửa 478, tờ bản đồ số 56)	300	400	100
Chùa Phú Mỹ (đường Giồng Trôm - Phú Mỹ - Ô Dài)	300	400	100
Nhà cả Bồi (thửa 777, tờ bản đồ số 49)	300	400	100
Giáp xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang	600	700	100

Giáp xã Thanh Mỹ (Thửa 23, 24, tờ bản đồ số 40)	400	480	80
Giáp xã Lương Hòa A (thửa 4, tờ bản đồ số 2)	500	600	100
Miếu Bà Chúa Xứ (thửa 323, tờ bản đồ số 7)	300	400	100
thửa 95, tờ bản đồ số 1	300	400	100
Giáp ranh ấp Ô Tre Nhỏ (thửa 863, tờ bản đồ số 5)	300	400	100
Hợp tác xã Kim Trung	300	400	100
	300	400	100
Ranh ấp Ô Dài, xã Mỹ Chánh	300	400	100
Giáp xã Lương Hòa A (thửa 49, tờ bản đồ số 3)	500	600	100
kênh (hết ranh thửa đất 1778, tờ bản đồ 3)	500	600	100
Đường nhựa trước UBND xã (phía Tây kênh Đoàn Công Chánh); thửa đất 2547, tờ	500	600	100
Giáp ranh xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần	500	600	100
Thửa 458, tờ bản đồ số 21	400	480	80
	400	400	-
			-
	800	1000	200
	700	900	200
	1,000	1000	-
Hết ranh Trường cấp II Hoà Lợi; đổi diện hết ranh thửa 75, tờ bản đồ 22, xã Hoà Lợi	1,500	1800	300

Giáp ranh xã Cầu Ngang	1,500	1800	300
Quốc lộ 53	3,000	3600	600
Giáp ranh huyện Cầu Ngang	1,000	1200	200
Giáp ranh huyện Cầu Ngang	1,000	1200	200
Hết ranh xã Hòa Lợi	600	700	100
Đê bao Hưng Mỹ	500	600	100
Sông Bãi Vàng	800	960	160
Giáp ranh thị trấn Châu Thành	800	960	160
Cầu dân tộc ấp Kinh Xáng (hết thửa 993, tờ bản đồ 50)	1,000	1200	200
Cầu thứ 1 (kênh thủy lợi, thửa 556, tờ bản đồ 41)	800	960	160
Đường đal (Chùa Ô)	1,000	1200	200
Nhà văn hóa	500	600	100
Trụ sở ấp Qui Nông A	500	600	100
Chùa Liên Quang	500	600	100
Giáp ranh xã Hòa Thuận	500	600	100
Giáp ranh xã Hòa Thuận	500	600	100
Hết ranh xã Hòa Lợi	1,300	1560	260
Ngã tư kênh (giáp ranh Phường 5 và Phường 9) (thửa 569, tờ bản đồ 41)	1,300	1560	260
Quốc lộ 53	1,300	1560	260

Giáp ranh chùa Qui Nông B	500	600	100
thửa 306, tờ bản đồ số 39	500	600	100
thửa 43, tờ bản đồ số 46	500	600	100
Bến phà mới	700	840	140
Chợ Rạch Vồn (thửa 45, tờ bản đồ số 12)	400	480	80
Cầu Đa Hòa 3 (thửa 69, tờ bản đồ số 50)	300	400	100
Đường huyện 15 ấp Bãi Vàng	300	400	100
Xã Hòa Lợi	300	400	100
Xã Hòa Lợi	300	400	100
Ấp Bà Trầm	300	400	100
Kinh đường long	300	400	100
Kênh Xáng Kim Hòa	350	420	70
Đường đal Đa Hậu - Ngãi Hòa	350	420	70
Cổng Chà Và	350	420	70
Cầu Ô Xây	1,200	1440	240
	300	400	100
		-	-
	800	900	100
	850	1000	150
	1,000	1000	-

Đường tỉnh 911 (về hướng Huyện Hội); đôi diện hết thửa 2007, tờ bản đồ 16 xã Song Lặc	1,000	1200	200
Giáp Tiểu Cần	800	950	150
Quốc lộ 60	700	840	140
Kênh V7	800	950	150
Cầu Đập Sen	600	700	100
Đường Tập Ngãi	500	600	100
Đường tỉnh 911	700	840	140
Giáp ranh huyện Tiểu Cần	700	840	140
Đường tỉnh 912B (hết ranh xã Lương Hòa)	2,000	2400	400
Giáp ranh Phường 8	2,000	2400	400
Hết ranh Chùa Bình La (thửa 465, tờ bản đồ 39)	400	480	80
Cầu Bót Chéché (thửa 1218, tờ bản đồ 19)	350	420	70
Bệnh viện Lao	800	960	160
Trường mẫu giáo Ô Chích A (thửa 175, tờ bản đồ 30)	500	600	100
Đường nhựa Ba Se A (thửa 42, tờ bản đồ 8)	400	480	80
Đường nhựa Ba Se A (thửa 44, tờ bản đồ 8)	400	480	80
Hết đường nhựa (giáp đường đal) (thửa 739, tờ bản đồ 32)	450	540	90
Bãi rác (thửa 70, tờ bản đồ 41)	600	720	120
Đường nhựa Ba Se A (thửa 284, tờ bản đồ 32)	500	600	100

Đường đal Sâm Bua (thửa 87, tờ bản đồ 39)	350	420	70
Chợ Sâm Bua	500	600	100
Nhà hỏa táng ấp Bình La (thửa 35, tờ bản đồ 43)	450	540	90
Đường đal ấp Ô Chích A (thửa 175, tờ bản đồ 30)	350	420	70
Chùa Lò Gạch (thửa 95, tờ bản đồ 32)	350	420	70
Giáp ranh Phường 8	350	420	70
Chùa Lò Gạch (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 32)	350	420	70
Chùa Bình La (thửa 597, tờ bản đồ 39)	350	420	70
Đường nhựa Sâm Bua (thửa 126, tờ bản đồ 38)	450	540	90
Đường nhựa đê bao Bót Chéch (thửa 794, tờ bản đồ 19)	450	540	90
Giáp ranh xã Lương Hòa A	400	480	80
Nhà văn hóa Bót Chéch (thửa 2797, tờ bản đồ 19)	350	420	70
Điểm Trường Mẫu giáo Hoa Sen (thửa 175, tờ bản đồ 30)	450	540	90
Cầu Ông Bón, Ba Se B (thửa 508, tờ bản đồ 26)	450	540	90
Nhà bà Thạch Thị My Thi (thửa đất 2881, tờ bản đồ 19)	450	540	90
Đường đal rạch Đại Tền (thửa 394, tờ bản đồ 28)	700	840	140
Kênh Cặp Giồng	500	600	100
Đường tỉnh 912B	500	600	100
Giáp ranh xã Thanh Mỹ	500	600	100

Cầu Xóm Kinh 2	500	600	100
Đường nhựa kênh Xáng (thửa 1275, tờ bản đồ 26)	500	600	100
Đường nhựa kênh Xáng (thửa 394, tờ bản đồ 28)	500	600	100
Giáp ranh thanh trì B	500	600	100
Giáp xã Thanh Mỹ	500	600	100
Đường Lê Văn Tám (Đường huyện 11) (thửa 224, tờ bản đồ 14)	700	840	140
Đường Lê Văn Tám (Đường huyện 11) (thửa đất 1, tờ bản đồ 13)	700	840	140
Đường huyện 11 (thửa 10, tờ bản đồ 13)	350	420	70
Giáp ranh xã Lương Hòa	300	400	100
Giáp ranh xã Lương Hòa	400	480	80
Đường GTNT Kênh Xáng Tân Ngại (A1).	1,000	1200	200
Giáp đường Tầm Phương 3 (Thửa 222, tờ bản đồ số 33)	800	960	160
Cua đường nhựa	450	540	90
Đường tỉnh 911	400	480	80
Nhà 4 Rình (thửa 272, 273, tờ bản đồ số 7)	350	420	70
Nhà 6 Thủy (thửa 1302, tờ bản đồ số 19)	300	400	100
Cầu 4 Dững (thửa 652, tờ bản đồ số 19)	300	400	100
Đường tỉnh 911 (thửa 130, tờ bản đồ số 25)	350	420	70
Nhà 3 Trãi (Sông Ô Chát)	300	400	100

Cầu Chùa Trà Nóc (thửa 2206, tờ bản đồ số 16)	350	420	70
Cầu LRAM (thửa 887, tờ bản đồ 15)	300	400	100
Kênh Gò Lức (thửa 234, tờ bản đồ 37)	300	400	100
Đường nhựa Trà Nóc, Phú Lâm (thửa 976, tờ bản đồ số 16)	350	420	70
Cầu 2 Sị (thửa 1713, tờ bản đồ số 19)	300	400	100
Nhà ông Đặng Văn Thuận (hết thửa 1487, tờ bản đồ số 16)	300	400	100
Thửa đất 3815, 3821, tờ bản đồ 16	500	600	100
Đường bờ Tây kênh Thanh Nguyên		400	400
Hết ranh Thanh Trì A xã Châu Thành		400	400
Cầu Đập Sen		400	400
	350	400	50
			-
	1,000	1000	-
Trường THCS Hòa Minh B	300	400	100
Giáp ranh ấp Ông Yển và Long Hưng I	700	700	-
Cầu Sắt	300	400	100
Cầu Cả Bảy	600	600	-
Hết ranh xã Hòa Minh	500	500	-
Đường huyện 30	1,000	1000	-
Bến Bạ	800	800	-
Đường đal Giồng Giá	300	400	100
Trụ sở ấp Giồng Giá	300	400	100

Đường đal Giồng Giá	300	400	100
Cầu Long Hưng	700	700	-
	500	500	-
	300	400	100
			-
	1,000	1000	-
Cầu Rạch Gốc (thửa 340, tờ bản đồ 4)	700	700	-
Cầu Cỏ Bồng (thửa 113, tờ bản đồ 5)	900	900	-
Cầu Bà Chấn (thửa 104, tờ bản đồ 7)	700	700	-
Cầu Bùng Bình (thửa 79, tờ bản đồ 8)	1,000	1000	-
Hết Đường huyện 30 (thửa 591, tờ bản đồ 8)	700	700	-
	500	500	-
			-
Đường tránh Quốc lộ 53; đối diện hết thửa 167, tờ bản đồ 1, xã Kim Hòa	700	800	100
Cầu Vinh Kim	600	700	100
Đường đal (Giồng Sai)	900	1000	100
Hết ranh Vinh Kim (giáp ranh Mỹ Hòa)	700	800	100
Hết ranh xã Vinh Kim (giáp Mỹ Long Bắc)	800	900	100
Đường đất (cặp Trường Tiểu học Hiệp Hòa)	400	480	80
	950	950	-
	300	350	50
Quốc lộ 53	300	350	50

Giáp ranh ấp Hạnh Mỹ, xã Mỹ Long Bắc	300	350	50
Giáp ranh xã Mỹ Long Bắc (Bào Giá)	300	350	50
Nhà thờ Giồng Lớn	300	350	50
Đường đal; đối diện hết thửa 337, tờ bản đồ số 7	700	800	100
Giáp ranh xã Mỹ Hòa	500	600	100
Đường tỉnh 915B	280	350	70
Giáp ranh xã Mỹ Hòa (Thửa 229 tờ bản đồ số 9)	400	480	80
Đầu Chợ dưới	500	600	100
Giáp ranh xã Phước Hảo	600	700	100
Đường nhựa (Kênh Xáng)	280	350	70
Kênh Xáng	280	350	70
Giáp ranh xã Mỹ Hòa	280	350	70
Đường đal Năng Non	280	350	70
	300	350	50
			-
Ngã ba Mỹ Long; đối diện hết ranh Cây xăng Cầu Ngang	1,200	1400	200
Đường Sơn Vọng	1,800	2000	200
Cầu Cầu Ngang	1,800	2000	200
Đường 2/9	2,300	2500	200
Giáp ranh Thuận Hoà	1,800	2000	200

Cổng Chùa Sóc Chùa; đối diện hết thửa 190, tờ bản đồ 9, xã Thuận Hòa	1,200	1400	200
	3,250	3250	-
	2,700	2700	-
Đường Nguyễn Văn Hưng	2,300	2600	300
Sông Cầu Ngang; đối diện hết thửa 162, tờ bản đồ 12 (đường đất)	1,500	1800	300
Quốc lộ 53	1,100	1300	200
Cầu Thủy Lợi	1,500	1800	300
Lộ số 7 (giáp ranh Thuận Hòa); đối diện hết 2557, tờ bản đồ 5 xã Thuận Hòa	1,200	1450	250
Bờ sông Chợ cá	1,500	1800	300
Bờ sông nhà máy chà	1,500	1800	300
Sông Cầu Ngang (Cầu đal)	1,450	1750	300
Đường 2/9	1,900	2300	400
Quốc lộ 53	1,500	1800	300
Đường Sơn Vọng	1,100	1300	200
Đường 2/9	1,300	1550	250
Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,200	1450	250
Đường bờ kênh	1,100	1300	200
Cầu Thanh Niên Thống Nhất	800	960	160
Bờ sông thị trấn Cầu Ngang	600	700	100
Cầu Ấp Rạch	450	540	90

Kênh cấp III (Minh Thuận B)	500	600	100
Đường Huỳnh Văn Lộng	800	960	160
Đường 2/9	600	700	100
Đường đal (nhà Nguyễn Thị Thu Sương)	1,600	1900	300
Đường đal	1,500	1800	300
Đường 30/4	1,600	1900	300
Giáp Trung tâm Thương mại	2,400	2850	450
Nhà bà Năm Hảo	1,600	1900	300
Cầu Thanh Niên	800	960	160
Đường Trần Thành Đại	1,000	1200	200
Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,000	1200	200
Hết Đường nhựa (đầu đường đal)	700	840	140
Sông Cầu Ngang	450	540	90
Sông Cầu Ngang	450	540	90
Cầu Thất	450	540	90
Đường nhựa Minh Thuận A	400	480	80
Kênh cấp II	400	480	80
Cầu Thanh Niên (thửa 63 tờ bản đồ số 12)	800	960	160
Đường 2/9 (thửa 1025 tờ 12)	800	960	160
Đường tránh Quốc lộ 53; đối diện hết thửa nhà Thạch Nang	850	1000	150

Cầu Ông Tà	900	1080	180
Hết ranh xã Thuận Hòa (giáp ranh xã Hiệp Hòa)	400	480	80
Đường tránh Quốc lộ 53	700	840	140
Giáp ranh nhà máy nước đá Tân Thuận; đối diện hết thửa 2056, tờ bản đồ số 2, xã Mỹ Hòa	500	600	100
Ngã ba Tư Kiệt (nhà ông Lọ)	550	660	110
Kênh (đối diện nhà ông Nguyễn Văn Diễm)	400	480	80
Trụ sở ấp Cái Già Trên	400	480	80
Giáp lộ Hiệp Hòa	300	400	100
Chùa Trà Kim	300	400	100
Giáp ranh Thị trấn Cầu Ngang	700	840	140
Đường huyện 18	500	600	100
Quốc lộ 53	1,000	1200	200
Đường nhựa Sóc Chùa	350	420	70
Đường nhựa Sóc Chùa	350	420	70
	770	950	180
Hết thửa số 1400, tờ bản đồ số 5 (Nhà ông Nguyễn Văn Rô)	350	420	70
Đường huyện 35	300	400	100
Cầu Nhị Trung	400	480	80
	400	400	-
			-

Đường Giồng Ngánh	700	900	200
Cầu Ô Lắc	750	950	200
Giáp xã Long Hữu	650	850	200
Hết thửa 594, tờ bản đồ số 3	650	800	150
Thửa 1123, tờ bản đồ 6	400	500	100
Hết ranh ấp Sơn Lang (giáp Sóc Giúp)	700	800	100
Chùa Tân Lập	550	700	150
Trạm Y tế xã	350	450	100
Giáp ranh xã Hiệp Mỹ Tây	400	500	100
Lô số 21	600	600	-
Đường nội bộ phía Đông	600	600	-
Lô 31	500	500	-
Lô 37	450	450	-
Ngã Tư Bào Mốt	350	455	105
Hết thửa 1913, tờ bản đồ số 4 (Lý Kim Cương); đối diện hết thửa 1270 tờ bản đồ số 1 (Đường 1913)	800	800	-
Ngã tư (Thửa 845, tờ bản đồ số 5)	400	550	150
Giáp xã Ngọc Biên cũ	400	500	100
Ngã tư (Thửa 2376, tờ bản đồ số 5)	400	500	100
Đường nhựa (năng lượng mặt trời)	550	700	150

Đường đất sau chợ	700	700	-
Cầu áp Chợ trên Đường huyện 35 (về Hiệp Mỹ Đông)	500	650	150
Hết đường nhựa	300	350	50
Nhà ông Lê Văn Năm	280	350	70
Ngã ba Mỹ Quý (trường TH)	400	500	100
Giáp ranh ấp 14 xã Long Hữu	300	350	50
Hết đường nhựa	280	350	70
Giáp ranh xã Mỹ Long Nam	280	350	70
Giáp ranh xã Mỹ Long Nam	280	350	70
Hương lộ 35 (nhà Mười Sáng)	280	350	70
Hết đường nhựa (nhà ông Ba Dân)	280	350	70
Hết đường nhựa	280	350	70
	300	350	50
		-	-
Giáp ranh Khóm 3	2,000	2000	-
Đường đất (giáp ranh Khóm 4)	900	1000	100
Đường tỉnh 915B	700	850	150
Giáp ranh Khóm 3	600	700	100
Giáp ranh Khóm 4	400	520	120

Giáp ranh Khóm 4	500	650	150
Giáp ranh Khóm 3	450	585	135
Hết đường đal (nhà ông Sáu Nguyễn)	400	520	120
Nhà vợ Ba Khê	400	520	120
Nhà ông Ngụội	400	520	120
Cổng Lung Mít	700	800	100
Hết ranh thị trấn Mỹ Long	900	1000	100
Giáp khóm 4 thị trấn Mỹ Long	800	900	100
Giáp ranh xã Long Hữu	500	700	200
Đường tỉnh 915B	1,200	1300	100
Đầu Chợ Hải Sản	1,800	1900	100
Nhà ông Nguyễn Tấn Hưng	1,600	1700	100
Nhà ông Ngô Văn Sanh	400	520	120
Trạm kiểm lâm	350	455	105
Đường huyện 19	1,200	1300	100
Nhà ông Bé Cu	350	350	-
Nhà ông Tám Lý	350	350	-
Nhà ông Tư Lùng	350	350	-
Nhà ông Cường	350	350	-
Khóm 4 (nhà bà Nguyễn Thị Bé)	350	350	-

Bến đò	500	650	150
Hết ranh thửa 984, tờ bản đồ số 8	500	650	150
Đường tỉnh 915B	600	780	180
Hết ranh xã Mỹ Long Bắc (giáp thị trấn Mỹ Long)	900	1000	100
Ngã ba Đường tỉnh 915B và Đường nhựa ấp Nhì	450	585	135
Đường nhựa giáp ranh ấp Nhì	400	520	120
Hết thửa 1150, tờ bản đồ số 3 (Nhà bà Trần Thị Gọn); đối diện hết thửa 1153, tờ bản đồ số 3	500	650	150
Giáp ranh xã Vinh Kim	400	520	120
Nhà ông Phan Văn Nho	280	380	100
Đường tỉnh 912	280	380	100
Đường tỉnh 912	280	380	100
Cầu Thanh niên	280	380	100
Giáp ranh thị trấn Mỹ Long	400	520	120
	400	520	120
Đê Biển	280	380	100
Đê Biển	280	380	100
Giáp ranh xã Mỹ Long Bắc	280	380	100
Giáp ranh xã Hiệp Mỹ Đông	280	380	100
Kênh Cầu Váng	280	380	100
Giáp Bờ Giồng Ngang	280	380	100

Nhà ông Ngoan	280	380	100
Hết đường nhựa	280	380	100
Đê Biển	280	380	100
Giáp ranh xã Hiệp Mỹ Đông	280	380	100
Đê Biển	280	380	100
Cổng Đồng Tây	280	380	100
Đường đal Hàng Đào	280	380	100
	350	350	-
			-
Hết thửa số 2647, tờ bản đồ số 7	400	480	80
Hết thửa số 1123, tờ bản đồ số 6	400	480	80
Cầu Sóc Cụt	400	480	80
Giáp ranh xã Phước Hưng	400	480	80
Đường tỉnh 914B	350	420	70
Giáp ranh xã Tân Hiệp (Trà Cú)	400	480	80
Hết thửa 870, tờ bản đồ số 10 (Nhà Phạm Minh Chánh)	400	480	80
Hết thửa 46, tờ bản đồ số 15 (Nhà Trần Văn Dũng)	400	480	80
Hết thửa 15, tờ bản đồ số 15 (Nhà Thạch Dư)	400	480	80
Hết đường nhựa	300	350	50
Giáp ranh xã Hiệp Hòa	280	350	70

Giáp ấp Bào Mốt (xã Long Sơn)	280	350	70
Chùa Bốt Bi	280	350	70
Đường tỉnh 914B	280	350	70
Giáp ấp Căn Nom (Trường Thọ)	280	350	70
Hết đường nhựa (Thửa 429, tờ bản đồ số 12)	280	350	70
Kênh Tư Nhường	280	350	70
Trường Tiểu học Nhị Trường; đối diện nhà bà Thạch Thị Kim Lê	280	350	70
Nhà ông Mười Đực	280	350	70
Cầu ông bảy Thân	280	350	70
Nhà ông Sơn Chia (kênh cấp II)	280	350	70
Đường tỉnh 912C	280	350	70
Giáp Đường nhựa quy hoạch	280	350	70
Giáp Đường đal Hiệp Hòa	280	350	70
Giáp thửa đất ruộng (ông Kim Nuộn)	280	350	70
Đường tỉnh 914B	280	350	70
Giáp ranh ấp Tri Liêm, xã Hiệp Hòa	280	350	70
Giáp thửa 1606, tờ bản đồ số 10	280	350	70
Thửa số 2113 ,tờ bản đồ số 9	280	350	70
Đường đal (Giồng Thành)	280	350	70

Nhà Kho Lương thực	400	480	80
	370	370	-
Hết đường nhựa	280	350	70
Hết đường nhựa	280	350	70
Hết thửa 928, tờ bản đồ số 8	280	350	70
Hết thửa 386, tờ bản đồ số 5	280	350	70
Đường tỉnh 914B	280	350	70
Kênh Thống Nhất 5	280	350	70
Giáp ranh xã Nhị Trường	280	350	70
Giáp ranh xã Thuận Hòa	280	350	70
Nhà năm Liên	280	350	70
	350	420	70
Trường học Căn Nom	300	350	50
Hết thửa 1343, tờ bản đồ số 3 (hết đường nhựa)	280	350	70
Hết thửa 777, tờ bản đồ số 9 (Thạch Thị Hôn)	280	350	70
Hết đường nhựa	280	350	70
Nhà ông Thạch Tư	280	350	70
Cầu Út Nén Căn Nom	280	350	70
Thửa số 953, tờ bản đồ số 5	280	350	70

Hết đường nhựa	280	350	70
Hết thửa 1529, tờ bản đồ số 3	280	350	70
hết thửa 47, tờ bản đồ số 2	280	350	70
Kênh IV	280	350	70
Kênh I	280	350	70
Kênh I	280	350	70
Cầu EC	280	350	70
Từ thửa 2679, tờ bản đồ số 5	280	350	70
Đường tỉnh 912C	280	350	70
Thửa 147, tờ bản đồ số 4	280	350	70
Nhà ông Thạch Sơn	280	350	70
Nhà ông Thạch Vương	280	350	70
Giáp ranh xã Mỹ Chánh (huyện Châu Thành)	400	480	80
	280	350	70
			-
Ranh ấp Đường Liều, Mế Láng	500	600	100
Đường vào Sân vận động; đối diện hết thửa 41, tờ 18, xã Ngũ Lạc	1,000	1000	-
Giáp ranh xã Đôn Châu	500	600	100
Cầu Bào Ha	1,000	1000	-

Hết ranh Trường Tiểu học Ngũ Lạc B; đối diện đường Ông Cúc Thốt Lốt	700	800	100
Thanh Hòa Sơn (huyện Cầu Ngang)	400	500	100
Đường nhựa Lạc Thạnh B	400	500	100
Thửa 396, tờ bản đồ số 8	400	500	100
Giáp ranh xã Ngũ Lạc	400	500	100
Đường tỉnh 911B	400	500	100
	350	400	50
Hết đường nhựa	280	350	70
Sóc Chuối	280	350	70
Hết đường nhựa	280	350	70
Giáp ranh xã Hiệp Mỹ Tây	300	350	50
Hết đường nhựa	280	350	70
Cầu Giồng Múm	280	350	70
Kênh cấp II N12	280	350	70
Giáp ranh xã Ngọc Biên	280	350	70
Hết đường đal	280	350	70
Đường nhựa đi Trường Bần	280	350	70
Kênh cấp II N12	280	350	70
Đường tỉnh 914C	280	350	70
Đường nhựa Sân vận động	280	350	70

Đường nhựa Sân vận động	280	350	70
Giáp ranh xã Ngũ Lạc	280	350	70
Chùa Lạc Sơn	280	350	70
Thửa số 442, tờ bản đồ số 7	280	350	70
Cầu Thanh Niên	280	350	70
Hết đường đal	280	350	70
Hết đường đal	280	350	70
Hết đường đal	280	350	70
Hết đường đal	280	350	70
Hết đường đal	280	350	70
Hết đường đal	280	350	70
Cầu số 4	280	350	70
Kênh Tầm Du	280	350	70
Giáp ranh xã Hiệp Mỹ Tây	350	400	50
Giáp ranh xã Hiệp Mỹ Tây	350	400	50
Đường tỉnh 914	1,500	1500	-
Bến Xuồng	2,000	2000	-
Hết ranh thửa đất 128, tờ 6 (ông Lê Minh Hồng)	500	600	100
Đường đất (nhà ông Thạch Rane)	400	500	100
Nhà ông Nguyễn Minh Bằng (tờ bản đồ số 29 thửa 342)	700	700	-

Đường tỉnh 914	500	500	-
Hết ranh thửa đất 1284, tờ 5 (Thạch Con)	400	500	100
Ấp 14, xã Long Hữu	400	500	100
Đường tỉnh 914	400	500	100
Giáp xã Đôn Châu, huyện Trà Cú	400	500	100
Đường ấp Thốt Lốt	400	500	100
Đường tỉnh 914 (thửa 113, tờ 17)	400	500	100
Giáp thửa 335, tờ 5	400	500	100
Cầu C16 (giáp ranh xã Long Toàn)	900	1000	100
	400	400	-
	600	700	100
Sông cây Xoài	700	800	100
Bờ kè kênh Nguyễn Văn Pho	900	1000	100
	900	900	-
Đường đal Lạc Hòa		350	350
			-
Hết ranh Thánh thất Cao Đài; đối diện đường nhựa vào ấp Lộ Sỏi A	500	600	100
Cửa hàng xăng dầu Đôn Xuân; đối diện hết ranh thửa 85, tờ bản đồ số 8	700	700	-
Hết ranh Chùa Phật ấp Cây Da; đối diện hết ranh thửa 1772, tờ bản đồ số 6	1,000	1000	-
Đường tỉnh 911; đối diện hết ranh cây xăng Bình An	3,000	3000	-
Giáp ranh xã Đôn Châu	2,800	2800	-

Ranh ấp La Bang Chợ, Bà Nhì	500	600	100
Ranh ấp La Bang Chợ, La Bang Chùa	700	700	-
Giáp ranh xã Ngũ Lạc	550	600	50
Đường nhựa vào ấp Tà Rom	2,500	2500	-
Đường tỉnh 914 (cây xăng Bình An)	2,800	2800	-
	1,200	1200	-
Hết ranh Cây xăng Hồng Khởi	1,100	1100	-
	1,200	1200	-
Giáp ranh xã Hàm Giang	400	500	100
	400	500	100
	300	350	50
Giáp ranh xã Đại An	400	500	100
Hết ranh Tha la trước nhà ông Kim Thane	400	500	100
Đường đal phía dưới chùa Bà Giam	400	500	100
	800	800	-
Hết ranh ấp La Bang Chợ	550	550	-
Kênh (Cầu Tà Rom)	550	550	-
Giáp ranh xã Ngũ Lạc	400	500	100
Ranh Chùa Ba sát (thửa 555); đối diện hết ranh thửa 941, tờ bản đồ số 3	400	500	100
Cổng ấp Bào Môn	400	500	100
Đài nước (thửa 846); đối diện hết thửa 1020, tờ 2	400	500	100
Đường đal đi Ngọc Biên; đối diện đường đất vào Chùa Bào Môn	400	500	100

Giáp ranh xã Thanh Hòa Sơn, Cầu Ngang	400	500	100
Đường nhựa ấp Tà Rom A, B		550	550
Đường nhựa Xóm Tộ-Bà Giam B		500	500
sông Nguyễn Văn Pho		500	500
	400	400	-
		400	400
Đường vào bãi rác thị xã Duyên Hải	700	800	100
Cầu Sông Giăng	350	400	50
Kênh thủy lợi ấp Cây Da (giáp Bưu điện xã)	450	450	-
Giáp đê biển	350	400	50
Giáp ranh huyện Duyên Hải (xã Ngũ Lạc)	500	500	-
Đường tỉnh 914	500	500	-
Bàu Cát ấp 14	400	400	-
Giáp huyện Duyên Hải (ấp Trà Khúp, xã Ngũ Lạc)	350	400	50
Giáp Đường tỉnh 914	400	400	-
Đường tỉnh 914	350	400	50
Đê Nông trường	350	350	-

Giáp huyện Duyên Hải (xã Ngũ Lạc)	350	400	50
Cổng Mười Lược	350	400	50
Đê Nông Trường	350	400	50
Bãi rác	350	400	50
Đường ấp 12-14	350	400	50
Đường tỉnh 914 (Ngũ Lạc)	400	400	-
Cánh đồng đơn	350	400	50
Đường nhựa ấp 17	400	400	-
Đường nhựa ấp 12-14	350	400	50
Giáp huyện Duyên Hải (xã Ngũ Lạc)	400	400	-
Đường nhựa ấp 12-14	350	400	50
Đường tỉnh 914	450	450	-
	450	450	-
	400	400	-
Trạm Biên phòng	350	400	50

Đường đal Xóm Cũ	350	400	50
Biên (HTX Thành Đạt)	350	400	50
Đê biển	350	400	50
Cổng nhà 8 Nam (ấp Bào)	350	400	50
Sông Giăng	350	400	50
Đường nhựa ấp Bào		400	400
Hết ranh xã Long Hữu		400	400
	400	400	-
		400	400
Cầu kênh II (ấp Cồn Cù)	500	600	100
Giáp ranh xã Đông Hải và Dân Thành (xã cũ)	500	600	100
Đường đal ấp Động Cao (nhà ông Luyến)	400	500	100
Ngã ba UBND xã Đông Hải	500	600	100
Ngã ba UBND xã Đông Hải	500	600	100
Hết đường nhựa Phước Thiện	600	600	-
Bến đò Tổ Hợp	400	400	-
Trụ sở ấp Động Cao	400	400	-
Giáp đường nhựa-Miếu Bà	400	400	-
Giáp đường nhựa-Miếu Bà	400	400	-

Cầu sắt giáp đường nhựa Phước Thiện	500	500	-
Giáp hai đầu Đường nhựa Chợ mới	600	600	-
Bến đò Tổ hợp	400	400	-
Bến đò Tám Lân	400	400	-
Cầu Đông Hải	600	600	-
Đê Hải Thành Hòa	400	400	-
Hết ranh nhà thờ Cái Đôi	400	400	-
Giáp ranh Khu đố bùn K8	400	400	-
Cầu số 1 Long Vĩnh	400	400	-
Kênh Nguyễn Văn Pho	400	400	-
Đường đal Tổ Hợp	400	400	-
	400	400	-
	300	350	50
			-
	2,000	2000	-
Nhà Thờ	1,500	1500	-
Giáp ấp Vĩnh Khánh, xã Long Khánh	700	700	-
Giáp ranh khóm 5	700	700	-
Chùa Bông Sen	400	400	-
Đường Giồng Bào	700	700	-

Trường Mẫu giáo	500	500	-
Nhà bà Ken (thửa 48, tờ bản đồ 15)	700	700	-
Nhà bà Vĩnh (thửa 230, tờ bản đồ số 7)	700	700	-
	400	400	-
Giáp đường đal (nhà ông Trương Long Hòa)	400	400	-
Giáp ranh xã Long Khánh	400	400	-
Hết ranh khóm 1; đối diện hết thửa 59, tờ bản đồ 8	1,000	1000	-
Giáp ranh xã Long Khánh và Thị trấn Long Thành	1,500	1500	-
Giáp ranh xã Long Vĩnh và Long Khánh	700	700	-
Giáp ranh thị trấn Long Thành và xã Long Khánh	700	700	-
Giáp ranh xã Long Khánh và xã Đông Hải (cầu Ba Vinh)	400	400	-
Quốc lộ 53B	500	500	-
Quốc lộ 53 (hướng Tây - đối diện Chùa Giác Long)	400	400	-
Cầu Cái Đôi (Hết thửa 174, tờ bản đồ 6)	400	400	-
Trung tâm Hành chính xã Long Khánh	500	500	-
Cầu Cái Đôi	500	500	-
Giáp đường ấp Tân Thành (thửa 2211, tờ bản đồ 6)	400	400	-
Giáp đường ấp Tân Thành (thửa 927, tờ bản đồ 6)	400	400	-
Giáp đường ấp Tân Thành (Hết thửa 936, tờ bản đồ 6)	400	400	-

Giáp đường liên xã	400	400	-
Đầu nối đường vào TTHC xã Long Khánh	500	500	-
Bờ kè kênh Nguyễn Văn Pho	400	400	-
Sông Đường Đùng	400	400	-
	400	400	-
	350	350	-
			-
Cổng Xóm Chùa	700	700	-
Ngã ba La Ghi (kể cả khu vực Chợ)	1,000	1000	-
Sông Nguyễn Văn Pho (giáp ranh Trà Cú)	700	700	-
Đê quốc phòng La Ghi	300	350	50
Quốc lộ 53 (Nhà ông Ngô Lâm Hồng)	300	350	50
Trạm Y tế	400	400	-
Bến phà Tà Nị	450	450	-
Bến phà ấp Vàm Rạch Cỏ	450	450	-
Hồ Tàu - Đông Hải	400	400	-
Ngã tư Cái Cỏ	300	350	50
Quốc lộ 53	300	350	50
Bến đò Giồng Bàn	400	400	-
Cầu Trăm Bâu	300	350	50

Đê biển (đất Trạm Biên phòng)	400	400	-
Đê biển (giáp đất bà Lư Thị Hạnh)	400	400	-
	400	400	-
	300	350	50
			-
Cảng cá Định An (hết ranh thửa 430, tờ bản đồ số 15)	3,000	3300	300
Kênh đào Quan Chánh Bó	2,000	2200	200
Công ty Trọng Thủy (Thửa 1852, tờ bản đồ số 14)	2,000	2200	200
Đường bê tông (Thửa 1381, tờ bản đồ số 16)	2,000	2200	200
Kênh đào Quan Chánh Bó	3,000	3300	300
Kênh đào Quan Chánh Bó	1,000	1100	100
	1,500	1650	150
	1,000	1100	100
Hết ranh Cây xăng (khóm 5); đối diện hết thửa 74, tờ 13	1,000	1100	100
Hết ranh Nhà Bia; đối diện hết ranh thửa 678, tờ bản đồ số 13	1,800	2000	200
Cầu Cá lóc	2,000	2200	200
Hết ranh Trường học; đối diện hết ranh thửa 184, tờ bản đồ số 14	1,200	1320	120
Giáp ranh xã Định An	1,000	1100	100
Kênh đào Quan Chánh Bó	2,200	2420	220
	1,200	1320	120

Sông Khoen	900	1000	100
Giáp ranh xã Đại An	1,300	1430	130
	2,000	2200	200
Đầu ranh Chùa Giồng Lớn; đối diện đến đường đal	1,000	1100	100
Cầu Đại An	1,200	1320	120
Ngã tư Đường tỉnh 914, 915	2,300	2530	230
Hết ranh xã Đại An	1,500	1650	150
Kênh đào Quan Chánh Bó	1,500	1650	150
Hết ranh Trường Tiểu Học B Đại An; đối diện hết thửa số 5, tờ bản đồ số 15	1,000	1100	100
Hết ranh xã Đại An	800	900	100
Hết ranh xã Đại An	1,000	1100	100
Giáp ranh huyện Tiểu Cần	500	600	100
	2,500	2,500	-
Hết ranh chùa Ông Bảo	1,000	1,000	-
Giáp ranh xã Định An	600	600	-
Đường nhựa đi thị trấn Định An	700	700	-
Giáp ranh xã Đôn Xuân	600	600	-
Ngã ba đường đaml đi Mé Rạch B	600	600	-
Giáp ranh xã Định An	400	600	200
Giáp ranh xã Đôn Xuân	600	600	-

	400	400	-
	500	500	-
Giáp ranh xã Định An	600	600	-
Trường Mẫu Giáo	500	600	100
Ngã tư Giồng Giữa	450	550	100
Đường tỉnh 915	500	600	100
giáp ranh xã Đôn Châu		600	600
thửa 25, tờ 22 đất bà Huỳnh Thị Liên (tt Định An)		1000	1,000
đường nhựa đi TT Định An cũ		700	700
đường Tỉnh 915		700	700
Đê biển		800	800
	1,000	1000	-
	400	400	-
			-
Hết ranh Cây xăng Minh Hoàng; đối diện hết thửa 2107, tờ bản đồ số 7 (xã Hàm Tân)	1,000	1100	100
Giáp ranh xã Đại An	1,000	1100	100
Quốc lộ 53 (cây xăng Minh Hoàng)	1,200	1300	100
Hết ranh ấp Vàm Ray	500	600	100

Quốc lộ 53	650	750	100
Hết ranh Chùa Ba Cùm; đối diện hết ranh thửa 654, tờ bản đồ số 7	600	700	100
Hết ranh Chùa Trà Cú A; đối diện hết ranh thửa 58, tờ bản đồ số 7	800	850	50
Hết ranh Chùa Bảy Sào Dơi; đối diện hết ranh thửa 635, tờ bản đồ số 8	500	600	100
Hết ranh ấp Bảy Sào Giữa	600	700	100
Sông Hậu	500	600	100
	800	800	-
	800	800	-
Đường tỉnh 914C	500	500	-
Cầu Cà Tóc	500	500	-
Giáp ranh xã Đôn Xuân	450	450	-
Giáp ranh Chùa Bà Giam	300	350	50
	350	400	50
	300	350	50
			-
Hết ranh ấp Sà Vần A	500	600	100
Đường vào Trường Tiểu học A ấp Rạch Bót	500	600	100
Hết ranh Chùa Tha La; đối diện hết ranh thửa 573, tờ bản đồ số 2	500	600	100
Giáp xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang	500	600	100
Đường tỉnh 911 (ngã tư Long Trường)	300	400	100

Giáp ranh xã Ngãi Xuyên	300	400	100
Cầu Long Hiệp	500	600	100
Cây xăng Triệu Thành	750	750	-
Hết ranh xã Ngọc Biên	550	600	50
Hết ranh Trường THCS Long Hiệp; đối diện đến đường nhựa	500	600	100
Hết ranh xã Long Hiệp	400	500	100
	1,000	1000	-
Giáp ranh xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang	500	500	-
	300	350	50
	500	500	-
Đường nhựa ấp Giồng Chanh A	300	350	50
	300	350	50
	500	500	-
Giáp ranh xã Ngãi Xuyên	300	350	50
	300	350	50
			-
Hết ranh Trường Tiểu học A điểm ấp Chợ; đối diện hết ranh thửa 808, tờ bản đồ số 4	700	800	100
Đường huyện 28; đối diện đến hết ranh Nhà máy xay Lúa	1,100	1100	-
Sông Hậu	700	800	100

Cầu Mù U	800	800	-
Hết ranh ấp Chợ	700	700	-
Giáp ranh ấp Xoài Lơ	300	500	200
Ngã ba Xoài Lơ	500	500	-
Cổng Trường Tiểu học B, Lưu Nghiệp Anh; đối diện hết ranh thửa 1343, tờ bản đồ số 5	500	500	-
Hết ranh xã Lưu Nghiệp Anh	300	400	100
Đường huyện 27 (ngã ba về Xoài Lơ)	600	700	100
Kênh	2,000	2000	-
Hết ranh ấp Chợ	800	800	-
Tỉnh lộ 915	500	500	-
Đường nhựa ấp Sóc Tro Giữa	600	600	-
Đường tỉnh 915	400	400	-
	1,100	1100	-
Hết ranh ấp Chợ	750	750	-
Ngã ba (nhà anh Na)	400	400	-
Giáp ranh xã Ngãi Xuyên	300	350	50
Đường tỉnh 915	400	400	-
Sông Trà Cú	500	500	-
	300	350	50
			-

Bến cống Tập Sơn	1,500	1600	100
Cầu Ngọc Biên	1,000	1100	100
Đường huyện 17; đối diện hết ranh Cây xăng Đầu Giồng	900	1000	100
Đường tỉnh 911; đối diện đến ranh Cây xăng Thuận Phát	1,000	1100	100
Đầu ranh Sân vận động; đối diện hết thửa 453, tờ bản đồ số 21	1,000	1100	100
Cầu Phước Hưng	1,200	1300	100
Hết ranh UBND xã Phước Hưng; đối diện hết thửa 2257, tờ bản đồ số 9	1,200	1300	100
Hết ranh ấp Chòm Chuối	1,200	1300	100
Hết ranh xã Phước Hưng	900	1000	100
Đường vào Sân vận động (Tháp Sơn Nghiêm)	900	1000	100
Hết ranh Ngân hàng Nông nghiệp; đối diện đến hết ranh Trường Mẫu giáo Tập Sơn	1,000	1100	100
Cổng trường cấp 3 Tập Sơn; đối diện đường nhựa vào ấp Bến Trị	1,700	1700	-
Hết ranh xã Tập Sơn	800	900	100
Cầu Ông Rùm (giáp ranh huyện Tiểu Cần)	800	900	100
Giáp xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang	750	750	-
Hết ranh xã Phước Hưng	550	550	-
Cầu Leng	850	850	-
	1,500	1500	-
	1,000	1000	-

	500	500	-
Kênh số 2	400	500	100
Quốc lộ 54 (Cầu Phước Hưng)	700	700	-
Kênh số 1 (đồng trước)	700	700	-
Giáp ranh xã Tân Hiệp	300	400	100
Kênh số 1 (đồng trước)	700	700	-
Giáp ranh xã Tân Hiệp	350	400	50
Giáp ranh ấp Trà Mềm, xã Tập Sơn	300	400	100
Kênh số 1	400	400	-
Quốc lộ 54 (Cầu Phước Hưng)	700	700	-
	1,300	1300	-
Đường đất vào ấp Bến Trĩ	300	400	100
Quốc lộ 54 (Cầu Tập Sơn)	750	750	-
Kênh Bến cống Tập Sơn	750	750	-
Quốc lộ 54 (Cầu Tập Sơn)	750	750	-
Cầu Kênh Đường Xuông	750	750	-
Cầu ấp Ô	350	400	50
Giáp ranh xã Tân Sơn	300	400	100
Kênh xáng	300	400	100

Hết đường nhựa	300	400	100
	650	650	-
Giáp ranh xã Tập Sơn	300	400	100
Giáp ranh xã Tập Sơn	300	400	100
	300	350	50
			-
Cổng Trà Cú	2,500	3000	500
Đường Nguyễn Huệ	5,500	6600	1,100
Đường huyện 36 (ngã ba đi Bảy Sào)	4,500	5400	900
Giáp ranh xã Thanh Sơn	3,000	3600	600
	3,000	3600	600
	2,500	3000	500
	2,500	3000	500
	1,800	2160	360
	2,500	3000	500
	2,500	3000	500
Đường Cách Mạng Tháng 8	2,500	3000	500
	4,000	4800	800
	6,000	7200	1,200
	6,000	7200	1,200

	2,000	2400	400
Đường 30/4	2,200	2640	440
Đường 30/4	1,800	2160	360
Đường Cách Mạng Tháng 8	2,500	3000	500
Hết ranh Chùa Tịnh Độ	1,800	2160	360
Hết ranh thị trấn	1,000	1200	200
Hết ranh thị trấn	800	950	150
Hết ranh thị trấn	800	960	160
Đường tránh Quốc lộ 53	1,200	1440	240
Đường Nguyễn Huệ	800	960	160
Đường vào Bệnh viện	1,000	1200	200
Hết tuyến	1,000	1200	200
Đường 30/4	2,200	2640	440
Đường tránh Quốc lộ 53	1,200	1440	240
Cầu khóm 5 (Trường tiểu học thị trấn A)	800	960	160
Giáp ranh xã Thanh Sơn	800	960	160
Kênh Xáng (Giáp ranh xã Kim Sơn)	1,200	1440	240
Đường tránh Quốc Lộ 53	3,500	4200	700
Cầu Bưng Sen	1,000	1200	200
Đường 3 tháng 2	1,900	2280	380
Đầu ranh Chùa Kosla; đối diện hết ranh thửa 1768, tờ bản đồ số 5	2,000	2400	400

Đường tỉnh 914C (ngã ba đi Trà Tro); đối diện hết ranh đất Tiệm tử Hoàng Nguyên	1,000	1200	200
Quốc lộ 53 (Ngã ba Chùa Kosla)	1,500	1800	300
Hết ranh xã Ngãi Xuyên	700	840	140
Hết ranh Chùa Tân Long; đối diện hết ranh thửa 25, tờ bản đồ số 2	550	660	110
Cầu Ba Tục	600	720	120
Đường Tránh Quốc Lộ 53	500	600	100
Cầu Sóc Chà	800	960	160
	500	600	100
Đường tránh Quốc lộ 53	500	600	100
Quốc lộ 53 (Ngã tư Xoài Xiêm)	500	600	100
Hết thửa 901; đối diện hết thửa 923, tờ bản đồ số 6	400	500	100
Giáp ranh xã Lưu Nghiệp Anh	300	400	100
	400	500	100
Đường bê tông (giáp thửa 1277, tờ bản đồ số 3)	400	500	100
Cầu Kênh 5 (Giồng Tranh)	400	500	100
Hết đường nhựa	300	400	100
Giáp ranh xã Hàm Giang	300	400	100
Đường tránh Quốc lộ 53	1,500	1800	300
	500	500	-
	300	400	100

			-
Hết Chùa Tà Thiêu; đối diện đến Đường tránh Quốc lộ 54	3,000	3600	600
Đường Lê Lai; đối diện hết ranh nhà ông Trần Minh Long	4,000	4800	800
Đường Võ Thị Sáu; đối diện hết ranh đất Ngân hàng Nông nghiệp	5,000	6000	1,000
Cầu Bang Chang	4,000	4800	800
Công viên khóm 8 (Ranh đất nhà anh Thi)	3,000	3600	600
Hết ranh Thị trấn	2,000	2400	400
Giáp ranh xã Hòa Ân	1,500	1800	300
Giáp ranh xã Hoà Ân	1,500	1800	300
Cầu, đường tránh Quốc lộ 54	3,500	4200	700
Giáp đường 30/4 (khóm 8)	3,000	3600	600
Đường tránh Quốc lộ 54	2,000	2400	400
Đường Lê lợi	2,000	2400	400
Cổng Lương thực cũ	2,500	3000	500
Đường Nguyễn Hòa Luông	2,000	2400	400
Chùa Phước Thiện	2,000	2400	400
Đường Nguyễn Hòa Luông	1,000	1200	200
Hết ranh đất Huyện uỷ mới	5,500	6600	1,100
Đường Võ Thị Sáu	3,000	3600	600

Giáp đầu cổng UBND huyện	5,500	6600	1,100
Công an huyện	5,000	6000	1,000
Bến đò	3,000	3600	600
Giáp ranh xã Hoà Tân	3,000	3600	600
Giáp ranh xã Hòa Tân	1,000	1200	200
	5,500	6600	1,100
Đường Nguyễn Hòa Luông	1,500	1800	300
Giáp ranh xã Hòa Ân	1,500	1800	300
Đường Nguyễn Văn Kề	1,500	1800	300
Đường vào Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1,000	1200	200
Đường 30/4	1,000	1200	200
Đường 30/4	1,000	1200	200
Nhà Châu Chí Úi	500	600	100
	1,000	1200	200
Đường đal (Cua Chủ Xuân); đối diện hết ranh đất Phạm Hoàng Nhữ	1,500	1800	300
Cửa hàng xăng dầu số 43 (Công ty cổ phần dầu khí MeKong)	1,000	1200	200
Đường vào chùa Ô Mịch; đối diện hết ranh đất ông Thạch Hưng (3 Lực)	1,500	1800	300
Cầu Phong Phú	1,000	1200	200
Chợ Trà Ôt	500	600	100

Hết ranh đất Chùa Rùm Sóc; đổi diện hết ranh đất Trường Tiểu học Châu Điền B	500	600	100
Cầu Ô Rôm	500	600	100
Hết ranh Chùa Sâm Bua; đổi diện hết ranh đất bà Châu Thị Cọt	800	960	160
Quốc lộ 54	500	600	100
	1,800	2160	360
	1,400	1680	280
Cầu Ô Mịch	500	600	100
Giáp ranh xã Tân An	280	350	70
Chùa Ô Tung	280	350	70
Ranh ấp Kinh Xáng xã Phong Phú	280	350	70
	280	350	70
Đường vào Khối vận		1500	1,500
			-
Nhà ông Phan Hoàng Tâm (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 41)	1,000	1000	-
Hộ ông Trương Văn Kết (thửa đất số 394, tờ bản đồ số 41)	1,000	1000	-
	1,000	1000	-
	1,000	1000	-
Giáp ranh huyện Tiểu Cần	800	900	100
Hết ranh Trạm Điện nông thôn; đổi diện hết ranh đất ông Thạch Tóc	1,500	1500	-

Ngã ba Trung tâm xã Hoà Tân; đối diện hết ranh đất Cây xăng Hữu Bình	800	900	100
Cầu kênh đào	500	600	100
Bến đò Bến Cát	500	500	-
Trụ sở cũ UBND xã An Phú Tân (giáp đầu khu vực chợ An Phú Tân)	500	500	-
Chợ Bến Đình	800	800	-
Đường tỉnh 915	500	500	-
Đường tỉnh 915	500	500	-
Doanh nghiệp Vạn Phước II	500	500	-
Bến phà	500	500	-
Đường đê bao Sông Hậu		300	300
Giáp ranh xã Phong Thạnh		350	350
Ấp 4 xã Cầu Kè		350	350
	280	350	70
			-
	1,500	1500	-
	1,000	1000	-
	1,000	1000	-
	1,000	1000	-
	1,500	1500	-
Cổng Phong Phú	1,500	1700	200
Cầu Phong Thạnh	1,000	1200	200

Hết ranh đất Bưu điện Phong Thạnh; đối diện hết ranh UBND xã Phong Thạnh	1,500	1700	200
Hết ranh Trường Tiểu học Phong Thạnh; đối diện giáp đường đal (nhà bà Lưu Thị Phụng)	1,000	1200	200
Ranh Hặt	1,000	1200	200
Chợ Đường Đức	800	900	100
Hết ranh Chùa Ấp Tư Phong Phú	500	600	100
Hết ranh đất Trường Tiểu học Phong Phú; đối diện hết ranh đất Lục Gia Mộ Viên	500	600	100
Đường tỉnh 915	1,000	1000	-
Sông Mỹ Văn	1,000	1000	-
Giáp Định Quới B Cầu Quan	500	600	100
Chùa Cao đài ấp 3 Phong Thạnh	500	600	100
Đường bê tông (Hết thửa 278 tờ bản đồ số 20); đối diện hết thửa 79, tờ bản đồ số 20)	1,100	1100	-
Cầu Đập ấp 1 Phong Thạnh	500	600	100
Đường huyện 51	500	500	-
Hết đường nhựa Cây Gòn	500	500	-
Cầu Cây Trôm	280	350	70
Đường nhựa ấp III, IV xã Phong Phú	350	400	50
	280	350	70
			-
	1,000	1000	-
	1,000	1000	-

	1,000	1000	-
	1,000	1000	-
Giáp huyện Trà Ôn	900	1000	100
Giáp ranh xã Hựu Thành	1,000	1000	-
Hết ranh đất Đài nước; đổi diện ranh đất bà Đặng Thị Múc	800	900	100
Cầu Thạnh Phú	800	900	100
Hết ranh Cây xăng Thiên Mã; đổi diện hết ranh đất Trần Thị Bích	1,000	1100	100
Hết ranh UBND xã Thạnh Phú; đổi diện hết ranh đất ông Lê Văn Ba	800	900	100
Giáp xã Tân An	800	900	100
Hết ranh đất Chùa Chông Ksach (kể cả phía đổi diện)	500	600	100
Hết ranh đất nhà Ba Nhàn; đổi diện hết ranh đất Cao Thị Kiều	500	600	100
Đường tỉnh 911	500	600	100
Hết đường nhựa (ấp Giồng Nổi)	500	500	-
Đường tỉnh 915	500	500	-
Chợ Bà My	500	500	-
Đường tỉnh 906	800	800	-
Giáp nhà 2 Dững	280	350	70
Giáp nhà 6 Kiện	280	350	70
Giáp kênh Kinh Xuôi	280	350	70
Cầu Phan Văn Em	280	350	70

Giáp nhà Nguyễn Văn Hiền	280	350	70
Giáp ranh Nguyễn Thị Ngọc Thanh	280	350	70
Ngã tư Ô Chích	280	350	70
Ngã ba miếu	280	350	70
Giáp Nguyễn Văn Đục Nhỏ	280	350	70
Giáp xã Cầu Kè		350	350
Kênh Giã Vách		350	350
Giáp xã Vĩnh Xuân		350	350
Sông Tổng Tồn		350	350
Cầu Chín Đại		350	350
Cổng Lục Rây		350	350
Đường Bà My		350	350
Bưng Lớn A		350	350
Ngọc Hồ - Ngãi Nhất		350	350
Gần nhà Ra Đa		350	350
	280	350	70
			-
Hết ranh Trường Tiểu học A (An Trường); đối diện hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 12	700	800	100
Đường nhựa (cặp Trường THCS An Trường A); đối diện hết ranh đất thửa số 57, tờ bản đồ 13	1,100	1100	-

Cầu Ván	700	800	100
Ngã 3 Đường đal (UBND xã An Trường A); đối diện hết ranh đất thửa số 130, tờ bản đồ số 8	900	1000	100
Đường tỉnh 913B (xã Tân Bình)	500	600	100
Cầu Ngã Hậu (giáp ranh xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè)	500	500	-
Đường tỉnh 913	600	600	-
Đường tỉnh 913C	600	600	-
Sông An Trường	2,500	2500	-
Cầu 3/2	600	600	-
Cuối đường nhựa ấp 8A	600	600	-
Đường lộ giữa An Trường	2,000	2000	-
Đường huyện 7	700	700	-
	2,500	2500	-
Đường lộ giữa An Trường	500	500	-
Đường lộ giữa An Trường	500	500	-
Đường lộ giữa An Trường	500	500	-
Đường lộ giữa An Trường	500	500	-

Đường lộ giữa An Trường	500	500	-
Giáp xã An Trường A	500	500	-
Kênh Tỉnh	500	500	-
Kênh Tỉnh	500	500	-
	500	500	-
ấp 4A	500	500	-
Hết sân Vận động	600	600	-
	800	800	-
Kênh Tỉnh	400	450	50
Kênh Tỉnh	400	450	50
Kênh Tỉnh	400	450	50
Sông Trà Ngoa (Thạnh Phú, Cầu Kè)	400	400	-
Kênh Tỉnh	350	400	50
Kênh Tỉnh	350	400	50
Kênh Tỉnh	500	500	-
Ranh ấp Cầu Xây, xã Tân An		400	400

	280	350	70
			-
	3,700	4200	500
Bờ sông Càng Long	3,700	4200	500
Bờ sông Càng Long	3,200	3800	600
Bờ sông Càng Long	3,700	4200	500
Cầu 2/9	3,500	4000	500
Cổng bệnh viện	2,000	2400	400
Cầu Mỹ Huệ	1,500	1800	300
Giáp ranh xã Mỹ Cẩm	1,400	1680	280
Giáp khu nhà ở Khóm 6 (thửa số 328, tờ bản đồ số 19)	1,500	1800	300
Cầu Công Si Heo	1,000	1000	-
Bến đò khóm 9	400	500	100
	2,000	2000	-
Đường Huỳnh Văn Ngò	1,700	2000	300
	1,700	2000	300
Đường Huỳnh Văn Ngò	600	600	-
Đường Huỳnh Văn Ngò	1,500	1800	300
Giáp Mỹ Cẩm	1,500	1800	300

Đường Huỳnh Văn Ngò	600	600	-
Bến đò cũ (khóm 9)	500	600	100
Cầu khóm 7, khóm 8	500	600	100
Đường 2/9	3,000	3500	500
Hẻm Lương thực	3,700	4200	500
Đường tỉnh 913	2,700	3200	500
Đường 19/5; đối diện hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 8, hộ ông Đặng Văn Út	3,500	4000	500
Hết ranh Bưu điện huyện; đối diện hết ranh Chùa Ấn Tâm	4,000	4500	500
Cầu Mỹ Huê	3,500	4000	500
Đường huyện 7	2,500	3000	500
Hết ranh thị trấn Càng Long	2,000	2500	500
Đường vào bệnh viện; đối diện đường vào máy chà ông Chung	2,500	3000	500
Cầu Suối	2,200	2640	440
Giáp xã Mỹ Cẩm	1,500	1800	300
Hết ranh thị trấn (giáp xã Nhị Long Phú)	600	700	100
Giáp xã Mỹ Cẩm	600	700	100
Kênh khai Luông	1,000	1000	-
Đường Huỳnh Văn Ngò	700	840	140
Đường giữa khóm 5	700	840	140

Chợ Mỹ Huê	600	700	100
Đường nhựa khóm 6	500	600	100
	600	700	100
Đường huyện 37	600	700	100
Cầu khóm 8	600	700	100
Hết ranh Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc	1,000	1200	200
Kênh Tắc	600	700	100
Sông Mây Túc	800	960	160
Cầu Long An	600	700	100
	1,400	1650	250
	700	840	140
Đường tỉnh 907	700	840	140
Cầu Kinh Chữ Thập	400	500	100
Cầu Kinh Lá	800	900	100
Đường đal đi ấp số 2; đối diện đến Cống	800	900	100
Cầu Loco	600	700	100
Hết ranh UBND xã Nhị Long Phú	600	700	100
Đường tỉnh 913	400	500	100
Cầu Mười Xiêm	400	500	100

	700	840	140
Hết ranh thửa 720, tờ bản đồ số 22 (nhà ông Nguyễn Văn Lôi, ấp số 3)	500	600	100
	1,200	1200	-
Thửa 116, tờ bản đồ số 2 (Trần Văn Búp)	300	400	100
Thửa 57B, tờ bản đồ số 12 (Lê Công Tèo)	300	400	100
Hết thửa 945, tờ bản đồ số 7a (Nguyễn Văn Út) ấp Dừa Đỏ	300	400	100
Hết thửa 57B, tờ bản đồ số 12 (Lê Công Tèo), ấp Gò Tiến	300	400	100
	600	700	100
Hương lộ 4		500	500
thửa đất số 1, tờ bản đồ số 5 (ông Lê Văn Diễn)		500	500
thửa đất số 248, tờ bản đồ số 3 (bà Nguyễn Thị Tiểu)		600	600
thửa đất số 1608, tờ bản đồ số 26 (nhà Truyền Thống)		500	500
thửa đất số 1163, tờ bản đồ số 25 (bà Đồng Thị Mười)		500	500
	350	400	50
			-
Đường vào Trường Cấp III; đối diện đầu kênh Ba Tươi (xã Bình Phú)	2,000	2500	500
Đường tỉnh 913C; đối diện hết ranh chợ Bình Phú	3,000	3200	200
Cầu Láng Thè	2,500	2800	300
Đường huyện 7; đối diện đến giáp ranh thửa đất số 18 - Cửa hàng vật tư nông nghiệp Kim Ven (xã Phương Thạnh)	1,500	2000	500
UBND xã Phương Thạnh cũ	2,500	2800	300

Sông Ba Si	2,200	2200	-
Cổng gần Huyện đội (Quốc lộ 60)	3,000	3200	200
Đường tỉnh 913	1,200	2200	1,000
Cầu Cổ Chiên	2,000	2500	500
Cổng 3 xã, giáp xã Huyền Hội	1,200	1500	300
Hết ranh UBND xã Phương Thạnh; đối diện hết ranh Trường Tiểu học Phương Thạnh C	1,000	1200	200
Ranh giới xã Phương Thạnh và Huyền Hội	600	700	100
Giáp ranh xã Đại Phúc	600	700	100
Hết ranh UBND xã Đại Phúc; đối diện đường xuống bến đò Hai Ni	500	600	100
Cầu Rạch Cát	500	600	100
Quốc lộ 53 (xã Phương Thạnh, đường Bờ Keo)	500	600	100
Quốc lộ 60	1,000	2200	1,200
	2,000	2000	-
Đường huyện 7	800	1200	400
Máy chà (ba Nhứt)	400	500	100
Đường huyện 7	350	400	50
Bãi rác	280	350	70
Kênh 3 xã	280	350	70
Quốc lộ 60 (Phú Phong 1)	700	700	-
Đường tỉnh 913	350	400	50
	700	700	-
	280	350	70

Đình Tân Hạnh	400	500	100
Đường tỉnh 913		900	900
Đường huyện 7		500	500
Giáp ranh giới xã Tân An		500	500
Giáp ranh giới xã An Trường		500	500
Kênh 3 xã		500	500
Kênh 3 xã		500	500
Đường nhựa Hưng Nhượng A-B		500	500
Đường nhựa Hưng Nhượng A-B		500	500
Đường nhựa Hưng Nhượng A-B		500	500
Đường huyện 7 (nhà Ông Lâm)		500	500
Đường nhựa (Sóc Vĩnh)		800	800
Đường nhựa (Sóc Vĩnh)		800	800
Đường nhựa Hồ nước ngọt		900	900
Đình Tân Hạnh		800	800
Đường huyện 7		700	700
Đường nhựa Tân Hạnh - Tân Định		500	500
Ấp Phú Hưng 1		400	400
Cầu giáp Ấp Phú Hưng 1		500	500
Đường Kênh N21		500	500
Quốc lộ 60		800	800
Đường nhựa kênh N19		500	500

Đường đal Phú Đức		600	600
Đường nhựa kênh N19		700	700
Kênh 3 xã		700	700
Quốc lộ 60		700	700
Kho lạnh		1200	1,200
Đường nhựa kênh 3 xã		700	700
Cầu cây Cách		500	500
Đường đal Phú Đức		700	700
Đường nhựa ấp Giồng Chùa		500	500
	700	700	-
	500	500	-
	280	350	70
			-
Cầu Ba Trường	1,500	1800	300
Đường vào bến phà Cỏ Chiên	700	800	100
Ngã 4 đường vào chợ Rạch Bàng	700	800	100
Đường huyện 1 (ngã ba cua 11, gần bến phà Cỏ Chiên)	700	800	100
Ngã ba về Rạch Đập	350	500	150
UBND xã Nhị Long cũ (Đường về Rạch Mát)	600	700	100

Đường huyện 3 (Quốc lộ 60 cũ)	3,200	3200	-
Đường dẫn Cầu Cỏ Chiên (ngã tư Rạch Dừa)	400	500	100
Giáp thị trấn Càng Long	700	800	100
	2,700	2700	-
Đường tỉnh 913	350	400	50
Đường huyện 37	350	400	50
Trạm y tế xã	2,200	2200	-
Rạch rô 2	280	350	70
	300	400	100
Đường huyện 3	500	500	-
Quốc lộ 60	1,000	2000	1,000
Sông Rạch Bàng	1,200	1200	-
Bến Phà	700	700	-
Sông Cỏ Chiên	700	700	-
UBND xã Đức Mỹ ngã tư	600	600	-
Ngã ba ấp Đại Đức	600	600	-

Đường huyện 3 (Quốc lộ 60)	500	500	-
Cầu Rạch Rừng	600	600	-
Giáp ranh xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	550	550	-
	500	500	-
Đường huyện 1 (Hợp tác xã Quyết tâm)	500	500	-
Ấp Long Sơn	500	500	-
Chợ Rạch Bàng	1,200	1200	-
hết ranh Nhà Thờ Cá Hô	1,200	1200	-
Cầu Long Sơn	500	500	-
	600	600	-
UBND xã cũ	300	400	100
Đường đal ấp Trung	300	400	100
Đường nhựa ấp Trung	400	500	100
Giáp Long Đức	500	500	-
Đường huyện 1 (Đường huyện 1)	300	400	100
Đường Bào Năng	300	400	100

Đường nhựa khu vực Chợ Bãi Xan	400	500	100
Đường huyện 1	500	500	-
Đường nhựa đê bao Cống Cái Hóp		500	500
	280	350	70
			-
Đường tỉnh 913B; đối diện hết ranh đất thửa số 111 tờ bản đồ số 21	800	1000	200
Đường vào Trạm y tế xã Tân An	2,900	2900	-
Cầu Tân An	3,500	3500	-
Đường đal đi An Chánh; đối diện hết ranh thửa 27, tờ bản đồ số 18, hộ bà Võ Thị Thùy Trang	2,000	2000	-
Cầu Chợ Huyện Hội	700	1300	600
Đường tỉnh 913C; đối diện hết ranh đất Cây xăng Huyện Hội (thửa số 213, tờ bản đồ số 17)	1,700	1700	-
Cống Kênh Tây	1,000	1000	-
Cầu Đập Sen	700	800	100
Ngã ba Đường tỉnh 911 (xã Tân An)	500	600	100
Kênh 7 Thượng	500	600	100
Giáp ranh xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần	400	500	100
Kênh Khương Hòa	400	500	100
Cầu Ất Ếch	700	800	100

Ngã ba Đường tỉnh 911 (xã Huyện Hội)	1,700	1700	-
Đường về Trà On	600	700	100
Hết ranh xã Huyện Hội	500	800	300
Đường tỉnh 913C - Cầu Ất Ếch (xã Huyện Hội)	600	700	100
	1,700	1700	-
Sông Huyện Hội	1,700	1700	-
Trà On	400	500	100
Cổng Trà On	400	500	100
Sông Trà Ngoa	3,500	3500	-
	2,000	2000	-
Kênh Tuổi Trẻ	350	400	50
Ngã ba; đối diện hết thửa 1417, tờ bản đồ 23	400	500	100
Kinh 10 Long giáp ấp Nhà Thờ	500	600	100
Ranh xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần	400	500	100
Hết tuyến	600	600	-
	280	350	70
			-
Quốc lộ 54 cũ (Tân Hùng)	1,500	1500	-
Cổng nhà bia liệt sĩ Tân Hùng; đối diện đường bê tông	1,500	1500	-
Cầu Te Te	1,500	1500	-

Giáp ranh Trà Cú	1,000	1000	-
Cây xăng Quốc Duy (giáp Thanh Mỹ)	900	1000	100
Cầu Ba Điều	600	700	100
Cầu Kênh Trẹm	500	600	100
Cầu Ngãi Hùng	600	700	100
Kênh	1,000	1000	-
Kênh	500	500	-
	800	800	-
Kênh Chánh Hội	500	700	200
Kênh Út Đảnh	500	600	100
Cầu Ngãi Hùng	800	800	-
Nhà Võ Văn Sơn (thửa đất 261, tờ bản đồ số 1)	400	500	100
Giáp ranh xã Phước Hưng, huyện Trà Cú	400	500	100
Giáp xã Tập Sơn huyện Trà Cú	400	500	100
Hết thửa 407 tờ bản đồ số 5	400	500	100
Hết thửa 125 tờ bản đồ số 16	400	500	100
Sông Từ Ô	1,000	1000	-
	1,500	1500	-
	1,000	1000	-
Nhà ông Sáu Lầu	700	700	-
Nhà bà Lạm Thị Tề	500	600	100

Chợ Hùng Hòa	400	500	100
Đầu cầu chợ Sóc Cầu	700	800	100
Trung tâm xã	500	500	-
Chùa O Veng Chas	600	600	-
Nhà 9 Chòi	600	600	-
Cầu Từ Ô	1,200	1200	-
	900	900	-
Ngã ba Quốc lộ 54 (hết đất bà Sa Vane)	700	700	-
	500	500	-
Sông Rạch Lộp	500	500	-
Trung tâm giống thủy sản	300	400	100
Cầu Ngãi Hùng	600	600	-
Đường tỉnh 913C	300	400	100
Đường tỉnh 913C	300	400	100
Cầu 7 Dậu	300	400	100
Đường nhựa Phụng Sa - Te Te 1	600	600	-
Chợ Sóc Cầu	400	600	200
Xã Hùng Hòa (Hết thửa 373, tờ bản đồ số 21)	400	500	100
Thửa 362, tờ bản đồ số 22 (Đất ông Nguyễn Văn Bạc)	400	500	100
Quốc lộ 54		1500	1,500
Đường tỉnh 911C (Trạm bơm kênh 3/2)		400	400

Giáp rãnh xã Tập Ngãi		400	400
Ấp Ngã Ba (xã Lưu Nghiệp Anh)		500	500
ấp Sóc Dừa, xã Tân Hòa		400	400
ấp Cao Một, xã Tân Hòa		400	400
Đường đanl chùa Long Hòa (nhà 8 Tâm)		400	400
	280	350	70
			-
Cầu Sóc Tre	4,000	5000	1,000
Đường Võ Thị Sáu	4,000	5000	1,000
Đường Trần Hưng Đạo	4,500	5600	1,100
Chợ cá	4,000	5000	1,000
Đường Lê Văn Tám; đối diện hết ranh thửa đất 103, tờ bản đồ 14 (hộ Dương Thị Phước)	3,000	3800	800
Đường đất giáp ranh xã Phú Can; doi diện hết ranh thửa đất 8 tờ bản đồ 11 (hộ Lê Thị Mỹ Phương)	2,500	3200	700
Quốc lộ 60	2,500	3200	700
Đường Hai Bà Trưng	2,000	2500	500
Đường Lê Văn Tám	1,200	1500	300
Đường Võ Thị Sáu	2,000	2500	500
Đường Hai Bà Trưng	3,000	3800	800
Cổng Tài Phú	3,000	3800	800
Cầu Bà Liếp	1,500	1800	300

Kho Lương thực	600	750	150
Đường Võ Thị Sáu	1,200	1500	300
Đường Võ Thị Sáu	800	1000	200
Hết hẻm	400	500	100
Cặp sông	400	500	100
Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,200	1500	300
Đường 30/4	500	600	100
Đường Võ Thị Sáu	500	600	100
Đường Chợ gà (nhà bà Thiệt)	4,000	5000	1,000
Hẻm đường 30/4	1,200	1500	300
Hết hẻm	400	500	100
Hết hẻm	400	500	100
Hết hẻm	400	500	100
Hết hẻm	400	500	100
Hết hẻm	400	500	100
Quốc lộ 60 (UBND thị trấn)	4,500	5600	1,100
	2,500	3100	600
Hết hẻm	400	500	100
Hết hẻm	1,000	1200	200

Cầu khóm 5 và cầu Bà Liếp	1,200	1500	300
Đường tỉnh 912 (Cầu Ba Sét)	1,200	1500	300
Hết hẻm	1,000	1200	200
Hết tuyến	500	600	100
Sông Cần Chông	400	500	100
Hết tuyến	1,200	1500	300
	2,000	2500	500
Cầu khóm 2	700	850	150
Hết tuyến	800	1000	200
Ngã ba Rạch Lợp	4,000	5000	1,000
Đường Võ Thị Sáu	1,200	1500	300
Giáp đường Nội ô thị trấn Tiểu Cần	700	850	150
Đường đal khóm 5 (thửa 41, tờ bản đồ số 16)	700	850	150
Sông Tiểu Cần	1,200	1500	300
Quốc lộ 54, xã Phú Cần	1,500	1800	300
Cầu Đại Sur	1,500	1800	300
Hết tuyến (thửa 340, tờ bản đồ số 30)	1,200	1500	300
Thửa 252 tờ 17 xã Phú Cần	1,500	1875	375
Giáp ranh Huyện đội; đối diện hết thửa 822 tờ 4 (hộ Đoàn Văn Ân)	600	1000	400

Cổng (đến thửa 19, tờ 19 đất Nhà Thờ); đối diện đến thửa 20 tờ 19 hộ Huỳnh Văn Ổ	900	1200	300
Sông Cần Chông	1,500	1500	-
Cầu Rạch Lộp	2,000	2000	-
Đường đal Phú Thọ 2; đối diện đường đal xã Hiếu Tử	1,200	1500	300
Cổng Cây hẹ	1,300	2000	700
Đường ngang số 1 (Karaoke Vĩnh Khang); đối diện hết thửa 6, tờ bản đồ 8 Cây xăng Thanh Long	3,000	3200	200
Hết ranh Trường cấp I Tiểu Cần; đối diện hết ranh Kho bạc nhà nước huyện cũ	3,000	3500	500
Cầu Tiểu Cần	4,000	4500	500
Đường đal Xóm Vó xã Phú Cần; đối diện đến hết ranh Bệnh viện đa khoa huyện	3,200	4000	800
Ngã tư Phú Cần (Quốc lộ 54 và Quốc lộ 60)	2,500	3000	500
Đường đal (Công nhà văn hóa ấp Cầu Tre); đối diện hết thửa 239, tờ bản đồ số 6 hộ Thạch Thi Sâm Nang	1,200	1500	300
Cầu Cầu Tre	700	1000	300
Cầu Đại Sur	1,500	1500	-
Cầu vàm Bến Cát	700	875	175
Giáp ranh ấp Tân Trung xã Tân An	600	750	150
Đường Vành đai phía đông	1,500	1875	375
Chùa Ô Trao	400	500	100
Giáp ranh xã Hiếu Trung	350	438	88
	2,000	2500	500

Hết đường nhựa ấp Tân Trung Giồng B	500	625	125
Cầu Phú Thọ I	600	750	150
Hết thửa 22, tờ bản đồ số 28	400	500	100
Giáp ranh xã Phong Thạnh	800	1000	200
Giáp ranh xã Hiếu Tử	300	375	75
Cầu 2 Truyền (Ranh xã Phú Cần)	500	625	125
Nhà Ông Trước (Cây Gòn)	500	625	125
Xã Phú Cần	500	625	125
Đường huyện 6	500	625	125
Giáp ranh xã Phong Thạnh	500	625	125
Thửa 324, tờ bản đồ số 33 (Đất ông Bùi Văn Thủ)	400	500	100
Thửa 51, tờ bản đồ số 25 (Đất bà Nguyễn Thị Sàng)	500	625	125
Giáp ranh ấp Phú Thọ I và cầu khóm 2	400	500	100
Cầu Cầu Tre	350	438	88
Giáp đường 3,5 m	300	375	75
Giáp đường ven sông Tiểu Cần	800	1000	200
đường ấp Cây Hẹ (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 29)		800	800
đường nhựa ấp 5		1200	1,200
Cầu Chà Vờ		4500	4,500

	350	400	50
			-
Đường 30/4 (Định Tấn); đối diện hết thửa 37, tờ bản đồ 31 (hộ Nguyễn Văn An)	3,000	3500	500
Sông Cần Chông	3,500	4000	500
Bến Phà	3,000	3500	500
Cổng khóm III	3,000	3500	500
Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 60)	2,000	2300	300
Cổng Chín Chìa	800	900	100
Đường Trần Phú	2,000	2300	300
Sông Cần Chông	1,500	1700	200
Đường Trần Phú	1,500	1700	200
Đường Sân bóng; đối diện hết ranh thửa 43, tờ bản đồ 16 (hộ ông Tô Kiệt Hưng)	1,500	1700	200
Cầu Sắt	1,400	1600	200
Giáp xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè	1,400	1600	200
Cổng đập Cần Chông	1,400	1600	200
	3,000	3500	500
Kênh Định Thuận	2,000	2300	300

	2,700	3100	400
Cuối hẻm	500	600	100
Đường 30/4	500	600	100
Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 60)	500	600	100
Rạch (nhà bà Ba Heo) (Đường Tỉnh 915)	700	800	100
Nguyễn Huệ	1,000	1150	150
Đầu đường Cách Mạng Tháng 8	1,000	1150	150
Sông Khém	500	575	75
Kênh Mực Sầm	600	700	100
Đường Cách Mạng Tháng 8	400	500	100
Đường Cách Mạng Tháng 8	400	500	100
Đường tỉnh 915	1,500	1725	225
Đường Trần Phú	1,200	1350	150
Đường Rạch Ghe Hàu	1,200	1350	150
Lương Văn Mẫn	500	600	100
Đường Sân Bóng	500	600	100
Đường Sân Bóng	500	600	100

Quốc lộ 60	500	600	100
Kênh Mặc Sầm	500	600	100
Hộ ông Trần Văn Dũng	500	600	100
Đường tỉnh 915	1,000	1150	150
Hộ ông Trần Văn Chiến	500	600	100
Giáp ranh xã Long Thới (Thửa 2, tờ bản đồ số 1)	800	900	100
Kênh Mặc Sầm (Hết thửa 57, tờ bản đồ số 4; đối diện thửa 358, tờ bản đồ số 4)	500	600	100
Kênh Mặc Sầm (Hết thửa 57, tờ bản đồ số 4; đối diện thửa 358, tờ bản đồ số 4)	500	600	100
Giáp ranh xã Long Thới (Hết ranh thửa 125, tờ bản đồ số 2)	500	600	100
Kênh Mặc Sầm (Thửa 237, tờ bản đồ số 24)	500	600	100
Kênh Mặc Sầm (Thửa 49, tờ bản đồ số 10)	500	600	100
Kênh Mặc Sầm (Thửa 61, tờ bản đồ số 25)	500	600	100
Giáp thửa 70, tờ bản đồ số 13)	500	600	100
Kênh Mặc Sầm (Thửa 30, tờ bản đồ số 11; đối diện thửa 32, tờ bản đồ số 10)	500	600	100
Thửa 13, tờ bản đồ số 17; đối diện thửa 9, tờ bản đồ số 16 (Đất ông Lương Văn Mẫn)	500	600	100
Kênh Mặc Sầm (Thửa 16, tờ bản đồ số 10; đối diện thửa 134, tờ bản đồ số 10)	500	600	100
Cổng Trinh Phụ	800	1000	200

Cầu Cầu Suối	1,000	1200	200
Giáp ranh thị trấn Cầu Quan cũ	1,200	1400	200
Giáp ranh Trà Cú	500	600	100
Cầu Cao Một	500	600	100
Kênh 6 Phó	800	900	100
Ngã ba đê bao Cần Chông	600	700	100
Giáp ranh xã Phong Phú, Cầu Kè	600	690	90
Cầu Chà Vơ	350	400	50
Cổng Cần Chông	900	1000	100
Ngã ba đê bao Cần Chông	840	950	110
	1,260	1450	190
Ngã ba nhà 3 Tỉnh	500	600	100
Cầu Ba Lai	500	600	100
Đường tỉnh 915	400	500	100
Giáp ranh ấp Sóc Cầu, xã Hùng Hòa	500	600	100
Cầu Cây Chăng	400	500	100
Tha la ấp Cần Tiêu	400	500	100

Đường tỉnh 915 (Thửa 226, tờ bản đồ số 35)	400	500	100
Đường liên ấp Sóc Dừa - Trẹm (thửa 41, tờ 30, gần cầu Ba Hộ)	400	500	100
Cầu Chùa Sóc Dừa (Thửa 21, tờ bản đồ số 33)	400	500	100
Thửa 41, tờ bản đồ 33 (Nhà ông Trần Văn Tèo)	400	500	100
Đường xã Tân Hòa (Thửa 11, tờ bản đồ số 45; nhà ông Thái Hùng)	350	400	50
Hết ranh xã Long Thới	500	600	100
Cầu Chà Vơ	500	600	100
Giáp ấp An Cư, xã Tân Hòa và Cầu Chà Vơ	500	600	100
Quốc lộ 60 (thị trấn Cầu Quan)	500	600	100
Cầu Hai Huyện	500	600	100
Kênh Trinh Phụ	500	600	100
Giáp đường đal (nhà bà Trần Thị Hoa)	500	600	100
Đường nhựa bờ đông Nguyễn Chánh Sâm (2 nhánh)	500	600	100
Cầu Báo Ân	500	600	100
	500	600	100
Chùa Phở Tịnh	500	600	100
Quốc lộ 60 và đường Giồng Giữa (02 nhánh)	500	600	100

Đường đal Định Bình	500	600	100
Đường nhựa kênh Ba Quốc	500	600	100
Đường nhựa Định Bình (Cầu Chà Vơ)	400	500	100
hết đoạn nhựa (nhà Út Bình)		500	500
Nhà ông Nguyễn Văn Thanh		500	500
Đường huyện 34		500	500
	280	350	70
			-
Hết ranh thửa 73, tờ bản đồ 11 (bà Năm Nga); đối diện hết thửa 52 tờ bản đồ 11 (hộ Nguyễn Thế Cao)	1,200	1200	-
Cổng Chùa Liên Hải; đối diện hết thửa 119 tờ 10 (hộ Tăng Quốc An)	1,200	1200	-
Hết ranh đất Đài nước Ô Đùng; đối diện hết thửa 93 tờ bản đồ 12 (hộ Kim Cửa)	1,000	1000	-
Cổng Ô Đùng	1,000	1000	-
Ngã ba Bến Cát; đối diện hết thửa 50 tờ bản đồ 33 (hộ Lưu Văn Chót)	1,200	1200	-
Cổng Chín Bình	800	1000	200
Cầu Lê Văn Quới	800	900	100
Cầu Nhà Thờ	1,000	1200	200
Giáp ranh xã Ngãi Hùng (Tập Ngãi)	800	900	100
Hết thửa đất số 481, tờ bản đồ số 19	500	600	100

Giáp ranh xã Huyền Hội	400	500	100
Cầu Xây (giáp ranh Lương Hòa A)	800	800	-
Hết tuyến	800	800	-
Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 51	300	400	100
Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 19	400	500	100
Giáp ranh ấp Lò Ngò	300	400	100
Quốc lộ 60 (Chợ Lò Ngò)	300	400	100
	1,100	1100	-
	450	450	-
Đường tỉnh 912B	300	400	100
Giáp Đường tỉnh 912	300	400	100
	1,000	1000	-
	1,200	1200	-
Cầu Trung ương Đoàn ấp Ô Trôm	400	400	-
Cầu ấp Chợ	400	400	-
Đường vào Trung tâm Huyền Hội (nhà Tám Be)	400	400	-
Giáp ranh xã Hiếu Trung	300	400	100
Cổng văn hóa ấp Ô Trao	300	400	100
Nhà ông Nguyễn Văn Lào	300	400	100
Kênh 5 thước	300	400	100

Quốc lộ 60, cống Út Vui	500	500	-
giáp ranh ấp Tân Trung Giồng A		400	400
	280	350	70